KINH ĐẠI BI

Tam tạng pháp sư Na Liên Đề Da Xá
dịch từ Phạn văn ra Hán văn,
tại Trung-quốc, vào thời Cao-Tề (550-577).
Cư sĩ Hạnh Cơ
dịch từ Hán văn ra Việt văn và chú thích,
tại Canada, năm 2016.

Đệ tử chúng con, Hạnh Cơ và Tịnh Kiên, chí thành đảnh lễ
Chư Tôn Đức Ân Sư:

Hòa thượng bổn sư Thích Huyền Tân
Hòa thượng giáo thọ Thích Đôn Hậu
Hòa thượng giáo thọ Thích Chánh Thống
Hòa thượng giáo thọ Thích Trí Thủ
Hòa thượng giáo thọ Thích Trí Hữu
Hòa thượng giáo thọ Thích Trí Thành
Hòa thượng giáo thọ Thích Thiện Hòa
Hòa thượng giáo thọ Thích Thiện Hoa
Hòa thượng giáo thọ Thích Thiện Minh
Hòa thượng giáo thọ Thích Thiện Siêu
Hòa thượng giáo thọ Thích Như Ý (Trà-am)
Hòa thượng giáo thọ Thích Viên Giác
Hòa thượng giáo thọ Thích Huyền Quang
Hòa thượng giáo dưỡng Thích Chí Tín
Hòa thượng giáo thọ Thích Huyền Vi
Hòa thượng giáo thọ Thích Định Tuệ
Hòa thượng giáo thọ Thích Thuyền Ấn
Hòa thượng giáo đạo Thích Đỗng Minh
Ni trưởng bổn sư Thích Nữ Đàm Thu

Giới Thiệu
KINH ĐẠI BI

Kinh Đại Bi *(Maha-karuna-pundarika) thuộc hệ thống kinh Niết Bàn.* Phật Quang Đại Từ Điển *cho biết: Theo sự ghi nhận của các tác phẩm "kinh lục" ở Trung-hoa, các bản Hán dịch của kinh hệ Niết Bàn, trước sau có 15 bản như sau:*

1. Hồ Bát Nê Hoàn Kinh*, 2 quyển, ngài Chi Lâu Ca Sấm (147-? s. TL) dịch vào đời Hậu-Hán (25-220 s. TL).*

2. Đại Bát Niết Bàn Kinh*, 2 quyển, ngài An Pháp Hiền (?-?) dịch vào đời Tào-Ngụy (220-265).*

3. Đại Bát Nê Hoàn Kinh*, 2 quyển, ngài Chi Khiêm (?-?) dịch vào thời đại Tam-quốc (220-280).*

4. Phật Thuyết Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh*, 2 quyển, ngài Trúc Pháp Hộ (?-?) dịch vào thời Tây-Tấn (265-316).*

5. Phật Bát Nê Hoàn Kinh*, 2 quyển, ngài Bạch Pháp Tổ (?-?) dịch vào thời Tây-Tấn (265-316).*

6. Phật Thuyết Đại Bát Nê Hoàn Kinh*, 6 quyển, ngài Pháp Hiển (340?-?) dịch vào thời Đông-Tấn (317-420).*

7. Đại Bát Niết Bàn Kinh*, 3 quyển, ngài Pháp Hiển dịch.*

8. Bát Nê Hoàn Kinh*, 2 quyển, mất tên người dịch.*

9. Phật Di Giáo Kinh*, 1 quyển, ngài Cưu Ma La Thập (344-413) dịch vào thời Diêu-Tần (384-417).*

10. Đại Bát Niết Bàn Kinh*, 40 quyển, ngài Đàm Vô Sấm (385-433) dịch vào thời Bắc-Lương (397-439).*

11. Bát Nê Hoàn Kinh*, 20 quyển, ngài Trí Mãnh (?-?) dịch vào thời Lưu-Tống (429-479).*

12. Bát Nê Hoàn Kinh*, 1 quyển, mất tên người dịch.*

13. Tứ Đồng Tử Tam Muội Kinh*, 3 quyển, ngài Xà Na Quật Đa (523-605) dịch vào thời Tùy (581-618).*

14. Đại Bát Niết Bàn Kinh Hậu Phần*, 2 quyển, các ngài Nhã Na Bạt Đà La (?-?) và Hội Ninh (?-?) cùng dịch vào thời Đường (618-907).*

15. Đại Bi Kinh*, 5 quyển, ngài Na Liên Đề Da Xá (490-589) dịch vào thời Bắc-Tề (550-577).*

Trong 15 bản dịch về kinh hệ Niết Bàn trên đây, 5 bản số ***1, 2, 3, 11, 13*** *đã bị thất truyền, nay không còn; 3 bản số* ***5, 7, 12*** *thuộc kinh hệ tiểu thừa; các bản còn lại đều thuộc kinh hệ đại thừa.*

Trong danh sách 15 bản Hán dịch thuộc kinh hệ Niết Bàn vừa nêu trên, thì **Kinh Đại Bi** *chính là bản kinh được ghi sau cùng, thuộc kinh hệ đại thừa; nội dung ghi lại những lời dạy cuối cùng của đức Phật trước giờ phút nhập niết-bàn. Điều vô cùng quan trọng đã được đức Phật nhấn mạnh trong kinh này là việc truyền bá Chánh Pháp sau khi Ngài nhập niết-bàn, làm cho Chánh Pháp lưu bố rộng rãi và tồn tại lâu dài ở thế gian, đem lại lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh. Truyền bá Chánh Pháp là công việc trọng đại, và đức Phật đã đem trách nhiệm đó giao phó cho các vị đệ tử lớn như các tôn giả Đại Ca Diếp, A Nan, v.v…, các vị Đại Bồ Tát, và cả các đệ tử Phật trong đời vị lai, tiếp nối nhau gánh vác, thực hành.*

Trong những lời dạy cuối cùng này, đức Phật cũng nhắc lại những giáo lí rất căn bản mà Ngài đã từng thuyết giảng nhiều lần trong suốt cuộc đời hành hóa, như Ba Mươi Bảy Phẩm Trợ Đạo, Thế Gian là Vô Thường, Vạn Pháp là Vô Ngã, Niết Bàn là An Vui Tịch tịnh, v.v…; và khuyến tấn các chúng đệ tử hãy tinh tấn tu hành, chớ có buông lung. Đức Phật cũng khuyên dạy chúng sinh hãy phát khởi lòng tin thanh tịnh, gieo trồng căn lành nơi Phật pháp, để cuối cùng sẽ đạt được đạo quả Niết-bàn.

Kinh này đã được pháp sư Na Liên Đề Da Xá (Narendrayasas, 490-589) dịch từ Phạn văn ra Hán văn vào năm 570, tại kinh đô Nghiệp-thành của nước Bắc-Tề (550-577), Trung-hoa, được thu vào Tạng Đại Chánh, quyển 12, mang số 380, trang 945-973. (Xin xem tiểu sử của pháp sư Na Liên Đề Da Xá ở chú thích số 2 trong phần "Chú Thích".)

Nay chúng tôi xin dựa theo bản Hán dịch "Đại Bi Kinh" của pháp sư Na Liên Đề Da Xá mà chuyển dịch ra Việt văn, mong được góp thêm một tài liệu quí giá vào việc tu học của Phật tử Việt-nam. Vì khả năng còn rất hạn hẹp, cho nên chúng tôi không tránh khỏi có điều sai sót, rất mong nhận được sự chỉ giáo của các bậc cao minh.

Việc dịch kinh này ra tiếng Việt, nếu có được chút ít phước đức nào, xin thành tâm nguyện đem hồi hướng cho chúng sinh, tăng trưởng lòng tin thanh tịnh, nuôi lớn tâm từ bi, phát triển trí tuệ, tiêu trừ tà kiến, gieo trồng các căn lành, sớm thành tựu đạo quả Niết-bàn.

Nhất tâm kính lễ mười phương Phật thường trụ.
Nhất tâm kính lễ mười phương Pháp thường trụ.
Nhất tâm kính lể mười phương chư Hiền Thánh Tăng thường trụ.

Cung kính giới thiệu,
Miền Tây Canada, mùa An Cư năm 2017
Cư sĩ HẠNH CƠ

CUNG BẠCH

Con chí thành đảnh lễ
Đức Thích Ca Thế Tôn
Đấng Vô Thượng Pháp Vương
Bậc Đạo Sư ba thừa
Cha Lành khắp ba cõi
Vì thương khắp chúng sinh
Chìm đắm biển sinh tử
Mà nói kinh Đại Bi
Phó chúc các đệ tử
Nối tiếp nhau truyền bá
Nền Chánh Pháp tối thượng
Trụ thế thật dài lâu
Cứu giúp cho chúng sinh
Chứng ngộ quả Niết-bàn
Thoát luân hồi sáu nẻo

Để báo đáp ơn Phật
Nay con xin phát tâm
Dịch kinh Đại Bi này
Ra ngôn từ nước Việt
Mong truyền bá rộng rãi
Trong Phật tử Việt-nam
Được cơ duyên hành trì
Nuôi lớn tâm từ bi
Thắp sáng đèn trí tuệ

Lời Phật cao sâu quá
Tâm con còn tối tăm
Chắc chắn có sai lầm
Cúi lạy đức Thế Tôn
Xin xót thương tha thứ
Con nguyện cùng thiện hữu
Siêng năng thường đọc tụng
Gieo trồng nhiều căn lành
Đạt niết-bàn tịch tịnh

Nếu có chút phước đức
Xin nguyện đem hồi hướng
Cho chúng sinh và con
Phiền não sạch nghiệp tiêu
Chóng lên bờ giải thoát

Nam Mô Hiện Tọa Đạo Tràng Thuyết Kinh Giáo Chủ
Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Nam Mô Khải Giáo A Nan Đà Tôn Giả.

Miền Tây Canada, mùa An Cư năm 2017
Ưu-bà-tắc giới đệ tử Hạnh Cơ
kính lạy

KINH ĐẠI BI(1)

Tam tạng pháp sư Na Liên Đề Da Xá,(2) *người nước Thiên-trúc, dịch từ Phạn văn ra Hán văn, tại Trung-quốc, vào thời Cao-Tề (Bắc-Tề, 550-577).*

Phẩm 1
PHẠM THIÊN(3)

Đây là những điều chính tôi được nghe:

Thuở đó đức Phật đang ngự tại rừng Ta-la-song-thọ,(4) ở ngoại ô thành Câu-thi-na,(5) thuộc lãnh thổ trị vì của bộ tộc Lực-sĩ.(6)

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn sắp nhập niết-bàn,(7) bèn bảo tôn giả A Nan rằng:

"Thầy hãy trải ngọa cụ cho Như Lai ở giữa những cây ta-la, theo tư thế nằm nghiêng về hông bên phải, như thế nằm của sư tử chúa; sau nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ nhập niết-bàn. Này A Nan! Như Lai đã rốt ráo niết-bàn; đã đoạn trừ tất cả những lời nói hữu vi, lời nói của Như Lai như cam lồ, không quanh co tối nghĩa. Như Lai đã làm xong tất cả các phật sự, hoàn toàn vắng lặng, định lực sâu xa vi diệu, khó

thấy, khó biết, khó suy lường. Trí tuệ sáng suốt của Như Lai hiểu biết tất cả các pháp thánh hiền. Như Lai đã ba lần chuyển bánh xe pháp(8) vô thượng, mà các hàng sa-môn, bà-la-môn, trời, người, ma vương, không thể chuyển được. Như Lai đã đánh trống pháp, thổi loa pháp, dựng cờ pháp, chèo thuyền pháp, xây cầu pháp, rưới mưa pháp. Như Lai đã soi sáng cho ba ngàn đại thiên thế giới,(9) diệt trừ hết tối tăm, chỉ bày cho chúng sinh con đường giải thoát, đem chánh đạo làm lợi ích cho các hàng trời, người; những ai đáng độ đều đã được độ. Như Lai đã hàng phục tất cả các ngoại đạo và tà thuyết, làm chấn động các cung điện của ma vương. Như Lai đã dùng tiếng rống của sư tử chúa để làm phật sự, xây dựng sự nghiệp của bậc đại trượng phu, chu toàn thệ nguyện của các kiếp(10) xa xưa, hộ trì pháp nhãn, dạy dỗ cho hàng Thanh-văn,(11) thọ kí cho hàng Bồ-tát,(12) làm cho phật nhãn không bị dứt mất ở đời vị lai. Này A Nan! Từ nay về sau Như Lai không còn gì phải làm nữa, chỉ an trú trong cảnh giới niết-bàn."

Tôn giả A Nan nghe những lời Phật dạy mà cảm thấy như bị tên bắn vào người, đau xót vô cùng! Tôn giả buồn khóc, nước mắt ràn rụa, bạch Phật rằng:

"Đức Thế Tôn nhập niết-bàn sớm quá! Bậc Thiện Thệ(13) nhập niết-bàn sớm quá! Con mắt của thế

gian đã diệt mất rồi! Thế gian thật là cô độc, không còn có bậc đạo sư, không còn có người cứu hộ!”

Phật bảo tôn giả A Nan:

“Này A Nan, thầy chớ lo buồn! Các pháp đã sinh, các pháp hiện hữu, các pháp hữu vi, các pháp tàn hoại, mà không hủy diệt thì đó là điều không thể có được. Như Lai trước đây đã từng bảo thầy rằng: Tất cả những gì mình yêu mến, ưng ý, chắc chắn rồi sẽ lìa tan. A Nan! Thầy đã dùng từ tâm, một lòng một dạ, đem cả thân tâm mà hầu hạ, chăm sóc cho Như Lai, không chút gì nề hà. Nếu có hàng trời, người, a-tu-la nào cúng dường, hầu hạ các bậc Thanh-văn, Duyên-giác(14) trong gần một kiếp hoặc tròn một kiếp; nếu lại có người cúng dường, hầu hạ Như Lai chỉ trong một khoảnh khắc, thì phước đức của người này hơn các hàng trời, người, a-tu-la kia rất nhiều. Thầy đã cúng dường, hầu hạ đức Phật đại thần thông cho đến giờ phút nhập niết-bàn, thì công đức của thầy thật vô cùng rộng lớn, giống như vị cam lồ bậc nhất trong các vị cam lồ; đó là vị cam lồ sau cùng, là niết-bàn rốt ráo. Vì vậy cho nên, này A Nan! Thầy chớ nên lo buồn!”

Bấy giờ tôn giả A Nan lau nước mắt, trải ngọa cụ cho đức Phật ở giữa những cây ta-la. Đức Phật nằm nghiêng về hông bên phải, như thế nằm của sư tử

chúa. Tức thì, tất cả rừng cây hoa cỏ trong khắp ba ngàn đại thiên thế giới, đều hướng về nơi đức Phật sắp nhập niết-bàn; có cây muốn nghiêng đổ, có cây khom mình xuống, có cây cúi sát đất, có cây ngã nằm trên mặt đất. Trong khắp ba ngàn đại thiên thế giới, những con sông lớn, sông nhỏ, suối khe, vân vân, đều ngừng chảy; những loài cầm thú đều đứng lặng yên, không kêu, không ăn; tất cả mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đều mất ánh sáng; những ngọn lửa mạnh thảy đều tắt ngúm. Trong khắp ba ngàn đại thiên thế giới, nhờ thần lực của Phật, tất cả lửa dữ trong chốn địa ngục đều trở nên mát mẻ; tất cả chúng sinh ở địa ngục, trong phút chốc đều được an vui; tất cả các loài bàng sinh đều khởi tâm từ, thương nhau, không giận ghét, không làm tổn hại, hay giết chóc nhau; tất cả loài ngạ quỉ đều không bị đói khát; tất cả chúng sinh, thân tâm đều hết khổ não, được an lạc, đầy đủ những sự vừa ý.

Đương khi đức Thế Tôn nằm xuống, nghiêng mình về phía hông bên phải, thì trong khắp ba ngàn đại thiên thế giới, tất cả đại địa, núi lớn, biển lớn, đều chấn động mạnh; gió không chuyển động; tất cả chúng sinh, trong khoảnh khắc được yên ổn, không tạo nghiệp, lìa khỏi trạng thái dật dờ, tâm không tán loạn, niệm tạo tác dứt bặt, im lặng, không tiếng tăm.

Chư vị Phạm Thiên, Đế Thích,(15) Hộ Thế Thiên Vương,(16) do thần lực của Phật, đều thấy cung điện, hoa viên, chỗ ngồi, chỗ nằm của mình đều tối tăm, mất hết ánh sáng, không có gì đáng ưa thích, các quyến thuộc của họ đều lo phiền, không vui. Vị chúa tể của một ngàn thế giới là trời Phạm Thiên Vương và chúa tể của ba ngàn đại thiên thế giới là trời Đại Phạm Thiên vương, với tâm tự cao tự thị, suy nghĩ rằng: "Thế giới này và các chúng sinh ở trong đó, đều do ta tạo tác, do ta biến hóa ra." Trời Đại Phạm Thiên Vương, do thần lực của Phật, thấy cung điện và chỗ ngồi, chỗ nằm của mình đều tối tăm, mất hết ánh sáng, không có gì đáng ưa thích. Trời Ma Hê Thủ La(17) và các vị trời Tịnh Cư(18) cũng thấy như vậy.

Bấy giờ, trời Đại Phạm Thiên Vương tự hỏi thầm rằng: "Do sức của ai mà hiện ra tướng trạng này, khiến cho ta không còn ưa thích cung điện và chỗ ngồi, chỗ nằm của ta nữa?" Trời Đại Phạm Thiên Vương liền quan sát khắp nơi trong ba ngàn đại thiên thế giới, thấy rằng, đức Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, sau nửa đêm nay sẽ nhập niết-bàn, cho nên đã dùng thần lực biến hóa việc chưa từng có, không thể nghĩ lường này. Thần lực này chính là tướng nhập niết-bàn của đức Như Lai. Trời Đại

Phạm Thiên Vương suy nghĩ như thế xong, vừa buồn rầu, vừa sợ hãi đến nỗi lông tóc dựng đứng lên. Ông cùng với chúng Phạm Thiên đang vây quanh, tức tốc đi đến chỗ đức Phật ngự. Chư vị Phạm Thiên khác trong ba ngàn đại thiên thế giới đều đã từng tin nhận thánh pháp và đang an trú trong thánh pháp.

Sau khi đã đến chỗ Phật ngự, trời Đại Phạm Thiên Vương cúi đầu đảnh lễ đức Phật, và thưa rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Cúi xin đức Thế Tôn chỉ dạy cho con: Làm thế nào để an trụ? Tu hành như thế nào?"

Đức Phật hỏi lại trời Đại Phạm Thiên Vương:

"Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Có thật ngài đã nghĩ rằng: [Ta là Đại Phạm Thiên Vương; ta là người trí; ta hơn tất cả; tất cả không ai bằng ta. Ta là vị chúa tể đại tự tại trong ba ngàn đại thiên thế giới; ta tạo tác ra chúng sinh; ta hóa hiện ra chúng sinh; ta tạo tác ra thế giới; ta hóa hiện ra thế giới.] Có thật ngài đã nghĩ như thế chăng?"

Trời Đại Phạm Thiên Vương thưa:

"Dạ thưa đúng, bạch đức Thế Tôn! Con đã nghĩ như thế,"

Đức Phật hỏi tiếp:

"Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Còn ngài thì đã do ai tạo tác ra? Do ai hóa hiện ra?"

Nghe Phật hỏi như vậy, trời Đại Phạm Thiên Vương chỉ đứng im lặng. Thấy thế, đức Phật lại hỏi tiếp:

"Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Đến thời kì hỏa tai phát động, ba ngàn đại thiên thế giới này sẽ bị lửa mạnh đốt cháy thiêu rụi; ý ngài thế nào, có phải đó là do ngài làm ra, do ngài hóa ra hay không?"

Trời Đại Phạm Thiên Vương thưa:

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Đại địa này nương nơi nước mà đứng vững, nước lại nương nơi gió, gió lại nương nơi hư không; như thế, đại địa này dầy sáu trăm tám vạn do tuần,(19) không bị bể nát; ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Hàng trăm ức mặt trời, mặt trăng đang lưu chuyển trong ba ngàn đại thiên thế giới này; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Sẽ có lúc các vị thiên tử của mặt trời, mặt trăng không còn ở trong các cung điện nữa, các cung điện ấy bấy giờ sẽ trống rỗng; thưa ngài Đại Phạm Thiên

Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Thời tiết bốn mùa xuân, hạ, thu, đông; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Mặt nước bằng phẳng sáng như gương, chất mềm mại mượt mà như bơ, tánh trong suốt của ngọc ma ni, pha lê, cùng các màu sắc và hình tượng hiện ra từ các khí cụ khác; rồi những thứ như đại địa, núi sông, rừng cây, vườn hoa, cung điện, nhà cửa, thành ấp, xóm làng, lạc đà, lừa ngựa, hươu nai, chim thú, mặt trời, mặt trăng, tinh tú, Phật, Bồ-tát, Duyên-giác, Thanh-văn, Phạm Thiên, Đế Thích, Hộ Thế Thiên Vương, người, những loài chẳng phải người, vân vân, bao nhiêu là màu sắc và tướng trạng; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Những nơi như sườn núi, hố sâu; những âm thanh phát ra từ trống lớn, trống nhỏ, ca kịch, nai kêu, thú rống, chim hót, người nói, vân vân; thưa

ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Trong khi nằm mộng, người ta thấy mọi thứ màu sắc, nghe mọi thứ âm thanh, ngửi mọi thứ mùi hương, nếm mọi thứ vị, biết mọi thứ cảm xúc, rõ mọi thứ pháp trần, nào cười đùa, nào khóc lóc kêu la, nào sợ sệt, nào đau khổ, nào vui sướng, vân vân, đủ các thứ cảm thọ; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Như người trong bốn chủng tộc,(20) có người đoan chính, có người xấu xí, có người nghèo khó, có người giàu sang, có người phước đức ít, có người phước đức nhiều, có người giữ giới lành, có người giữ giới ác, có người dùng trí để làm việc lành, có người dùng trí để làm việc ác; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Tất cả chúng sinh thường bị khổ não do nhiều nỗi sợ hãi: nào là những tai nạn về nước, lửa, gió và đao binh; nào là những sự nguy hiểm trên sườn núi,

bên bờ sông; nào những nguy hại của thuốc độc, ác thú, sự cừu oán của loài người và những loài không phải người, và còn bao nhiêu thứ độc hại khác nữa; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Chúng sinh có nhiều tật bệnh: nào bị gió, bị nóng, bị lạnh; nào thời tiết thay đổi bất thường; nào bốn đại(21) không điều hòa; những chứng bệnh về mắt, về tai, về mũi, về lưỡi, về thân, hoặc do họ tự tạo ra, hoặc do quả báo từ đời trước; rồi còn bao nhiêu khổ não trong tâm ý; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Chúng sinh thường bị các tai nạn như nước lụt, giặc cướp, đao binh, đói khát, dịch bệnh; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Chúng sinh ai cũng bị đau khổ khi những kẻ thân yêu như cha mẹ, anh chị em, họ hàng quyến thuộc, các bạn lành, bỗng chốc mà phải sinh li tử

biệt; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Chúng sinh tạo ra nhiều nghiệp nhân khác nhau, từ đó mà nhận chịu nhiều quả báo khác nhau ở các chốn địa-ngục, ngạ-quỉ, bàng-sinh, người và trời; chúng sinh dùng thân, miệng, ý để làm các việc lành, mà cũng dùng thân, miệng, ý để làm các việc ác. Thế gian có mười loại nghiệp ác: giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, nói hai lưỡi, nói thêu dệt, nói lời hung ác, tham lam, sân hận, tà kiến; người làm mười nghiệp ác này, đối với chúng sinh hoàn toàn không có chút lòng từ, không đem lại lợi ích an vui, mà chỉ gây ra khổ não, làm nhân duyên đọa lạc vào các nẻo ác. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Chúng sinh phải chịu nhiều sự đau khổ: nào bị chém đầu, chặt đứt tay chân, xẻo tai cắt mũi, xương cốt gẫy nát; nào bị dầu sôi tưới trên mình, bị lửa thiêu đốt; nào bị roi đánh, bị đao kiếm hay các vật nhọn đâm vào người; nào bị kiện tụng, bị giam cầm tù ngục, vân vân. Thưa ngài Đại Phạm Thiên

Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?”

“Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!”

“Chúng sinh tạo nghiệp tà hạnh, cùng nhiều nghiệp xấu khác; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?”

“Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!”

“Chúng sinh tạo nghiệp giết hại, cùng nhiều nghiệp xấu khác; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?”

“Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!”

“Thế gian có các tướng trạng sinh già bệnh chết; đầy dẫy những điều gây ra lo buồn khổ não cho cả các chủng tộc, không trừ một ai; các pháp đều vô thường, biến đổi, tận diệt; tất cả những vật làm cho người ta ưa thích không nhàm chán, cũng đều phải bại hoại, lìa tan; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?”

“Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!”

“Chúng sinh bị các tánh xấu tham sân si cùng nhiều điều khổ não khác trói buộc ngăn che, làm cho tâm bị mê hoặc, tạo ra vô số hành nghiệp; thưa ngài

Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Có ba đường ác là địa-ngục, ngạ-quỉ và súc-sinh, ở đó chúng sinh phải chịu vô lượng đau khổ; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Tất cả những thứ sinh ra từ đất nước như cây cỏ hoa trái; những thứ có mùi, và đủ loại vị ngọt mặn đắng cay chua chát, chúng sinh ưa thích thứ nào thì làm cho nó phát triển, không thích thứ nào thì bỏ đi; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

"Chúng sinh bị vô minh che phủ, kết chặt với ái dục, để rồi phải lưu chuyển mãi trong năm nẻo đường,(22) lúc sinh lúc tử, khi thành khi hoại, đi chỗ này đến chỗ kia, không biết đâu là đầu, đâu là cuối; cứ thế mà trôi lăn, mà chịu tơ rối cột trói mãi trong thế gian, không mong cầu ra khỏi; thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ý ngài thế nào, đó có phải là do

ngài làm ra, do ngài hóa ra, do ngài gia trì hay không?"

"Dạ không phải vậy, bạch đức Thế Tôn!"

Đức Phật hỏi tiếp:

"Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Thế thì do nguyên nhân nào mà ngài nghĩ rằng: [Các chúng sinh đây là do ta tạo ra, do ta biến hóa, do ta gia trì; thế giới hiện có đây là do ta tạo ra, do ta biến hóa, do ta gia trì]?"

Trời Đại Phạm Thiên Vương thưa:

"Bạch đức Thế Tôn! Con do không có trí tuệ, tâm tà kiến điên đảo chưa đoạn trừ, chưa được nghe và tin nhận chánh pháp do đức Thế Tôn giảng dạy, cho nên đã có những ý nghĩ và lời nói điên cuồng như thế. Bạch đức Thế Tôn! Bây giờ đây, xin cho con được hỏi lại đức Thế Tôn về nghĩa lí ấy: Thế giới hiện có đây là do ai tạo ra, do ai biến hóa ra? Tất cả chúng sinh do ai tạo ra, do ai biến hóa ra, do ai gia trì, do sức gì sinh ra?"

Đức Phật dạy:

"Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Thế giới này do nghiệp(23) tạo ra, do nghiệp biến hóa ra; tất cả chúng sinh là do nghiệp tạo ra, do nghiệp biến hóa ra, do sức nghiệp sinh ra. Vì sao thế? Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Do vô minh mà có hành, do

hành mà có thức, do thức mà có danh sắc, do danh sắc mà có lục nhập, do lục nhập mà có xúc, do xúc mà có thọ, do thọ mà có ái, do ái mà có thủ, do thủ mà có hữu, do hữu mà có sinh, do sinh mà có lão tử(24) và lo buồn đau khổ chồng chất thành khối lớn lao như thế. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Nếu vô minh diệt thì hành cho đến lão tử cũng diệt, và khối lo buồn đau khổ chồng chất kia cũng không còn. Sự việc đó không do ai tạo ra, không do ai bảo ai tạo ra, không do ai an bài; chỉ có nghiệp và pháp! Nghiệp và pháp hòa hợp làm nhân duyên có ra chúng sinh. Nếu ai xa lìa được sự hòa hợp của nghiệp và pháp thì sẽ vĩnh viễn không còn lưu chuyển trong sinh tử. Như thế, thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, hễ nghiệp dứt sạch thì phiền não dứt sạch, và đau khổ cũng dứt sạch. Đó tức là 'xuất li', cũng gọi là 'được niết-bàn tịch tịnh'. Và như vậy, thưa Ngài Đại Phạm Thiên Vương! Ai được niết-bàn thì có nghĩa là người đó đã dứt hết nghiệp, đã xa lìa phiền não, không còn khổ đau. Những pháp đó là do thần lực của chư Phật, do sức gia trì của chư Phật mà có. Vì sao vậy? Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Nếu không có chư Phật ra đời để giảng nói rõ ràng, thì không ai được nghe những pháp như vậy. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Nếu vào lúc chư Phật

ra đời, có ai được nghe giáo pháp sáng suốt sâu xa khó hiểu như vậy, người được nghe pháp Sinh thì sẽ từ pháp Sinh mà được giải thoát; người được nghe các pháp Già, Bệnh, Chết, Lo Buồn, Khổ Não, thì sẽ từ những pháp Già, Bệnh, Chết, Lo Buồn, Khổ Não ấy mà được giải thoát. Vì vậy cho nên, thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, chư Phật ra đời để làm như thế, tức là chỉ bày, giảng nói rõ ràng rằng: Các hành(25) là vô thường, biến đổi, không nhất định, không rốt ráo, giống như điện chớp. Giả sử sau khi chư Phật diệt độ mà chánh pháp ẩn mất, thì ý nghĩa cũng giống như vậy; tức là chư Phật ra đời để khai thị, rằng các hành như điện chớp. Nếu chư Phật không xuất hiện ở đời, tất cả các hành vẫn chuyển biến từng khoảnh khắc, như điện chớp, nhưng sẽ không có ai nói các hành giống như điện chớp, như mộng huyễn, như tiếng vang. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Chư Phật do thấy rõ tất cả các hành là chuyển động, là vô thường, là pháp biến đổi, là pháp tận diệt, như điện chớp, như mộng huyễn, như tiếng vang; cho nên đã dạy: [Các hành như điện chớp, như mộng huyễn, như tiếng vang.] Người trí nghe lời dạy ấy, bèn quan sát tướng trạng của các pháp, hiểu được ý nghĩa của lí nhân duyên, cho nên cũng thấy rõ được các hành là chuyển động, là vô thường, là pháp

biến đổi, là pháp tận diệt. Các pháp luôn luôn bị li tán, bị hủy hoại, như thời tiết luôn luôn thay đổi. Sự trạng ấy có thể xảy ra trong khoảnh khắc, có thể trong một ngày, một đêm, hay nửa tháng, một tháng, hoặc lâu hơn như một năm, trăm năm; nhưng dù có kéo dài đến một kiếp hay trăm kiếp, thì tất cả cũng phải hoại diệt; gặp các tai nạn lớn như lửa đốt, nước cuốn, gió bay, tất cả đều phải hoại diệt; đại địa và thế giới, có rồi cũng hoàn không; các núi lớn như thiết-vi, đại-thiết-vi, tu-di và các núi đen, có rồi cũng hoàn không; mặt trời, mặt trăng và tinh tú, có rồi cũng hoàn không, có lúc sẽ mất hết ánh sáng, không còn chiếu soi, rồi rớt xuống bể nát; các cung điện của chư thiên, có rồi cũng sẽ tiêu diệt; các nơi như kinh đô, thành ấp, xóm làng, rừng cây, ao hồ, vườn tược, dù xinh đẹp, nhưng đã có sinh thì tất phải có diệt; tất cả trời, người, sinh rồi lại diệt, diệt rồi lại sinh… Những người có trí thấy rõ tướng trạng của các pháp như thế thì tâm sinh nhàm chán, muốn xa lìa các pháp vô thường, biến đổi, tận diệt ấy; cho nên dùng lòng tin bình đẳng, bỏ nhà đi xuất gia; đã biết rõ các hành như điện chớp, như mộng huyễn, như tiếng vang, lại thấy bóng mặt trời mặt trăng, tinh tú, vân vân in trong nước, do suy nghiệm những sự trạng ấy mà thấu rõ đạo lí nhân duyên của vạn pháp,

cho nên đạt được giác ngộ. Cũng có những người trí, nhờ được Phật chỉ dạy và các thiện hữu tri thức giúp đỡ, hoặc tự mình suy nghĩ mà biết rõ các hành là vô thường, như điện chớp, như mộng huyễn, như tiếng vang; rồi phát khởi lòng tin, bỏ nhà đi xuất gia, hoặc chứng được quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, hoặc quả A-la-hán;(26) nếu theo con đường đại thừa thì sẽ chứng được bậc Nhẫn đầu tiên, hoặc bậc Nhẫn thứ nhì, hoặc bậc Nhẫn thứ ba,(27) hoặc cao hơn nữa, có thể đạt đến đạo quả Vô-thượng Bồ-đề. Giả sử sau khi chư Phật diệt độ, những giáo pháp như trên vẫn được lưu bố trong thế gian, thì các chúng sinh được nghe giáo pháp ấy sẽ được cứu độ ở một trong ba thừa, là Thanh-văn thừa, Duyên-giác thừa và Vô thượng Phật thừa. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Ngài nên biết, giáo pháp này trước sau đều do chư Phật chỉ dạy; cho nên người trí quán sát thấy tướng trạng của các pháp hành thì tâm sinh nhàm chán, xa lìa, vì họ biết rõ rằng, các pháp hành là vô thường, là đau khổ, là động chuyển, không nhất định, biến đổi, tận diệt, như điện chớp, như mộng huyễn, như tiếng vang. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Các pháp này cũng là cảnh giới của chư Phật, được chư Phật chỉ dạy; có các chúng sinh đã từng tu tập, được nghe

chánh pháp, phát sinh lòng kính tin, thấy rõ các hành là vô thường, là hoại diệt, như điện chớp, như mộng huyễn, như tiếng vang; có những người đã từng tu phạm hạnh với chư Phật, hoặc có người ở tại nhà thọ trì cấm giới, nhờ đó mà hiểu rõ các hành là vô thường, là hoại diệt, như điện chớp, như mộng huyễn, như tiếng vang; biết như thế rồi thì phát khởi lòng tin, bỏ nhà đi xuất gia, tuy vào lúc đó chư Phật chưa ra đời, nhưng do đã gieo trồng căn lành với chư Phật, do được chư Phật gia trì, người đó cũng đạt được đạo quả Bồ-đề. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Ngài nên biết rằng, tất cả đều là cảnh giới của chư Phật, được chư Phật gia trì; ba ngàn đại thiên thế giới này không phải là quốc độ của Phạm Thiên, cũng không phải là quốc độ của ngoại đạo, mà chính là quốc độ của chư Phật. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương! Như lai đã tu tập hạnh Bồ-tát trải qua vô lượng kiếp, đã gieo trồng căn lành với vô số chư Phật, nào hành trì cấm giới, nào khổ tu phạm hạnh, thực hành vô lượng các pháp tu khổ hạnh khó khăn; nay nhiếp thọ thế giới này để sửa sang thành Phật độ thanh tịnh, nếu có chúng sinh tu căn lành thì tùy theo mức độ tu tập của họ mà có lúc sẽ được cứu độ. Từ lâu xa, Như Lai luôn luôn dùng bốn cách thu phục(26) để thu nhiếp chúng sinh, đó là bố thí, ái

ngữ, lợi hành và đồng sự. Các chúng sinh kia do theo sức thệ nguyện của Như Lai mà sinh về Phật độ này, nghe Như Lai nói pháp liền thông hiểu kính tin, không tin tưởng nơi Phạm Thiên, Đế Thích, hoặc các vị Hộ Thế Thiên Vương. Thưa ngài Đại Phạm Thiên Vương, ngài nên biết như thế, đây là Phật độ, chứ không phải là quốc độ của Phạm Thiên, của Đế Thích, của Hộ Thế Thiên Vương, lại càng không phải là quốc độ của ngoại đạo."

Lúc bấy giờ, trời Đại Phạm Thiên Vương và hàng trăm, ngàn chúng Phạm Thiên, cùng lộ vẻ buồn rầu, nói với nhau rằng: Chỉ có chư Phật Thế Tôn mới thông đạt giáo pháp thắng diệu hi hữu như thế. Trời Đại Phạm Thiên Vương thầm xưng tán chư Phật rằng: Vì chư Phật hi hữu, mới có vô lượng cảnh giới không thể nghĩ bàn! Tức thì, trời Đại Phạm Thiên Vương xin qui y làm đệ tử Phật, rồi thỉnh cầu rằng:

"Bạch đức Thế Tôn, bậc Đạo Sư của con! Cúi xin đức Thế Tôn chỉ dạy cho con: Làm thế nào để an trụ? Nên tu hành như thế nào?"

Đức Phật dạy:

"Này Đại Phạm Thiên Vương! Cõi thế giới ba ngàn này là quốc độ của Phật, nay Như Lai đem phó chúc cho ông. Ông nên thuận theo Như Lai, đừng để cho con đường chân thật bị đoạn tuyệt; đừng để cho

ba con mắt vô thượng là mắt Phật, mắt Pháp và mắt Tăng bị đoạn tuyệt; đừng để chính mình sau cùng trở thành kẻ hủy diệt chánh pháp! Này Đại Phạm Thiên Vương! Sẽ có trưởng tử của Như Lai là đại Bồ Tát Di Lặc, sinh ra từ miệng Phật, hóa hiện từ pháp Phật, tâm đại bi thương xót chúng sinh, muốn chúng sinh được lợi lạc, an ổn; sẽ bổ xứ(29) làm Phật cũng ở ngay cõi thế giới ba ngàn này, giống như Như Lai ở đây, không có gì khác biệt. Hiện tại ông đã tùy thuận theo sự giáo hóa của Như Lai, thì cũng nên tùy thuận theo đức Phật tương lai kia, đừng để cho con đường chân thật, con mắt Phật, con mắt Pháp, con mắt Tăng bị đoạn tuyệt. Vì sao vậy? Này Đại Phạm Thiên Vương! Cho đến khi nào mẹ của các pháp(30) không bị đoạn tuyệt, thì con mắt Phật, con mắt Pháp, con mắt Tăng cũng không bị đoạn tuyệt; con mắt Phạm Thiên, con mắt Đế Thích, con mắt trời, con mắt người, con mắt giải thoát, cho đến con mắt niết-bàn cũng không bị đoạn tuyệt. Vì vậy cho nên, này Đại Phạm Thiên Vương, hôm nay Như Lai đem Phật độ ba ngàn đại thiên thế giới này phó chúc cho ông. Này Đại Phạm Thiên Vương! Những gì Như Lai đã dạy, ông nên tùy thuận, đừng để chính mình sau cùng trở thành kẻ hủy diệt chánh pháp!”

Tất cả chúng Phạm Thiên ở trong ba ngàn đại thiên thế giới đều đã có tâm chánh tín đối với chánh pháp từ trước, giờ đây, Đại Phạm Thiên Vương, vị trời tối cao của chúng Phạm Thiên, cũng tức thì có được lòng tin chân chánh, sâu xa đối với chánh pháp.

Phẩm 2
THƯƠNG CHỦ

Lúc bấy giờ, con của ma vương(31) tên là Thương Chủ, vốn đã có lòng kính tin thâm sâu đối với đức Phật từ lâu, nay nghe Phật sắp nhập niết-bàn thì rất đau buồn, vội vàng đến chỗ Phật ngự. Sau khi đảnh lễ đức Phật, ông lui xuống đứng một bên, bạch rằng:

"Cúi xin đức Thế Tôn thương xót chúng sinh, vì đem lại an lạc cho chúng sinh, vì cứu hộ thế gian, làm lợi ích cho khắp trời, người, mà trụ thế lâu một kiếp, không vội nhập niết-bàn! Con cũng vì thương xót trời, người, mà thỉnh cầu như vậy. Bạch đức Thế Tôn! Xin đức Thế Tôn đừng để cho chúng sinh sớm trở thành những kẻ mù tối, không ai dạy dỗ, không ai hướng dẫn, không ai cứu hộ, không có chỗ nương tựa, không có nơi hướng về!"

Đức Phật dạy:

"Này Thương Chủ! Trước đây, thân phụ của ông là Ba Tuần, đã thỉnh cầu Như Lai nhập niết-bàn; và Như Lai đã tùy thuận theo ý của thân phụ ông mà hứa nhập niết-bàn. Bởi vậy, hôm nay đã đến lúc Như Lai thực hiện lời hứa ấy mà nhập niết-bàn."

Thương Chủ lại thưa:

“Bạch đức Thế Tôn! Ông ấy là ma vương Ba Tuần, không phải là thân phụ của con, cũng không phải là bạn tốt của con! Ông ấy thường bảo con giết hại, cho nên, đó là ác tri thức, là oan gia của con. Ông ấy không muốn cho con được an vui, hòa hợp, an ổn, mà chỉ muốn con làm các việc cực ác, hủy báng trời người để gây oán kết thù; không muốn làm lợi ích cho thế gian, mà chỉ muốn làm việc hủy diệt. Ông ấy luôn luôn muốn thổi tắt cây đuốc lớn, ngọn đèn sáng của bậc Đại Trí. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người nói lời chân thật rằng: [Trong chốn trời, người, có xuất hiện một kẻ độc ác cùng cực.], thì phải biết rằng, kẻ đó chính là ma Ba Tuần vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người nói lời chân thật rằng: [Có kẻ không phát tâm làm lợi ích cho mình, làm lợi ích cho người khác, làm lợi ích cho nhiều chúng sinh.], thì phải biết rằng, kẻ đó chính là ma Ba Tuần vậy. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người nói lời chân thật rằng: [Trong thế gian có kẻ không muốn làm lợi ích cho trời, người, a-tu-la, sa-môn, bà-la-môn, vân vân; cũng không muốn cho mọi người được hòa hợp, an ổn, mà chỉ muốn tất cả đều phải chịu khổ não.], thì phải biết rằng, kẻ đó chính là ma Ba Tuần vậy. Bạch đức Thế Tôn! Con từng được nghe đức Thế Tôn dạy rằng, có hai hạng người: một là đúng

pháp, hai là không đúng pháp. Con nghĩ rằng, lời hứa nhập niết-bàn của đức Thế Tôn đối với Ba Tuần là không đúng pháp chăng? Cúi xin đức Thế Tôn đừng giữ lời hứa đó. Xin đức Thế Tôn thương xót chúng sinh mà bỏ lời hứa đó, trụ thế một kiếp để đem lại lợi ích và an ổn cho trời, người và tất cả chúng sinh. Xin đức Thế Tôn đừng nhập niết-bàn quá sớm!"

Đức Phật bảo Thương Chủ:

"Lành thay! Lành thay! Nếu làm lợi ích cho chúng sinh thì đúng là phải như thế. Này Thương Chủ! Nếu có người dâng hiến phẩm vật lên đức vua, hoặc có người hiến tặng phẩm vật cho vị vương tử hay các vị đại thần, hoặc có người ra sức phòng vệ quốc gia, thành ấp, xóm làng, thì những người này sẽ được vua ban cho chức tước, phước lộc; đến cả con cháu, họ hàng của họ cũng được hưởng ân sủng của vua. Này Thương Chủ! Hôm nay ông đã phát lòng tin trong sạch đối với Như Lai, bậc Pháp Vương vô thượng. Với lòng tin trong sạch đó, ông đã gieo trồng căn lành nơi đất Phật, và ông sẽ hưởng được phước báo. Bây giờ Như Lai nói rõ cho ông biết. Này Thương Chủ! Do ông có căn lành phát khởi lòng tin trong sạch đối với Như Lai, sau khi Như Lai diệt độ, trong đời vị lai, ông sẽ là một vị

Phật Bích-chi, có danh hiệu là Bi Mẫn. Này Thương Chủ! Sau khi Như Lai nhập niết-bàn, và khi chánh pháp đã diệt rồi, thì ma Ba Tuần rất vui mừng. Do tâm vui mừng đó mà Ba Tuần sẽ rơi khỏi cung ma, đọa vào địa ngục A-tì, chịu muôn vàn đau khổ. Vì sao vậy? Vì ma Ba Tuần đã sinh tâm vui mừng khi thấy ngọn đèn chánh pháp đã ẩn mất! Này Thương Chủ! Nếu có người nói lời chân thật rằng: [Có người khởi tâm làm ác để tự hại mình, tự hủy hoại mình.], thì nên biết rằng, người đó chính là ma Ba Tuần vậy. Vì sao thế? Này Thương Chủ! Sau khi Như Lai diệt độ, suốt trong thời kì chánh pháp còn trụ thế, Ba Tuần luôn ở tại cung ma; đến khi chánh pháp diệt mất, Ba Tuần vô cùng đắc ý, vui mừng hớn hở, thì liền trong khoảnh khắc, bị rơi khỏi cung ma, đọa vào địa ngục A-tì! Này Thương Chủ! Ví như có người trèo lên một cây đầy hoa trái, hái lấy những trái ngon nhất để dùng; hái xong lại chặt đứt cái cành mà mình đang ngồi. Này Thương Chủ! Ý ông thế nào? Người kia lúc ấy có còn ngồi được trên cành cây đã bị chặt đứt nữa không? Lại nữa, người kia đang ngồi trên cây ăn trái một cách an ổn thích thú, bỗng dưng chặt đứt đi cái cành mà mình đang ngồi, thì có thể nói ông ta là người có trí chăng?”

Thương Chủ thưa:

"Dạ thưa không, bạch đức Thế Tôn!"

Đức Phật dạy tiếp:

"Ma Ba Tuần cũng vậy, luôn luôn mong cho Như Lai nhập niết-bàn, luôn luôn muốn hủy diệt chánh pháp do Như Lai nói. Này Thương Chủ! Cho đến bao giờ chánh pháp của Như Lai còn trụ thế, thì ma Ba Tuần vẫn ở trong cung ma; đến khi chánh pháp của Như Lai diệt mất, thì Ba Tuần lấy làm đắc ý, vui mừng hớn hở, cho nên tức khắc bị rơi khỏi cung ma, đọa vào địa ngục A-tì. Này Thương Chủ! Trong thí dụ trên, người đang ngồi trên cây lại chặt đứt cái cành ông ta đang ngồi, thế là tự hại mình; ma Ba Tuần cũng vậy, vì muốn hại người khác mà thành ra tự hại mình. Này Thương Chủ! Sau này, khi ma Ba Tuần đã đọa vào địa ngục A-tì, chịu đau khổ cùng cực, nếu lúc đó ông ấy khởi tâm nghĩ nhớ tới Như Lai, mà tự nói rằng: [Đức Như Lai là bậc chánh biến tri, bậc nói lời chân thật, nói lời không sai quấy; là bậc thân hành động theo luật nghi, miệng nói năng theo luật nghi, ý suy nghĩ theo luật nghi. Ngài là bậc thân làm việc lành, miệng nói việc lành, ý nghĩ việc lành; cho nên có được phước báo an vui, xứng ý; còn ta là kẻ thân làm việc ác, miệng nói việc ác, ý nghĩ việc ác, cho nên phải chịu quả báo đau khổ, không xứng ý. Ngày xưa ta đối với Ngài, thân hành

động chỉ tương ứng với việc ác, miệng nói năng chỉ tương ứng với việc ác, ý suy nghĩ chỉ tương ứng với việc ác; do nghiệp báo đó mà nay phải đọa địa ngục, phải chịu đau khổ cùng cực như thế này!] Bấy giờ ma Ba Tuần, do nhớ nghĩ đến những điều Như Lai đã nói mà phát khởi lòng tin trong sạch. Do đã có lòng tin trong sạch đối với Như Lai, mà ngay lúc đó, ma Ba Tuần mạng chung; và từ địa ngục ông ấy được sinh lên cõi trời Đao-lợi. Vì sao vậy? Này Thương Chủ! Nếu người có ác tâm, làm điều tội lỗi đối với Như Lai, khi mạng chung sẽ đọa vào địa ngục; nếu người đem từ tâm cúng dường Như Lai, không gây ra lỗi lầm gì, khi mạng chung sẽ sinh vào những nơi tốt đẹp ở các cõi trời, người. Người ấy do có căn lành mà sẽ được gặp chư Phật; gặp được chư Phật rồi, người ấy lại tiếp tục gieo trồng căn lành; cứ tuần tự như thế cho đến khi đạt được quả tịch diệt niết-bàn. Này Thương Chủ! Ông đã có lòng tin trong sạch đối với Như Lai; và do căn lành đó mà khi đức Phật Di Lặc ra đời, ông sẽ được gặp Ngài. Được gặp Ngài rồi, ông sẽ có đầy đủ khả năng giáo hóa, khiến cho những chúng sinh còn mê ngủ, buông lung được tỉnh ngộ. Ông sẽ bảo họ rằng: [Quí vị nên dõng mãnh làm các việc lành. Gặp thời đức Phật ra đời là việc rất khó, như hoa ưu đàm, phải trải qua thời gian

lâu dài mới nở một lần! Lại nữa, thân người rất khó được, tám nạn(32) rất khó tránh. Được gặp Phật ra đời ở nơi trung châu đại quốc lại càng khó khăn vô cùng. Vì vậy cho nên quí vị hãy cẩn thận, chớ nên buông lung; hãy tinh tấn tu hành, về sau khỏi hối hận!] Này Thương Chủ! Ông bẩm thọ giáo pháp của đức Phật Di Lặc; ông nhiếp lãnh quốc độ và nhân dân của đức Pháp Vương vô thượng ấy, và thường đem tâm từ, tâm không độc ác, tâm không oán cừu, tâm thương xót, tâm vui vẻ, tâm che chở, để hộ trì quốc độ và dưỡng dục nhân dân nước ấy. Do căn lành này mà ông sẽ được bổ xứ ở cung ma, trở thành một vị chúa tể giàu sang, tự tại. Này Thương Chủ! Ông nhờ có căn lành mà thọ hưởng được phước báo lớn lao ở chốn trời, người; trải qua tám mươi kiếp như thế, cuối cùng ông sẽ chứng quả Phật Bích-chi, danh hiệu là Bi Mẫn. Vì sao ông được như vậy? Này Thương Chủ! Vì khi vừa nghe tin Như Lai sắp nhập niết-bàn, ông liền phát khởi lòng tin trong sạch đối với Như Lai, vì khởi tâm thương xót chúng sinh, vì mong muốn cho chúng sinh được an vui, ông đã thỉnh cầu Như Lai trụ thế dài lâu mà khoan nhập niết-bàn; rồi ở trong thời kì pháp vận của đức Phật Di Lặc, ông lại thương xót các chúng sinh còn mê lầm, buông lung, mà giáo hóa, thức tỉnh họ, khiến họ

quay về sống với pháp lành. Do nhân duyên đó mà ông được thọ kí làm Phật Bích-chi. Đó là quả báo thiện lành, do căn lành ông có được từ việc thỉnh cầu Như Lai trụ thế dài lâu, khoan nhập niết-bàn. Ông hãy vui mừng ưng ý!"

Lúc bấy giờ Thương Chủ lại bạch lên đức Phật:

"Bạch đức Thế Tôn! Nếu đức Thế Tôn không nhận lời thỉnh cầu của con, mà vẫn quyết định nhập niết-bàn, thì con nguyện từ nay cho đến ngày nào chánh pháp còn trụ thế, con xa lìa năm dục,(33) chuyên giữ gìn đạo hiếu, không ham du hí, không mặc áo đẹp, không dùng tràng hoa, không xoa bột thơm, cũng không thọ hưởng phước báo của trời người. Vì sao vậy? Vì đức Thế Tôn, ánh sáng quí báu của chúng sinh, sắp xa lìa con, không còn hội họp, con hoàn toàn không còn trông thấy Ngài nữa; vậy thì con đâu còn có gì thích thú để vui cười! Ánh sáng của ngọn đèn trí tuệ, cây đuốc trí tuệ lớn nhất sắp ẩn mất rồi, thì con đâu còn gì nữa để vui mừng! Mặt trời đại trí với vô lượng tia sáng, có năng lực diệt trừ vô minh tối tăm, sắp tắt mất rồi, thì con còn có gì để hân hoan xứng ý, để thích thú vui cười! Viên ngọc quí của chúng sinh như thế mà con sắp phải xa lìa rồi! Đức Thế Tôn là bậc đo lường được căn tánh chúng sinh, không bỏ sót chúng sinh, cho

chúng sinh ánh sáng, không khiến cho chúng sinh gây tội lỗi, không làm cho chúng sinh ngu si; là bậc tối thượng của chúng sinh, không có chúng sinh nào tương tợ, không có chúng sinh nào sánh bằng; là bậc cứu độ tất cả chúng sinh, được chúng sinh cúng dường; là bậc điều phục chúng sinh, bậc thương xót chúng sinh, bậc nói lời chân thật, nói đúng thời, nói trước sau như một; là bậc an trú trong tâm đại từ bi, tâm không chướng ngại đối với chúng sinh, tâm luôn bình đẳng đối với chúng sinh; là bậc không hí luận, không chấp trước vào ngã và ngã sở hữu, không cất chứa, không ỷ lại, không quanh co, không hiểm hóc, không cáu bẩn; là bậc cứu giúp chúng sinh, hướng dẫn chúng sinh, hóa độ chúng sinh, phòng hộ cho chúng sinh, cởi trói cho chúng sinh, dưỡng dục chúng sinh, dạy dỗ chúng sinh, giúp chúng sinh nhớ nghĩ tới căn lành của mình, khiến cho chúng sinh tỉnh ngộ; là bậc nhổ mũi tên độc, bậc y vương trị tâm bệnh, bậc cho thuốc tốt; là bậc rốt ráo vượt thoát biển khổ, bậc đạo sư thuyết pháp; là vị thương chủ sắp khởi hành, vị hướng đạo chỉ cho chỗ nước cạn, người giữ tay lái, người cầm đuốc, người làm ra ánh sáng và chiếu ra ánh sáng rực rỡ; là bậc dẫn đường đưa người đến quốc độ an ổn, xa lìa nơi hoang sơ nguy hiểm; là bậc xa lìa trọn vẹn tham sân si, xa lìa

kiêu mạn, xa lìa hết mọi kết sử,(34) mọi phiền não; là bậc điều ngự trượng phu vô thượng, bậc có đầy đủ mười lực,(35) bốn điều không sợ sệt,(36) mười tám pháp không cùng chung;(37) là bậc có đầy đủ vô lượng pháp tạng, bậc thí chủ tối thắng luôn làm cho chúng sinh vui vẻ, bậc luôn an trú trong cảnh giới đại định, bậc trí tuệ vô lượng, trí tuệ không chướng ngại, luôn an trú trong cảnh giới đại tuệ; là bậc đã vượt qua khỏi vũng bùn lầy, đã đến bờ bên kia, an trú ở bờ bên kia; là bậc an trú ở nơi không còn sợ sệt, dứt trừ nỗi sợ sệt cho tất cả chúng sinh, an ủi tất cả chúng sinh; là chỗ nương tựa vững vàng, bền chắc cho chúng sinh như thế, mà sau nửa đêm hôm nay con sẽ phải biệt li, không còn thấy trở lại được nữa! Bạch đức Thế Tôn! Con sẽ không còn được nghe tiếng rống sư tử của đức Thế Tôn ở trước đại chúng nữa, thì con còn có gì để hân hoan xứng ý, để thích thú vui cười! Bạch đức Thế Tôn! Như có những người được hưởng phước lộc của vua, sau khi vua mạng chung rồi, lòng rất buồn khổ. Họ biết ơn vua, nhớ nghĩ đến ơn vua, giữ lòng trung hiếu đối với vua; hoặc một ngày, hai ngày, cho đến bảy ngày, hoặc nửa tháng cho đến một tháng, họ nhớ tưởng vua mà rơi nước mắt. Bạch đức Thế Tôn! Con cũng như vậy. Sau khi đức Thế Tôn diệt độ, trong suốt

thời gian chánh pháp còn trụ thế, con xa lìa năm dục, chuyên giữ gìn đạo hiếu, không ham du hí, không mặc áo đẹp, không dùng tràng hoa, không xoa bột thơm, cũng không thọ hưởng phước báo của trời, người.”

Phẩm 3
ĐẾ THÍCH

Lúc bấy giờ trời Đế Thích cũng đến chỗ Phật ngự, đảnh lễ đức Phật, rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"Cúi xin đức Thế Tôn chỉ dạy cho con, nên tu hành như thế nào? Bạch đức Thế Tôn! Thuở trước, có lúc bốn vị vua a-tu-la, ngồi xe mặc giáp, đem theo quyến thuộc, đến cõi trời Đao-lợi gây chiến. Lúc bấy giờ thánh giả Mục Kiền Liên còn tại thế. Trong khi chư thiên đang chiến đấu với chúng a-tu-la, thánh giả Mục Kiền Liên đã đến chỗ của bốn vị vua a-tu-la, dùng giáo pháp để hàng phục; nhờ đó mà hai bên đều được an ổn, không còn nỗi thống khổ chiến tranh; đến cả sự tranh luận về phải trái của hai bên cũng chấm dứt. Vậy mà thánh giả Mục Kiền Liên nay đã diệt độ; và giờ đây đức Thế Tôn lại sắp nhập niết-bàn! Sau này chắc chúng con sẽ lại thường chiến đấu với nhau, nếu vậy, xin đức Thế Tôn ban cho chúng con một lời dạy bảo: Giả sử cuộc chiến đấu lại xảy ra, chúng con nên có kế sách gì đối với chúng a-tu-la?"

Đức Phật bảo trời Đế Thích:

"Kiều Thi Ca!(38) Xin ông chớ lo buồn. Người giữ giới thì sở nguyện chắc chắn sẽ thành tựu. Chỉ có người giữ giới thanh tịnh thì sở nguyện mới thành tựu, không giữ giới thì không thành tựu; người tu phạm hạnh thì thành tựu, không tu phạm hạnh thì không; người xa lìa tham dục thì thành tựu, không xa lìa tham dục thì không; người xa lìa sân hận thì thành tựu, không xa lìa sân hận thì không; người xa lìa si mê thì thành tựu, không xa lìa si mê thì không; người có trí tuệ thì thành tựu, không có trí tuệ thì không. Ngài Kiều Thi Ca! Từ nay về sau ngài sẽ được Như Lai gia hộ. Cho đến khi nào chánh pháp của Như Lai chưa bị diệt mất, nếu có cuộc chiến đấu xảy ra giữa chư thiên và chúng a-tu-la, hãy xưng niệm danh hiệu của Như Lai, thì chư thiên sẽ được thắng trận."

Lúc ấy, bốn vị vua a-tu-la nghe Phật nói chư thiên sẽ được Phật gia hộ, thì vừa tức giận, vừa sợ sệt, liền kéo nhau tới chỗ Phật ngự. Các vị đảnh lễ Phật, rồi đứng sang một bên, bạch rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Vì sao đức Thế Tôn gia hộ cho chư thiên như thế?"

Đức Phật bảo bốn bị vua a-tu-la:

"Này quí vị nhân giả! Xin quí vị đừng lo nghĩ gì cả! Khi nào quí vị có được giờ phút tự tại, đến cung trời Đao-lợi, thì đừng gây cuộc chiến đấu, đừng cạnh tranh, đừng làm điều trái ý nhau. Quí vị hãy cẩn thận, đừng đánh nhau, đừng hủy báng nhau, đừng tranh cãi nhau, đừng làm điều gì trái ý nhau. Hãy đem tâm từ, tâm thương yêu mà đối xử với nhau, thì những gì mong muốn đều được toại ý. Này quí vị nhân giả! Thế gian cái gì có hợp thì phải có tan. Hãy quan sát xem Như Lai ở trong cõi vô thường này, đối với chúng sinh không có oán thù, không cạnh tranh, không trái ý, mà luôn luôn hòa hợp. Như Lai đối với tất cả chúng sinh bằng tâm bình đẳng, ngay cả đối với những người căn lành ít ỏi, tính tình thích đấu tranh cũng vậy. Này quí vị nhân giả! Người khởi tâm làm hại kẻ khác thì chính họ trở lại bị hại. Người hay giết hại thì mạng sống ngắn ngủi. Người thích chiến đấu thì luôn luôn bị giày vò bởi nỗi sợ chết. Này quí vị nhân giả! Nghiệp thiện và nghiệp ác không bao giờ lẫn lộn; vì vậy, từ nay về sau, quí vị hãy sống bằng tâm từ, thân hành động bằng tâm từ, miệng nói năng bằng tâm từ, ý suy nghĩ bằng tâm từ, không đánh nhau, không tranh giành, không hủy báng. Nếu được như vậy, quí vị sẽ luôn luôn được lợi ích và an lạc, không có gì để hối hận về sau."

Đức Phật dạy xong, bốn vị vua a-tu-la bạch rằng:

"Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn! Chúng con xin y theo lời dạy của đức Thế Tôn mà tu hành, mà an trú. Từ nay về sau chúng con nguyện bỏ hết chiến cụ và tu tâm từ."

Lúc bấy giờ trời Đế Thích nghe Phật sắp nhập niết-bàn thì lòng vô cùng buồn khổ, như bị tên bắn vào mình. Ông đau đớn, nước mắt chảy ràn rụa, bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Từ nay cho đến ngày nào chánh pháp còn trụ thế, con nguyện không hưởng năm dục, nguyện tu phạm hạnh, không dùng y phục sang quí. Bạch đức Thế Tôn! Ví như khi vị gia trưởng qua đời, các người nhà nghĩ nhớ công ơn dưỡng dục, lòng rất đau buồn, khóc than chảy nước mắt, nguyện giữ đạo hiếu, báo đáp ơn sâu. Bạch đức Thế Tôn, con cũng như vậy! Từ nay cho đến ngày nào chánh pháp còn trụ thế, con luôn luôn buồn nhớ chảy nước mắt, giữ tròn đạo hiếu, không hưởng năm dục, nguyện tu phạm hạnh, không dùng y phục sang quí. Vì sao vậy? Vì đấng Đạo Sư Vô Thượng đã biệt li rồi, con không còn dịp được trông thấy Ngài nữa, không còn cùng Ngài hội họp nữa!"

Trời Đế Thích bạch lên đức Phật những lời ấy xong, lại đứng yên mà khóc than thảm thiết.

Phẩm 4
LA HẦU LA(39)

Lúc bấy giờ, tôn giả La Hầu La suy nghĩ rằng: Ta nay đâu có gì để vui mừng, mà cũng đâu có cam lòng nhìn thấy đức Thế Tôn nhập niết-bàn! Suy nghĩ như vậy rồi, tôn giả liền đi về hướng Đông-Bắc, trải qua mười Phật độ, đến một thế giới tên là Ma-li-chi, có đức Phật hiệu là Nan Thắng đang tại thế giáo hóa. Tôn giả đến nơi, cúi đầu đảnh lễ đức Phật, rồi đứng sang một bên, nỗi đau buồn hiện trên nét mặt. Bấy giờ đức Phật Nan Thắng bảo tôn giả La Hầu La:

"Này La Hầu La! Ông chớ nên đau buồn. Mọi sự việc, dù thích ý đến đâu, nhưng đã có hội họp thì chắc chắn phải có lìa tan; tất cả các pháp đều như vậy. Này La Hầu La! Chư Phật khi làm xong Phật sự, đều nhập niết-bàn. Hiện giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc Ứng Cúng Chánh Biến Tri, đang nằm nghiêng về phía hông bên phải, tại rừng Ta-la-song-thọ, thuộc lãnh thổ trị vì của bộ tộc Lực-sĩ, sau nửa đêm hôm nay sẽ nhập vô dư niết-bàn. Ông hãy mau trở về, nếu trễ tất sẽ hối hận."

Nghe đức Phật Nan Thắng dạy như thế, tôn giả La Hầu La thưa rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Con không cam lòng nghe nói đến đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni nhập niết-bàn, huống hồ là nhìn thấy đức Như Lai nhập niết-bàn; cho nên con không thể nào trở về được!"

Tôn giả La Hầu La vừa bạch xong lời ấy lên đức Phật Nan Thắng, thì không ai nhìn thấy tôn giả ở đó nữa. Bấy giờ tôn giả đi lên phương Trên, trải qua chín mươi chín thế giới, đến thế giới thứ một trăm, nơi đó có đức Phật hiệu là Thương Chủ, hiện đang tại thế giáo hóa. Tôn giả đến nơi, đảnh lễ đức Phật, rồi đứng sang một bên, đau buồn khóc lóc, nước mắt ràn rụa. Đức Phật Thương Chủ bảo tôn giả La Hầu La rằng:

"Hãy nín khóc đi, La Hầu La, đừng đau buồn nữa! Tất cả các pháp, sinh mà nếu không sinh, già mà nếu không già, bệnh mà nếu không bệnh, chết mà nếu không chết, tận diệt mà nếu không tận diệt, thì không thể có lẽ đó. Này La Hầu La! Chư Phật và các bậc Thanh-văn, Duyên-giác trong đời quá khứ, đến lúc diệt độ, xa lìa tất cả mà nhập niết-bàn. Chư Phật và các bậc Thanh-văn, Duyên-giác trong đời vị lai, đến lúc diệt độ, xa lìa tất cả mà nhập niết-bàn. Chư Phật và các bậc Thanh-văn, Duyên-giác trong

đời hiện tại, đến lúc diệt độ, xa lìa tất cả mà nhập niết-bàn. Giả sử chư Phật trụ thế đến một kiếp hay trăm kiếp, chắc chắn rồi cũng nhập niết-bàn. Này La Hầu La! Chư Phật không có pháp nào khác hơn là rốt ráo tịch diệt niết-bàn. Rốt ráo tịch diệt tức là định tĩnh rốt ráo, mát mẻ rốt ráo, phiền não tận diệt rốt ráo, an vui rốt ráo, yên ổn rốt ráo. Này La Hầu La! Sinh già bệnh chết, yêu thương mà phải xa lìa, oán cừu mà phải gặp nhau, mong cầu mà không toại nguyện, năm ấm(40) hừng hực như lửa cháy, đó toàn là những nỗi khổ lớn; chỉ có niết-bàn là an vui. Này La Hầu La! Rồi đây, không bao lâu nữa, ông cũng sẽ nhập niết-bàn! Nơi cảnh giới niết-bàn không có những điều không vừa ý; không có các nỗi khổ sinh già bệnh chết, yêu thương mà phải xa lìa, oán cừu mà phải gặp nhau, mong cầu mà không toại nguyện, năm ấm hừng hực như lửa cháy. Này La Hầu La! Ông chớ nên đau buồn! Ông hãy suy nghĩ: Cái gì sinh? Cái gì già? Cái gì chết? Cái gì lưu chuyển? Cái gì tái sinh? Này La Hầu La! Tất cả đều là hư vọng, đều là chấp trước điên đảo. Kẻ phàm phu, vì chưa được thấy các bậc Thánh, chưa được nghe thánh pháp, chưa biết thánh pháp, chưa học thánh pháp, chưa hiểu thánh pháp, chưa tin thánh pháp, chưa an trú nơi thánh pháp, cho nên tâm điên đảo, tưởng điên

đảo, thấy biết điên đảo; vì điên đảo cho nên có sinh, vì có sinh cho nên có già, vì có già cho nên có chết, vì có chết cho nên có tái sinh, cứ thế mà tới lui, lưu chuyển. Này La Hầu La! Tất cả các bậc Thánh đều do thánh pháp mà dứt tuyệt mọi hành nghiệp, chứ không làm gì khác. Bậc Đạo Sư như thế, những gì nên làm đã làm xong; những gì nên làm cho chúng đệ tử Thanh-văn cũng đã làm xong; không còn gì phải làm nữa. Này La Hầu La! Ông chớ nên đau buồn! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc Pháp Vương vô thượng, bậc tôn quí trong dòng họ Thích, ông hãy trở về để kịp đảnh lễ cúng dường Ngài lần chót; nếu chậm trễ, Ngài nhập niết-bàn rồi, tất ông sẽ hối hận! Này La Hầu La! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hiện giờ đang nằm nghiêng về phía hông bên phải theo thế nằm của sư tử chúa, tại rừng Ta-la-song-thọ, thuộc lãnh thổ trị vì của bộ tộc Lực-sĩ; Ngài đang muốn thấy ông. Vậy ông hãy gấp trở về!"

Tôn giả La Hầu La bạch lên đức Phật Thương Chủ:

"Bạch đức Thế Tôn! Con không cam lòng nghe nói đến đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni nhập niết-bàn, huống hồ là nhìn thấy đức Như Lai nhập niết-bàn! Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni là đấng Pháp Vương vô thượng, là bậc tôn quí trong dòng họ

Thích, là viên ngọc quí của chúng sinh, giờ đây con không cam lòng nhìn thấy Ngài nhập niết-bàn! Ngài thương xót tất cả thế gian; tất cả hình tướng trong thế gian đều không so sánh được với Ngài; Ngài làm ngọn đèn cho tất cả thế gian; Ngài làm con mắt cho tất cả thế gian; Ngài làm cây đuốc trí tuệ cho tất cả thế gian; Ngài chiếu ánh sáng rực rỡ cho tất cả thế gian; thế mà ngày mai con phải xa lìa Ngài rồi, không còn được trông thấy Ngài nữa!"

Đức Phật Thương Chủ bảo tôn giả La Hầu La:

"Thôi đi, La Hầu La, ông đừng đau buồn nữa! Lẽ nào ông chưa từng nghe đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni dạy rằng: [Các pháp là vô thường, là khổ, là vô ngã, chỉ có tịch diệt niết-bàn], hay sao? Ngài cũng đã từng nói bài kệ siêu tuyệt rằng: [Các hành là vô thường, đó là pháp sinh diệt, sinh và diệt đều diệt, tịch diệt là niềm vui.], chắc ông đã có nghe?"

Tôn giả La Hầu La thưa:

"Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn! Con đã từng nghe."

Đức Phật lại bảo:

"Này La Hầu La! Lẽ nào đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni lại chưa từng dạy rằng: [Tất cả những gì mình ưng ý, ưa thích, không bao lâu tất sẽ bị li tán,

rốt cuộc sẽ đi đến tiêu diệt; dù cho tồn tại lâu dài đến đâu, rồi cũng phải chia lìa.]?”

Tôn giả La Hầu La thưa:

“Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn! Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni đã từng dạy như thế.”

Đức Phật lại bảo:

“Các pháp hữu vi, các pháp sinh, các pháp có, các pháp hiểu biết, các pháp phân biệt, đều do nhân duyên mà khởi sinh, nếu không hoại diệt thì không có lẽ đó.”

Lúc bấy giờ, tôn giả La Hầu La nghĩ nhớ tới đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chảy nước mắt mà bạch lên đức Phật Thương Chủ rằng:

“Từ ngày mai con không còn được trông thấy đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni ngồi nói pháp với chúng tì-kheo ngồi chung quanh, như núi Tu-di ở giữa biển lớn, như mặt trăng tròn đầy ở giữa các vì sao, như vua chuyển luân với vô lượng quyến thuộc vây quanh; các tướng trang nghiêm phát ra ánh sáng, như ánh sáng của ngàn mặt trời chiếu rực rỡ trên không trung, như biển sâu chứa vô lượng châu báu. Đức Như Lai Thích Ca Mâu Ni như thế đó, tất cả những lời nghị luận của các vị luận sư ngoại đạo đều không lung lay được, như những cơn gió dữ đều không thể lay động được núi Thiết-vi. Ngài không bị

các pháp thế gian làm cho ô nhiễm, như hoa sen ở trong ao. Ngài như vị Đại Phạm Thiên Vương có đầy đủ chúng Phạm Thiên làm quyến thuộc; như trời Đế Thích có ngàn con mắt; như sư tử chúa ngồi trên tòa sư tử không chút gì kinh sợ; Ngài xa lìa hết mọi sợ sệt mà gầm tiếng gầm sư tử. Đức Như Lai như thế đó, mà ngày mai đây con không còn trông thấy nữa rồi!"

Tôn giả La Hầu La bạch Phật xong thì đứng yên lặng, mặt đầm đìa nước mắt. Đức Phật Thương Chủ lại bảo:

"Này La Hầu La! Ông nên gấp trở về với đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni. Ngài đang muốn nhìn thấy ông. Ông đừng kéo dài thêm thì giờ, đức Thế Tôn đang dùng tâm từ bi, muốn nhìn thấy ông trước khi Ngài nhập niết-bàn!"

Tôn giả La Hầu La liền cúi đầu đảnh lễ đức Phật Thương Chủ, rồi chỉ trong khoảnh khắc bằng thời gian người tráng sĩ duỗi cánh tay, tôn giả đã rời khỏi thế giới của đức Phật Thương Chủ mà về đến rừng Ta-la-song-thọ, ở ngoại ô thành Câu-thi-na, thuộc lãnh thổ trị vì của bộ tộc Lực-sĩ. Tôn giả đảnh lễ sát chân đức Phật, đi nhiễu ba vòng, rồi chắp tay đứng một bên, ưu sầu áo não, nước mắt đầm đìa. Đức Phật bảo:

"Này La Hầu La! Thầy chớ nên buồn rầu khóc lóc! Những gì cần làm cho một người cha, thầy đã làm xong rồi; những gì cần làm cho một người con, Như Lai cũng đã làm xong rồi. Thầy đừng để tâm lưu luyến rồi sinh ra ưu sầu. La Hầu La! Như Lai và thầy đều vì muốn cho tất cả chúng sinh có được tâm vô úy, cho nên đã phát tâm chuyên cần tinh tấn; vì không gây oán cừu, không làm não hại, cho nên phát tâm chuyên cần tinh tấn. La Hầu La! Hôm nay Như Lai nhập niết-bàn rồi thì không còn làm cha của ai nữa; thầy rồi cũng sẽ nhập niết-bàn, và không còn làm con của ai nữa. Như Lai và thầy cùng có đủ hai đặc điểm này: không gây não loạn và không gây oán cừu."

Tôn giả La Hầu La bạch Phật:

"Cúi xin đức Thế Tôn đừng nhập niết-bàn! Cúi xin đức Thế Tôn thương xót thế gian, trụ thế một kiếp, để cho hàng trời người được thêm lợi ích an lạc, thêm nhiều chúng sinh được an ổn."

Đức Phật dạy:

"Này La Hầu La! Như Lai là Chánh Biến Tri, biết rõ tường tận tất cả các pháp, ở trong thế gian được gọi là Phật. Này La Hầu La! Phật pháp không sinh không diệt, không đến không đi, không thành không hoại, không ngồi không nằm, không hợp không tan,

vì sao vậy? Này La Hầu La! Pháp an trụ như thế, rốt ráo không sinh, rốt ráo không diệt, rốt ráo không, rốt ráo không tự tánh, tịch diệt niết-bàn, không thể dùng ngôn ngữ để diễn bày; Như Lai nói pháp chỉ là tùy nghi mà thôi. Chư Phật dù ra đời hay không ra đời, các pháp vẫn an trụ như thế; các pháp là như pháp vậy. Vì thế, này La Hầu La! Như lai không mang theo Giới mà nhập niết-bàn, không mang theo Định, Tuệ, Giải thoát và Giải thoát tri kiến mà nhập niết-bàn. Này La Hầu La! Thầy đừng đau buồn, đừng quyến luyến! Tất cả các hành đều vô thường, không nhất định, luôn luôn biến đổi, không có gì đáng mong cầu. Thầy hãy nhàm chán tất cả, buông bỏ tất cả; chỉ mong cầu quả Giải Thoát mà thôi! Này La Hầu La, đó là lời dạy của Như Lai!"

Những lời dạy như trên của đức Phật nhằm đưa tôn giả La Hầu La trở về với cái thấy chân thật; đồng thời cũng giúp cho sáu mươi vị tì-kheo và hai mươi lăm vị tì-kheo-ni trong hội chúng dứt hết các lậu hoặc, tâm được giải thoát; vô số trời người cũng nhờ đó mà xa lìa được trần cấu, đạt được pháp nhãn thanh tịnh; sáu vạn tám ngàn chư vị Bồ-tát chứng được vô sinh pháp nhẫn. Tất cả hội chúng đều hân hoan vui mừng, tán thán rằng: "Phật pháp không thể nghĩ bàn!" Các vị Bồ-tát dùng hoa sen đủ màu rải

trên người đức Phật, và đều phát nguyện rằng: "Trong đời vị lai chúng con cũng sẽ ra đời làm bậc Thầy của trời người; cũng nói pháp niết-bàn vô tướng là pháp vô thượng của thế gian; cũng bằng tâm đại niết-bàn mà nhập niết-bàn."

Các vị Bồ-tát nói xong, đều đứng yên lặng.

Phẩm 5
CA DIẾP

Lúc bấy giờ, tôn giả A Nan đang ở bên giường của đức Phật, đau buồn thảm thiết, nước mắt ràn rụa, đứng không muốn vững, than rằng:

"Đức Thế Tôn nhập niết-bàn sớm quá! Đấng Đại Từ Bi, viên ngọc quí của chúng sinh, ra đi sớm quá! Ngọn đèn lớn của thế gian, cây đuốc lớn của trời người, ẩn mất sớm quá! Hoa sen quí của chúng sinh ở thế gian ẩn mất sớm quá! Bậc long tượng của chúng sinh, bậc khéo tự điều phục, lại điều phục những chúng sinh chưa được điều phục, ra đi sớm quá! Đấng Đạo Sư vô thượng, chỉ bày cho chúng sinh con đường an ổn, ra đi sớm quá! Con mắt trí tuệ chiếu ánh sáng lớn, soi khắp thế gian, ẩn mất sớm quá! Bậc dẫn đường cho những kẻ mù lòa, bậc cha mẹ của chúng sinh ở thế gian, diệt độ sớm quá! Thế gian này trở thành cô độc, không nơi nương tựa! Viên ngọc quí của chúng sinh như thế, mà ngày mai con không còn trông thấy nữa, chỉ có danh hiệu là còn lưu lại mà thôi!"

Đức Phật bảo tôn giả A Nan:

"Này A Nan, thầy đừng đau buồn nữa! Như Lai đã từng bảo thầy, tất cả những gì, dù ưa thích, xứng ý đến đâu, đã có hòa hợp thì chắc chắn phải có lìa tan. Này A Nan! Các pháp hữu vi, pháp sinh, pháp có, pháp hiểu biết, pháp nhân duyên, pháp hoại diệt, những pháp ấy nếu không hoại diệt thì không có lẽ đó; những pháp ấy nếu thường trú thì cũng không có lẽ đó; giả sử những pháp ấy được tồn tại lâu dài thì chắc chắn cũng có lúc phải chia lìa. Vì vậy cho nên, này A Nan, thầy chớ lo buồn!"

Lúc ấy tôn giả A Nan chiêm ngưỡng dung nhan đức Thế Tôn, mắt nhìn chăm chú không rời; rồi lại suy nghĩ, lại đau buồn, khóc lóc, nghẹn ngào; rồi quì xuống đất. Đức Phật lại bảo:

"Thôi đi, này A Nan, thầy đừng đau buồn nữa! Đừng dùng sự đau buồn để khiến cho Như Lai trụ thế! Này A Nan! Như Lai đã từng bảo thầy, tất cả những gì, dù ưa thích, xứng ý đến đâu, đã có hòa hợp thì chắc chắn phải có lúc lìa tan; giả sử chúng được tồn tại dài lâu thì rồi cũng phải hoại diệt. Các pháp hành là như vậy. Này A Nan! Thầy đã hầu hạ Như Lai, từ việc làm cho đến lời nói, đều bằng tâm từ hiếu, an lạc, trước sau như một, không chút giận hờn, oán trách."

Tôn giả A Nan đứng dậy, lau nước mắt, bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Làm sao con có thể không đau buồn! Đức Thế Tôn, bậc đại từ bi như thế, bậc đã ra khỏi thế gian, bậc thương xót tất cả thế gian, bậc được tất cả thế gian quí kính và quay về nương tựa, bậc dẫn đường cho tất cả thế gian, bậc làm lợi ích và an lạc cho tất cả thế gian, bậc tôn quí của thế gian như thế, mà ngày mai con phải chia lìa!"

Tôn giả lại khóc lớn, rồi lại lau nước mắt, bạch rằng:

"Kì lạ thay, các hành chỉ là xác chết mà trở thành đầy quyền năng, có thể khiến cho ngọn đèn lớn như thế, cây đuốc lớn như thế, mặt trời lớn với vô lượng ánh sáng rực rỡ như thế, ẩn mất sớm quá! Bậc trí tuệ lớn, bậc có ánh sáng lớn, ẩn mất ở thế gian sớm quá! Thế gian bây giờ cô độc, vì bậc che chở ra đi sớm quá! Đức Như Lai đầy đủ thần thông biến hóa, nay ẩn mất ở thế gian sớm quá! Bạch đức Thế Tôn, con làm sao mà không đau buồn! Bạch đức Thế Tôn, con còn tự lấy làm lạ rằng, sao trái tim của con hôm nay không bị bể nát thành trăm mảnh! Con cũng tự lấy làm lạ rằng, sao con không chết ngay trước mặt đức Thế Tôn! Chắc chắn là con đã nhờ thần lực của đức Thế Tôn gia trì; vì sao vậy? Vì chính con đã thọ

nhận kho tàng Pháp Bảo do đức Thế Tôn trao truyền, ghi nhớ không quên; mà kho tàng Pháp Bảo đó lại chưa được lưu bố rộng rãi cho hàng trời, người khắp mười phương. Bạch đức Thế Tôn, con làm sao mà không đau buồn cho được! Bạch đức Thế Tôn! Mai kia con trở về thành Ca-tì-la-vệ,(41) mọi người trong dòng họ Thích(42) tập họp lại, hỏi thăm về đức Thế Tôn, con biết nói làm sao với họ đây? Con đâu có thể cam lòng nói với họ rằng, đức Phật Thích Ca Mâu Ni dòng giống Mặt-trời,(43) đấng Pháp Vương vô thượng, bậc tôn quí trong dòng họ Thích, đã nhập niết-bàn rồi! Rồi khi đến thành Vương-xá,(44) con sẽ nói thế nào với vua A Xà Thế?(45) Con đâu có thể cam lòng nói với đức vua rằng, bậc Đạo Sư đã ra đi rồi, vị Y Vương có khả năng nhổ bỏ mũi tên nghiệp vô gián cho thế gian đã ẩn mất rồi! Rồi khi đến thành Xá-vệ,(46) con sẽ nói thế nào với dân chúng trong thành? Con đâu có thể cam lòng nói với họ rằng, đấng Đại Bi thương xót thế gian đã ẩn mất rồi! Rồi khi con đến tinh xá Cấp-cô-độc trong vườn cây Kì-đà,(47) nếu đại chúng hỏi: [Chừng nào đức Thế Tôn trở về tinh xá này?], thì con biết trả lời ra sao! Rồi khi đến thành Tì-xá-li,(48) con sẽ nói làm sao với các vị công tử tộc Li-xa?(49) Con đâu có thể cam lòng nói với họ rằng, bậc Tôn

Sư cao cả thương xót tất cả thế gian đã ẩn mất rồi! Rồi khi có các thiện nam tín nữ từ các nơi đến hỏi, con biết trả lời cho họ làm sao? Con đâu có thể cam lòng nói với họ rằng, đấng Đại Trí của thế gian, bậc đã đoạn trừ tất cả mọi nghi hoặc, nay đã ra đi rồi! Rồi khi có các chúng tì-kheo từ các nơi xa đến, mong muốn được trông thấy đức Thế Tôn, hoặc để hỏi thăm, lễ bái, cúng dường; hoặc để hỏi pháp, hỏi giáo nghĩa; hoặc xin bố-tát;(50) con đành phải nói với họ rằng: [Tôi không còn thấy, không còn nghe đức Thế Tôn nói pháp của các bậc thượng nhân nữa!] Sau khi đức Thế Tôn diệt độ, có những bậc tu hành phạm hạnh, đầy đủ thần thông, cũng sẽ ẩn mất ở thế gian. Cho nên con đâu có thể nào mà không đau buồn!"

Tôn giả A Nan bạch xong những lời ấy, đức Phật dạy:

"Này A Nan, thầy đừng đau buồn nữa! Giáo pháp của Như Lai cần được lưu bố rộng rãi, tồn tại lâu dài ở thế gian để làm lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, trải qua bốn trăm năm, thầy Ca Diếp cùng với thầy và các đệ tử, truyền nối nhau tu hành phạm hạnh để làm lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan, thầy không nên đau buồn! Chánh pháp của Như Lai cần phải

được lưu bố rộng rãi, tồn tại lâu dài ở thế gian để làm lợi ích cho các hàng trời, người. Sau khi Như Lai nhập niết-bàn, thầy Ca Diếp cùng với thầy, nên phát tâm làm cho pháp bồ-đề vô thượng mà Như Lai đã tích tập từ vô số kiếp được hưng thịnh, không suy mất. Vì sao vậy? Này A Nan! Thầy Ca Diếp là người ít ham muốn, biết đủ, xa lìa dục vọng, chuyên cần tinh tấn, luôn có chánh niệm, không hí luận, an trú trong định tuệ. Này A Nan! Thầy Ca Diếp có khả năng chỉ bày, dạy dỗ, khiến cho đại chúng đạt được lợi lạc, và hoan hỉ với các thành tựu của đại chúng; đối với những người tu hành phạm hạnh thì nói pháp không biết mệt mỏi, giống như cha mẹ đối với con cái. Này A Nan! Thầy Ca Diếp thấy biết sâu rộng, thương xót thế gian, vì muốn đem lại lợi ích cho chúng sinh, an lạc cho trời, người, mà phát tâm như thế."

Bấy giờ tôn giả A Nan bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Tôn giả Ca Diếp phát tâm như thế sẽ đem lại lợi ích an lạc cho bao nhiêu chúng trời, người?"

Đức Phật dạy:

"Thầy Ca Diếp lúc nhập niết-bàn sẽ phát nguyện rằng: [Tôi nguyện, sau khi tôi diệt độ, do thần lực của chính tôi gia trì, khiến cho xác thân tôi và y bát

không bị biến hoại. Chờ cho đến khi đức Phật Di Lặc ra đời, chính thân này sẽ diện kiến Ngài, cùng phụ giúp Ngài lập nên pháp hội thứ nhất; rồi đến pháp hội thứ nhì, pháp hội thứ ba, do nguyện lực của tôi gia trì, khiến cho nhiều trăm chúng sinh, nhiều ngàn chúng sinh, nhiều ngàn vạn chúng sinh, vô số chúng sinh chứng quả Thánh. Đức Phật Di Lặc đã thấy thân tôi và y bát không bị biến hoại; chúng Thanh-văn trong cả ba pháp hội cũng đã thấy thân tôi và áo ca-sa không bị biến hoại. Bấy giờ thân tôi sẽ đứng trên hư không, dùng lửa của chính thân mình mà thiêu thân mình. Thiêu xong rồi thì tro cốt biến mất hết.] Này A Nan! Đó là thầy Ca Diếp phát tâm làm lợi ích an lạc cho chúng sinh. Này A Nan! Chính do nguyện lực gia trì mà sau khi thành thục cho chúng sinh rồi thì thầy Ca Diếp nhập niết-bàn. Liền lúc đó, có bốn ngọn núi đá kéo đến, hiệp lại làm một để che phủ xác thân của thầy Ca Diếp. Và như thế, xác thân của thầy Ca Diếp được giữ ở giữa bốn ngọn núi đá kia, không bị biến hoại, cho đến khi đức Phật Di Lặc ra đời. Thân của thầy Ca Diếp tồn tại lâu dài như thế mà không bị biến hoại, và cả tấm áo ca-sa cũng không bị biến hoại, là vì sao vậy? Này A Nan! Vì thầy Ca Diếp là người giữ giới thanh tịnh, là người tu hành phạm hạnh, là người có trí tuệ, cho

nên tâm nguyện mới được thành tựu; nếu không giữ giới thanh tịnh, không tu phạm hạnh, không có trí tuệ, thì dù có muốn cũng không thể thành tựu được gì. Này A Nan! Thầy Ca Diếp, trước tiên do nguyện lực mà nhập niết-bàn; nhập niết-bàn rồi thì xác thân tồn tại lâu dài không bị biến hoại, tóc lông máu thịt, các căn, và cả y phục cũng không bị biến hoại, cũng không hôi hám, cho đến khi đức Phật Di Lặc ra đời. Này A Nan! Khi đức Phật Di Lặc ra đời, ở pháp hội thứ nhất, Ngài sẽ dẫn chín mươi sáu ức vị tì-kheo đến chỗ thầy Ca Diếp, chỉ cho đại chúng thấy thân của thầy Ca Diếp, và dạy rằng: [Này các thầy tì-kheo! Thầy Ca Diếp đây là bậc đại Thanh-văn trong thời kì pháp vận của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chuyên tu hạnh đầu-đà, ít ham muốn, biết đủ, xa lìa dục vọng, chuyên cần tinh tấn, luôn có chánh niệm, không hí luận, an trú trong định tuệ. Thầy Ca Diếp có khả năng chỉ bày, dạy dỗ, khiến cho đại chúng đạt được lợi lạc, và hoan hỉ với các thành tựu của đại chúng; đối với những người tu hành phạm hạnh thì nói pháp không biết mệt mỏi, giống như cha mẹ đối với con cái. Này các thầy tì-kheo! Thầy Ca Diếp thấy biết sâu rộng, rốt ráo không còn tâm nghi ngờ, và tùy thuận chúng sinh. Này các thầy tì-kheo! Các thầy hãy xem đó, thầy Ca Diếp vì thương xót thế

gian, muốn đem lại lợi ích cho chúng sinh, an lạc cho trời, người, mà phát tâm như thế.] Này A Nan! Ở pháp hội thứ nhì, đức Phật Di Lặc sẽ dẫn chín mươi bốn ức vị tì-kheo đến chỗ thầy Ca Diếp. Đến pháp hội thứ ba, Ngài sẽ dẫn chín mươi hai ức vị tì-kheo đến chỗ thầy Ca Diếp, chỉ thân của thầy cho đại chúng xem, và dạy rằng: [Này các thầy tì-kheo! Thầy Ca Diếp đây là bậc đại Thanh-văn trong thời kì pháp vận của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chuyên tu hạnh đầu-đà, thiểu dục, tri túc, vì muốn đem lại lợi ích cho chúng sinh, an lạc cho trời, người, mà phát tâm như thế.] Này A Nan! Lúc bấy giờ, đức Phật Di Lặc đưa cánh tay phải ra, rờ trên đầu thầy Ca Diếp, rồi nhìn khắp các vị tì-kheo, nói rằng: [Này các vị tì-kheo! Tì-kheo Ca Diếp đây đã gìn giữ chánh pháp sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ; còn trong khắp đại chúng ở đây, sẽ không có một vị nào gìn giữ chánh pháp của ta sau khi ta diệt độ, giống như thầy Ca Diếp!] Này A Nan! Ở pháp hội thứ ba của đức Phật Di Lặc, thầy Ca Diếp, do nguyện lực của chính mình gia trì, sẽ ở trên không trung, biểu hiện nhiều thứ thần thông biến hóa, rồi dùng lửa của tự thân mà thiêu hủy thân mình. Thân xác cháy xong, tro cốt đều biến mất. Sau khi cho đại chúng chứng kiến các sự việc về thầy Ca Diếp, Đức Phật Di Lặc

bèn nói pháp cho đại chúng hiện tiền, khiến cho nhiều trăm ngàn ức người, được chứng quả Thánh. Này A Nan! Thầy Ca Diếp phát tâm làm lợi ích cho nhiều chúng sinh, thầy cũng nên phát tâm làm lợi ích, đem lại an lạc cho nhiều chúng sinh. Như thế, này A Nan! Thầy Ca Diếp cùng với thầy hãy phát tâm giữ gìn chánh pháp tồn tại qua bốn trăm năm, tu hành phạm hạnh, làm lợi ích cho hàng trời, người.

Phẩm 6
HỘ TRÌ CHÁNH PHÁP

Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Thầy đừng đau buồn nữa! Chánh pháp của Như Lai sẽ được lưu bố rộng rãi để làm lợi ích cho các chúng trời, người. Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, ở núi Ưu-lâu-mạn-trà, thuộc thành Ma-du-la,(51) có ngôi già-lam tên Na-trì-ca. Nơi đó sẽ có thầy tì-kheo tên Tì Đề Xa, có thần thông và uy lực lớn, có đức vô úy, nghe nhiều học rộng, có trí tuệ chân chánh, chứng được đạo quả, giữ gìn Kinh, Luật, Luận; đối với những người tu hành phạm hạnh thì chỉ bày, dạy dỗ, khiến cho đại chúng đạt được lợi lạc, và hoan hỉ với các thành tựu của đại chúng; nói pháp không biết mệt mỏi. Thầy tì-kheo kia sẽ lưu bố rộng rãi chánh pháp của Như Lai để đem lại lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, cũng ở ngôi già-lam Na-trì-ca trong núi Ưu-lâu-mạn-trà, sẽ có thầy tì-kheo tên là Đề Tri Ca, có thần thông và uy lực lớn, đối với những người tu hành phạm hạnh thì siêng năng nói pháp; sẽ khiến cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi, đem lại lợi ích cho các hàng

trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, bên cạnh núi Ưu-lâu-mạn-trà còn có ngọn núi tên Ưu-thi-la, ở đó có bốn muôn vị tì-kheo vân tập. Quí vị ấy có thần thông và uy lực lớn, có đức vô úy, nghe nhiều học rộng, đầy đủ khả năng, có trí tuệ chân chánh, chứng được đạo quả, giữ gìn Kinh, Luật, Luận; vị nào cũng vậy, đối với những người tu hành phạm hạnh thì chỉ bày, dạy dỗ, khiến cho đại chúng đạt được lợi lạc, và hoan hỉ với các thành tựu của đại chúng; nói pháp không biết mệt mỏi. Các thầy tì-kheo kia đều tu hành phạm hạnh, đầy đủ thần thông biến hóa, sẽ lưu bố rộng rãi chánh pháp của Như Lai để đem lại lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, bên cạnh núi Ưu-lâu-mạn-trà sẽ có một thầy tì-kheo tên Ưu Ba Cúc Đa, cũng đầy đủ khả năng và uy lực lớn như vậy; cũng tu hành phạm hạnh, lưu bố rộng rãi chánh pháp của Như Lai, làm lợi ích cho các hàng trời, người. Nơi ấy cũng sẽ có một ngàn vị A-la-hán, cùng với tám muôn tám ngàn vị tì-kheo tụ hội, cùng bố-tát với nhau một chỗ, cùng làm một pháp yết-ma.(52) Họ đối với nhau bằng tâm chân thành, và cùng ghi nhận những thành tựu của nhau. Họ đều tu hành phạm hạnh, đầy đủ thần thông biến hóa, lưu bố rộng rãi chánh pháp của Như Lai,

làm lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Thầy tì-kheo Ưu Ba Cúc Đa ấy, cùng với các đệ tử, đều có khả năng nói pháp, khiến cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi trong khắp các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, ở thành Ba-li-phất(53) có ngôi già-lam tên Bạt-đa-ni, nơi đó có thầy tì-kheo tên A Du Bà Cúc Đa, tu hành phạm hạnh, đầy đủ ba minh,(54) sáu thần thông,(55) tám bước giải thoát,(56) thiền định và trí tuệ; có uy lực lớn, làm cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi, đem lại lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, cũng ở thành Ba-li-phất, có ngôi già-lam tên Cưu-cưu-tra, nơi đó có thầy tì-kheo tên Uất Đa La, tu hành phạm hạnh, có thần thông và uy lực lớn, cũng có đầy đủ khả năng làm cho chánh pháp của Như Lai lưu bố rộng rãi, đem lại lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Chánh pháp của Như Lai sẽ được lưu bố rộng rãi để làm lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, ở nước Ương-già(57) sẽ có các thầy tì-kheo thiết lập đại hội Vô-già,(58) có vị thượng tọa tên Thiết Đà Sa Trà và hơn một vạn ba ngàn vị A-la-hán tụ hội. Các vị này tu hành phạm

hạnh, đều có thần thông và uy lực lớn, đầy đủ khả năng, nói pháp không biết mệt mỏi, khiến cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi, làm lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, ở thành Kim-bát-tất-đà sẽ có hai thầy tì-kheo, vốn thuộc dòng Bà-la-môn đi xuất gia; một thầy tên Tì Đầu La, một thầy tên San Xà Da, đều tu hành phạm hạnh, có thần thông và uy lực lớn, đầy đủ khả năng, nói pháp không biết mệt mỏi, khiến cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi, làm lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, ở thành Bà-kê-đa sẽ có thầy tì-kheo tên Đại Tinh Tấn, tu hành phạm hạnh, có thần thông và uy lực lớn, đầy đủ khả năng, nói pháp không biết mệt mỏi, khiến cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi trong các hàng trời, người. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, sẽ có thầy tì-kheo tên Mạt Điền Đề, đầy đủ ba minh, sáu thần thông, tám bước giải thoát, thiền định và trí tuệ, có uy lực lớn, đối với những người tu hành phạm hạnh thì nói pháp không biết mệt mỏi. Bấy giờ ở trong sông Kế-tân của miền Bắc-Thiên-trúc có vô số các loài có sức mạnh như rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, vân vân, cư trú. Tì-kheo Mạt Điền Đề bèn đến con sông

ấy, dùng thần thông biến hóa hàng phục các loài ấy, khiến cho tất cả đều sinh lòng kính tin chánh pháp. Sau đó, tì-kheo Mạt Điền Đề bèn khuyến hóa dân chúng sống trong vùng sông Kế-tân cùng nhau kiến lập một ngôi già-lam, có nhiều ngàn chư vị Thanh-văn qui tụ về cư trú tu tập. Thầy tì-kheo Mạt Điền Đề này, trong mọi thời khắc, đều làm cho ngôi già-lam ấy thành một đạo tràng trang nghiêm thanh tịnh; khiến cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi trong các hàng trời, người. Công đức của thầy tì-kheo Mạt Điền Đề, Như Lai không thể dùng lời gì để tán dương cho cùng tận. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, ở nước Càn-đà-la(59) thuộc miền Bắc-Thiên-trúc, sẽ có thầy tì-kheo tên là Ca Diếp, có thần thông và uy lực lớn, có đức vô úy, nghe nhiều học rộng, giữ gìn Kinh, Luật, Luận; có trí tuệ chân chánh, chứng được đạo quả; có đầy đủ khả năng, làm cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, tại thành Đắc-xoa-thi-la ở miền Bắc-Thiên-trúc, sẽ có một vị trưởng giả tên Xà Tri Ca, tướng tốt và đoan chánh không ai bằng, giàu có tột bực, rất nhiều của cải châu báu, lại có đầy đủ phước đức và trí tuệ, danh tiếng vang động bốn phương. Ông trưởng giả ấy có lòng tin sâu xa đối

với Như Lai và chư vị Thanh-văn, cung kính cúng dường và tôn trọng, xưng tán; siêng năng tích tập thiện căn giác ngộ, có đầy đủ khả năng làm cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi trong các hàng trời, người. Trong đời vị lai, khi mãn một ngàn kiếp, ông sẽ thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, danh hiệu của Phật là Phổ Quang, thế giới của Phật tên là Cụ-đại-trang-nghiêm, kiếp đó tên là Tạo-hiền. Này A Nan, thầy đừng lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, ở miền Bắc-Thiên-trúc có kinh thành tên Phú-ca-la-bạt-đế, nhân dân giàu có, an ổn. Nơi đó có nhiều vị Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ thọ trì kinh điển, có lòng tin sâu xa đối với Như Lai và chư vị Thanh-văn, cung kính cúng dường và tôn trọng, xưng tán. Chư vị Thanh-văn ở nơi đó có vô số đệ tử, đều có thần thông và uy lực lớn. Nơi đó cũng có nhiều vị trưởng giả, cư sĩ, nghe nhiều học rộng, có đức vô úy, có trí tuệ chân chánh, chứng được đạo quả. Này A Nan! Cũng ở tại kinh thành Phú-ca-la-bạt-đế kia, những người cư sĩ tại gia, sau khi mạng chung thì sinh lên cõi trời Đâu-suất, còn những người xuất gia thì lại đọa vào địa ngục. Vì sao vậy? Vì những người xuất gia ấy không giữ giới, không giữ luật nghi. Này A Nan! Những người Ba-la-môn, trưởng giả, cư sĩ ở kinh thành Phú-ca-la-bạt-

đế kia sẽ nghĩ như vầy: Chánh pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni chắc chắn sẽ ẩn mất, vì sao? Vì chư vị tì-kheo tham cầu lợi dưỡng, hủy phạm cấm giới, tâm ý tán loạn, không thích ở chỗ nhàn tịnh, bỏ mất niềm vui thiền định; thường qua lại trong bốn chúng để cùng nhau làm những việc phá giới trái đạo; trong việc giao thiệp với các vị Bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ và thân hữu thì không cung kính tôn trọng nhau; biếu tặng cơm nước hoa trái cho nhau không theo đúng luật nghi; dâm loạn với vợ người mà không biết hổ thẹn. Các vị Bà-la-môn, trưởng giả và cư sĩ kia, khi nghe thấy chư vị tì-kheo làm những việc sai trái với chánh pháp như vậy thì ưu phiền và sợ sệt vô cùng, than thở với nhau rằng: Chánh pháp của Phật sắp ẩn mất rồi chăng! Ngay vào lúc đó, cũng ở trong kinh thành Phú-ca-la-bạt-đế, xuất hiện một vị ưu-bà-tắc tên là Pháp Tăng, có thần thông, phước đức và uy lực lớn, có đức vô úy, nghe nhiều học rộng, gìn giữ Kinh, Luận, khéo dùng phương tiện thiện xảo, có trí tuệ chân chánh, chứng được đạo quả. Bấy giờ, vị ưu-bà-tắc ấy, vì muốn cho các vị Bà-la-môn, trưởng giả và cư sĩ kia sinh tâm kính tín, bèn bay lên hư không, chỉ bày, dạy dỗ, nói rằng: [Thưa quí vị! Xin hãy cẩn thận, đừng sợ sệt, đừng nghi ngờ, đừng lo lắng! Chánh pháp của đức

Phật Thích Ca Mâu Ni vẫn còn đang trụ thế. Xin quí vị hãy phát tâm tinh tấn làm các nghiệp lành, những người chưa ngộ thì giúp cho họ được ngộ, những người chưa đạt thì giúp cho họ được đạt, những người chưa chứng thì giúp cho họ được chứng. Thánh pháp nay vẫn còn đây, xin quí vị hãy mau tìm cầu!] Các vị Bà-la-môn, trưởng giả và cư sĩ kia nghe được những lời ấy thì vui mừng vô cùng, bèn phát tâm bố thí, tạo các công đức; đối với xá-lợi của Như Lai thì gìn giữ trang nghiêm; đối với chư vị Thanh-văn thì siêng năng cúng dường, nghe pháp và thọ trì đọc tụng, gìn giữ cấm giới, siêng tu thiền định. Các vị Bà-la-môn, trưởng giả và cư sĩ ấy, vì được vị ưu-ba-tắc Pháp Tăng kia chỉ bày, dạy dỗ, khiến cho được lợi lạc, họ đều qui hướng về con đường thánh thiện và đạo quả niết-bàn. Này A Nan! Vị ưu-bà-tắc Pháp Tăng kia cũng có đầy đủ khả năng làm cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi, đem lại lợi ích cho các hàng trời, người. Như thế đó, này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, cũng sẽ có nhiều người thế tục, có lòng kính tin sâu xa đối với chánh pháp của Như Lai. Những người này, trong quá khứ, đã từng cúng dường, gieo trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật; bây giờ, đối với xá-lợi của Như Lai thì giữ gìn trang nghiêm, đối với chư vị Thanh-văn

thì cung kính cúng dường, tôn trọng, xưng tán. Họ cũng làm cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi, đem lại lợi ích cho các hàng trời, người. Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, trong đời vị lai, ở miền Bắc-Thiên-trúc sẽ có vị tì-kheo tên Kì Bà Ca xuất hiện ở đời. Vị tì-kheo này, trong đời quá khứ đã từng cung kính cúng dường, gieo trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật; bây giờ phát khởi lòng tin sâu xa nơi giáo pháp đại thừa. Vì thương xót, muốn đem lại lợi ích và an ổn cho chúng sinh, nên tì-kheo Kì Bà Ca phát tâm tu học và giữ gìn pháp tạng Bồ-tát, xưng dương và phát triển giáo pháp đại thừa. Vị tì-kheo ấy thường xem xét các ngôi tháp miếu thờ hình tượng và xá-lợi của Như Lai, thấy nơi nào hư hoại thì sửa sang, dùng vàng để trang trí, dựng tràng phan, bảo cái, treo lưới có gắn phong linh, phát ra âm thanh vi diệu; lại tạo vô số hình tượng của Như Lai, xây cất thêm nhiều tháp miếu, làm cho các chúng trời, người phát khởi lòng tin và kính ngưỡng. Vì muốn được đầy đủ căn lành giác ngộ, vì thương xót chúng sinh, vì nhiếp thọ và hộ trì chánh pháp của Như Lai, vì muốn giúp cho những người chưa có lòng kính tin sẽ phát khởi lòng kính tin và tinh tấn tu hành, và cũng vì muốn giúp cho nhiều người có cơ hội gieo trồng căn lành, tì-kheo

Kì Bà Ca sẽ thiết lập đại hội Vô-già. Này A Nan! Vào thời bấy giờ cũng có nhiều tì-kheo không giữ gìn cấm giới, làm nhiều việc phi pháp, không thích ở nơi nhàn tịnh, bỏ mất niềm vui thiền định, phá giới, trái đạo, hay tranh cãi; ham cất chứa tài vật, mỗi người chiếm riêng một phòng, thường qua lại với người thế tục, xa rời Phật pháp, không có lòng kính trọng đối với những vị tu hành phạm hạnh; những tì-kheo ấy chỉ có hình tướng giống như sa-môn mà thôi! Trong khi đó, cũng có một số ít tì-kheo chuyên cần tinh tấn, tránh xa những nơi ồn ào, luôn có chánh niệm, nhất tâm định tuệ, thường an trú nơi pháp lành, muốn ít, biết đủ, vui với hạnh tu xin ăn, an trú trong dòng giống Thánh nhân, có đức vô úy, nghe nhiều học rộng, giữ gìn Kinh, Luật, Luận. Lúc bấy giờ, tì-kheo Kì Bà Ca giúp các tì-kheo phi pháp kia được mặc áo pháp, tâm được chuyển hóa trở nên nhu thuận, các căn không khiếm khuyết, đầy đủ lòng tin sâu xa, được kính trọng tột bậc. Những người mặc áo pháp đều khởi tâm giữ giới, làm phước điền, thực hành hạnh bố thí, tu tập các căn lành. Thầy tì-kheo Kì Bà Ca kia, sau khi tu tập vô lượng căn lành giác ngộ thì mạng chung, sinh sang thế giới của đức Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây, cách đây hơn trăm ngàn ức cõi Phật. Ở đó, thầy tì-kheo Kì Bà Ca

lại tiếp tục tu hành phạm hạnh, gieo trồng căn lành trải qua tám mươi ức đức Phật. Do căn lành ấy, trải qua chín mươi chín ức kiếp trong đời vị lai, thầy tì-kheo Kì Bà Ca sẽ thành bậc Chánh Giác, Phật hiệu là Vô Cấu Quang, ở thế giới tên là Nhất-thiết-công-đức-trang-nghiêm. Này A Nan! Thầy tì-kheo Kì Bà Ca kia cũng làm cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi trong các hàng trời, người. Này A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Giáo pháp của Như Lai sẽ được lưu bố rộng rãi, làm cho các hàng trời, người phát khởi lòng tin và kính ngưỡng. Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, trong đời vị lai sẽ có một nước ở vùng biên địa, tên là Xá-ma. Vua của nước đó tên là Đại Thí, phát khởi lòng tin thanh tịnh đối với giáo pháp của Như Lai; tinh cần tu tập, xưng dương, tán thán và cúng dường xá-lợi của Như Lai và các vị Thanh-văn. Này A Nan! Vua Đại Thí kia một lòng tôn trọng cúng dường chư vị tì-kheo Thanh-văn trong nước Xá-ma. Trong nước này có đến hơn ba ngàn vị A-la-hán, đều có thần thông, công đức và uy lực lớn, nói pháp không biết mệt mỏi cho những người tu hành phạm hạnh, làm cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi trong các hàng trời, người. Này A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Sau khi Như Lai diệt độ, ở miền Bắc-Thiên-trúc có

thành Hưng-cừ-mạt-đản-na. Dân trong thành có được xá-lợi của Như Lai, bèn tôn trọng cúng dường. Họ dùng tràng hoa, bột thơm, âm nhạc, phướn lọng, y phục, đồ nằm, cùng vàng bạc châu báu để trang nghiêm đạo tràng. Này A Nan! Lúc bấy giờ, trong thành có ngôi tinh xá, rất nhiều người do có lòng tin mà phát tâm xuất gia, thọ trì cấm giới, tu tập các pháp lành; vô số người tại gia cũng tu tập các pháp lành như vậy. Này A Nan! Trong số họ có nhiều người giữ giới, nghe nhiều học rộng, có trí tuệ, có lòng tin thanh tịnh, sâu xa đối với giáo pháp của Như Lai; đối với xá-lợi của Như Lai và chư vị Thanh-văn thì chăm lo trang sức cúng dường. Nói chung, đối với Phật Pháp Tăng, họ luôn siêng năng cúng dường và hết lòng hộ trì. Do căn lành đó, sau khi họ thọ hưởng hết phước báo của trời người, có vị sẽ chứng được đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, có vị đạt được đạo quả Duyên-giác, có vị đạt được đạo quả Thanh-văn, rồi nhập niết-bàn. Này A Nan! Do công đức cúng dường như thế, mà những vị đó có được thần thông và uy lực lớn như thế; họ cũng làm cho chánh pháp của Như Lai được lưu bố rộng rãi trong các hàng trời, người. Này A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Chánh pháp của Như Lai sẽ được lưu bố rộng rãi, đem lại lợi ích cho các hàng trời, người. Này A

Nan! Xá-lợi và hình tượng của Như Lai sẽ được tôn trí cùng khắp cõi Diêm-phù-đề; đó là chưa nói đến những nơi mà loài người không thể thấy được, như những hình tượng được tôn trí trong cung điện của các loài trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, cưu-bàn-trà, vân vân. Này A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Giáo pháp và giới luật của Như Lai sẽ được lưu bố rộng rãi trong các hàng trời, người.

Phẩm 7
XÁ LỢI

Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thiện nam hoặc tín nữ nào, hoặc tại gia hoặc xuất gia, phát tâm cúng dường xá-lợi của Như Lai, dù chỉ nhỏ như hạt cải, mà chí thành cung kính, tôn trọng, khiêm cung cúng dường, thì Như Lai nói rằng, do căn lành này mà người đó sẽ đạt được đạo quả niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thiện nam hoặc tín nữ nào, phát khởi lòng kính tin, tạo lập tháp miếu và hình tượng của Như Lai với lòng tin sâu xa, không chút nghi ngờ, thì Như Lai nói rằng, do căn lành này mà người đó sẽ đạt được đạo quả niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Hoặc có người hiện tại cúng dường Như Lai, hoặc có người sau khi Như Lai diệt độ sẽ cúng dường xá-lợi của Như Lai dù nhỏ như hạt cải, hoặc có người tạo lập tháp miếu và hình tượng của Như Lai, hoặc có người phát khởi lòng tin và nhớ nghĩ đến công đức của Phật mà rải một bông hoa lên hư không để cúng dường, thì Như Lai nói rằng, do căn lành này mà người đó sẽ đạt được đạo quả niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Nếu lại

có người thấy được thần thông và uy lực của Phật mà rải một bông hoa lên không trung để cúng dường, người ấy còn có thể đạt được đạo quả niết-bàn, huống nữa là trong hiện tại thân cận thừa sự cúng dường Như Lai, và sau khi Như Lai diệt độ cúng dường xá-lợi của Như Lai. Này A Nan! Cảnh giới của chư Phật không thể nghĩ bàn, cho nên phước đức của người cúng dường cũng không thể nghĩ bàn. Này A Nan! Nếu có người nhớ nghĩ tới Phật mà phát tâm cúng dường, dù chỉ dùng một bông hoa rải lên không trung, Như Lai dùng Phật trí thấy biết phước báo của người ấy không thể nghĩ bàn, huống nữa là trong đời vị lai nếu có Phật tử phát khởi lòng kính tin sâu xa, nhớ nghĩ tới công đức của Phật mà mong cầu trí tuệ của Phật. Này A Nan, thầy hãy tin điều đó!"

Nghe Phật dạy như thế, tôn giả A Nan vô cùng vui mừng, liền bạch Phật rằng:

"Thật là hi hữu, bạch đức Thế Tôn! Bây giờ thật đúng lúc, cúi xin đức Thế Tôn dạy rõ về phước báo của người nhớ nghĩ tới Phật mà phát tâm cúng dường, dù chỉ dùng một bông hoa rải lên không trung. Chư vị tì-kheo nghe lời đức Thế Tôn dạy rồi thọ trì đọc tụng; do đó mà sinh tâm thương xót thế gian, đem lại lợi ích, an ổn cho trời người. Ở đời

hiện tại cũng như vị lai, chúng sinh lại được nghe lời dạy của chư vị tì-kheo này, rất vui mừng, sinh lòng kính tin, thường gieo trồng căn lành. Họ nghĩ rằng: [Đức Thích Ca Mâu Ni là đấng Pháp Vương vô thượng, là bậc đại từ bi, thương xót thế gian, khuyên dạy chúng ta, khiến cho chúng ta phát tâm tinh tấn nhớ nghĩ tới Phật.]"

Tôn giả A Nan bạch xong, đức Phật bảo:

"Này A Nan! Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ chín chắn, Như Lai sẽ nói về phước báo ấy."

Tôn giả A Nan bạch:

"Thưa vâng, bạch đức Thế Tôn! Chúng con đang lắng nghe."

Đức Phật dạy tôn giả A Nan:

"Nếu có người nào nhớ nghĩ tới Phật, dù chỉ dùng một bông hoa rải lên không trung để cúng dường, do phước đức ấy mà người đó sẽ được phước báo không thể nói cho cùng; dù người đó, từ đời quá khứ cho đến ngày nay, lưu chuyển trong sinh tử, trải qua kiếp số dài lâu, không thể biết hết được; trong đời vị lai cũng vậy. Nếu có người đem tâm chí thành nhớ nghĩ tới công đức của Phật, dù chỉ dùng một bông hoa rải lên không trung để cúng dường, thì trong đời vị lai, người đó sẽ được làm Phạm Thiên Vương, Thích Thiên Vương, hoặc Chuyển Luân Thánh

Vương,(60) và phước báo của người ấy sẽ không cùng tận. Do căn lành và phước đức không có ngằn mé mà người đó chỉ có một hướng đi tới là đạo quả niết-bàn. Vì sao vậy? Này A Nan! Cúng dường vào ruộng phước chư Phật thì không phải là quả báo hữu vi có ngằn mé, cho nên Như Lai nói người đó chắc chắn sẽ chứng được niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Hoặc có người hiện tại cúng dường Như Lai, hoặc có người sau này cúng dường xá-lợi của Như Lai dù nhỏ như hạt cải, hoặc có người tạo lập tháp miếu và hình tượng của Như Lai để cúng dường, hoặc có người do nhớ nghĩ tới Phật mà rải một bông hoa lên không trung để cúng dường, hoặc có người ngồi yên lặng trong nhà, do nhớ nghĩ tới Phật mà rải một bông hoa lên không trung để cúng dường, này A Nan, Như Lai nói những người này sẽ an trú niết-bàn; đó là niết-bàn bậc nhất, niết-bàn rốt ráo, niết-bàn tối thắng, niết-bàn vi diệu, niết-bàn thanh tịnh. Này A Nan! Vì lí do đó, trong các loại ruộng phước thì Phật là ruộng phước tối thắng, là vua của các ruộng phước. Vì sao vậy! Vì cúng dường vào ruộng phước chư Phật thì sẽ được phước báo không cùng tận; không phải là loại phước báo thế gian có thể cùng tận; cho nên, ruộng phước chư Phật là loại ruộng phước bậc nhất. Này A Nan! Chư Phật thuận

theo chánh đạo, có thể làm ruộng phước rốt ráo, ruộng phước vô thượng. Những người cúng dường nơi ruộng phước chư Phật, chắc chắn sẽ tiến đến cảnh giới niết-bàn rốt ráo, niết-bàn bậc nhất. Này A Nan! Người rải hoa cúng dường có được công đức như thế, nếu lại có người chỉ nhớ nghĩ tới Phật và một lòng kính tin, Như Lai nói người này cũng sẽ tiến tới cảnh giới niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Không những loài người nhớ nghĩ tới Phật được công đức như thế, mà đến như loài súc sinh, nếu cũng biết nhớ nghĩ tới Phật, thì Như Lai nói rằng, loài súc sinh ấy cũng có căn lành và phước báo, và sẽ được đạo quả niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Thầy hãy quán xét, chư Phật làm ruộng phước cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh sẽ được thần thông và uy lực như thế. Vì vậy cho nên, này A Nan, thầy chớ nên đau buồn! Nếu có người thiện nam hoặc tín nữ nào, cho đến loài súc sinh hay các loài chúng sinh khác, phát khởi lòng tin đối với chư Phật, thì sẽ được thần thông và công đức rộng lớn như thế, như vị cam lồ bậc nhất trong các vị cam lồ. Này A Nan! Thầy đã đem cả việc làm và lời nói mà hầu hạ Như Lai với tâm từ hiếu, trước sau như một, luôn luôn an vui, không giận hờn, không oán trách. Này A Nan! Giả sử có người thiện nam hoặc tín nữ, trải qua trọn một

kiếp hay ít hơn một kiếp, đem mọi thứ trân quí, cung kính cúng dường chư vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, và A-la-hán nhiều như mía, tre, gai, cỏ trong khắp ba ngàn đại thiên thế giới, này A Nan! Ý thầy thế nào? Phước đức của người thiện nam hoặc tín nữ đó có nhiều không?"

Tôn giả A Nan bạch:

"Bạch đức Thế Tôn! Phước đức của người thiện nam hoặc tín nữ đó rất nhiều."

Đức Phật dạy:

"Này A Nan! Nếu lại có người, ở trước chư Phật, chỉ cần chắp tay và xưng niệm danh hiệu, thì phước đức của người này, nếu so sánh với người trước, nhiều hơn gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn ức lần. Vì sao vậy? Này A Nan! Trong các loại ruộng phước thì chư Phật là ruộng phước tối thượng. Bởi vậy, cúng dường chư Phật sẽ thành tựu được công đức, thần thông và uy lực lớn. Này A Nan! Vừa rồi là nói về phước đức cúng dường chư vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm và A-la-hán trong ba ngàn đại thiên thế giới; nếu lại có người thiện nam hoặc tín nữ, trải qua trọn một kiếp hay ít hơn một kiếp, đem mọi thứ xứng ý, cung kính cúng dường chư vị Phật Bích-chi nhiều như mía, tre, gai, cỏ trong khắp ba ngàn đại thiên thế giới; rồi sau khi

chư vị Phật Bích-chi ấy diệt độ, lại có người thiện nam hoặc tín nữ xây tháp bảy báu, trọn đời dùng hương hoa, y phục, ngọa cụ, phướn lọng quí báu, chí thành cung kính cúng dường, này A Nan! Ý thầy thế nào? Phước đức của những người thiện nam, tín nữ đó có nhiều không?"

Tôn giả A Nan bạch:

"Bạch đức Thế Tôn! Phước đức của những người thiện nam, tín nữ đó rất nhiều."

Đức Phật dạy:

"Này A Nan! Nếu lại có người, ở trước Phật, phát khởi lòng tin thanh tịnh, khéo suy nghĩ và hiểu rõ lời dạy của Phật mà nói như vầy: [Trí tuệ của chư Phật thật không thể nghĩ bàn!] Do căn lành của sự tin hiểu đó mà người này có được phước đức, nếu so sánh với người cúng dường Phật Bích-chi ở trước, thì nhiều hơn gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn ức lần. Vì sao vậy? Này A Nan! Chư Phật Thế Tôn có lòng từ vô lượng, lòng bi vô lượng, giới vô lượng, định vô lượng, tuệ vô lượng, giải thoát vô lượng, giải thoát tri kiến vô lượng, tu tập vô lượng, chứng đạt vô lượng. Này A Nan! Trí tuệ của chư Phật không thể nghĩ bàn, cảnh giới của chư Phật cũng không thể nghĩ bàn; nếu có người cúng dường bậc không thể nghĩ bàn thì sẽ được phước báo không

thể nghĩ bàn. Này A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Thầy sẽ được công đức, thần thông và lợi ích lớn. Vì sao vậy? Này A Nan! Thầy đã đem việc làm từ hiếu, lời nói từ hiếu và ý nghĩ từ hiếu, cúng dường Như Lai trong hơn hai mươi năm qua; thầy thọ trì kho tàng pháp bảo của Như Lai; trong những người nghe nhiều học rộng thì thầy là người đứng đầu; trong những người có trí tuệ, biện tài, nói năng khéo léo, hỏi đáp rành mạch, thì thầy cũng là người đứng đầu; thầy có đức vô úy, có trí tuệ chân chính, chứng được đạo quả, giữ gìn Kinh, Luật, Luận; đối với bốn chúng, thầy thuyết pháp không biết mệt mỏi. Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, thầy cùng với đại đức Đại Ca Diếp sẽ là các vị đạo sư tối thượng, làm các Phật sự lớn lao. Này A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Thầy sẽ được công đức, thần thông và lợi ích lớn."

Phẩm 8
LỄ BÁI

Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Nếu có người nghe được danh hiệu của Phật, Như Lai nói rằng, người đó chắc chắn sẽ được vào niết-bàn. Này A Nan! Nếu có người xưng niệm 'Nam mô Phật', sự việc đó có ý nghĩa gì?"

Tôn giả A Nan bạch rằng:

"Phật là gốc của tất cả các pháp. Phật là con mắt dẫn đường. Phật diễn nói tất cả giáo pháp. Lành thay, bạch đức Thế Tôn! Cúi xin đức Thế Tôn vì chư vị tì-kheo mà giảng rõ ý nghĩa ấy. Chúng con xin lắng nghe và nguyện thọ trì."

Đức Phật bảo tôn giả A Nan:

"A Nan! Thầy hãy lắng nghe và suy nghĩ chín chắn, Như Lai sẽ vì thầy mà giảng nói. Này A Nan! Câu 'Nam mô Phật' chắc thật là âm thanh danh hiệu của chư Phật Thế Tôn. Vì để quyết định đây là âm thanh danh hiệu của chư Phật, cho nên xưng niệm 'Nam mô Phật'. Này A Nan! Để làm rõ ý nghĩa này, Như Lai sẽ nói một thí dụ sau đây, khiến cho chúng sinh tăng trưởng lòng tin đối với giáo pháp; lại khiến cho tất cả thiện nam tín nữ, khi nghe được âm thanh

danh hiệu của chư Phật Thế Tôn, liền phát sinh lòng kính tin sâu xa. Này A Nan! Hồi đời quá khứ, có một vị đại thương chủ dẫn theo các thương nhân đi ra biển cả. Khi thuyền của họ đã ra khơi, thình lình một con cá ma-kiệt rất lớn lao tới, há miệng muốn nuốt hết mọi người. Lúc ấy, vị thương chủ và các thương nhân vô cùng hoảng hốt, lông tóc dựng đứng. Tất cả thương nhân đều kinh sợ, lo lắng cho mạng sống sắp chấm dứt, không ai cứu hộ, không có chỗ nương cậy. Họ buồn khóc thảm thiết, than rằng: [Ôi đau đớn thay! Nơi đất liền sao mà vui thế, sao mà hiếm có như thế! Thế gian thân người khó được; thế mà giờ đây chúng ta sắp phải xa lìa cha mẹ, anh chị em, vợ con, họ hàng, bè bạn! Chúng ta lại cũng không còn thấy được Phật, Pháp và Chúng Tăng!] Họ càng than thở thì càng lo âu, đau buồn. Chẳng biết cách nào khác, họ đành cầu khẩn chư vị thiên thần cứu giúp họ. Nhưng, này A Nan! Vị thương chủ kia vốn là người có chánh kiến, tâm trí sáng suốt, đầy đủ lòng tin thanh tịnh đối với Phật Pháp Tăng; không tin thờ chư vị thiên thần. Lúc bấy giờ ông bảo các thương nhân rằng: [Chư vị nên biết! Nếu muốn thoát khỏi được ách nạn này, chư vị hãy cùng lúc đồng thanh nói theo tôi. Giả sử không thoát khỏi được ách nạn ngày hôm nay, thì những lời nói này

cũng khiến cho chúng ta đời sau được sinh vào các cõi lành.] Các thương nhân nghe như vậy, đồng nói rằng: [Thưa ngài thương chủ, chúng tôi nguyện nghe theo lời dạy bảo của ngài, xin ngài cứ nói!] Này A Nan! Lúc đó, vị thương chủ liền trật vai áo bên phải, quì gối xuống sàn thuyền, nhất tâm niệm Phật, chắp tay lễ lạy, lớn tiếng xướng lên rằng: 'Nam mô chư Phật, bậc đại vô úy, bậc đại từ bi, bậc thương xót tất cả chúng sinh.' Ông xướng như vậy ba lần. Tiếp theo, các thương nhân chắp tay lễ lạy, cùng nhau đồng xướng lên rằng: 'Nam mô chư Phật, bậc bố thí vô úy, bậc đại từ bi, bậc thương xót tất cả chúng sinh.' Họ cũng cùng xướng ba lần như vậy. Lúc bấy giờ, con cá ma-kiệt kia nghe được âm thanh danh hiệu của chư Phật, liền sinh lòng quí kính, dứt bỏ tâm giết hại, ngậm miệng lại. Này A Nan! Vị đại thương chủ cùng các thương nhân, bấy giờ đều được thoát nạn, chèo thuyền trở về đất liền bình an. Riêng con cá ma-kiệt, do nghe được âm thanh danh hiệu của chư Phật mà sinh tâm vui mừng, lại dứt bỏ tâm giết hại chúng sinh, nên sau đó mạng chung, được sinh lên làm người, được gặp Phật pháp, phát khởi lòng tin thanh tịnh, bỏ nhà đi xuất gia, được thân cận các bậc thiện tri thức, chứng quả A-la-hán, có đầy đủ sáu thần thông, rồi nhập vô dư niết-bàn. Này A Nan!

Thầy xem đấy, con cá kia vốn sinh làm loài súc sinh, nhưng vì được nghe danh hiệu Phật mà được sinh làm người; đã được sinh làm người lại được xuất gia; đã xuất gia lại được chứng quả A-la-hán và nhập niết-bàn! Này A Nan! Thầy xem đấy, thần lực của chư Phật là như thế đó. Con cá kia nghe được danh hiệu Phật mà được thần thông. Xưng dương danh hiệu Phật thì nhất định có được lợi ích lớn; huống chi, nếu có người được nghe danh hiệu Phật, lại được nghe chánh pháp, được trồng căn lành ngay ở đất Phật, mà không được lợi ích lớn lao ư?

"Này A Nan! Như lúc trước Như Lai đã nói, trồng căn lành một vài phần thì sẽ được phước báo một vài phần; trồng căn lành toàn phần thì sẽ được phước báo toàn phần. Này A Nan! Người trồng căn lành 'một vài phần', có nghĩa, người này vì muốn chóng được thành tựu, nên gieo hạt giống Thanh-văn, được nhập vào Thanh-văn thừa, và do căn lành ấy mà chứng được đầy đủ quả vị của hàng Thanh-văn; hoặc có người gieo hạt giống Duyên-giác, được nhập vào Duyên-giác thừa, và do căn lành đó mà chứng được đầy đủ quả vị của hàng Duyên-giác. Này A Nan! Đó là ý nghĩa của câu 'trồng căn lành một vài phần' mà Như Lai vừa nói. Còn câu 'trồng căn lành toàn phần' là chỉ cho người từ vô thỉ đến

nay, luôn gieo trồng hạt giống Phật nơi đất Phật. Tất cả các căn lành tích tập trải qua thời gian tu hành lâu xa đó sẽ tạo nên nhân duyên được gặp chư Phật. Được gặp chư Phật rồi, người đó lại muốn tích tập đầy đủ căn lành cho quả vị Bồ-đề. Khi đã tích tập đầy đủ căn lành cho quả vị Bồ-đề, thì người đó thành tựu quả Phật, được tôn xưng là đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri; thanh danh vang động khắp thế gian. Đó gọi là 'tu hành toàn phần'. Này A Nan! Sự 'tu hành toàn phần' này, trước đây rải rác trong các kinh, Như Lai đã nói rõ, thầy nên tuần tự đọc tụng để hiểu biết. Thầy hãy nhớ: Tu hành một ít phần thì sẽ đạt được kết quả một ít phần; tu hành toàn phần thì sẽ đạt được kết quả toàn phần.

"Lại nữa, này A Nan! Trong các kinh trước đây, có chỗ Như Lai cũng nói: [Cho đến thọ trì bốn câu kệ.], là đối với những kẻ độn căn, kém trí, đức mỏng mà Như Lai tùy nghi nói như thế. Này A Nan! Như Lai vì tất cả những kẻ không có chỗ quay về mà làm chỗ quay về; vì những kẻ không nhà mà làm nhà; vì những kẻ không có người cứu hộ mà làm người cứu hộ; làm ngọn đèn sáng cho những kẻ bị tối tăm; làm con mắt cho những kẻ mù lòa. Này A Nan! Tất cả những kẻ ngoại đạo không có trí tuệ, không thể tự

cứu mình thì làm sao cứu được người khác! Làm sao làm chỗ quay về cho người khác!

"Này A Nan! Như Lai là bậc Thầy dạy dỗ tất cả trời, người; là người thương xót tất cả chúng sinh. Trong đời vị lai, khi giáo pháp sắp diệt mất, sẽ có các tì-kheo và tì-kheo-ni, tuy đã được xuất gia trong giáo pháp của Như Lai, nhưng họ nắm tay trẻ nít cùng đi rong chơi, từ quán rượu này đến quán rượu khác; sống trong giáo pháp của Như Lai mà không tu phạm hạnh. Tuy họ sống bất chính như vậy, nhưng ở ngay trong kiếp Hiền này, tất cả đều đạt được đạo quả niết-bàn. Thế nào là kiếp Hiền? Này A Nan! Cõi ba ngàn đại thiên thế giới này, khi kiếp sắp hình thành, thì tất cả toàn là nước. Chư thiên ở cõi trời Tịnh-cư dùng thiên nhãn xem thấy thế giới này chỉ toàn là nước; nơi đó có ngàn cành hoa sen vi diệu, mỗi hoa sen đều có ngàn cánh, màu vàng chiếu ra ánh sáng vàng rực rỡ, hương thơm ngào ngạt. Chư thiên cõi trời Tịnh-cư thấy như vậy, tâm rất hoan hỉ, cùng khen ngợi rằng: [Kì lạ thay! Kì lạ thay! Thật là hi hữu! Thật là hi hữu!] Ở trong kiếp này sẽ có một ngàn đức Phật ra đời, vì vậy mà kiếp này được gọi là kiếp Hiền. Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, trong kiếp Hiền này, sẽ còn chín trăm chín mươi sáu đức Phật ra đời; trước Như Lai, đức Phật ra đời đầu

tiên là Câu Lưu Tôn, Như Lai là thứ tư, tiếp theo sau Như Lai là đức Phật Di Lặc; và đức Phật ra đời cuối cùng trong kiếp Hiền này là Lô Giá; thứ tự như thế, thầy nên biết. Này A Nan! Ở trong giáo pháp của Như Lai, có những vị sa-môn mà lại làm ô nhiễm hạnh sa-môn; tự xưng là sa-môn nhưng chỉ có hình tướng giống sa-môn, vì có mặc áo ca-sa. Mặc dù vậy, trong kiếp Hiền này, kể từ đức Phật Di Lặc cho đến đức Phật cuối cùng là Lô Giá, tất cả những vị ấy đều tuần tự sẽ đạt được đạo quả niết-bàn, không sót một vị nào. Vì sao vậy? Này A Nan! Tất cả những vị sa-môn ấy, thế nào cũng có một lần phát tâm kính tin và xưng niệm danh hiệu Phật; công đức từ đó phát sinh ra, và không bao giờ tiêu mất. Này A Nan! Như Lai dùng Phật trí quán sát pháp giới, không có điều gì mà không biết. Này A Nan! Phàm tạo nghiệp trắng thì sẽ nhận được quả báo trắng; tạo nghiệp đen thì sẽ chịu quả báo đen. Nếu có người đem tâm thanh tịnh, xưng niệm một câu 'Nam Mô Phật', thì, này A Nan! Người ấy đã gieo trồng căn lành cho đạo quả niết-bàn, và sự gieo trồng như thế cứ được tiếp nối, chắc chắn người ấy sẽ chứng đạt tận cùng cảnh giới niết-bàn; huống chi có người được gặp Phật mà chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường, và sau khi Phật diệt độ lại cúng dường xá-lợi! Này A Nan!

Những vị sa-môn mà lại làm ô nhiễm hạnh sa-môn kia, họ tự xưng là sa-môn nhưng chỉ có hình tướng giống sa-môn thôi, thế mà, chỉ cần một lần xưng niệm danh hiệu Phật, họ cũng sẽ đạt đến đạo quả niết-bàn; huống chi họ còn sinh tâm kính tin và gieo trồng nhiều căn lành! Này A Nan! Trong ý nghĩa đó, Như Lai nói bài kệ sau đây:

"Chư Phật thật không thể nghĩ bàn,
Chánh pháp của chư Phật cũng vậy.
Nếu kính tin 'không thể nghĩ bàn',
Được phước báo không thể nghĩ bàn.
Các đức Như Lai trong quá khứ,
Thương xót chúng sinh, làm ánh sáng,
Cũng từng cúng dường vô lượng Phật,
Chứng ngộ Bồ-đề không kể số.
Như Lai ngày xưa thường bố thí,
Bình đẳng thương xót các chúng sinh,
Tín tâm thanh tịnh luôn tinh tấn,
Tinh cần hóa độ cho tất cả,
Quí trọng chúng sinh như cha mẹ,
Anh em, họ hàng, thiện tri thức,
Đối với thân thích không sân hận,
Chứng ngộ Bồ-đề không kể số.
Khi ta cầu đạo quả Bồ-đề,
Trải vô lượng kiếp hành bố thí,

Tâm từ bi thương xót chúng sinh,
Bỏ cả thân, đầu, mắt, máu, thịt,
Cũng bỏ cả vô lượng ngôi vua,
Bỏ cả thê thiếp cùng con cái,
Vô lượng voi, ngựa, xe quí báu,
Chỉ cầu đạo Bồ-đề vô thượng.
Trong vô lượng ngàn muôn ức kiếp,
Đến đi đều với chí tinh cần,
Tâm thanh tịnh thực hành bố thí,
Vì cầu đạo Bồ-đề vô thượng.
Nhẫn nại nhận chịu vô lượng khổ,
Giá lạnh, nóng bức, cùng đói khát,
Dù chết không rời tâm tinh tấn,
Vì cầu đạo Bồ-đề vô thượng.
Dù cho trăm năm hay một kiếp,
Như lai không thể nào nói hết
Lòng thương xót tất cả chúng sinh,
Vì cầu đạo Bồ-đề vô thượng.
Khi ta còn luân hồi sinh tử,
Được gặp trăm ngàn ức chư Phật,
Đều là các bậc đại uy lực,
Ta thường dâng cúng hoa bằng vàng,
Món ăn trân quí và y phục,
Tràng hoa, hương thoa và hương bột,
Cờ, phướn, lọng che đều quí báu;

Cúng dường chư Phật như thế đó.
Đối với chúng sinh nhiều vô lượng,
Lưu chuyển trong luân hồi sinh tử,
Ta thường đến họ để an ủi.
Ta luôn thực hành hạnh bố thí,
Trì giới, nhẫn nhục và tinh tấn,
Thiền định tam muội và trí tuệ;(61)
Tu tập bốn lãnh vực quán niệm,(62)
Bốn chánh cần(63) và bốn thần túc,(64)
Năm khả năng(65) cùng năm sức mạnh;(66)
Hành trì bảy yếu tố giác ngộ,(67)
Tám nguyên tắc hành động chân chánh;(68)
Tu tập các pháp trợ đạo(69) ấy,
Vì cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề.
Ta dùng chánh trí tu các nghiệp,
Không xen lẫn một điều bất thiện,
Tu tập các hạnh, không buông lung,
Không một mảy may gây tội lỗi.

Phẩm 9
CĂN LÀNH

Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Nếu có người phát tâm kính tin đối với chư Phật, thì căn lành đó không bao giờ tiêu mất; huống chi lại còn gieo trồng nhiều căn lành khác! Này A Nan! Để hiểu rõ ý nghĩa này, Như Lai sẽ nói một thí dụ. Người trí nghe thí dụ này sẽ thông hiểu dễ dàng.

"Này A Nan! Ví như có người đem sợi lông cắt ra làm trăm mảnh, rồi đem một mảy lông ấy nhúng lấy một giọt nước, đem tới nói với Như Lai rằng: [Thưa Ngài Cồ Đàm! Tôi xin gửi giọt nước này cho Ngài. Xin Ngài đừng làm cho nó tăng thêm hay giảm bớt; cũng đừng để cho gió thổi hay ánh nắng mặt trời làm cho nó khô đi; không để cho chim thú uống hết; cũng không để cho thứ nước nào khác trộn lẫn vào. Xin Ngài dùng đồ đựng để đựng nó mà không để dưới đất.] Bấy giờ Như Lai nhận sự gửi gấm của người kia, đặt giọt nước ấy vào trong sông Hằng, không để cho nó trôi vào bờ, cũng không để cho các vật khác đụng chạm vào nó. Như thế, giọt nước ấy ở giữa dòng sông, và cứ theo dòng sông mà trôi đi, không trôi ngược trở về, không bị các vật

khác ngăn cản, không bị chim thú uống hết. Giọt nước ấy vẫn nguyên như cũ, không tăng thêm cũng không giảm bớt, cùng với dòng nước lớn của sông Hằng, dần dần ra biển cả. Giả sử người gửi giọt nước kia sống lâu một kiếp, và Như Lai cũng trụ thế một kiếp; đến ngày cuối cùng của kiếp ấy, người kia đến chỗ Như Lai hỏi rằng: [Thưa Ngài Cồ Đàm! Tôi vốn có gửi cho Ngài một giọt nước nhỏ, nay giọt nước ấy còn không?] Này A Nan! Lúc bấy giờ Như Lai biết rõ giọt nước ấy vẫn còn ở ngoài biển cả. Như Lai cũng biết rõ nơi chốn của giọt nước ấy; nó vẫn y nguyên như cũ, không tăng thêm mà cũng không giảm bớt, không bị trộn lẫn với các thứ nước khác; Như Lai bèn lấy giọt nước ấy giao lại cho người kia. Này A Nan! Như Lai là bậc Chánh Biến Tri như thế đó, có thần thông và uy lực lớn. Như Lai là bậc đại trí thanh tịnh, thấy biết không lường và không ngăn ngại. Những sự việc như vậy Như lai đều thấy biết rõ ràng, không có gì ngăn che được! Trong số những người nhận sự gửi gấm, thì Như Lai là người tối tôn tối thắng. Nếu đem đến gửi cho Phật một giọt nước rất nhỏ như thế, mà trải qua một thời gian lâu dài, vẫn không bị hao mất. Này A Nan, ý nghĩa đó thầy nên biết! Mảy lông nhỏ nói ở trên là dụ cho tâm ý thức; sông Hằng là dụ cho dòng sinh

tử; một giọt nước nhỏ là dụ cho một lần phát tâm gieo trồng căn lành rất nhỏ; biển cả là dụ cho Phật Như Lai Chánh Biến Tri; người gửi giọt nước là dụ cho những người bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, vân vân, có lòng tin thanh tịnh; trụ thế một kiếp là dụ cho Như Lai nhận giọt nước gửi kia mãi mãi không để cho hao mất, cũng như người gửi giọt nước kia trong thời gian lâu dài mà giọt nước ấy không hao tổn một mảy may.

"Như thế đó, này A Nan! Nếu có người phát khởi lòng tin nơi chư Phật thì căn lành ấy không bao giờ tiêu mất, huống chi còn gieo trồng nhiều căn lành thắng diệu khác nữa! Như Lai nói: Người ấy chắc chắn sẽ đạt được niết-bàn, sẽ tiến đến tận cùng đạo quả niết-bàn! Này A Nan! Nếu lại có người đối trước Như Lai, phát khởi tâm kính tin, nhưng do những nghiệp bất thiện khác mà phải đọa vào các chốn địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sinh; đó là vì, người ấy vốn đã tự tạo nghiệp ác thì phải tự thọ nhận quả báo xấu. Lúc bấy giờ, nếu có đức Phật Thế Tôn đại từ bi ra đời, dùng trí vô ngại quán sát, biết rõ người ấy vốn đã trồng căn lành, chỉ vì đã tạo những nghiệp bất thiện khác mà phải đọa địa-ngục. Đức Phật kia biết rõ như thế, bèn cứu vớt người ấy thoát khỏi địa-ngục, đem đặt ở một nơi an ổn, không có điều gì làm

cho sợ sệt; lại khiến cho người ấy nhớ lại việc thiện mà người ấy đã làm trong quá khứ. Ngài dạy rằng: [Này thiện nam tử! Ông hãy nhớ lại căn lành ông đã gieo trồng trong đời quá khứ! Ông đã trồng căn lành đó vào lúc đó, nơi đức Phật đó, ở thế giới đó…] Người ấy nương nơi uy lực của Phật, liền nhớ lại việc xưa, bạch Phật rằng: [Vâng, đúng như thế, bạch đức Thế Tôn!] Đức Phật kia lại dạy: [Này thiện nam tử! Thuở xưa ông đã trồng căn lành đó nơi đức Phật đó. Dù căn lành đó ít ỏi, nhưng không bao giờ hao mất. Nhờ căn lành đó ông sẽ được lợi ích: dứt hết mọi đau khổ, được mọi điều an vui. Này thiện nam tử! Nơi đây là cảnh giới Phật. Ông đã bao đời ở trong cảnh giới tối tăm, từ vô thỉ đến nay cứ mãi lưu chuyển trong vòng sinh tử; nhưng ông đã trồng chút ít căn lành nơi chư Phật, thì căn lành đó không bao giờ hao mất.] Ví như vị vương tử hay vị đại thần, đến trước tội nhân đang bị giam cầm trong lao ngục, dạy dỗ phải trái khiến cho họ biết lỗi mà cải hối, rồi thả họ ra. Như thế đó, này A Nan! Người kia vốn đã trồng căn lành nơi Như Lai, giả sử do các nghiệp ác khác đã tạo mà phải đọa vào địa-ngục; lúc bấy giờ, nếu có đức Phật Thế Tôn đại từ bi ra đời, người ấy do căn lành vốn có gia trì, liền được đức Phật kia thấy biết rõ ràng, bèn cứu vớt người ấy thoát khỏi

chốn địa-ngục, đặt người ấy trên bờ niết-bàn thanh lương, không có điều gì làm cho sợ sệt, rồi khiến người ấy nhớ lại việc xưa, dạy rằng: [Này thiện nam tử! Ông hãy nhớ lại, vì ông vốn đã trồng căn lành trong quá khứ, mà hôm nay ông hưởng được phước báo như vậy.] Người ấy liền bạch Phật rằng: [Vâng, đúng như thế, bạch đức Thế Tôn! Con nhờ uy lực của đức Thế Tôn gia hộ nên đã nhớ lại được việc ấy.]

Phẩm 10
PHƯỚC ĐỨC CÚNG DƯỜNG

Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Thầy nên biết rằng, bất cứ người nào, dù chỉ gieo trồng chút ít căn lành, nhưng đừng bao giờ cho đó là việc làm vô ích! Một người, dù chỉ một lần phát sinh niềm tin, Như Lai nói rằng, người ấy sẽ tiến đến tận cùng đạo quả niết-bàn. Trong ý nghĩa đó, Như Lai sẽ nói thí dụ để các thiện nam tín nữ có được lòng tin thanh tịnh.

"Này A Nan! Ví như người câu cá, vì muốn có cá nên đã mắc mồi vào lưỡi câu, rồi thả xuống ao cho cá ăn. Khi con cá đã cắn mồi, ngay lúc ấy, tuy nó đang còn ở trong ao, nhưng chẳng bao lâu sau đó nó sẽ bị đem ra khỏi ao; vì sao vậy? Vì con cá ấy đã bị lưỡi câu móc chặt rồi! Con cá ấy, tuy ngay lúc đó nó ở dưới nước, nhưng nên biết rằng, nó chắc chắn phải ở trên bờ ao; vì sao vậy? Vì sợi dây câu kia đã được cột vào một gốc cây trên bờ ao, người câu cá vừa nhìn thấy thì biết ngay là con cá đã cắn mồi, bèn kéo sợi dây câu lên bờ, lấy con cá ra để dùng theo ý muốn.

"Như thế đó, này A Nan! Tất cả chúng sinh phát khởi lòng kính tín nơi chư Phật, trồng các căn lành, tu hạnh cúng dường, cho đến trong tâm phát được một niềm tin; tuy còn bị các nghiệp ác đã tạo ngăn che, phải đọa vào địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sinh, và các chốn đau khổ khác, nhưng nếu gặp lúc có đức Phật Thế Tôn ra đời, Ngài dùng Phật nhãn quán sát, thấy các chúng sinh đang tu tập hoặc Bồ-tát thừa, hoặc Duyên-giác thừa, hoặc Thanh-văn thừa; các chúng sinh này thì gieo trồng căn lành, các chúng sinh kia thì dứt mất căn lành, có các chúng sinh căn lành thấp kém, có các chúng sinh căn lành thắng tấn; lại có các chúng sinh gieo chủng tử nơi đất thánh hiền, cho đến một lần phát tâm cúng dường nơi phước điền Phật. Do căn lành này, đức Phật Thế Tôn dùng Phật nhãn quán sát thấy người ấy đã phát tâm thù thắng, bèn cứu vớt thoát khỏi chốn địa-ngục, đặt lên bờ niết-bàn, rồi khiến cho người ấy nhớ lại mình vốn đã trồng căn lành nơi đức Phật đó, ở thế giới đó, vào lúc đó. Người ấy nhớ lại rồi, bèn bạch rằng: [Vâng, đúng như vậy, bạch đức Thế Tôn!] Đức Phật kia bảo người ấy: [Này thiện nam tử! Ông nhờ căn lành này mà được phước báo lớn, được lợi ích lớn. Ông đã trồng căn lành bằng cách tu hạnh cúng dường chư Phật. Này thiện nam tử! Như thế là ông đã đem căn

lành gửi gấm nơi chư Phật, và sự gửi gấm ấy không bao giờ bị mất; dù có trải qua thời gian lâu dài đến trăm ngàn ức na-do-tha(70) kiếp, thì với căn lành kia, chắc chắn ông sẽ tiến đến tận cùng đạo quả niết-bàn.]

"Này A Nan! Trở lại thí dụ trên, con cá là dụ cho kẻ phàm phu, ao nước là dụ cho biển sinh tử, lưỡi câu là dụ cho chút ít căn lành đã gieo trồng nơi chư Phật, sợi dây câu là dụ cho bốn pháp thu phục, người câu cá là dụ cho chư Phật, tùy ý sử dụng con cá là dụ cho chư Phật đặt chúng sinh trên bờ giải thoát niết-bàn. Này A Nan! Sự việc diễn tiến tuần tự như thế đó. Thầy nên biết rõ, nếu cúng dường vào phước điền Phật, thì căn lành ấy, dù trải qua thời gian lâu dài, trọn không bao giờ hao mất, chắc chắn sẽ tiến đến tận cùng đạo quả niết-bàn!

"Này A Nan! Như Lai lại nói một thí dụ khác, để thấy rằng, nếu cúng dường nơi phước điền Phật, sẽ đạt được niết-bàn đệ nhất, niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Nếu có người yêu thích thế gian, họ sẽ làm các việc thế gian để mong cầu quả báo thế gian; đó là lẽ đương nhiên. Nhưng, nếu họ tu hạnh cúng dường chư Phật mà lại đem căn lành ấy hồi hướng về các cõi lành trời và người; hoặc có người gieo trồng căn lành nơi chư Phật, rồi nói rằng: 'Với căn lành này,

tôi nguyện đời đời không vào niết-bàn.' Này A Nan! Cả hai trường hợp trên đều không thể có, vì sao vậy? Này A Nan! Chư Phật là phước điền vô thượng. Thửa ruộng đó không có thứ gì dơ bẩn, không có cỏ dại, không có gai gốc, không có ham muốn, không có lỗi lầm, hoàn toàn thanh tịnh. Trong thửa ruộng như thế thì chỉ cần gieo một hạt giống phước đức, trồng một chút ít căn lành là có thể sinh trưởng; nhưng, nếu đem gieo trồng nơi các loại ruộng khác thì không thể sinh trưởng được.

"Có thể gieo trồng căn lành nơi ba loại bồ-đề: Đó là bồ-đề Vô-thượng, bồ-đề Duyên-giác và bồ-đề Thanh-văn. Căn lành được gieo trồng nơi ba loại bồ-đề đó thì không bao giờ bị tiêu mất. Do tâm cúng dường mà sinh lòng kính tin, làm nhân duyên tăng thượng để đến cõi lành, nhuần pháp thanh tịnh, và chắc chắn sẽ nhập vào cảnh giới niết-bàn.

"Này A Nan! Ví như ông trưởng giả làm ruộng, ông cày đất cho tơi và làm cho thật sạch sẽ, không còn các thứ gai gốc, cỏ dại, gạch đá, lại bón phân tốt cho đất được nhuận; còn hạt giống thì ông đựng trong đồ đựng quí giá, không để cho chúng bị hư mục. Đến khi thời tiết thích hợp, ông đem hạt giống gieo xuống ruộng, tưới nước, săn sóc cẩn thận. Này A Nan! Nếu ông trưởng giả kia đã để hết tâm lực

chuẩn bị ruộng đất kĩ càng như thế, rồi thỉnh thoảng ra thăm ruộng, ông đứng trên bờ ruộng nói với hạt giống ở dưới ruộng rằng: [Này các hạt giống! Chúng mày không được làm hạt giống, không được mọc mầm, không được lớn lên! Ta không cầu lợi lộc, cũng không cầu quả báo!] Này A Nan! Ý thầy thế nào? Ông trưởng giả làm ruộng kia có thể bảo hạt giống đừng làm hạt giống, đừng mọc mầm, được không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Bạch đức Thế Tôn! Ông trưởng giả kia không thể nói như vậy được, vì chắc chắn hạt giống sẽ mọc mầm, không thể nào không kết hạt."

Đức Phật dạy:

"Đúng vậy, đúng vậy, này A Nan! Nếu có người rất ham thích quả báo sinh tử trong ba cõi, nhưng lại gieo trồng căn lành nơi phước điền Phật mà nói rằng: [Với căn lành này, xin nguyện cho tôi không đạt được đạo quả niết-bàn.] Này A Nan! Người ấy không đạt được đạo quả niết-bàn, không thể nào có lẽ đó. Này A Nan! Người ấy tuy không mong cầu niết-bàn, nhưng đã trồng căn lành nơi chư Phật, thì Như Lai nói, người ấy chắc chắn sẽ tiến đến tận cùng đạo quả niết-bàn; dù có người chỉ một lần sinh khởi tâm kính tín đối với chư Phật, thì với căn lành

đó, người ấy cũng chắc chắn sẽ đạt được niết-bàn rốt ráo.

"Này A Nan! Trong đời vị lai sẽ có một vị vua của một nước ở biên địa. Ông tuy không hiểu gì về công đức và chánh pháp của chư Phật, nhưng khi trông thấy tinh xá và hình tượng của Phật thì liền sinh tâm kính tín. Này A Nan! Như Lai đã từng thọ sinh trong năm nẻo đường để tu tập hạnh Bồ-tát, và có lúc đã dùng bốn pháp thu phục là bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, để nhiếp phục vị vua biên địa kia. Bởi vậy, khi được thấy tinh xá và hình tượng của Như Lai thì ông liền sinh tâm kính tín; và do căn lành này, chắc chắn ông sẽ đạt được niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Vị vua biên địa kia có quần thần, có các vương tử và đại thần phụ tá, có thân thích cốt nhục và các bạn bè; sau khi Như Lai diệt độ, tất cả những vị đó trông thấy tinh xá và hình tượng của Như Lai, tuy không hiểu gì về công đức và chánh pháp của chư Phật, nhưng nhờ đã có chút ít căn lành đời trước, liền sinh tâm kính tín. Trong thời kì Như Lai tu tập hạnh Bồ-tát, Như Lai cũng đã từng dùng bốn pháp thu phục mà nhiếp phục những vị đó; và do được căn lành này gia trì, chắc chắn họ sẽ đạt được niết-bàn rốt ráo.

“Này A Nan! Như Lai suốt thời gian lâu dài thương xót chúng sinh, luôn dùng bốn pháp thu phục để nhiếp hóa, dùng giáo pháp của chư Phật để nuôi dưỡng.

“Này A Nan! Thầy hãy xem đó! Khi Như Lai đi trên đường, chỗ nào đất nhô cao thì khiến cho thấp xuống, chỗ nào trũng thấp thì khiến cho cao lên, thấp cao đều bằng phẳng; và khi Như Lai đi qua khỏi những chỗ ấy rồi, thì các thế đất thấp cao liền trở lại như cũ. Tất cả cây cối đều nghiêng mình hướng về Như Lai, các vị thần cây đều cúi đầu lễ bái; và khi Như Lai đi qua khỏi rồi thì cây cối liền đứng thẳng lại như cũ. Những gò đống hầm hố, những chỗ ô uế hôi hám, những lùm bụi gai gốc, gạch ngói ngổn ngang, tất cả đều được làm cho bằng phẳng, sạch sẽ, thanh tịnh, trang nghiêm, lại có hương thơm xông ngào ngạt, các loại hoa đủ màu rực rỡ trải khắp mặt đất; Như Lai bước trên đó mà đi qua.

“Này A Nan! Thầy hãy xem đó! Như Lai vốn tu tập các công đức lành, cho nên trên đường đi, không có chúng sinh nào mà không cúi đầu lễ bái; đến như các vật vô tình như đất đai, sườn núi, cây cối, dược thảo, ở nơi Như Lai đi qua, không có thứ gì là không nghiêng mình; vì sao vậy? Này A Nan! Trong thời kì Như Lai tu hành hạnh Bồ-tát, đối với chư vị sư

trưởng, Như Lai lúc nào cũng nghiêng mình lễ bái; đối với cha mẹ thì Như Lai tôn trọng hàng đầu, và lúc nào cũng nghiêng mình lễ bái; đối với các hàng kì lão tôn túc, trung niên, thiếu niên, thân thích, bạn bè, Như Lai đều nghiêng mình cung kính; đối với chư Phật, Bồ-tát, Duyên-giác, Thanh-văn, các bậc thiện tri thức, cả đến các hàng ngoại đạo, các tiên nhân chứng năm thần thông, các hàng sa-môn, bà-la-môn, tất cả những bậc như thế đều xứng đáng thọ nhận sự cúng dường, không có ai mà Như Lai không nghiêng mình khiêm cung kính lễ. Do phước báo của các nghiệp lành đó mà Như Lai chứng quả Vô-thượng Bồ-đề, Như Lai đã thành Phật; và ở những nơi Như Lai đi qua, tất cả các sự vật, hữu tình và vô tình, đều cúi đầu, nghiêng mình lễ bái. Này A Nan! Như Lai đã từng chí thành đem các tài sản quí báu, thanh tịnh, tự tay cúng dường các bậc sư trưởng, và bố thí cho các chúng sinh khác; do phước báo đó mà khi Như Lai đi đường thì mặt đất bằng phẳng, sạch sẽ, không có bùn lầy, không có gạch đá. Này A Nan! Trong đời quá khứ xa xưa, nơi những con đường mà chư Phật, Bồ-tát, thiện tri thức, Duyên-giác, Thanh-văn, và chư tiên ngoại đạo thường đi qua, Như Lai từng quét dọn sạch sẽ, không có bùn dơ; Như Lai cũng quét dọn và trang hoàng phòng xá cho các

ngài. Dù đi dù đứng nơi các tinh xá của chư Phật, Như Lai thường đem tâm từ, tâm bình đẳng, tâm không cao thấp, tâm không khúc khuỷu, tâm thanh tịnh để quét dọn, làm cho tinh xá lúc nào cũng sạch sẽ. Trong tất cả mọi thời gian, Như Lai thường cầu đạo quả Vô-thượng Bồ-đề, là vì tất cả chúng sinh, vì thương xót tất cả chúng sinh, vì làm cho chúng sinh an lạc, vì đem lại lợi ích an lạc cho các hàng trời, người.

"Này A Nan! Công đức về thân nghiệp của Như Lai rất thù thắng, khó biết, không có ngằn mé. Này A Nan! Như Lai muốn nói đầy đủ ý nghĩa này để các thiện nam tín nữ phát khởi lòng kính tin sâu xa đối với Như Lai. Này A Nan! Núi chúa Tu-di cao khỏi mặt biển tám vạn bốn ngàn do-tuần, phần chìm trong biển cũng sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần. Này A Nan! Khi Như Lai diệt độ, ngọn núi chúa cao lớn kiên cố ấy không thể nào không nghiêng mình, huống chi những núi đen, cây cối, cỏ hoa khác mà không nghiêng mình, thì không có lẽ đó. Này A Nan! Ngoài ngọn núi chúa Tu-di kiên cố ấy, còn có núi Thiết-vi cao mười sáu vạn tám ngàn do-tuần, cũng cứng chắc như kim cương, khi Như Lai nhập niết-bàn, những núi ấy đều nghiêng mình kính lễ; nếu chúng muốn tránh xa, không nghiêng mình kính

lễ, thì không có lẽ đó. Vì sao vậy? Này A Nan! Trong thời kì Như Lai tu hành hạnh Bồ-tát, tất cả chúng sinh làm sự nghiệp gì, Như Lai đều không xa lánh. Các chúng sinh căm giận, trái nghịch nhau, Như Lai làm cho họ hòa hợp; trước kia họ bất hòa, nay Như Lai khiến cho hòa hợp. Như Lai làm cho họ an trú vững chắc trong tâm từ, tâm lân mẫn, thật đầy đủ, không bị hủy hoại. Này A Nan! Do căn lành đó mà Như Lai có được thân không thể hủy hoại, và cũng khiến cho quyến thuộc được kiên cố, không thể hủy hoại. Này A Nan! Quyến thuộc kiên cố của Như Lai ở đây là giáo pháp không thể hủy hoại, đó là: bốn lĩnh vực quán niệm, bốn sự cần mẫn, bốn phép như ý, năm khả năng, năm sức mạnh, bảy yếu tố giác ngộ, và tám nguyên tắc hành động chân chánh. Này A Nan! Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này là đại quyến thuộc của Như Lai, chư Phật và các hàng Duyên-giác, Thanh-văn đều an trú trong đó; tất cả các chúng trời, người trong thế gian đều không thể làm cho hủy hoại được. Vì sao vậy? Này A Nan! Do giáo pháp này mà khi Như Lai nhập niết-bàn, tất cả mọi loài trong thế gian, từ chư thiên, Phạm vương, ma vương, sa-môn, bà-la-môn, người, a-tu-la, cho đến núi Tu-di, núi Thiết-vi, đại địa, cây cỏ, vân vân, không có loài nào là không nghiêng mình hướng về

Như Lai, thì còn ai mang tâm hủy hoại? Nếu có kẻ muốn hủy hoại, đó là điều không thể có được. Vì sao vậy? Này A Nan! Thân của Như Lai không thể hủy hoại, xá-lợi của Như Lai cũng không thể hủy hoại. Này A Nan! Như Lai thương xót tất cả chúng sinh, vì bản nguyện cho nên làm cho xá-lợi này phân nhỏ như hạt cải, khiến cho Phật pháp lưu bố càng thêm rộng rãi. Này A Nan! Trong thời kì tu hành hạnh Bồ-tát, Như Lai đã từng phát nguyện như vầy: [Khi tôi đã thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sau khi tôi nhập niết-bàn, nguyện cho xá-lợi của tôi được lưu bố rộng rãi.] Này A Nan! Vì bản nguyện đó, cho nên sau khi Như Lai diệt độ, xá-lợi của Như Lai sẽ được lưu bố rộng rãi. Các chúng sinh thấy Như Lai nhập niết-bàn thì chứng được thánh quả, cho nên, vì thương xót các chúng sinh kia mà Như Lai khiến cho xá-lợi này phân nhỏ như hạt cải. Này A Nan! Như Lai là bậc Chánh Biến Tri, khi thời khắc nhập niết-bàn đã đến, vì thương xót chúng sinh trong thế gian, liền nhập tam-muội, phân xá-lợi này nhỏ như hạt cải, mà thân Như Lai không bị đau đớn; tất cả xương cốt đều phân tán nhỏ như hạt cải, mà Như Lai không bị đau đớn. Như Lai thương xót và nhiếp thọ các chúng sinh kia, và cả các chúng sinh trong đời vị lai, khiến cho họ được an ổn ở các

đường lành. Họ tôn trọng nghinh tiếp, khiêm hạ cúng dường xá-lợi; dùng các thứ hương hoa, y phục, phướn lọng, âm nhạc để trang nghiêm cúng dường. Như Lai nói rằng, tất cả các chúng sinh đó chắc chắn sẽ tiến đến tận cùng đạo quả niết-bàn.

"Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ một trăm năm, ở thành Ba-li-phất, sẽ có vị quốc vương tên A Du Ca,(71) thuộc dòng họ Khổng-tước, rất kính tin Như Lai, chuyên dùng giáo pháp để trị đời, cho lưu bố rộng rãi xá-lợi của Như Lai. Nhà vua sẽ kiến lập tám vạn bốn ngàn ngôi tháp để thờ xá-lợi của Như Lai. Này A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Xá-lợi của Như Lai sẽ được lưu bố rộng rãi trong các hàng trời, người. Này A Nan! Hoặc có người hiện tại cúng dường Như Lai; hoặc có người, sau khi Như Lai diệt độ, cúng dường xá-lợi nhỏ như hạt cải của Như Lai; hoặc có người nằm mộng thấy tinh xá của Phật mà sinh tâm kính tín, Như Lai nói rằng, những người này, do căn lành ấy, sẽ chứng nhập cảnh giới niết-bàn rốt ráo.

"Này A Nan! Chư Phật ra đời trong đời vị lai đều xưng danh hiệu và khen ngợi công đức của Như Lai, cũng giống như Như Lai lâu nay từng khen ngợi công đức của chư Phật trong đời quá khứ.

“Này A Nan! Khi Như Lai nói pháp, các chúng sinh đều xa lìa trần cấu, chứng được pháp nhãn. Này A Nan! Các chúng sinh kia, trong thời kì Như Lai tu hành hạnh Bồ-tát, đều đã được thành thục trước rồi.

“Này A Nan! Nếu cúng dường nơi phước điền Tăng và chư Tăng trong bốn phương, công đức dù có thể cùng tận; nhưng cúng dường nơi phước điền Bích-chi Phật thì công đức không thể cùng tận, và cúng dường nơi phước điền Phật, công đức lại càng không thể cùng tận.

“Lại nữa, này A Nan! Như trước đây Như Lai đã từng nói, công đức cúng dường nơi bất cứ loại phước điền nào, đều chắc chắn sẽ đưa đến đạo quả niết-bàn rốt ráo. Này A Nan! Hoặc hiện thời cúng dường cho Như Lai, hoặc sau khi Như Lai diệt độ sẽ cúng dường xá-lợi của Như Lai, này A Nan, nếu có người nhớ nghĩ tới Như Lai, dù chỉ đem một bông hoa rải trên hư không, Như Lai dùng Phật trí thấy rõ, căn lành của người kia thật không thể lường, không thể nói hết được. Này A Nan! Người kia trồng căn lành, với tâm nhớ nghĩ tới Như Lai, dù chỉ dùng một bông hoa rải lên hư không, hết kiếp này lại bôn ba lưu chuyển, từ đầu đến cuối không thể biết được số kiếp; trong thời gian lưu chuyển đó, dù đã chỉ rải một bông hoa cúng dường Như Lai, phước báo của

người đó không thể nói cho cùng được. Người đó có thể làm Phạm Thiên Vương, Thích Thiên Vương, Chuyển Luân Thánh Vương, nhưng vì căn lành kia không thể cùng tận, cho nên người đó chắc chắn đạt đến cảnh giới niết-bàn rốt ráo. Vì sao vậy? Này A Nan! Người ấy cúng dường chư Phật đại thần thông một bông hoa như thế, thì có được lợi ích rộng lớn, phước báo vô lượng, công đức tích tụ lớn lao không có ngằn mé, không thể suy lường, chắc chắn sẽ đạt đến cảnh giới niết-bàn. Này A Nan! Người tạo được công đức ở nơi chư Phật thì được phước báo không ngằn mé, không thể suy lường; dù chỉ một lần phát tâm nhớ nghĩ tới Phật và sinh lòng kính tin, Như Lai nói rằng, người đó phạm hạnh rốt ráo, an ổn rốt ráo, tận cùng rốt ráo. Vì vậy cho nên, này A Nan, nếu có vị thiện nam hay tín nữ nào muốn cầu làm các vị chúa tể tự tại của thế gian như Phạm Thiên Vương, Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc trời Tứ-vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa-lạc, trời Tha-hóa-tự-tại(72) cùng các thiên chúng khác, và các bộ chúng rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, người, không phải người, thì nên như thế mà tôn trọng cung kính cúng dường chư Phật Thế Tôn; nếu muốn mong cầu các địa vị Thanh-văn, Duyên-giác, hay Vô-thượng Bồ-

đề, vị thiện nam hay tín nữ ấy cũng nên như thế mà tôn trọng cung kính cúng dường.

"Này A Nan! Trong đời quá khứ, khi Như Lai cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề, đối với vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật, Như Lai đã từng tôn trọng cung kính cúng dường, nào là y phục, các thức ăn uống, giường chiếu, thuốc thang; nào là các loại tràng hoa, hương xoa, hương bột, hương chiên đàn trầm thủy, phướn lọng quí báu. Sau khi Phật diệt độ, Như Lai lại kiến lập tháp miếu, dùng các thứ hương, hoa, kĩ nhạc, tôn trọng cung kính cúng dường. Như thế là vì Như Lai thương xót chúng sinh trong thế gian, đem lại lợi ích an lạc cho các hàng trời, người, những người chưa được độ thì khiến cho được độ, những người chưa giải thoát thì khiến cho được giải thoát, những người chưa an ổn thì khiến cho được an ổn, những người chưa đạt được niết-bàn thì khiến cho đạt được niết-bàn.

"Này A Nan! Như Lai đã từng dâng năm cành hoa ưu-ba-la cúng dường đức Phật Nhiên Đăng, và nhờ đó mà Như Lai chứng ngộ được vô-sinh pháp-nhẫn. Căn lành thì ít như thế, mà phước báo đâu phải là nhỏ! Như Lai do dâng năm cành hoa cúng dường đức Phật Nhiên Đăng và chút ít căn lành khác mà

được phước báo lớn lao như thế nào, này A Nan, thầy muốn biết không?”

Tôn giả A Nan bạch Phật rằng:

“Bạch đức Thế Tôn! Chúng con muốn nghe. Bạch đức Thế Tôn! Bây giờ thật đúng lúc. Cúi xin đức Thế Tôn chỉ dạy, đức Thế Tôn đã trồng chút ít căn lành nơi đức Phật Nhiên Đăng mà được phước báo như thế nào?”

Lúc ấy, đức Phật duỗi cánh tay phải sắc vàng ra, dùng ngón tay út phóng ra mùi thơm của hoa trời ưu-ba-la, xông khắp ba ngàn đại thiên thế giới chư Phật, tỏa khắp trăm ức chỗ nơi có mặt trời mặt trăng đang vận hành. Ở giữa các hàng trời, người và a-tu-la, đức Phật hiện bày sự việc diệu kì chưa từng có này. Đức Phật đã trồng chút ít căn lành nơi chư Phật và có được phước báo như thế nào, Ngài đều hiện bày đầy đủ, không hư dối, không thiếu sót. Lúc bấy giờ, đức Phật nói kệ rằng:

“Chư Phật thật không thể nghĩ bàn!
Giáo pháp của Như Lai cũng vậy.
Nếu tin điều không thể nghĩ bàn
Sẽ được phước không thể nghĩ bàn.
Một người trải qua vô lượng kiếp,
Bố thí cho tất cả chúng sinh
Có tư tưởng hay không tư tưởng;

Một người trải qua vô lượng kiếp,
Cúng dường tất cả Phật Bích-chi,
Các bậc vô lậu A-la-hán;
Một người cúng dường Phật tại thế,
Hoặc Phật sau khi nhập niết-bàn,
Mặc dù chỉ với một chắp tay,
Phước báo này hơn hai người trước!
Giới luật của Phật không khiếm khuyết,
Trong chánh định tâm được tự tại,
Phật nhãn không gì không thấy rõ,
Thấu suốt diệu pháp không nghi hoặc.
Ở nơi chư Phật tu tâm từ,
Ngày hoặc đêm dùng chút thời gian,
Cúng dường chư Phật phước vô lượng,
Trong ba cõi không gì so sánh.
Trải kiếp tăng-kì(73) trong quá khứ,
Như Lai nơi đạo tràng chư Phật,
Từng làm ánh sáng cho trời, người,
Tu các nghiệp lành không kể số,
Nên trong thời gian dài lưu chuyển,
Hưởng thọ phước báo không cùng tận.
Do phước báo đó làm nhân duyên,
Như Lai chứng thành bậc Chánh Giác.
Như Lai vì thương xót chúng sinh,
Đời đời thường tu hạnh cúng dường,

Vô lượng trăm ngàn ức chư Phật.
Phật không thọ kí cho Như Lai.
Đức Thế Tôn trên hết trời, người,
Biết Như Lai căn lành chưa đủ,
Dù tu thiện, không được thọ kí.
Như Lai vẫn trì chí kiên nhẫn,
Gặp lúc Phật Nhiên Đăng ra đời,
Liền cúng năm cành ưu-ba-la,
Tóc trải bùn thỉnh Phật đi qua,
Được chứng nhập vô-sinh pháp-nhẫn.
Đức Đạo Sư đứng trên hư không,
Thọ kí cho Như Lai, nói rằng:
[Đời sau trải kiếp a-tăng-kì,
Ông sẽ thành Phật, hiệu Thích Ca.]
Từ đó đến nay trong lưu chuyển,
Như Lai tu vô lượng nghiệp lành,
Chịu khổ cực vì thương chúng sinh,
Và vì cầu Vô-thượng Bồ-đề.
Vì thấy thế gian chỉ có khổ,
Như Lai thương xót thường bố thí,
Phước đức đó thật vô hạn lượng,
Chư Phật có nói cũng không hết!
Khi Như Lai tu hạnh Bồ-tát,
Ngày đêm thường hướng về chư Phật,
Xưng niệm danh hiệu để cúng dường,

Vô lượng ức kiếp, không kể số,
Một, hai, ba, bốn, năm, đến mười,
Hai mươi, ba mươi…, cứ xưng danh.
Vì thương chúng sinh mà tu hành,
Thường cúng dường chư Phật tối thắng.
Như Lai cũng tu hành khổ hạnh,
Từng nhẫn chịu vô lượng khổ sở,
Đời đời không bỏ tâm bồ-đề,
Tất cả chư Phật không sánh được.
Khi Như Lai lưu chuyển sinh tử,
Đã từng bỏ vạn ức đầu mình,
Bỏ quốc độ, vương vị quí báu,
Chỉ vì cầu được nghe giáo pháp.
Như Lai tâm cầu pháp vô thượng,
Niềm vui thâm sâu khó diễn tả,
Bố thí, trì giới và nhẫn nhục,
Tinh tấn, chứng ngộ quả Bồ-đề.
Uy lực chư Phật không nghĩ bàn,
Được kiến lập từ các công đức.
Bậc nói chánh pháp không nghĩ bàn,
Cũng hiển bày Bồ-đề thắng diệu.

Phẩm 11
TRỒNG CĂN LÀNH

Lúc bấy giờ đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Sau khi gặp đức Phật Nhiên Đăng, Như Lai lại gặp đức Phật Liên Hoa Thượng, Như Lai đã dâng cúng Ngài năm cành hoa bằng vàng để cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề.

"Sau đó lại gặp đức Phật Nhất Thiết Thế Gian Tối Thắng Tự Tại, Như Lai đã cúng dường Ngài cành hoa bằng bạc để cầu có được trí nhất thiết chủng.

"Sau đó lại gặp đức Phật Cực Cao Hạnh, Như Lai đã dùng đồng tiền quí báu dâng lên cúng dường Ngài, để cầu có được trí bất khả tri.

"Sau đó lại gặp đức Phật Thượng Dự, Như Lai đã dùng nhiều vật báu cúng dường Ngài, để cầu có được trí vô chướng ngại.

"Sau đó lại gặp đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Như Lai đã cúng dường Ngài nhiều loại hoa để cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề.

"Sau đó lại gặp đức Phật Đế Sa, Như Lai đã dùng bột chiên-đàn đỏ cúng dường Ngài để cầu có được trí vô chướng ngại.

“Sau đó lại gặp đức Phật Phất Sa, Như Lai đã phát khởi lòng tin sâu sắc đối với Ngài, đã chiêm ngưỡng Ngài bảy ngày bảy đêm không hề nháy mắt, đã đọc vô lượng bài kệ xưng tán Ngài.

“Sau đó lại gặp đức Phật Tì Bà Thi, Như Lai đã dùng đậu để cúng dường đức Phật ấy.

“Sau đó lại gặp đức Phật Thi Khí, Như Lai đã đem chiếc áo quí báu vô giá để cúng dường đức Phật ấy.

“Sau đó lại gặp đức Phật Tì Xá Phù, Như Lai đã đem những thức ăn uống trân quí để cúng dường đức Phật ấy.

“Này A Nan! Trong kiếp Hiền này, trước tiên Như Lai gặp đức Phật Câu Lưu Tôn, và theo Ngài tu hành phạm hạnh, cầu có được trí tự nhiên.

“Sau đó lại gặp đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni, Như Lai cũng theo Ngài tu hành phạm hạnh.

“Sau đó lại gặp đức Phật Ca Diếp, Như Lai cũng theo Ngài tu hành phạm hạnh.

“Như Lai ở nơi tất cả các đức Phật đó, đều cầu quả vị Vô-thượng Bồ-đề; cầu tự độ mình và độ những người chưa được độ; cầu tự mình được giải thoát và những người chưa được giải thoát thì được giải thoát; cầu tự mình chứng nhập niết-bàn và những người chưa chứng nhập niết-bàn thì được

chứng nhập niết-bàn. Này A Nan, thầy hãy xem đó! Như Lai đã cung kính tôn trọng cúng dường chư Phật Thế Tôn trong vô số kiếp, đầy đủ vô lượng các công đức lành, chỉ vì cầu quả vị Vô-thượng Bồ-đề; trước sau tuần tự như thế, thầy nên biết rõ.

"Tuy chỉ trồng chút ít căn lành nơi chư Phật, nhưng Như Lai đã có được công đức, thần thông và lợi ích rộng lớn như thế. Này A Nan! Căn lành mà Như Lai đã trồng nơi chư Phật tuy chỉ có chút ít, nhưng vì đó là căn lành của đạo quả Giác-ngộ không thể nghĩ bàn, cho nên ngày nay Như Lai mới có được phước báo không thể nghĩ bàn, không có ngằn mé, không ai ngang bằng, không có gì so sánh được! Thầy nên tin điều đó!"

Bấy giờ đức Phật muốn lặp lại ý nghĩa trên, bèn nói kệ rằng:

"Như Lai gặp đức Phật Nhiên Đăng,
Theo Ngài tu hành hạnh Bồ-tát,
Cúng dường Ngài năm cành hoa sen,
Liền được thọ kí đạo Vô-thượng.
Tiếp đến có Phật Liên Hoa Thượng,
Bấy giờ Như Lai cũng được gặp,
Cúng dường Ngài cành hoa bằng vàng,
Để cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề.
Tiếp đến có đức Đại Đạo Sư

Chư Thế Gian Tối Thắng Tự Tại,
Đức Cực Cao Hạnh, và Thượng Dự,
Phật Thích Ca, Đế Sa, Phất Sa,
Tì Bà, Thi Khí, Tì Xá Phù,
Phật Câu Lưu Tôn, Câu Na Hàm,
Ca Diếp, Như Lai đều cúng dường,
Để cầu đạo Bồ-đề Vô-thượng;
Còn nhiều Phật khác trong quá khứ,
Tất cả Như Lai đều cúng dường,
Vì thương xót tất cả chúng sinh,
Vì cầu đạo Bồ-đề Vô-thượng.
Như Lai cúng dường ngàn ức Phật,
Tích tập căn lành đã đầy đủ,
Hàng phục ma vương cùng quyến thuộc,
Đi trên đường an ổn không lo.
Như Lai chuyển pháp luân vô thượng,
Vì chúng sinh hiển bày chánh pháp,
Trời, người, khẩn-na-la, vân vân,
Đáng được độ, Như Lai độ hết.
Như Lai chỉ con đường an ổn,
Chư Phật, Thanh-văn đời vị lai,
Nếu muốn độ chúng sinh đau khổ,
Nên tu tập hạnh của Như Lai.

Phẩm 12
PHÓ CHÚC CHÁNH PHÁP

Lúc ấy đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Bây giờ Như Lai nói về công đức và lợi ích của ngày hôm nay, khi Như Lai đã chứng được đạo quả Vô-thượng Bồ-đề.

"Thuở xưa, khi Như Lai tu hành hạnh Bồ-tát, công đức và lợi ích của Như Lai, hàng Duyên-giác còn không có được, huống chi là hàng Thanh-văn và các chúng sinh khác. Này A Nan! Thuở xưa, khi tu hành hạnh Bồ-tát, trải qua thời gian dài, Như Lai đã từng tu khổ hạnh, bỏ cả vương vị, vợ con, thể nữ; bỏ cả tay chân, đầu mắt tai mũi, máu thịt xương tủy, cho đến thân mạng; và nhận chịu vô lượng khổ đau. Tất cả là đều vì chúng sinh để mong cầu đạo quả Vô-thượng Bồ-đề. Này A Nan! Tất cả những gì khó buông bỏ, Như Lai đã buông bỏ; và vì chúng sinh mà Như Lai đã chịu đựng bao khổ sở! Này A Nan! Công đức như thế, Như Lai nói không thể hết được. Này A Nan! Nếu có người khởi một niệm quí kính đối với việc tu khổ hạnh của Như Lai trong thời kì tu hành hạnh Bồ-tát, mà nói rằng: [Đức Thế Tôn đã vì chúng ta mà làm những việc khó làm, đã nhận chịu

vô lượng đau khổ!], này A Nan, Như Lai nói rằng, người đã khởi sinh một niệm như vậy, chắc chắn sẽ đạt được đạo quả niết-bàn. Người chỉ khởi sinh một niệm như thế mà còn đạt được đạo quả niết-bàn, huống chi người đã trồng nhiều căn lành nơi Như Lai! Này A Nan! Hoặc có người ngu muội chống lại, không tin, nghe những việc tu khổ hạnh của Như Lai trong thời kì tu hành hạnh Bồ-tát, đã không khởi sinh tâm bi, không nói Như Lai có lợi ích lớn, lại cũng không kính tin; vậy mà, nếu người này có pháp hành thù thắng, cũng có thể đạt được đạo quả niết-bàn. Này A Nan! Công đức và lợi ích của pháp hành thù thắng đó, hàng Duyên-giác còn không có được, huống hồ là hàng Thanh-văn và hàng phàm phu, có thể có được ư? Này A Nan! Tâm đại bi mà những người tu hành hạnh Bồ-tát có được, hàng Duyên-giác không thể có được. Này A Nan! Những ai có được tâm đại bi khi tu hành hạnh Bồ-tát giống như Như Lai, chắc chắn đều sẽ chứng được đạo quả Vô-thượng Bồ-đề. Vì vậy, pháp hành này thu nhiếp cả tâm đại từ và tâm đại bi. Do nhân duyên đó mà hàng Duyên-giác không có được pháp hành thù thắng, và không thể trở thành bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, không có đủ mười sức mạnh, bốn điều không sợ hãi, và tâm đại từ đại bi.

"Này A Nan! Thuở xưa Như Lai tu hành hạnh Bồ-tát, chỉ cầu pháp lành; đối với dòng sinh tử thì tâm luôn kinh sợ; đối với chúng sinh thì tu tâm đại bi. Lúc ấy, trong mộng Như Lai thấy núi Thiết-vi có chỗ bị sụp đổ. Trong thế giới ấy có các chúng sinh trong địa-ngục lớn, đang bị các ngục tốt hành hạ, thân thể dập nát, lửa cháy hừng hực bao chung quanh, trông như đống lửa lớn. Họ chịu khổ sở cùng cực, như cái khổ mất mạng. Như Lai đến nơi, các chúng sinh ấy đều chắp tay lễ bái, nói rằng: [Thưa nhân giả! Bây giờ Ngài đang sung sướng, còn chúng tôi thì đang chịu khổ sở tàn độc nơi địa-ngục. Nỗi khổ này rất khó chịu đựng, như nỗi khổ mất mạng; không có người cứu hộ, không có chỗ quay về! Thưa bậc đại trượng phu! Nếu Ngài muốn cứu chúng tôi thì chắc chắn Ngài có thể cứu được.] Này A Nan! Lúc ấy vẫn đang ở trong mộng, Như Lai liền phát khởi tâm đại bi, thương khóc cho các chúng sinh ở trong địa-ngục kia, đến nỗi nước mắt chảy nhiều như nước sông Hằng! Rồi Như Lai an ủi họ, nói rằng: [Này chư vị, xin đừng sợ hãi! Tôi sẽ cứu chư vị thoát khỏi nơi đau khổ.] Này A Nan! Bấy giờ Như Lai bảo các chúng sinh trong địa-ngục kia tụ tập lại một chỗ, rồi dùng bàn tay phải rờ khắp trên đầu họ, nói rằng: [Này chư vị, xin đừng sợ hãi! Tôi chắc

chắn sẽ cứu độ chư vị.] Như Lai nói lời ấy xong, tức thì bao nhiêu lửa trong địa-ngục đều tắt hết; chỉ trong khoảnh khắc, tất cả các chúng sinh kia đều được an vui. Này A Nan! Ngay sau đó Như Lai tỉnh mộng, liền giũ áo lấy nước mắt đựng vào bình. Này A Nan! Thuở xưa, khi đang tu hạnh Bồ-tát mà Như Lai đã có đầy đủ tâm đại bi như vậy, huống chi ngày nay Như Lai đã chứng được đạo quả Vô-thượng Bồ-đề. Này A Nan! Thầy nên biết, tâm đại bi như thế, hàng Duyên-giác cũng không có được, huống nữa là hàng Thanh-văn và người phàm phu! Này A Nan! Người nào có tâm đại bi như thế, tức là người đang tu hạnh Bồ-tát. Này A Nan, thầy hãy xem đó! Thuở xưa, trong thời kì tu hạnh Bồ-tát, Như Lai đã có đầy đủ tâm đại bi, thương xót và làm lợi ích cho chúng sinh, công đức ấy không thể nào nói cho cùng!

"Này A Nan! Đời quá khứ có một vị đại thương chủ, dẫn một đoàn thương nhân đi ra biển để tìm châu báu. Khi thuyền của họ đã chứa đầy của báu, và còn đang ở giữa biển thì bị bể nát. Lúc ấy các thương nhân vô cùng sợ hãi, lo lắng cực cùng, có người ôm được tấm ván thuyền, có người nổi trên mặt nước, cũng có người bị chết chìm… Này A Nan! Như Lai chính là vị thương chủ lúc bấy giờ, nhờ nắm một cái túi mà nổi được trên mặt biển.

Bỗng có năm thương nhân gọi vị thương chủ, nói rằng: [Thưa đại sĩ thương chủ! Xin Ngài bố thí cho chúng tôi sức vô úy!] Vị thương chủ nghe lời thỉnh cầu ấy, bèn trả lời rằng: [Quí vị trượng phu, xin đừng sợ sệt! Tôi sẽ đưa quí vị vào bờ yên ổn.] Này A Nan! Vị thương chủ lúc ấy đang mang một thanh kiếm bén bên mình, bèn suy nghĩ rằng: 'Phép tắc của biển cả là không dung chứa tử thi. Nếu bây giờ ta xả bỏ thân mạng thì các vị thương nhân này có thể được đưa vào bờ, thoát khổ nạn.' Suy nghĩ như thế rồi, vị thương chủ liền bảo các vị thương nhân kia bơi đến vây quanh bám lấy thân thể mình. Các vị thương nhân liền bơi đến, người thì ngồi trên lưng vị thương chủ, người thì bá vai, người thì nắm chân… Bấy giờ, vị thương chủ, vì muốn bố thí sức vô úy cho các vị thương nhân, bèn phát khởi tâm đại bi thật dũng mãnh, rút cây kiếm bén, nhanh chóng tự chấm dứt mạng sống của mình! Tức thì, thân xác của vị thương chủ nổi bềnh bồng, được nước biển xô đẩy vào bờ, đưa theo năm vị thương nhân lên bờ, thoát khỏi khổ nạn, trở về đất liền bình an. Này A Nan! Vị thương chủ thuở đó đâu có phải ai khác, mà chính là tiền thân của Như Lai vậy; và năm vị thương nhân kia chính là năm vị tì-kheo(74) ngày nay vậy. Năm vị tì-kheo này, ngày xưa được Như Lai cứu độ trên

biển cả, ngày nay lại được độ thoát ra khỏi biển cả sinh tử này, đến được bờ cõi niết-bàn an lạc.

"Này A Nan! Thầy hãy nghĩ xem, phải tu khổ hạnh đến thế nào mới gọi được là đầy đủ? Công đức nhiều đến thế nào mới gọi được là đại Bồ-tát? Này A Nan! Thầy nên biết, công đức ấy, hàng Duyên-giác không thể có được. Này A Nan! Công đức ấy của chư vị Bồ-tát, các đức Phật Bích-chi không thể có được, cho nên không thể trở thành bậc Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, không chứng được đạo quả Vô-thượng Bồ-đề. Này A Nan! Do tu khổ hạnh đến như thế nên được gọi là vị Bồ-tát đại bi thương xót tất cả chúng sinh.

"Này A Nan! Lại có kẻ ngu muội, không phát khởi lòng kính tin đối với Như Lai, do đó mà không gieo được hạt giống căn bản cho quả vị Vô-thượng Bồ-đề, cũng sẽ không chứng được niết-bàn vô thượng; nếu kẻ ấy phát khởi lòng kính tin đối với Như Lai, liền gieo được hạt giống giác ngộ, sẽ chứng được niết-bàn. Này A Nan! Tu hành phần ít thì được công đức phần ít; tu hành toàn phần thì được công đức toàn phần.

"Này A Nan! Như Lai lại sắp nói đến các công hạnh quyết định khác. Nếu có người, dù chỉ phát khởi một niệm kính tin nơi chư Phật, cũng đủ để tạo

nên hạt giống thiện lành, huống hồ còn trồng nhiều căn lành thù thắng khác nữa! Này A Nan! Nếu có người trồng căn lành nơi chư Phật, dù chỉ khởi một niệm nghĩ nhớ đến Phật, Như Lai nói rằng, người đó là nước cam lồ tối thượng. Này A Nan! Người tu hành nên nghĩ nhớ tới Như Lai về nhiều đặc tính khác nhau. Đó là nhớ nghĩ đến những gì Như Lai nhớ nghĩ, như nhớ nghĩ đến căn lành của Như Lai, nhớ nghĩ đến chủng tánh Mặt-trời của Như Lai; dòng họ Cam-giá của Như Lai là dòng họ cao thượng, không giống như các dòng họ khác. Chủng tánh Mặt-trời là làm ra ánh sáng, làm tan biến bóng tối. Này A Nan! Như Lai sinh ra trong dòng họ Thích; đó là chủng tánh thanh tịnh. Này A Nan! Hãy nên nhớ nghĩ đến sự sinh ra đời của Như Lai, nhớ nghĩ đến chủng tộc của Như Lai, nhớ nghĩ đến họ của Như Lai, nhớ nghĩ đến tài sản đầy đủ của Như Lai, nhớ nghĩ đến sự uy nghiêm của Như Lai, nhớ nghĩ đến quốc độ mà Như Lai đã sinh ra, nhớ nghĩ đến các tướng tốt chính của Như Lai, nhớ nghĩ đến các vẻ đẹp phụ của Như Lai, nhớ nghĩ đến mười sức mạnh của Như Lai, nhớ nghĩ đến bốn đức không sợ sệt của Như Lai, nhớ nghĩ đến mười tám pháp không cùng chung của Như Lai, nhớ nghĩ đến sự sống đầy đủ của Như Lai, nhớ nghĩ đến đời sống tốt đẹp của

Như Lai, nhớ nghĩ đến sự sáng suốt của Như Lai, nhớ nghĩ đến bản hạnh đầy đủ của Như Lai, nhớ nghĩ đến nguyện lực đầy đủ của Như Lai, nhớ nghĩ đến giới định tuệ giải thoát và giải thoát tri kiến đầy đủ của Như Lai, nhớ nghĩ đến từ bi hỉ xả đầy đủ của Như Lai, nhớ nghĩ đến oai nghi đầy đủ của Như Lai. Này A Nan! Nếu có người nhớ nghĩ đến nhiều công đức như thế của Như Lai, người ấy sẽ có được thần thông, lợi ích và công đức vô cùng rộng lớn, giống như cam lồ tối thượng trong các thứ cam lồ.

"Này A Nan! Thuở xưa, trong thời kì tu hạnh Bồ-tát, Như Lai đã thực hành hạnh bố-thí ba-la-mật. Như Lai dùng Phật trí quán sát, thấy công đức ấy rộng lớn vô biên; đó là chưa nói đến công đức thực hành các pháp khác nữa như trì-giới ba-la-mật, nhẫn-nhục ba-la-mật, tinh-tấn ba-la-mật, thiền-định ba-la-mật, và trí-tuệ ba-la-mật, thì rộng lớn biết chừng nào! Hơn nữa, trong lúc vị Bồ-tát kia chưa được thọ kí mà còn được công đức rộng lớn như thế, huống chi là công đức mà vị Bồ-tát kia có được sau khi đã được thọ kí! Còn nếu nói đến công đức có được sau khi vị Bồ-tát kia thành Phật, thì dù trải qua trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, cũng không thể nói cho cùng tận được! Vì sao vậy? Công đức của bậc Như

Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, là công đức vô lượng vô biên!

"Này A Nan! Như Lai dùng thật trí quán sát thấy những lợi ích như thế, nên đã nói những lời trên. Nếu có người nhớ nghĩ đến công đức của Như Lai trong thời kì tu hạnh Bồ-tát mà sinh lòng kính tin, thì do căn lành này, người ấy chắc chắn sẽ chứng được đạo quả niết-bàn trong đời vị lai. Vì vậy cho nên, này A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Như Lai vì làm lợi ích cho thầy và khắp hàng trời, người, nên đã dạy đạo pháp, khiến cho tất cả đều an ổn hướng đến đạo quả niết-bàn trong đời vị lai. Thầy và tất cả trời, người hãy siêng năng tu hành, không nên buông lung."

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo chư vị tì-kheo rằng:

"Như Lai sau nửa đêm hôm nay sẽ nhập niết-bàn. Hôm nay quí thầy hội họp với Như Lai lần cuối cùng, trông thấy Như Lai lần cuối cùng, tiếp nhận những giáo huấn cuối cùng của Như Lai; từ nay quí thầy không còn thấy Như Lai nữa, mà Như Lai cũng không còn thấy quí thầy nữa!

"Này các tì-kheo! Quí thầy hãy chấm dứt sự đau buồn! Tất cả những vật thích ý đều sẽ lìa tan. Này các tì-kheo! Pháp sinh, pháp có, pháp hữu vi, pháp sai biệt, pháp giác tri, đó là những pháp do nhân

duyên sinh khởi nên phải hoại diệt; nếu không hoại diệt là không có lẽ đó. Này các tì-kheo! Dù ai trụ thế lâu dài, rồi cuối cùng cũng phải ra đi. Này các tì-kheo! Phàm đã có sinh thì phải có tử. Tất cả các hành đều không thường còn, không cố định; không có vật gì vĩnh viễn không biến đổi. Này các tì-kheo! Sinh-tử là đau khổ, niết-bàn là an vui. Quí thầy nào chưa được niết-bàn mà muốn được niết-bàn, chưa đạt niết-bàn mà muốn đạt niết-bàn, chưa chứng niết-bàn mà muốn chứng niết-bàn, thì phải chuyên cần tu tập, không nên buông lung! Chư Phật Thế Tôn vì không buông lung nên đã chứng được đạo quả Vô-thượng Bồ-đề, đầy đủ tất cả các pháp lành trợ đạo. Vì vậy cho nên, này các tì-kheo, quí thầy nên tiếp nhận lời giáo huấn của Như Lai!"

Lúc bấy giờ, đại chúng tì-kheo, tì-kheo-ni, cư-sĩ nam, cư-sĩ nữ, trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, trời Phạm Thiên, trời Đế Thích, trời Tứ Vương, vân vân, nghe được những lời giáo huấn sau cùng của đức Phật, đều buồn khổ, đau xót như bị tên bắn, nước mắt chảy ràn rụa, than rằng:

"Đức Thế Tôn nhập niết-bàn sao mà nhanh thế! Đức Thiện Thệ nhập niết-bàn sao mà nhanh thế! Thế gian trở thành mù tối sao mà nhanh thế, vì con mắt

của thế gian sắp ẩn mất rồi! Chúng con cùng với viên ngọc quí của chúng sinh biệt li sao mà nhanh thế!”

Khi ấy, tôn giả A Nan nghe mấy lời than của đại chúng xong, liền chiêm ngưỡng đức Phật, mắt nhìn chăm chú không rời; rồi đau buồn, khóc thành tiếng, gieo mình xuống đất, như cây đại thọ bên sườn núi bị đốn ngã. Đức Phật bảo tôn giả A Nan:

“Thôi đi A Nan, thầy chớ nên lo buồn! Như Lai trước đây đâu phải đã không từng nói với thầy rằng, tất cả những gì xứng ý đều sẽ phải lìa tan? Pháp sinh, pháp có, pháp hữu vi, pháp sai biệt, pháp giác tri, đó là những pháp nhân duyên sinh, nên chắc chắn phải bị hủy diệt; nếu không hủy diệt thì không đúng lí.”

Tôn giả A Nan bạch Phật rằng:

“Bạch đức Thế Tôn, con làm sao không buồn cho được! Bạch đức Thiện Thệ, con làm sao không đau xót cho được! Con sắp phải biệt li với viên ngọc quí của chúng sinh, với bậc Đạo Sư của chúng sinh, bậc mà tất cả chúng sinh nương nhờ, bậc mà cả thế gian đều mong cầu và quay về, bậc Đại Sư của trời, người. Bởi vậy, bạch đức Thế Tôn, con làm sao không buồn cho được! Bạch đức Thiện Thệ, con làm sao không đau xót cho được!

"Bạch đức Thế Tôn! Con lấy làm lạ rằng, con sắp phải biệt li với đức Thế Tôn như thế, mà sao trái tim của con đã không bị vỡ ra thành trăm mảnh? Tại sao con đã không chết đi, mà vẫn còn sống ở đây? Bạch đức Thế Tôn! Con lại suy nghĩ rằng, sở dĩ con đã không chết đi là vì nhờ có thần lực của đức Thế Tôn gia trì!

"Bạch đức Thế Tôn, làm sao mà con không buồn! Bạch đức Thiện Thệ, làm sao mà con không đau xót! Bậc Đạo Sư của thế gian, bậc thương xót thế gian, bậc được tất cả chúng sinh nương tựa, sắp tới không còn trụ thế nữa, không bao giờ còn trông thấy lại được nữa!"

Bấy giờ đức Phật hỏi tôn giả A Nan rằng:

"Thầy thương quí Như Lai chăng?"

Tôn giả A Nan bạch:

"Dạ, con rất quí kính đức Thế Tôn!"

Đức Phật lại hỏi:

"Thầy quí kính Như Lai như thế nào?"

Tôn giả A Nan bạch:

"Con quí kính đức Thế Tôn không thể dùng lời nói hết được! Cũng không thể lấy gì để thí dụ được! Bạch đức Thế Tôn, con quí kính đức Thế Tôn như thế đó! Bạch đức Thế Tôn! Con có vì đức Thế Tôn mà xả bỏ thân mạng, con cũng không hối tiếc! Lòng

quí kính của con đối với đức Thế Tôn chỉ có đức Thế Tôn chứng tri. Bạch đức Thế Tôn, con quí kính đức Thế Tôn như thế đó! Bạch đức Thiện Thệ, con quí kính đức Thiện Thệ như thế đó!"

Đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Nếu thầy quí kính Như Lai như thế, thầy hãy đưa bàn tay phải của thầy ra đây!"

Tức thì, tôn giả A Nan đưa bàn tay phải ra. Đức Phật cũng đưa bàn tay phải của Ngài ra, với những ngón tay mềm mại màu hoàng kim, nắm lấy bàn tay của tôn giả A Nan, dạy rằng:

"Này A Nan! Nếu thầy quí kính Như Lai thì thầy nên làm công việc mà Như Lai hằng quí kính. Đó là công việc gì? Này A Nan! Kho tàng Pháp Bảo bồ-đề vô thượng mà Như Lai đã tích tập từ vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha a-tăng-kì kiếp, nay Như Lai đem phó chúc cho thầy! Thầy hãy tùy thuận chuyển bánh xe pháp này như Như Lai đã chuyển, khiến cho giáo pháp lưu truyền rộng rãi, không bị dứt tuyệt; đừng để cho mình biến thành kẻ giữa chừng tiêu diệt giáo pháp! Này A Nan! Như Lai sẽ hộ trì cho thầy, làm cho giáo pháp do Như Lai nói, được tăng trưởng, không tổn giảm, không hoại diệt. Như Lai sẽ nói thí dụ sau đây, người trí nghe thí dụ này sẽ hiểu ý của Như Lai.

"Ví như, có ông trưởng giả quí tộc vô cùng giàu có, kho tàng chứa nhiều của báu, không vật trân quí gì là không có. Ông chỉ có một người con trai. Khi người con đến tuổi trưởng thành, ông cho học tập các môn như lịch số, toán học, thư tịch, cùng các môn kĩ thuật cao thâm, trí tuệ sâu sắc khác. Sau đó ông trưởng giả quí tộc bảo người con rằng: [Những gì cần làm cho con, nay cha đã làm xong rồi. Con đã học các môn lịch, toán, vân vân đầy đủ cả rồi. Nay cha có lời cuối cùng muốn nói với con: Tất cả kho tàng quí báu của cha hiện có, nay cha giao phó hết lại cho con. Từ nay con nên học ba việc để có thể bảo tồn sự nghiệp của dòng họ chúng ta. Ba việc đó là gì? Một là mong muốn sống chân chánh, hai là siêng năng, ba là không buông lung.] Ông trưởng giả quí tộc cự phú kia đã khéo léo dạy con như thế đó, mà người con lại dại dột buông lung, phá tán hết tài sản của cha mẹ; này A Nan, ý thầy thế nào? Người con của ông trưởng giả có nghe lời dạy bảo của phụ thân không?"

Tôn giả A Nan thưa:

"Dạ thưa không, bạch đức Thế Tôn!"

Đức Phật lại hỏi:

"Này A Nan! Ông trưởng giả kia có làm tròn những việc cần làm cho người con không?"

Tôn giả A Nan thưa:

"Dạ thưa có, bạch đức Thế Tôn!"

Đức Phật dạy:

"Này A Nan! Như Lai là cha của thế gian; thầy như là người con. Đây là lời giáo huấn cuối cùng của Như Lai. Hôm nay Như Lai đem kho tàng Pháp Bảo vô thượng mà Như Lai đã tích tập trong trăm ngàn ức na-do-tha a-tăng-kì kiếp, phó chúc cho thầy! Quí thầy cũng nên học ba việc: một là mong cầu giải thoát, hai là siêng năng, ba là không buông lung. Nếu quí thầy giữ gìn được ba việc này thì kho tàng Pháp Bảo vô thượng của Như Lai sẽ được trụ thế lâu dài; những người chưa thông đạt được pháp lành thì khiến cho họ được thông đạt, những người đã thông đạt thì khiến cho họ tiến tới mãi. Vì vậy cho nên, quí thầy nên giữ gìn vững chắc kho tàng Pháp Bảo vô thượng mà Như Lai đã tích tập trong vô số kiếp. Những người chưa giữ gìn ba việc thì khiến cho họ giữ gìn, những người chưa thông đạt được pháp lành thì khiến cho họ được thông đạt, những người đã thông đạt thì khiến cho họ tiến tới mãi. Vì sao vậy? Vì Như Lai từ bi thương xót, muốn đem lại lợi ích cho thế gian, khiến cho chúng sinh được an lạc. Này A Nan! Như Lai đã làm xong công việc của người

cha đối với thế gian; và cũng đã làm xong những việc cần làm đối với quí thầy.

"Lại nữa, này A Nan! Kho tàng Pháp Bảo vô thượng bồ-đề mà Như Lai đã tích tập trong vô số kiếp, có thể sẽ bị ẩn mất do ba nhân duyên sau đây: một là không có lòng tin, hai là không có sự thực hành quyết định, ba là không sám hối. Vì vậy cho nên, này A Nan! Quí thầy hãy hộ trì kho tàng Chánh Pháp, phải vững chắc trong lòng tin sâu sắc, sự thực hành quyết định và tâm chân thành sám hối; phải làm ba việc: mong cầu giải thoát, siêng năng và không buông lung.

"Như thế đó, này quí thầy! Đối với giáo pháp, Như Lai được tôn xưng là cha của thế gian, và đã làm xong những gì cần làm cho người con. Do ý nghĩa đó, này A Nan, Như Lai lại nói thêm một thí dụ, khiến cho việc phó chúc kho tàng Pháp Bảo vô thượng này được thành tựu tốt đẹp. Với thí dụ này, người trí sẽ hiểu được ý của Như Lai, lại có được lòng kính tin sâu sắc mà nảy sinh ý niệm rằng: 'Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri, vì chúng ta mà lúc sắp nhập niết-bàn, đã dùng tay phải của Ngài cầm lấy bàn tay của tôn giả A Nan, phó chúc cho kho tàng Pháp Bảo vô thượng bồ-đề mà Ngài đã tích tập từ vô số kiếp.'

"Này A Nan! Ví như, có vị thương chủ đang đi trên đường xa; bấy giờ, những gì đáng làm ông đã làm xong. Vậy ý thầy thế nào? Vị thương chủ đó, lúc ấy đang trở về nhà, hay đang ở chơi giữa đường?"

Tôn giả A Nan thưa:

"Vị thương chủ đó đang trở về nhà, chứ không phải đang ở chơi giữa đường."

"Này A Nan! Như Lai là cha của thế gian, là người bạn thân thiết của thế gian, là bậc đạo sư của thế gian, cũng như vị thương chủ kia, đã dùng trí tuệ giác ngộ vô thượng mà làm xong những gì cần làm, không còn Phật sự nào phải làm nữa. Tất cả chúng sinh đáng được độ, đều đã được độ, đều đã được khéo léo điều phục.

"Này A Nan! Có ba điều nếu không đạt được đầy đủ thì Như Lai không nhập niết-bàn. Ba điều đó là: Trước hết là chư vị đại Bồ-tát chưa được an trú nơi quả vị bất thối chuyển. Này A Nan! Nếu vào lúc chánh pháp vô thượng của chư Phật ẩn mất, hoặc trải qua một kiếp, trăm kiếp, ngàn kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, trăm ngàn ức na-do-tha kiếp, mà chư vị đại Bồ-tát chưa chứng đạo quả Vô-thượng Bồ-đề, thì chư Phật, tuy giờ phút nhập niết-bàn đã đến, nhưng thấy căn lành của chư vị Bồ-tát ấy chưa thuần thục, vì khiến cho họ được thuần thục, được an trú nơi quả vị

bất thối, chư Phật sẽ dùng thần lực, giữ cho chính thân mình được trụ thế thêm, chờ cho tới khi chư vị Bồ-tát kia đạt được quả vị bất thối rồi, lại tuần tự thọ kí cho chư vị ấy được bổ xứ thành Phật; sau đó chư Phật mới nhập vô dư niết-bàn. Trong trường hợp của Như Lai, cho tới hôm nay, Như Lai đã thọ kí thành Phật cho Bồ-tát Di Lặc và trăm ngàn vạn ức na-do-tha chư vị Bồ-tát khác, khiến cho chư vị ấy đã an trú nơi quả vị bất thối chuyển. Đó là Như Lai thương xót chúng sinh, đã làm xong những việc cần làm.

"Thứ nữa, này A Nan! Nếu có các chúng sinh đáng được Như Lai độ thoát mà chưa được độ, thì Như Lai không nhập niết-bàn. Nếu có đức Phật Thế Tôn biết các chúng sinh kia, từ vô lượng trăm ngàn ức kiếp chưa từng được gặp chư Phật Thế Tôn khác ra đời, hoặc ở ngay thế giới của họ, hoặc ở các thế giới khác; các chúng sinh hiện có trong năm nẻo đường, trải qua một tuổi, hoặc trăm tuổi, ngàn tuổi, hoặc trăm ngàn tuổi, hoặc trăm ngàn ức na-do-tha tuổi, cho đến một kiếp hay hơn một kiếp, tất cả các chúng sinh ấy đáng được Phật độ thoát – chứ không phải đáng được các hàng Thanh-văn, Duyên-giác độ thoát, đức Phật Thế Tôn kia dùng Phật trí biết rõ như thế rồi, tuy lúc ấy giờ phút nhập niết-bàn đã đến, nhưng vì thương xót chúng sinh, Ngài dùng thần lực

tự giữ gìn thân mạng, chờ cho đến khi các chúng sinh kia tâm ý thuần thục, rồi mới độ thoát. Này A Nan! Đó là điều thứ hai mà chư Phật Thế Tôn, làm xong những gì cần làm, sau đó mới nhập vô dư niết-bàn.

"Sau nữa, này A Nan! Như Lai đã nói, những nghĩa lí sâu xa trong Kinh Luật Luận, các chúng hữu học(75) và vô học(76) của hàng Thanh-văn không thể bàn luận mà thông hiểu được. Khi ấy trong đại chúng, giả sử có vị tì-kheo, có điều nghi ngờ muốn hỏi, nhưng vì kính trọng Như Lai, sợ gây xáo động, nên không dám hỏi. Bấy giờ Như Lai dùng Phật trí quán sát biết rõ điều đó, liền hóa làm một vị tì-kheo, tiến đến chỗ Như Lai, hỏi rằng: [Bạch đức Thế Tôn! Việc làm này nên làm như thế nào?] Như Lai liền bảo vị tì-kheo hóa thân kia rằng: [Này tì-kheo! Việc làm đó, thầy nên như thế mà làm!]

"Này A Nan! Đó là ba điều mà chư Phật Thế Tôn chắc chắn phải làm, nếu chưa làm xong thì không nhập niết-bàn. Đối với tất cả mọi người, những gì cần làm hôm nay Như Lai đã làm xong, trọn vẹn đầy đủ. Như Lai không còn gì phải làm nữa, không còn gì phải nói nữa!

"Này A Nan! Hôm nay Như Lai đã vì hàng Thanh-văn mà nói việc tu học giới luật, vì chấm dứt

khổ đau mà chỉ bày chánh đạo. Vì vậy cho nên, này A Nan, này quí thầy! Từ hôm nay, điều gì Như Lai không nói thì quí thầy hãy cẩn thận, không nên nói; điều gì Như Lai đã nói thì đừng để cho tiêu mất! Này A Nan! Những điều Như Lai đã nói, quí thầy cứ như thế mà học tập, thực hành. Hãy cẩn thận, chớ nên buông lung chạy theo dục lạc! Không buông lung thì đạt được đạo quả. Do ý nghĩa đó mà Như Lai khuyên quí thầy không nên lo buồn.

"Này A Nan! Sau nửa đêm hôm nay Như Lai sẽ nhập niết-bàn! Hôm nay Như Lai rời bỏ quốc độ và cảnh giới của mình, sẽ không trở lại thế giới này nữa, cũng không sinh vào thế giới nào khác. Từ nay quí thầy không còn thấy Như Lai nữa, mà Như Lai cũng không còn thấy quí thầy nữa! Này A Nan! Như Lai sẽ nhập vô-dư niết-bàn, một cảnh giới tịch tĩnh, thanh lương, sạch băng trần cấu, không sinh, không già, không bệnh, không chết, không lo, không buồn, không khổ não, không thích ý, không hối hận, không có cảnh oán ghét gặp nhau, không có cảnh yêu thương nhau mà chia lìa, giống như cảnh giới của vô lượng chư Phật Thế Tôn và tất cả các hàng Thanh-văn, Duyên-giác đã ra đi, hiện đang ra đi, hoặc sẽ ra đi.

"Này A Nan! Thầy hãy quán sát để biết rằng Như Lai rất yêu thích cảnh giới niết-bàn kia; còn những kẻ phàm phu ngu si thì không yêu thích cảnh giới niết-bàn an lạc, tịch tĩnh, thắng diệu ấy; lại cũng không phát khởi một niệm muốn giải thoát. Nếu có người phát khởi một niệm muốn giải thoát, thì đó là hạt giống để đạt được đạo quả niết-bàn. Nhưng, này A Nan! Những kẻ phàm phu có được khả năng đó không? Tất cả hàng phàm phu đều yếu kém, không thể có được khả năng đó, không thể phát khởi một niệm muốn giải thoát. Nếu có thể phát khởi một niệm như thế thì nhất định có hạt giống niết-bàn.

"Này A Nan! Tất cả những kẻ phàm phu đều không có giới lực, định lực và tuệ lực. Như Lai đã có đầy đủ vô lượng Phật lực; đầy đủ vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn giới lực, định lực, tuệ lực, giải thoát lực, giải thoát tri kiến lực; đầy đủ tàm lực, quí lực, tích tập lực, trí lực, xả lực, phúc lực, tuệ lực, căn lực, gia trì lực; đầy đủ mười trí lực; cho nên rất yêu thích cảnh giới vô-dư niết-bàn. Có những kẻ phàm phu tối tăm vô trí, ít hiểu biết về giáo pháp, vui đắm trong ngục tù sinh tử, đến nỗi một niệm muốn giải thoát cũng không thể phát sinh được; thì này A Nan! Hãy khiến cho những kẻ ấy có được hạt giống căn bản của đạo quả niết-bàn. Này A Nan! Các kinh điển

và những gì Như Lai đã nói, đã xưng tán, đều được lưu lại trong đời vị lai. Sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người được nghe, nghe rồi thì phát tâm, người đó liền được nhập vào kho tàng chánh pháp, và tiến đến cảnh giới vô-dư niết-bàn. Này A Nan! Bây giờ Như Lai sẽ nói một thí dụ để làm rõ thêm ý nghĩa này.

"Này A Nan! Ví như có một vị thương chủ dẫn một đoàn thương nhân đi qua một vùng hoang dã đầy hiểm trở. Họ đã thoát được các nạn giặc cướp, và đến được thành Vô-úy. Nhưng có một thương nhân bị bỏ lại phía sau, vô cùng lo sợ, cứ tìm theo dấu chân của những người trước mà đi theo một cách khổ cực; cuối cùng, người này cũng qua khỏi được con đường nguy hiểm và gặp lại các bạn thương nhân kia. Này A Nan! Sau khi chứng quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, Như Lai đã diễn nói bao nhiêu kinh điển để lại cho đời vị lai; sau khi Như Lai diệt độ, nếu có người thiện nam hoặc tín nữ nào được nghe, nghe rồi liền phát tâm, thì họ sẽ đến được bảo thành chánh pháp do Như Lai lưu lại, và nhập vào cảnh giới vô-dư niết-bàn. Đến bảo thành chánh pháp rồi thì tư duy nhớ nghĩ, hộ trì diễn nói pháp bảo của Như Lai. Này A Nan! Như Lai vì một người mà còn phó chúc chánh pháp vô thượng, khiến thầy giữ gìn vững chắc, huống chi là đối với

vô lượng trăm ngàn chúng sinh. Vì vậy cho nên, hôm nay Như Lai đem kho báu chánh pháp vô thượng mà Như Lai đã tích tập trong vô số kiếp, phó chúc cho thầy. Quí thầy nên siêng năng đọc tụng, giữ gìn vững chắc, hãy vì bốn chúng mà diễn nói chỉ bày, đừng để mình trở thành kẻ giữa chừng hủy diệt chánh pháp.

"Này A Nan! Trong đời vị lai, nếu các chúng sinh không được nghe nghĩa lí kinh điển, thì đó là sự mất mát lớn. Ví như có ông trưởng giả giàu có tột bậc, kho tàng đầy ắp của cải châu báu, tất cả các vật dụng cần thiết đều có đầy đủ. Ông chỉ có một người con duy nhất. Một hôm, đúng vào lúc người con đang đi chơi ở một nơi thật xa, thì ông bị bệnh nặng, thân thể vô cùng đau đớn. Biết mình sắp chết, ông đem cả kho tàng tài sản, bao nhiêu châu báu vàng bạc, gửi gấm cho một ông trưởng giả khác, nói rằng: [Xin ông biết cho, con tôi đang đi chơi xa, mà hiện giờ tôi đang bệnh nặng, chắc không còn sống được bao lâu nữa. Tôi vì con tôi mà xin đem tất cả tài sản này gửi cho ông. Khi nào con tôi trở về, xin ông thay tôi mà dạy dỗ nó, bảo nó đừng sống buông lung, hãy giữ gìn vững chắc đức tánh không buông lung. Sau đó xin ông giao lại tất cả tài sản này cho nó, và khuyên bảo nó rằng: 'Này cháu! Cha cháu trước khi chết đã

vì cháu mà gửi tất cả tài sản này cho ta. Nay ta giao lại cho cháu. Từ nay tài sản này là của cháu. Cháu hãy nhận lấy, hãy giữ gìn cẩn thận, đừng buông lung, đừng để cho bị mất mát!'] Ông trưởng giả cự phú kia nói mấy lời ấy xong, liền đem tất cả tài sản quí báu của mình gửi hết cho ông trưởng giả bạn; ông này nhận lãnh đầy đủ. Sau đó không lâu, người con kia trở về, nhưng ông trưởng giả nhận giữ giùm tài sản kia, đã không giao tài sản ấy lại cho người con trai ấy. Này A Nan! Ý thầy thế nào? Đây là lỗi của ai?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Bạch đức Thế Tôn! Đó là lỗi của ông trưởng giả nhận tài sản gửi gấm; chứ không phải lỗi của ai khác. Vì sao vậy? Vì ông này đã đích thân nhận kho tàng tài sản do ông trưởng giả cự phú gửi gấm, nhưng rồi không giao lại cho người con của ông trưởng giả cự phú kia."

Đức Phật dạy:

"Này A Nan! Ông trưởng giả cự phú trên kia là dụ cho Như Lai. Sắp chết là dụ cho Như Lai sắp nhập niết-bàn. Một người con là dụ cho các thiện nam tín nữ ở đời vị lai. Đi chơi xa là dụ cho sự lưu chuyển trong năm nẻo đường. Kho tàng tài sản quí báu là dụ cho kho tàng Pháp Bảo vô thượng mà Như

Lai đã tích tập từ vô số kiếp. Ông trưởng giả nhận sự gửi gấm là dụ cho quí thầy, gồm chư vị đại Thanh-văn và đại Bồ-tát đang hộ trì chánh pháp. Như vậy, này A Nan! Kho tàng Pháp Bảo vô thượng mà Như Lai đã tích tập từ vô số kiếp, vì các thiện nam tín nữ trong đời vị lai, Như Lai đem phó chúc cho thầy và tì-kheo Đại Ca Diếp, Bồ-tát Di Lặc và chư vị đại Bồ-tát. Quí thầy hãy tùy thuận sự phó chúc này của Như Lai, và hãy trao truyền chánh pháp cho các hàng Phật tử tịnh tín trong đời vị lai. Vì sao vậy? Này A Nan! Có những chúng sinh đã thuần thục từ đời quá khứ, trong thời kì Như Lai còn tu hạnh Bồ-tát; nhưng do những nghiệp ác cũ mà phải đọa lạc trong các chốn địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sinh. Sau khi Như Lai diệt độ, những chúng sinh kia thoát khỏi ác đạo, được sinh làm người, các căn lành vốn có nay được tăng trưởng, trở nên thuần thục, rồi do chút ít nhân duyên mà sinh lòng kính tin đối với giáo pháp của Như Lai; trong số đó, có thể có người được xuất gia, được nghe kinh điển do Như Lai nói, rồi phát tâm tu hạnh thù thắng, hoặc ở nơi Thanh-văn thừa, hoặc ở nơi Duyên-giác thừa, hoặc ở nơi Đại thừa mà nhập niết-bàn.

"Này A Nan! Như Lai vì các thiện nam tín nữ trong đời vị lai mà phó chúc cho thầy kho tàng Pháp

Bảo vô thượng mà Như Lai đã tích tập từ vô số kiếp, khiến cho họ được nghe, vì sao vậy? Nếu họ không được nghe chánh pháp này thì đó là sự mất mát lớn lao. Vì vậy cho nên, hôm nay Như Lai vì các thiện nam tín nữ trong đời vị lai kia mà đem kho tàng Pháp Bảo phó chúc cho thầy. Nếu họ được nghe thì vô cùng lợi lạc. Do nhân duyên này mà Như Lai lại nói một thí dụ khác:

"Này A Nan! Ví như vị Chuyển Luân Vương mở rộng kho tàng, rồi ban lệnh cho các quan viên giữ kho rằng: [Các khanh hãy cúng dường cho chư vị sa-môn và bà-la-môn; hãy bố thí cho những người nghèo cùng, đi xin ăn và những kẻ qua đường. Hãy tùy theo nhu cầu của họ, ai cần thức ăn thì cho thức ăn, ai cần thức uống thì cho thức uống, cần xe thì cho xe, cho đến các loại hương, hoa, y phục, đồ nằm, nhà cửa, và những thứ khác cần thiết cho đời sống.] Các quan viên giữ kho được lệnh vua nhưng không thi hành lệnh ấy, không cúng dường, không bố thí. Này A Nan! Ý thầy thế nào? Đó là lỗi của ai?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Bạch đức Thế Tôn! Đó là lỗi của các quan giữ kho, chứ không phải lỗi của Chuyển Luân Vương."

Đức Phật dạy:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Này A Nan! Như Lai là Pháp Vương, trong vô số kiếp đã tích tập được kho tàng Pháp Bảo vô thượng như thế, từ khi giác ngộ rồi, Như Lai muốn cho kho tàng ấy được phát triển sâu rộng thêm, bèn đem chỉ bày diễn nói trong các hàng trời, người. Riêng về thầy, Này A Nan! Như Lai chỉ dạy cho thầy là vì muốn cho các hàng sa-môn, bà-la-môn và phàm phu có tâm kính tín, muốn tìm cầu nghĩa lí giáo pháp, tất cả đều phải được nghe. Bởi vậy, Này A Nan! Hôm nay Như Lai đem kho tàng Pháp Bảo này phó chúc cho thầy; nếu thầy không diễn nói rộng rãi cho các hàng tịnh tín sa-môn, bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ và phàm phu yêu thích nghĩa lí của giáo pháp, thì thầy sẽ có lỗi. Vì sao vậy? Này A Nan! Như Lai là Chuyển Luân Vương của Pháp Bảo vô thượng, có nhiều kho tàng công đức, nhiều pháp trợ đạo, đầy đủ bảy thứ pháp tài,(77) mười sức vô úy, hoàn toàn tự tại ở giữa vạn pháp, nên được gọi là Pháp Vương. Thầy nên giữ gìn kho tàng Pháp Bảo gồm tám vạn bốn ngàn pháp môn của Như Lai, và hãy vì chư vị tịnh tín sa-môn, bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ và phàm phu đang tìm cầu nghĩa lí của giáo pháp, mà diễn nói đầy đủ; đừng để mình trở thành người giữa chừng tiêu diệt chánh pháp! Vì vậy cho nên, này A Nan! Thầy hãy vì bốn

chúng(78) mà diễn nói rõ ràng Pháp Bảo vô thượng mà Như Lai đã tích tập từ vô số kiếp. Làm được như thế thì đối với Như Lai, thầy không có lỗi gì cả; nếu không làm được như thế thì thầy có lỗi rất lớn.

"Lại nữa, này A Nan! Đối với các vị tì-kheo A-la-hán, vì họ đã chứng pháp vô vi nên không thể diễn nói Pháp Bảo cho họ nghe được. Các vị này không giúp ích cho Như Lai làm bậc đạo sư cho thế gian, cũng không hộ trì chánh pháp của Như Lai; vì vậy cho nên hôm nay Như Lai đem kho tàng Pháp Bảo phó chúc cho thầy. Vì sao vậy? Này A Nan! Ví như có người ở một nơi tối tăm, cầm đuốc đi về nhà; lại có nhiều người khác cũng muốn rời khỏi chỗ tối tăm ấy. Người cầm đuốc kia, nhờ có cây đuốc mà đi về đến nhà; nhưng đến nhà rồi thì liền phá bỏ cây đuốc, chứ không đem cho mấy người đang cần đuốc kia. Này A Nan! Ý thầy thế nào? Người cầm đuốc kia biết rằng cây đuốc trong tay ông ta chưa cháy hết, đồng thời cũng biết rằng đám đông người kia đang cần đuốc để rời khỏi chỗ tối tăm; nhưng ông dùng xong thì liền phá bỏ cây đuốc, chứ không đem cho mấy người kia. Vậy có thể gọi ông ta là người tốt, đã có hành động chánh đáng được không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Dạ thưa không, bạch đức Thế Tôn!"

Đức Phật dạy:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Này A Nan! Nếu vị tì-kheo chứng quả A-la-hán, chứng pháp vô vi rồi, vị ấy cũng biết đại chúng đang cần thoát khỏi nơi tối tăm sinh tử, nhưng không vì họ mà diễn nói giáo pháp, không làm cho Pháp Bảo của Như Lai được lưu truyền rộng rãi, thì vị ấy không được gọi là vị đạo sư có ích lợi, không được gọi là người nhiếp thọ chánh pháp của Như Lai. Vì vậy cho nên, này A Nan! Hôm nay Như Lai đem kho tàng Pháp Bảo mà Như Lai đã tích tập trong vô số kiếp, phó chúc cho thầy. Thầy hãy giữ gìn vững chắc, và diễn nói rộng rãi cho mọi người được nghe; đừng để cho giáo pháp bị dứt tuyệt, đừng để mình trở thành người tiêu diệt chánh pháp ở đời sau!

"Này A Nan! Nếu có các hàng tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, đã tự mình an trú trong ngôi nhà Pháp Bảo, thì hãy vì họ mà diễn nói rõ ràng giáo pháp quí báu mà Như Lai đã tích tập từ vô số kiếp. Thầy hãy tiếp tục phó chúc cho họ, để họ cũng được dự phần trong công việc lưu truyền chánh pháp. Như vậy, này A Nan! Kho tàng Pháp Bảo mà Như Lai đã tích tập từ vô số kiếp, sẽ được phó chúc lần thứ hai, để đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh đời vị lai; đừng khiến cho các chúng sinh kia không được nghe

giáo pháp, vì nếu không được nghe thì đó là sự mất mát lớn lao của các chúng sinh ấy!

"Lại nữa, này A Nan! Ví như có ông trưởng giả giàu có tột bậc, kho tàng đầy ắp của cải châu báu, tất cả các vật dụng cần thiết đều có đầy đủ. Lúc bấy giờ, có kẻ oan gia đốt cháy kho tàng của ông. Ông trưởng giả có nhiều kẻ oán hận, kể cả bạn bè. Họ thường để tâm muốn làm điều bất lợi cho ông. Có kẻ không vui vì thấy ông luôn sung sướng; có kẻ không vui vì thấy ông được luôn an ổn. Những kẻ oan gia này, khi thấy kho tàng của ông trưởng giả bị lửa cháy thì cứ điềm nhiên đứng nhìn, không muốn giúp dập tắt đám lửa. Ông trưởng giả còn có các bạn bè thân thiện. Ông thường để tâm thương xót, giúp ích họ, luôn muốn cho họ được an ổn. Nhưng, những người này, khi thấy kho tàng của ông bị lửa cháy, cũng cứ điềm nhiên đứng nhìn, không muốn giúp dập tắt đám lửa. Này A Nan! Ý thầy thế nào? Những người bạn như thế, có thể được coi là thuận tình lí không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Dạ thưa không, bạch đức Thế Tôn!"

Đức Phật hỏi tiếp:

"Này A Nan! Những người bạn kia thấy đám lửa lớn đang đốt cháy kho tàng của ông trưởng giả mà làm ngơ không cứu, thì đám lửa kia lại càng cháy

mạnh thêm, cho đến khi cái kho tàng bị thiêu hủy hoàn toàn, có phải không?”

Tôn giả A Nan bạch Phật:

“Dạ đúng vậy, bạch đức Thế Tôn!”

Đức Phật dạy:

“Đúng vậy! Đúng vậy! Này A Nan! Kho tàng Pháp Bảo vô thượng mà Như Lai đã tích tập trong vô số kiếp, khi đến thời kì hoại diệt, có các vị tì-kheo tâm không kính tin, phá hủy tịnh giới, làm các việc ác, thường tới lui những nơi ca vũ, không thích hạnh li dục, không tu tập thiền định, tâm luôn tán loạn, lười biếng, ít nghe pháp, không thích đọc tụng; những vị tì-kheo như thế thì làm sao có thể diễn nói giáo pháp cho người khác, khiến họ được nghe và hành trì giáo pháp!

“Lại nữa, này A Nan! Ví như vị quốc vương chỉ có một người con trai duy nhất, đang du hành ở nơi xa xôi. Đúng lúc đó nhà vua bị bệnh nặng, liền đem kho báu và tất cả các thứ trân quí khác, giao phó cho các vị đại thần, bảo rằng: [Khi nào thái-tử trở về, các khanh hãy tôn thái-tử lên kế thế ngôi vua, rồi đem kho báu và tất cả mọi thứ trân quí giao lại cho thái-tử.] Các vị đại thần đều nhận lãnh sự phó thác của nhà vua, sau đó thì nhà vua mạng chung. Khi thái-tử trở về, liền được các vị đại thần tôn lên ngôi kế tục

làm vua, nhưng kho báu và các tài vật khác thì họ giữ lại. Họ tâu vua rằng: [Lành thay, thưa đại vương! Xin đại vương lấy chánh pháp để trị hóa nhân dân, còn các báu vật này thì xin ban cho chúng hạ thần!] Này A Nan! Ý của thầy thế nào? Những vị đại thần kia đã nhận lãnh sự phó thác của nhà vua, rồi lại làm như thế thì có lỗi không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Dạ, họ có lỗi, bạch đức Thế Tôn!"

Đức Phật dạy:

"Này A Nan! Vị thái tử du hành ở nơi xa xôi kia là dụ cho chúng sinh đang lưu chuyển trong năm nẻo đường. Nhà vua bị bệnh nặng là dụ cho Như Lai sắp nhập niết-bàn. Kho tàng với nhiều châu báu là dụ cho ba mươi bảy thiện pháp trợ đạo. Các vị đại thần là dụ cho các vị tì-kheo A-la-hán. Phó thác kho tàng bảo vật là dụ cho Như Lai đem kho tàng Pháp Bảo đã tích tập trong vố số kiếp này, phó chúc cho thầy và các đệ tử nối tiếp trong đời vị lai. Này A Nan! Trong đời vị lai có các chúng sinh, mà trong quá khứ đã được Như Lai giáo hóa thuần thục, nhưng do các nghiệp ác đã tạo mà phải bị đọa lạc trong các chốn địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sinh. Sau khi Như Lai diệt độ, khi họ đền trả hết quả báo ở các chốn đau khổ ấy thì mạng chung, và được sinh làm người; các căn lành

vốn sẵn có sẽ tăng trưởng thuần thục, họ phát khởi tâm kính tín đối với giáo pháp của Như Lai, có người ở tại gia tu hành, có người được xuất gia; có người chứng quả Tu-đà-hoàn, có người chứng quả A-la-hán; có người ở ngay nơi địa vị Hữu-học mà mạng chung, có người phát khởi lòng tin sâu xa nơi địa vị Phật-đà, có người trồng căn lành nơi các cõi Trời, Người; tất cả những người như thế đều sẽ được đầy đủ lợi ích. Những người có được tâm kính tín như thế, bèn nói rằng: [Đấng Cha Lành của thế gian đã khéo phó chúc cho chúng ta!] Do nói lời ấy mà tâm kính tín của họ lại càng thêm lớn mạnh.

"Này A Nan! Như Lai vì tất cả những chúng sinh kia mà đem kho tàng Pháp Bảo phó chúc cho thầy. Hãy khiến cho họ được nghe Pháp Bảo này. Vì vậy cho nên, Này A Nan! Thầy hãy tạo cơ hội cho tất cả các tịnh tín nam nữ được nghe Pháp Bảo của Như Lai! Nếu họ không được nghe thì thầy sẽ có lỗi lớn đối với Như Lai. Vì sao vậy?

"Này A Nan! Nếu các thiện nam tín nữ kia được nghe Pháp Bảo này, hoặc có người nghe rồi liền thành tựu được công hạnh thù thắng, hoặc có người nghe rồi thì khởi sinh niềm vui thích lớn lao, hoặc có người nghe rồi liền rơi nước mắt; này A Nan! Nếu lại có người nghe các pháp môn này rồi, liền nhớ

nghĩ tới công đức của Phật mà xúc động chảy nước mắt, Như Lai sẽ thọ kí cho tất cả những người như thế, do căn lành này mà tất cả sẽ được niết-bàn!

Phẩm 13
PHÓ CHÚC CHÁNH PHÁP
(tiếp theo)

"Lại nữa, này A Nan! Nếu có vị tì-kheo thọ trì các pháp môn của Như Lai rồi, có các vị thiện nam tín nữ đến muốn nghe pháp, nhưng vị tì-kheo ấy không vì họ mà diễn nói, thì vị tì-kheo ấy đã có lỗi lớn đối với Như Lai; vì sao vậy? Các vị thiện nam tín nữ kia đáng lẽ sẽ trở thành pháp khí(79) của Phật pháp, vì họ đã phát tâm vui thích muốn nghe pháp; nhưng vì vị tì-kheo kia không diễn nói, cho nên họ không được nghe. Vì các thiện nam tín nữ không được nghe pháp cho nên không những vị tì-kheo kia bị thối thất căn lành, mà cả các thiện nam tín nữ cũng bị thối thất căn lành. Sở dĩ như thế là vì sao? Vì vị tì-kheo kia không biết điều gì nên nói, và điều gì không nên nói! Này A Nan! Để làm rõ thêm ý nghĩa này, Như Lai sẽ nói thí dụ sau đây:

"Ví như có một người lái buôn, mang rất nhiều hàng hóa quí giá đến một vùng hoang dã đầy nguy hiểm, bày tất cả số hàng hóa quí giá ấy ra đất, rồi lớn tiếng bảo bọn giặc cướp rằng: [Ở đây tôi có nhiều vật quí báu hiếm có, các ông hãy cho tôi biết giá, tôi

sẽ bán cho các ông.] Này A Nan! Bấy giờ, bọn giặc cướp kéo ào tới, dùng dao gậy đánh đập người lái buôn, cướp hết hàng hóa quí báu mang đi. Này A Nan! Ý thầy thế nào? Người lái buôn kia có nên bày các đồ vật quí báu ở giữa chốn hoang dã, rồi kêu bọn giặc cướp đến mua không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Dạ thưa không nên, bạch đức Thế Tôn! Người lái buôn kia không nên đem những đồ vật quí báu bày ra nơi vùng hoang dã đầy hiểm nguy, huống hồ lại còn kêu bọn giặc cướp đến mua! Bạch đức Thế Tôn! Người lái buôn kia nên đựng các đồ vật quí báu trong bao, cột giây chắc chắn, mình mặc áo giáp, tay cầm khí giới để tự phòng vệ, đi qua khỏi nơi nguy hiểm một cách an ổn; đó mới là việc nên làm."

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn lại bảo tôn giả A Nan:

"Lại có một người lái buôn, từ phương xa, mang nhiều hàng hóa quí báu, đến nơi có dân cư đông đúc như kinh đô hay thành ấp xóm làng. Khi đã đến nơi rồi, người lái buôn kia liền mở bao, lấy hết hàng hóa quí báu bày ra đất. Lúc ấy có những người tốt tới hỏi mua các đồ vật quí báu, nhưng người lái buôn kia lại cầm dao gậy đánh đuổi họ. Này A Nan! Ý thầy thế nào? Người lái buôn hành động như thế có được gọi là khôn khéo không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Dạ thưa không, bạch đức Thế Tôn! Người lái buôn kia nên nói với những người tới mua hàng rằng: [Những hàng hóa này của tôi thật quí báu hiếm có, xin quí vị cho giá, tôi sẽ bán cho.] Bạch đức Thế Tôn! Người lái buôn kia nên nói như thế, chứ không nên bày hàng hóa ra đất, rồi dùng dao gậy đánh đuổi người mua."

Đức Phật dạy:

"Có những vị tì-kheo thọ trì các giáo pháp đang lưu thông như Khế-kinh, Trùng-tụng, Cô-khởi, Thí-dụ, Nhân-duyên, Tự-thuyết, Bản-sinh, Bản-sự, Vị-tằng-hữu, Phương-quảng, Luận-nghị, và Kí-biệt,(80) nhưng đối với những người có thể trở thành pháp khí của Phật pháp thì không nói cho họ nghe. Vì họ không được nghe pháp nên các tâm lành như lòng tin, lòng vui thích nghe pháp, vân vân, không phát sinh. Tâm lành không phát sinh thì họ không trồng được căn lành, không tu được các hạnh thù thắng để chứng được đạo quả niết-bàn. Ngược lại, đối với những người không muốn trở thành pháp khí của Phật pháp, thì những vị tì-kheo kia lại nói pháp cho họ nghe. Những người này tuy được nghe pháp nhưng đã không phát sinh tâm lành, lại còn khởi tâm hủy báng, gây các tội ác, đọa lạc vào ba đường dữ,

không được giải thoát. Này A Nan! Cũng như người lái buôn ngu si kia, chỗ nên mở bao vật báu ra thì không mở, chỗ không nên mở thì lại mở; chỗ nên rao bán thì không rao bán, chỗ không nên rao bán thì lại rao bán. Này A Nan! Nếu các thiện nam tín nữ có thiện tâm thanh tịnh, muốn nghe pháp, đó là vì họ muốn trở thành pháp khí của Phật pháp nên mới đến mong được nghe pháp; đây là trường hợp rất đáng nên nói pháp mà lại không nói, ngược lại, trong trường hợp không đáng nói pháp thì lại nói một cách mạnh dạn. Vì vậy cho nên, này A Nan! Nếu có những người muốn trở thành pháp khí của Phật pháp, phát khởi lòng tin sâu xa, vui thích mong cầu đạo quả niết-bàn như thế, thì hãy vì họ mà nói pháp; còn những người không muốn trở thành pháp khí, không có lòng tin, không muốn thấy lỗi mình, thích tìm vạch lỗi người, phá giới, làm các việc ác, không muốn thuận theo chánh pháp mà lúc nào cũng làm điều trái ngược với chánh pháp, thì đối với những người này, không nên nói pháp. Vì sao vậy? Đó là vì không muốn cho những mgười ngu si kia, nghe pháp xong thì tạo ra tội lỗi lớn. Vì vậy cho nên, này A Nan! Hãy cứ như thế mà làm: Nếu có thiện nam tín nữ muốn được thành pháp khí của Phật pháp mà vui thích nghe pháp, thì hãy siêng năng vì họ mà nói

pháp. Những người nghe pháp cũng phải nhiếp tâm chuyên chú lắng nghe. Này A Nan! Được như vậy thì cả hai bên đều được công đức rộng lớn vô lượng!

"Này A Nan! Theo ý thầy thì khu vực đất đai và khu vực chúng sinh, bên nào nhiều hơn?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Theo con hiểu ý nghĩa lời dạy của đức Thế Tôn, thì khu vực chúng sinh nhiều hơn khu vực đất đai."

Đức Phật dạy:

"Đúng vậy, đúng vậy, này A Nan! Như thầy vừa nói, chúng sinh thì nhiều, còn đất đai, kể cả nước, lửa, vân vân, thì ít hơn. Này A Nan! Chúng sinh trong ba ngàn đại thiên thế giới, có loài có thể biết được, có loài không thể biết được; có loài có thể thấy nghe được, có loài không thể thấy nghe được. Tất cả chúng sinh nhiều như thế, giả sử trong một sát-na đều được làm người đàn ông, rồi một sát-na tiếp theo tất cả đều chứng quả Bích-chi Phật. Lại nữa, này A Nan! Tất cả đất đai trong vô lượng vô số thế giới, đất đai ấy rộng lớn vô biên, không thể biết được ngằn mé; đem số đất đai rộng lớn này nghiền nát ra thành những hạt bụi nhỏ li ti. Giả sử, tất cả những hạt bụi nhỏ ấy đều được làm người đàn ông, rồi trong một sát-na, tất cả đều chứng quả Bích-chi Phật. Lại nữa, này A Nan! Trong vô lượng vô số thế

giới, có bao nhiêu các núi Tu-di, núi Thiết-vi, núi đại Thiết-vi, núi Tuyết, núi Hương, núi đen, vân vân, cho đến trong ba ngàn đại thiên thế giới, có bao nhiêu cây cỏ, rừng rậm, đều đem nghiền nát ra thành những hạt bụi nhỏ li ti, cùng với các loài có thể biết được, loài không thể biết được, loài có thể thấy nghe được, loài không thể thấy nghe được, tất cả đều được làm người đàn ông, rồi trong một sát-na, tất cả đều chứng quả Bích-chi Phật.

"Lại nữa, này A Nan! Giả sử, tất cả các vị Bích-chi Phật kia, trụ thế từ quá khứ cho đến vị lai, thọ mạng lâu dài không thể đếm biết được; và trong số vô lượng các người đàn ông trên kia, chỉ có duy nhất một người không chứng quả Bích-chi Phật, mà trở thành một vị đại trưởng giả. Ông trưởng giả này cũng sống từ quá khứ cho đến vị lai, thọ mạng lâu dài không thể đếm biết được. Và trong suốt kiếp sống lâu dài ấy, ông cúng dường cho vô lượng đức Phật Bích-chi kia, nào các thức ăn uống, y phục, nào giường ghế, thuốc thang, tất cả những thứ cần thiết cho đời sống. Sau khi một vị Phật Bích-chi nhập niết-bàn, ông xây tháp bảy báu, dùng các loại phướn lọng quí báu để trang hoàng, đem các loại hương hoa, âm thanh, kĩ nhạc trân quí nhất để cúng dường một cách cung kính, tôn trọng. Này A Nan! Ý thầy

thế nào? Ông đại trưởng giả kia cúng dường như vậy, được phước báo có nhiều chăng?”

Tôn giả A Nan bạch Phật:

“Theo con hiểu ý nghĩa lời dạy của đức Thế Tôn, nếu cung kính tôn trọng cúng dường một vị Phật Bích-chi, sẽ được phước đức vô lượng, không thể nghĩ bàn, huống chi là trong suốt đời sống lâu dài, cung kính tôn trọng cúng dường vô lượng đức Phật Bích-chi như thế!”

Bấy giờ đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

“Hôm nay Như Lai nói sự thật này cho thầy biết: Các vị Bích-chi Phật kia có đầy đủ giới, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến, xứng đáng thọ nhận mọi thứ cúng dường của ông đại trưởng giả. Bây giờ có một đức Phật Như Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri ra đời, không thọ nhận các thức ăn uống, y phục, giường ghế, thuốc thang của ông trưởng giả, cũng không nói pháp; nhưng ông trưởng giả chỉ cần được trông thấy đức Phật này thị hiện ra đời với oai nghi bình thường thôi, thì phước đức mà ông có được sẽ nhiều gấp trăm ngàn ức na-do-tha lần so với phước đức ông đã cúng dường vô lượng đức Phật Bích-chi kia. Vì sao vậy? Vì đức Phật Thế Tôn có đầy đủ vô lượng vô số công đức không thể nghĩ bàn. Này A Nan! Đó là chỉ nói đến oai nghi của Phật thôi, mà

phước đức còn không thể nói cho cùng tận như thế, huống chi là nói đến vô lượng các công đức lành khác của Phật!

"Này A Nan! Nếu cúng dường Phật Bích-chi thì được phước đức vô lượng vố số, nếu cúng dường Phật Thế Tôn thì được phước đức cũng vô lượng vô số, hai sự việc đó có gì khác biệt nhau? Này A Nan! Hai sự cúng dường này không phải là không có khác biệt. Này A Nan! Ví như có người đi sang xứ khác để mưu cầu lợi lộc, khi lợi lộc đã có được thỏa mãn rồi thì liền trở về nhà. Này A Nan! Phước đức cúng dường đức Phật Bích-chi, so với cúng dường Phật Thế Tôn, cũng giống như vậy. Này A Nan! Còn nếu có người cúng dường chư Phật thì phước đức có được không thể lấy gì để thí dụ. Vì sao vậy? Này A Nan! Phước đức của người cúng dường Phật nhiều vô lượng vô số, không có ngằn mé, không có gì sánh bằng, không thể nghĩ bàn. Này A Nan! Phước đức của người cúng dường chư Phật như thế nào? Như Lai sẽ nói thí dụ sau đây. Người có trí nghe thí dụ này sẽ hiểu rõ nghĩa lí.

"Ví như có người họa sĩ, tuy vẽ bức tranh rất đẹp, nhưng vẫn có vài chỗ còn vụng về; lại có người họa sĩ khác, vẽ bức tranh thật hoàn mĩ, hơn hẳn người kia. Như thế đó, này A Nan! Phước đức của người

cúng dường Phật Bích-chi có được, so sánh với phước đức của người cúng dường Phật, cũng giống như vậy. Vì sao thế? Này A Nan! Đức Phật Bích-chi, do có trí tuệ mà vị ấy được gọi là Phật Bích-chi; mà trí tuệ ấy lại phát sinh từ trí tuệ của Phật. Trí nhất thiết chủng của chư Phật thù thắng hơn trí tuệ của Phật Bích-chi rất nhiều. Vì vậy cho nên, này A Nan! Nếu trọn đời đem y phục, các thức ăn uống, giường ghế, thuốc thang, chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường chư Phật, thì phước đức có nhiều không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Bạch đức Thế Tôn! Nếu trọn đời chí thành cúng dường chư Phật như thế, thì phước đức nhiều vô lượng. Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người chỉ phát sinh một niệm kính tín đối với chư Phật, phước đức của người ấy còn nhiều vô lượng, không thể nghĩ bàn; huống chi là trọn đời chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường chư Phật!"

Đức Phật bảo tôn giả A Nan:

"Giả sử trọn đời đem mọi thứ phẩm vật chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường một đức Phật. Giả sử cúng dường hai, ba, bốn, năm, cho đến mười đức Phật, hoặc hai mươi, ba mươi, cho đến một trăm đức Phật, một ngàn, một trăm ngàn, một trăm ngàn ức

đức Phật, cho đến chư Phật nhiều như số tre trúc, lau sậy trong rừng đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới. Chư Phật nhiều như thế đều trụ thế lâu dài đến hằng sa kiếp. Bấy giờ có ông đại trưởng giả, cũng sống lâu đến hằng sa kiếp như các đức Phật kia, trọn đời đem các phẩm vật như y phục, các thức ăn uống, giường ghế, thuốc thang, chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường các đức Phật kia; sau khi có một đức Phật diệt độ thì xây tháp bảy báu, trang hoàng bằng các loại phướn lọng quí báu, dùng các loại hương thơm, hoa sen đủ màu, các thứ âm nhạc, chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường; này A Nan! Ý thầy thế nào? Phước đức của ông đại trưởng giả kia có nhiều không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Dạ thưa rất nhiều, bạch đức Thế Tôn! Ông trưởng giả kia đem các thức ăn uống trân quí cúng dường lên một đức Phật, phước đức có được còn nhiều vô lượng, không thể đếm số, huống gì là dùng các phẩm vật cúng dường lên chư Phật trụ thế dài lâu đến hằng sa kiếp! Rồi sau khi một đức Phật diệt độ, lại xây tháp bảy báu, dùng mọi thứ phẩm vật trân quí để cúng dường, thì phước đức có được không thể lấy gì để ví dụ!"

Đức Phật bảo tôn giả A Nan:

"Bây giờ Như Lai nói cho thầy nghe sự thật này: Nếu ông đại trưởng giả kia, chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường các đức Phật kia trong suốt thời gian trụ thế, sau khi chư Phật diệt độ, lại xây tháp bảy báu, dùng mọi thứ phẩm vật thắng diệu để cúng dường, ông trưởng giả sẽ có được phước đức rất nhiều. Này A Nan! Nếu có người thiện nam hoặc tín nữ, được nghe chư Phật diễn nói đạo bồ-đề, hiểu rõ và có đầy đủ lòng tin sâu xa rằng: Giáo Pháp thật là khéo nói, Tăng là người phát tâm tu tập hạnh lành; tin hiểu tất cả các hành là vô thường, tất cả thế gian là khổ, tất cả các pháp là không, là vô ngã, niết-bàn là tịch diệt an vui. Này A Nan! Người tin hiểu như thế, phước đức có được còn nhiều hơn phước đức cúng dường của ông trưởng giả vừa nói trên. Này A Nan! Nếu có người, chẳng những đã tin hiểu giáo pháp như thế, mà còn vì người khác diễn nói, thì phước đức của người này thật rộng lớn vô lượng, vô số, vô hạn, không thể nghĩ bàn, không gì sánh bằng. Vì sao vậy? Này A Nan! Kho tàng Pháp Bảo vô thượng ấy, đoạn đầu, đoạn giữa, đoạn sau, đều là pháp lành. Cho nên, công đức có được của người tu hạnh cúng dường, nếu đem so sánh với công đức của người xiển dương chánh pháp, chỉ nhỏ nhoi giống như hạt cải! Thầy nên biết như thế. Vì sao vậy? Này

A Nan! Cúng dường là pháp hữu lậu ở thế gian, đó là pháp sinh tử. Này A Nan! Kho tàng Pháp Bảo mà Như Lai đã tích tập trong vô số kiếp, do đoạn trừ sinh tử, xa lìa các loài tạp thực trong vòng lưu chuyển mà có. Cho nên, Này A Nan! Nếu có chúng sinh nghe được giáo pháp ấy thì ngay nơi thực tại sinh già bệnh chết, ưu bi khổ não này mà được giải thoát. Này A Nan! Xét theo ý nghĩa đó mà Như Lai nói rằng: [Có hai loại người có được phước đức lớn: một là người có tâm ân cần nói pháp, hai là người chí thành chuyên tâm nghe pháp.]"

Đức Phật dạy đến đây, tôn giả A Nan bạch:

"Bạch đức Thế Tôn! Nếu có người thiện nam hoặc tín nữ, có đầy đủ lòng tin sâu xa, chân thật tu hành, phân biệt rành rẽ các pháp môn, hiểu rõ Giáo Pháp thật là khéo nói, Tăng là người phát tâm tu tập hạnh lành; tin hiểu tất cả các hành là vô thường, tất cả thế gian là khổ, tất cả các pháp là không, là vô ngã, niết-bàn là tịch diệt an vui. Người khéo suy nghĩ, có chánh niệm thâm sâu như thế, được bao nhiêu phước đức?"

Đức Phật dạy:

"Này A Nan! Nếu có người thiện nam hoặc tín nữ chỉ biết một điều rằng, Giáo Pháp thật là khéo nói, Tăng là người phát tâm tu tập hạnh lành, người ấy

biết như thế rồi suy nghĩ chín chắn thâm sâu, và nhiếp tâm chuyên chú nghe pháp; được nghe pháp rồi, dù chỉ trong thời gian một cái khảy móng tay, người ấy lại suy nghĩ chín chắn thâm sâu rằng, Giáo Pháp thật là khéo nói, Tăng là người phát tâm tu tập hạnh lành, người ấy sẽ có được phước đức vô lượng vô biên; huống chi là người thiện nam hoặc tín nữ ấy suy nghĩ chín chắn thâm sâu, nhiếp tâm chuyên chú nghe pháp, nghe pháp rồi lại chân thật tu hành, hiểu rõ tất cả các hành là vô thường, tất cả thế gian là khổ, tất cả các pháp là không, là vô ngã, niết-bàn là tịch diệt an vui!

"Này A Nan! Giả sử chỉ trong khoảng một sát-na, tất cả chúng sinh ở trong vô lượng vô biên thế giới, đều được làm thân người; rồi cũng chỉ trong khoảng một sát-na, tất cả số người đó đều chứng thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Giả sử thọ mạng của các đức Phật kia, kéo dài từ lúc nào đó trong quá khứ không thể biết được, cho đến lúc nào đó trong vị lai cũng không thể biết được. Này A Nan! Giả sử trong số người kia, chỉ có một người không chứng thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, mà trở thành một vị đại trưởng giả, thọ mạng cũng dài lâu như thọ mạng của các đức Phật kia. Ông trưởng giả này, suốt đời cung kính cúng dường tất cả các đức Phật kia. Ông

dùng các phẩm vật như nhạc cụ, y phục, các thức ăn uống, giường ghế, thuốc thang để cúng dường. Sau khi các đức Phật kia diệt độ, ông lại xây tháp bảy báu, dùng các loại phướn lọng quí báu để trang hoàng, đem các loại hương hoa trân quí nhất hiện có trong đời, chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường. Này A Nan! Ý thầy thế nào? Vị trưởng giả kia cúng dường như thế, được phước đức có nhiều không?"

Tôn giả A Nan bạch Phật:

"Dạ thưa rất nhiều, bạch đức Thế Tôn! Nếu vị trưởng giả kia chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường chỉ một đức Phật, phước đức có được còn nhiều vô hạn lượng, không thể tính đếm, không thể so sánh, không thể nghĩ bàn; huống chi là suốt đời chí thành cung kính, tôn trọng cúng dường tất cả các đức Phật như thế, thì phước đức có được của vị trưởng giả kia, không thể nào suy nghĩ, lường tính được!"

Đức Phật dạy:

"Đúng vậy! Đúng vậy! Này A Nan! Như thầy vừa nói, phước đức mà ông trưởng giả kia có được, không thể nào suy nghĩ, lường tính được! Nhưng, này A Nan! Bây giờ Như Lai nói cho thầy biết sự thật này: Ông trưởng giả kia suốt đời chí thành cung

kính, tôn trọng cúng dường tất cả chư Phật, được nhiều phước đức, đã đành; nếu lại có người suy nghĩ chín chắn thâm sâu, và nhiếp tâm chuyên chú nghe pháp; được nghe pháp rồi, dù chỉ trong thời gian một cái khảy móng tay, tin hiểu rằng: 'Giáo Pháp thật là khéo nói, Tăng là người phát tâm tu tập hạnh lành, tất cả các hành là vô thường, tất cả thế gian là khổ, tất cả các pháp là không, là vô ngã, niết-bàn là tịch diệt an vui.', thì phước đức mà người này có được, không thể dùng loại thí dụ nào để có thể biết được!

"Này A Nan! Như Như Lai đã nói ở trước, có hai hạng người được phước đức rất lớn: một là hạng người chí tâm nói pháp; hai là hạng người chú tâm chuyên cần nghe pháp."

Lúc ấy đức Phật bèn nói kệ rằng:

"Vì hai loại nghĩa lí
Nên nghe lời Phật dạy
Tất cả lậu diệt hết
Là bậc Thánh giác ngộ
Nếu có người nói pháp
Và nghe chánh pháp Phật
Cả hai nhiều phước đức
Dựng nên các cờ tiên"

Bấy giờ đức Phật lại bảo tôn giả A Nan:

"Lại có hai hạng người đối nghịch với ma Ba-tuần: một là hạng người chí tâm nói pháp; hai là hạng người chú tâm chuyên cần nghe pháp. Vì sao vậy? Này A Nan! Hạng người có phạm hạnh đầy đủ như thế gọi là bậc thiện tri thức, và những người bạn lành thì tâm lành tuôn chảy. Vì sao vậy? Này A Nan! Nếu có người được gặp bậc thiện tri thức, gặp rồi thì từ nơi pháp sinh mà được giải thoát, cho đến từ nơi các pháp già, chết, lo buồn, khổ não mà được giải thoát. Này A Nan! Việc này ngày trước Như Lai đã bảo các vị Thanh-văn: Có hai nhân duyên có thể làm phát sinh chánh kiến: một là được nghe pháp từ người khác; hai là chính mình suy nghĩ chân chánh. Nên biết rằng, nghe pháp từ người khác tức là từ Phật; và biết suy nghĩ chân chánh cũng tức là từ Phật mà biết. Vì sao vậy? Này A Nan! Khi Phật chưa ra đời thì kẻ phàm phu tự mình không biết suy nghĩ chân chánh; khi Phật ra đời mới dạy cho họ biết việc ấy. Như Lai xét theo nghĩa lí mà nói như vậy, tức là, tự mình biết suy nghĩ chân chánh, cái biết đó là từ Phật sinh ra."

Bấy giờ đức Phật bèn nói kệ rằng:

"Lành thay bậc trượng phu
Chánh kiến tăng trí tuệ
Nếu người dứt nghi hoặc

Phàm phu được sáng suốt
Thấy bậc Thánh lòng vui
Được ở chung càng vui
Nếu là kẻ phàm ngu
Không được vui như thế.

"Vì vậy cho nên, này A Nan! Như Lai vì ý nghĩa ấy mà nói rằng, người đầy đủ phạm hạnh gọi là bậc thiện tri thức, và những người bạn lành thì tâm lành luôn luôn nối tiếp nhau tuôn chảy. Vì sao vậy? Này A Nan! Nếu có người được gặp bậc thiện tri thức thì tâm lành liền phát sinh, tâm lành đã phát sinh thì liền có niềm tin, niềm tin đã có thì làm việc gì cũng đều là việc lành, tất cả việc làm đều lành tức là pháp lành, đã được pháp lành tức được an trú trong pháp lành, đã an trú trong pháp lành thì đối với chư Phật Thế Tôn tâm luôn chí thành kính trọng, đối với Pháp và Tăng cũng vậy; sẽ tiếp nhận được giới mà các bậc Thánh quí kính, đó là giới tự tại, giới được người trí tán thán, giới đưa đến niết-bàn. Này A Nan! Như mây làm mưa, trút xuống đầy hố nhỏ, hố nhỏ đầy rồi thì tràn qua làm đầy hố lớn, hố lớn đầy rồi thì tràn qua làm đầy sông nhỏ, sông nhỏ đầy rồi thì tràn qua làm đầy sông lớn, sông lớn đầy rồi thì tràn ra làm đầy biển cả. Như thế đó, này A Nan! Nếu có người thiện nam hoặc tín nữ, được nghe lời Phật dạy thì

liền có căn lành, có được căn lành rồi thì được gần bậc thiện tri thức, được gần bậc thiện tri thức rồi thì được gặp nhiều bạn lành, được gặp nhiều bạn lành tức là được ở trong dòng chảy lành, được ở trong dòng chảy lành tức là có được pháp lành tối thắng, pháp lành tối thắng đó chính là tâm lành, có tâm lành rồi liền đúng như pháp mà phát tâm tu hành, chuyển dần đến chỗ rốt ráo thanh tịnh, rốt ráo phạm hạnh, và đó là rốt ráo cùng tột.

"Này A Nan! Thầy xem đấy, tất cả ngoại vật đều cùng lúc sinh trưởng, cho đến lúc hoa quả kết thành, không hề sai trái; huống chi là các hạnh lành mà quí thầy đã tu tập, lại có thể bị mất mát ư? Nếu bị mất mát thì không có lẽ đó! Vì vậy cho nên, này A Nan! Quí thầy hãy tu tập các hạnh lành! Không có người nào tu tập hạnh lành mà không được quả lành, hoặc quả lành bị mất mát. Này A Nan! Như Lai cũng đã từng tu tập các hạnh lành, và tất cả đều không bị mất mát. Này A Nan! Khi Như Lai còn trong thời kì tu tập hạnh Bồ-tát, tất cả các công đức lành do tu tập mà có được, đều kết thành phước báo, không hề mất mát. Này A Nan! Thầy xem đó, trên những con đường Như Lai đi qua, những chỗ gò đống, hố trũng, cao thấp, đều trở nên bằng phẳng; những nơi dơ bẩn hôi hám đều trở nên sạch sẽ thơm tho; cây cỏ, gai

gốc, lùm bụi, loại nào xấu dơ thì ẩn mất, loại nào tốt đẹp thì cúi đầu; các vị thần cây hiện thân nghiêng mình lễ bái; ở những đường lớn đường nhỏ nơi các thành ấp, mọi người thấy Như Lai đi qua đều theo Như Lai cùng đi; Như Lai đi qua khỏi rồi, tất cả các thứ đều trở lại như cũ. Này A Nan, thầy xem đấy! Như Lai trong đời quá khứ, đối với chư Phật, Bồ-tát, thiện tri thức, Thanh-văn, Duyên-giác, chư tăng, cha mẹ, kì lão, niên trưởng, sa-môn, bà-la-môn, Như Lai đều nghiêng mình cúi đầu, cho nên được phước báo tối thắng như thế. Này A Nan, thầy xem đấy! Những kẻ phàm phu ngu si, đối với các bậc tôn trưởng, không có tâm kính trọng, không lễ bái, một mực kiêu mạn, tự thị. Họ bị hại, bị trói buộc bởi tánh kiêu mạn. Này A Nan, thầy xem đấy! Những màng lưới mỏng nơi các kẽ tay kẽ chân của Như Lai, đó là tướng tốt do tu tập các hạnh lành mà có. Như Lai đã tu tập các hạnh lành bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự; và dùng các hạnh lành này để nhiếp hộ chúng sinh, mà không hề phân biệt đây là cha tôi, đây là mẹ tôi, đây là anh chị em, họ hàng và bạn bè của tôi. Như Lai đối với chúng sinh hoàn toàn bình đẳng, tâm không phân biệt. Này A Nan! Từ quá khứ xa xăm, không có chúng sinh nào mà Như Lai không dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự để nhiếp hộ;

đối với những kẻ phàm phu ngu si, Như Lai cũng nhiếp hộ như vậy. Nhưng vì họ không biết dùng những căn lành, những nhân duyên phước đức này, nên cứ phải chịu quả báo trong vòng sinh tử. Này A Nan! Như Lai giúp cho chúng sinh trồng căn lành để có được niềm vui phước đức, và nhiều người trong số đó do tự thân tu tập các nghiệp lành mà được phước báo. Nhưng, này A Nan! Tất cả những cái vui ở thế gian đều là vô thường, vì đó là pháp biến đổi; kể cả niềm vui phước đức kia cũng là vô thường. Trong thời kì Như Lai tu tập hạnh Bồ-tát, thường vì những kẻ phàm ngu mà làm cho họ thành thục Phật đạo, khiến cho họ thành tựu pháp vô vi của bậc Thánh, được niềm vui vô lậu. Niềm vui vô lậu này là thường, không biến đổi, không tiêu hoại. Vì vậy cho nên, này A Nan! Bậc Thánh trí thì tu tập các nghiệp lành; và bậc Thánh trí tu tập các nghiệp lành như thế thì gọi là chánh nghiệp. Này A Nan! Như Lai vốn cũng đã từng dùng Thánh trí này mà tu tập các nghiệp lành. Này A Nan! Như Lai lại nói đến các hạnh lành khác. Nếu có người vì đạo quả niết-bàn mà phát tâm tạo chỉ một căn lành nhỏ để gieo làm hạt giống, hoặc nghe Phật nói giáo pháp vi diệu, hiểu sâu nghĩa lí, nhớ nghĩ tới Phật, sinh tâm quí kính, nhớ nghĩ than thở mà rơi nước mắt. Người như

thế mà phải đọa vào các chốn địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sinh, là không có lẽ đó; người như thế mà không đạt được đạo quả Bồ-đề rốt ráo, cũng không có lẽ đó! Này A Nan! Lại có người cảm niệm công đức của Như Lai đã giác ngộ thật tướng của vạn pháp, rồi nhớ nghĩ than thở mà chảy nước mắt; này A Nan! Nếu người này bị đọa vào các đường dữ địa-ngục, ngạ-quỉ, súc-sinh, thì không có lẽ đó.

Vì vậy cho nên, này A Nan! Quí thầy chớ nên buông lung, hãy sử dụng phương tiện để tu tập các nghiệp lành. Này A Nan! Chư Phật đều do không buông lung mà tu tập đầy đủ các pháp trợ đạo; và cũng do không buông lung mà chứng đạo Bồ-đề. Này A Nan! Nếu có người mong cầu được thương xót, được giáo hóa, được lợi ích, được an lạc, thì quí thầy nên khởi tâm bi mẫn, theo lời dạy của Như Lai mà độ họ.

"Những gì đáng làm Như Lai đã làm xong. Quí thầy cũng nên làm như vậy; đừng để cho đạo chân thật bị dứt tuyệt, đừng để cho chánh pháp nhãn của Phật bị ẩn mất. Này A Nan! Quí thầy hãy làm cho pháp nhãn của Phật trường cửu ở thế gian, lưu bố rộng rãi ở khắp các hàng trời, người.

"Này A Nan! Hôm nay Như Lai đem kho tàng Pháp Bảo phó chúc cho thầy, chớ để cho nó bị hủy

diệt! Cứ như thế mà hành trì! Đó là giáo huấn của Như Lai.”

Phẩm 14
GIÁO HUẤN

Lúc bấy giờ tôn giả A Nan bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Nay chúng con tu hành Pháp Nhãn(81) như thế nào? Nếu chúng con tu hành Chánh Pháp Nhãn của Phật, làm thế nào để có trường cửu ở thế gian và lưu bố rộng rãi trong khắp các hàng trời, người? Bạch đức Thế Tôn! Chúng con kết tập Pháp Nhãn như thế nào? Diễn nói ra sao?"

Đức Phật dạy:

"Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, có chúng đại đức tì-kheo tụ họp để kết tập Kinh Luật, do đại đức Đại Ca Diếp làm thượng thủ. Này A Nan! Lúc bấy giờ chúng đại đức tì-kheo kia sẽ hỏi như thế này: [Đức Thế Tôn nói kinh Thí Dụ ở đâu? Nói kinh Nhân Duyên ở đâu? Nói đại tập pháp ở đâu? Nói ngũ pháp, tam pháp ở đâu? Chư thiên đến hỏi đạo ở đâu? Trời Đế Thích đến hỏi đạo ở đâu? Chư thiên giáng hạ nơi nào? Nói kinh Phạm Võng ở đâu?] Tuần tự như thế.

"Chúng đại đức tì-kheo kia lại hỏi thầy như sau: [Thưa tôn giả A Nan! Đức Thế Tôn nói Khế Kinh ở đâu? Nói Trùng Tụng ở đâu? Nói Kí Biệt ở đâu? Nói

Cô Khởi ở đâu? Nói Tự Thuyết ở đâu? Nói Nhân Duyên ở đâu? Nói Bản Sự ở đâu? Nói Bản Sinh ở đâu? Nói Phương Quảng ở đâu? Nói Thí Dụ ở đâu? Nói Vị Tằng Hữu ở đâu? Nói Luận Nghị ở đâu? Thưa tôn giả A Nan! Đức Thế Tôn nói tạng Thanh Văn ở đâu? Đức Thế Tôn nói tạng Duyên Giác ở đâu? Đức Thế Tôn nói tạng Bồ Tát ở đâu?]

"Này A Nan! Chúng đại đức tì-kheo kia hỏi như thế rồi, thầy nên trả lời như vầy:

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật mới thành Chánh Giác, đang ngự tại cội cây Bồ-đề, nước Ma-kiệt-đà…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại thành Già-da…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại cội cây Ni-câu-đà, xứ Tu-khổ-hạnh, nước Ma-kiệt-đà…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại vườn Lộc-dã, gần thành Ba-la-nại…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại núi Kì-xà-quật…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại núi Tì-phú-la…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại núi Bính-đề-ha, nước Ma-kiệt-đà…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại tảng đá vuông đen trong núi Tiên-nhân, thành Vương-xá…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại tu viện Cấp-cô-độc trong vườn cây Kì-đà, gần thành Xá-vệ…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại vườn cây Am-la, thành Tì-xá-li…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại giảng đường Trùng-các trong tinh xá Đại-lâm, bên bờ ao Nhĩ-hầu, thành Tì-xá-li…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự bên bờ ao Yết-già, thành Chiêm-ba…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại đỉnh núi Già-da, thành Già-da…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại vườn Cù-sư-la, nước Siểm-di…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại vườn A-du-xà trong rừng Ca-la-ca, thành Ta-chỉ-đa…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại vườn Ni-câu-đà, ở ngoại ô thành Ca-tì-la-vệ, trú xứ của dòng họ Thích-ca…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại vườn Cưu-cưu-tra, thành Ba-li-phất…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại rừng Tần-đà, gần thành Ma-du-la…..

[Đây là những điều chính tôi được nghe: Thuở đó đức Phật đang ngự tại rừng Ta-la-song-thọ, bên bờ sông A-lị-la-bạt-đề, ở ngoại ô thành Câu-thi-na, thuộc lãnh thổ trị vì của bộ tộc Lực-sĩ…..]

"Này A Nan! Tuần tự như thế, chỗ này chỗ khác, những nơi Như Lai đã nói pháp; chỗ này chỗ khác, những nơi đại chúng đã tụ họp; tùy theo thời tiết, tùy theo nghĩa lí câu nói, tùy theo nhân duyên phát khởi cuộc vấn đáp; tùy theo vì người mà nói hay vì sự việc mà nói, nhằm phân biệt rõ ràng trí biết của đối tượng nói pháp; tùy theo ý vị của danh xưng, nghĩa lí của câu nói mà tuần tự diễn nói mọi thứ; tùy theo đầu mối có nhân có duyên, nghĩa khéo ý hay, rộng

rãi vì người mà nói. Và kết kinh như vầy: [Phật nói kinh này rồi, tất cả đại chúng đều hoan hỉ, và ghi nhớ, hành trì.]

"Này A Nan! Thầy cứ theo cách đó mà kết tập Pháp Nhãn, hãy phân biệt mọi thứ như thế mà diễn nói rõ ràng."

Đức Phật dạy xong những lời như trên, đại địa liền chấn động sáu cách rất dữ, làm cho nhiều người sợ sệt đến dựng tóc gáy. Ngay lúc bấy giờ, toàn cõi thế giới ba ngàn này chấn động sáu cách: phía Đông vọt lên, phía Tây chìm xuống; phía Tây vọt lên, phía Đông chìm xuống; phía Nam vọt lên, phía Bắc chìm xuống; phía Bắc vọt lên, phía Nam chìm xuống; chính giữa vọt lên, ngoài biên chìm xuống; ngoài biên vọt lên, chính giữa chìm xuống; và hiện rõ mười tám tướng trạng: rung động, rung động khắp, rung động đều khắp, vọt lên, vọt lên khắp, vọt lên đều khắp, vang rền, vang rền khắp, vang rền đều khắp, gầm thét, gầm thét khắp, gầm thét đều khắp, khởi lên, khởi lên khắp, khởi lên đều khắp, thức tỉnh, thức tỉnh khắp, thức tỉnh đều khắp.

Cũng ngay lúc ấy, vô lượng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già, Đế Thích, Phạm Thiên, Hộ Thế Thiên Vương, Người, không phải người, đều buồn khóc,

nước mắt ràn rụa, than rằng: "Đức Thế Tôn nhập niết-bàn sớm quá! Đức Thiện Thệ nhập niết-bàn sớm quá! Con mắt của thế gian ẩn mất sớm quá! Con mắt của thế gian mù lòa mất đi sớm quá!"

Tôn giả A Nan cũng buồn khóc, chảy nước mắt than rằng: "Đức Thế Tôn nhập niết-bàn sớm quá! Đức Thiện Thệ nhập niết-bàn sớm quá! Con mắt của thế gian ẩn mất sớm quá! Con mắt của thế gian mù lòa mất đi sớm quá! Bậc Đạo Sư của thế gian ẩn mất sớm quá!"

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo:

"Này A Nan! Thầy chớ nên lo buồn! Tất cả pháp hữu vi, pháp sinh, pháp có, pháp phân biệt, pháp hiểu biết, pháp nhân duyên sinh, pháp hoại diệt, những pháp đó nếu không hủy diệt thì không có lẽ đó.

"Này A Nan! Trong thời gian lâu dài, thầy đã đem cả thân miệng ý từ hiếu hầu hạ Như Lai, một lòng một dạ, luôn luôn an lạc, không giận không hờn, không oán than trách móc. Do đó mà thầy có được công đức lớn, và sẽ được thần thông lớn, như cam lồ bậc nhất trong cùng tận cam lồ.

"Vì vậy cho nên, này A Nan! Đối với các bậc tu hành phạm hạnh, thầy cũng nên đem thân miệng ý từ hiếu mà cung kính cúng dường; hãy học theo những

điều Như Lai đã làm. Vì sao vậy? Này A Nan! Sau khi Như Lai diệt độ, trong đời vị lai, khi còn năm trăm năm nữa thì chánh pháp bị hủy diệt, lúc ấy, những người giữ giới, thực hành chánh pháp thì dần dần mất đi, còn những người phá giới, làm chuyện phi pháp thì đông đúc hưng thịnh. Người ta chỉ có hủy báng chánh pháp, mạng sống thì ngắn ngủi. Đó là thời kì chúng sinh hoại diệt, chánh pháp hoại diệt, tì-kheo tăng hoại diệt. Này A Nan! Đó là thời kì thật đáng sợ! Có các tì-kheo không tu thân, không tu tâm, không tu giới, không tu tuệ, chỉ tham đắm vào sáu thứ: bình bát, y phục, ăn uống, giường ghế, nhà cửa, và thuốc thang, thứ nào cũng phải thuộc loại thắng diệu. Họ lại còn tranh giành, kiện tụng, đem nhau lên cửa quan, miệng lưỡi chẳng khác nào dao kiếm. Họ phỉ báng nhau, ganh ghét nhau, tất cả đều chỉ vì y phục, bình bát, ăn uống, giường ghế, nhà cửa, thuốc thang. Tâm họ không còn thuần thục, mà chỉ ganh ghét nhau, đối xử với nhau bằng tâm dơ bẩn.

"Vì vậy cho nên, này A Nan! Đối với các bậc tu hành phạm hạnh, thầy nên đem thân miệng ý từ hiếu mà đối xử, nên cúng dường đầy đủ những vật dụng cần yếu. Đối với những bậc tu hành phạm hạnh, hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tin,

hoặc làm, không được gây não loạn. Nên tu học như thế! Vì sao vậy? Này A Nan! Đó là thời kì thật đáng sợ, đầy dẫy dơ bẩn: mạng sống dơ bẩn, số kiếp dơ bẩn, chúng sinh dơ bẩn, thấy biết dơ bẩn, phiền não dơ bẩn; con người lúc đó phải chịu đau khổ vô cùng, luôn luôn bị các nỗi khổ làm cho bức não, bị đói khát cùng cực, bệnh tật triền miên, giặc cướp hoành hành, hạn hán trầm trọng, nạn nước ngập tràn, trùng độc bức hại.

"Này A Nan! Lúc bấy giờ, các vị bà-la-môn, trưởng giả, cư sĩ, tuy cũng phải chịu chung những nỗi đau khổ ấy, nhưng do đã từng có lòng tin thanh tịnh, nên vẫn cung kính tôn trọng Phật Pháp Tăng, luôn luôn giữ vững lòng tin sâu sắc. Lòng tin Phật Pháp Tăng này chính là nhân duyên tốt, khiến cho họ vừa gặp các vị tì-kheo thì liền phát sinh niềm tin vững chắc. Họ cúng dường và tạo nhiều công đức. Họ thọ trì giới cấm, đọc tụng kinh điển, vì người mà giảng nói. Những người được nghe pháp đều rất hoan hỉ và tỏ lòng quí kính đối với họ. Họ y theo giáo pháp mà tu hành để trồng căn lành. Do căn lành đó mà sau khi mạng chung, họ được sinh về các cõi lành Trời và Người.

"Này A Nan, thầy hãy xem đó! Các vị tì-kheo xấu ác kia, do lòng tin mà bỏ nhà đi xuất gia; nhưng

khi đã được xuất gia rồi thì lại tham đắm sáu thứ y, bát, vân vân, phải đọa vào ba đường ác. Còn người cư sĩ tại gia, vì bị đau khổ bức não nên khởi tâm kính tin Phật Pháp Tăng, do lòng tin đó mà trồng được căn lành, được sinh về các cõi lành. Vì vậy cho nên, này A Nan! Hãy giữ đúng luật nghi cho thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp! Hãy quán niệm như thế này: [Tôi nguyện sớm có được đầy đủ tâm kính tín! Tôi nguyện sớm có được đầy đủ tâm chánh trực! Tôi nguyện tâm ý lúc nào cũng suy nghĩ đến điều lành!] Vì sao vậy? Này A Nan! Nếu không luôn suy nghĩ đến điều lành thì thân miệng ý sẽ tạo ra năm tội lỗi: 1) nói dối, 2) nói hai lưỡi, 3) nói lời thêu dệt, 4) tham dục, 5) sau khi chết phải đọa lạc vào ba đường dữ. Này A Nan! Người luôn suy nghĩ đến điều lành sẽ được công đức và năm lợi ích: 1) không nói dối, 2) không nói hai lưỡi, 3) không nói lời thêu dệt, 4) không tham dục, 5) sau khi mạng chung sẽ được sinh về các cõi lành Trời và Người. Lại nữa, này A Nan! Nếu người vì tranh giành mà thóa mạ hủy báng nhau, tâm không nhu hòa, tâm dơ bẩn biến hoại, thì người ấy sẽ tạo ra năm tội lỗi: 1) nói dối, 2) nói hai lưỡi, 3) đối với người giữ giới không sinh lòng kính tin, 4) tâm ý ác độc, ngày đêm lo âu khổ não, 5) sau khi mạng chung sẽ đọa vào ba đường dữ.

Này A Nan! Nếu lại có người luôn an trú trong tâm từ thiện, sẽ được công đức và mười một lợi ích: 1) có giấc ngủ an ổn, khi thức dậy tâm liền hoan hỉ, 2) không có ác mộng, 3) được loài người và những loài không phải người quí mến, 4) được chư thiên ủng hộ, 5) các chất độc không làm hại được, 6) binh khí không gây thương tổn được, 7) lửa không thể thiêu đốt, 8) nước không thể nhận chìm, 9) thường có đủ các vật dụng cần yếu như y phục, ăn uống, giường ghế, thuốc thang, 10) có được phong cách của bậc thượng nhân, 11) sau khi mạng chung sẽ được sinh lên cõi trời Phạm-thiên. Này A Nan! Người luôn an trú trong tâm từ thiện sẽ được công đức và mười một lợi ích như thế.

"Vì vậy cho nên, này A Nan! Dù ở lúc Như Lai còn tại thế, hay sau khi Như Lai đã diệt độ, quí thầy hãy tự thắp sáng ngọn đèn chánh pháp cho chính mình, hãy tự làm chỗ quay về nương tựa cho chính mình; đừng nên mong cầu ngọn đèn nào khác, đừng nên mong cầu chỗ quay về nào khác!

"Này A Nan! Thế nào là vị tì-kheo tự thắp sáng ngọn đèn chánh pháp cho chính mình, tự làm chỗ quay về nương tựa cho chính mình; thế nào là không mong cầu ngọn đèn nào khác, không mong cầu chỗ quay về nào khác? Này A Nan! Nếu có vị tì-kheo

tuần tự quán chiếu nơi thân mình một cách chuyên cần tinh tấn, một niệm không loạn động, dứt trừ tâm tham ái, ưu phiền đối với thế gian; quán chiếu nơi thân mình như thế, rồi quán chiếu nơi cảm thọ, nơi tâm thức, nơi các pháp cũng như thế, một cách chuyên cần tinh tấn, một niệm không loạn động, dứt trừ tâm tham ái, ưu phiền đối với thế gian; này A Nan! Như thế là vị tì-kheo tự thắp sáng ngọn đèn chánh pháp cho chính mình, tự làm chỗ quay về nương tựa cho chính mình, không mong cầu ngọn đèn nào khác, không mong cầu chỗ quay về nào khác.

"Vì vậy cho nên, này A Nan! Như Lai là bậc Đạo Sư, đối với hàng Thanh-văn, những gì cần làm Như Lai đã làm xong. Quí thầy cũng cứ theo như thế mà làm. Đó là giáo huấn của Như Lai. Quí thầy nên ở nơi tịch tĩnh, nơi bãi tha ma, nơi bãi đất trống, nơi nhà vắng, mà nhất tâm tu tập phép chỉ quán,(82) suy nghĩ đến việc chấm dứt cội gốc khổ đau, chớ có buông lung! Nếu quí thầy buông lung, về sau chắc chắn phải ưu phiền, hối hận.!"

Đến đây đức Phật liền nói kệ rằng:

"Như Lai đã chỉ con đường chánh
Đã nhổ các mũi tên vô trí
Quí thầy nên chuyên cần tu tập

Theo giáo pháp chư Phật đã nói
Nhằm gột sạch mọi thứ kiến chấp
Ngoài ra không con đường nào khác
Người nào tu thì được giải thoát
Có thể dứt trừ các ma nghiệp
Nếu ai tu hành theo con đường
Đúng như chư Phật đã chỉ dạy
Chắc chắn vượt thoát mọi khổ ách
Đầy đủ nguyện lực của chư Phật"

Đức Phật nói kinh này xong, tôn giả A Nan cùng chư vị tì-kheo, các chúng từ các nơi đến, các chúng Trời, Người, A-tu-la, Càn-thát-bà, vân vân tất cả thế gian, nghe Phật dạy xong, tùy theo tâm trạng mà người vui kẻ buồn, chắp tay cúi đầu, buồn đau rơi lệ, đấm ngực than khóc; tất cả đều ghi nhớ và hành trì.

CHÚ THÍCH:

(1) **Kinh Đại Bi** (Maha-karuna-pundarika) *ghi lại những lời dạy cuối cùng của đức Phật trước giờ phút nhập niết-bàn. Nội dung của những lời dạy này, điều vô cùng quan trọng mà đức Phật đã nhắc đi nhắc lại nhiều lần, là các đệ tử của Phật, từ đời này qua đời nọ, phải nối tiếp nhau truyền bá chánh pháp, làm cho chánh pháp lưu bố rộng rãi khắp các cõi Trời, Người, và tồn tại lâu dài ở thế gian, đem lại lợi ích, an lạc cho tất cả chúng sinh. Muốn thực hiện được công việc trọng đại đó –* hoằng hóa độ sinh *– các đệ tử Phật phải dũng mãnh phát tâm ĐẠI BI, tức lòng thương rộng lớn, muốn cứu độ tất cả chúng sinh thoát khỏi bể khổ sinh tử, chứng nhập cảnh giới niết-bàn an vui tịch tĩnh. Đó là ý nghĩa của tên kinh "Đại Bi". Kinh này đã được pháp sư Na Liên Đề Da Xá (Narendrayasas, 490-589) dịch từ Phạn văn ra Hán văn vào năm 570, tại kinh đô Nghiệp-thành của nước Bắc-Tề (550-577), Trung-quốc, được thu vào Tạng Đại Chánh, quyển 12, mang số 380, trang 945-973.*

(2) **Na Liên Đề Da Xá** (Narendrayasas, 490-589). *Ngài người nước Ô-tràn ở Bắc Ấn-độ, họ Thích-ca, thuộc dòng Sát-đế-lị, 17 tuổi xuất gia, tinh thông cả đại, tiểu thừa. Ngài thường vân du các nơi để đảnh lễ các di tích của đức Phật. Năm 556 ngài sang Trung-quốc, đến kinh đô Nghiệp-thành của nhà Bắc-Tề, được vua Văn-tuyên đế (550-559) kính lễ, mời trú tại chùa Thiên-bình để dịch kinh. Trong thời gian ngài dịch kinh và hành đạo ở Bắc-Tề thì vua Vũ đế (561-578) của nhà Bắc-Chu (ở phía Tây Bắc-Tề) đang ra sức tiêu diệt Phật giáo. Năm 576, sau khi thôn tính Bắc-Tề, vua Vũ đế của Bắc-Chu lại tiếp tục tiêu diệt Phật giáo ở Bắc-Tề, khiến ngài cùng bao nhiêu vị cao tăng khác phải ẩn trốn vào nơi núi rừng hoặc thôn quê hẻo lánh, khoác áo tục nhưng vẫn âm thầm hành đạo. Đến khi nhà Tùy dựng nước (năm 581), Phật giáo được phục hưng, ngài đã được Tùy Văn đế (541-604) mời về kinh đô, cư trú tại chùa Đại-hưng-thiện, cùng với các ngài Đàm Diên v.v... hơn 30 vị, chuyên về công tác dịch kinh. Năm 589 ngài viên tịch, thế thọ 100 tuổi. Trước sau ngài đã dịch được 13 bộ kinh, gồm hơn 70 quyển.*

(3) **Phạm Thiên** (Brahmadeva). *Chư thiên ở cõi trời Sắc-giới được gọi chung là "Phạm thiên". Các vị trời này đã xa lìa ái dục ở Dục-giới, tâm ý luôn được thanh tịnh, thường trực sống trong thiền định, nên gọi là "Phạm Thiên". Từ này cũng được dùng để chỉ riêng cho chư thiên ở cõi trời Sơ-thiền của Sắc-giới, có ba bậc từ thấp lên cao: 1) Phạm chúng thiên, tức thiên chúng của cõi trời Sơ-thiền này; 2) Phạm phụ thiên, tức các quan phụ tá cho vị trời chủ tể của cõi trời này; 3) Đại Phạm thiên, tức vị trời chủ tể thống lĩnh cõi trời này. Nhưng thông thường trong các kinh luật, như ở đây chẳng hạn, từ "Phạm Thiên" này được dùng để chỉ cho vị trời Đại Phạm Thiên Vương, cũng gọi là Phạm Thiên Vương, hoặc Phạm Vương, là chủ tể thống lĩnh cõi trời Sơ-thiền, và cũng là chủ tể của cõi Đại thiên thế giới, tức thế giới Ta-bà này. Có chỗ cũng nói rằng: chúa tể của một tiểu thiên thế giới (tức một ngàn tiểu thế giới) là trời Phạm Thiên Vương; và chúa tể của khắp ba ngàn đại thiên thế giới là trời Đại Phạm Thiên Vương.*

(4) **Ta-la-song-thọ** (Salavana): *tên khu rừng, nơi đức Phật nhập niết-bàn. "Ta-la" là loại cây rất cao và cứng chắc, từ một gốc mà mọc lên hai cây đứng song song, cho nên gọi là "ta-la-song-thọ". Hầu hết trong khu rừng này là loại cây này, cho nên được gọi tên như vậy.*

(5) **Câu-thi-na** (Kusinagara): *là kinh đô của nước Mạt-la (Malla), một trong 16 nước lớn ở Ấn-độ thời Phật tại thế. Thành Câu-thi-na cách thành Ca-tì-la-vệ khoảng 200 cây số về hướng Đông-Nam (nay thuộc địa phận xứ Terai của miền Nam nước Nepal). Ở ngoại ô thành này có rừng cây Ta-la, là nơi đức Thế Tôn nhập niết-bàn.*

(6) **Lực-sĩ:** *là từ được dịch ý từ chữ Phạn "Mạt-la" (Malla). Mạt-la vốn là tên của một bộ tộc rất có sức mạnh, một người địch muôn người; từ ý đó mà chữ Phạn "Mạt-la" đã được dịch ra Hán ngữ là "Lực-sĩ". Nơi bộ tộc Mạt-la sinh ra, được gọi là nước Mạt-la, có kinh đô là thành Câu-thi-na, thuộc miền Trung Ấn-độ, nằm ở phía Bắc sông Hằng và phía Đông-Nam thành Ca-tì-la-vệ.*

(7) **Niết-bàn** (nirvana). *"Niết-bàn" là trạng thái tâm đã dập tắt mọi phiền não, hoàn toàn vắng lặng; bởi vậy, nó đồng nghĩa với các từ "giải thoát", "trạch diệt", "li phiền". Nguyên lai, từ "niết-bàn" được dùng để chỉ cho trạng thái "lửa tắt" (hay "củi hết lửa tắt" – nghĩa là, con người khi thân xác và trí năng đều nguội lạnh thì tức là đã chết, giống như củi hết lửa tắt); về sau mới chuyển ra để dùng chỉ cho sự tận diệt lửa phiền não thiêu đốt và đạt tới trí tuệ siêu việt. Đó là cảnh giới giác ngộ, vượt thoát sinh tử, là mục đích thực tiễn tối hậu của Phật giáo. Như vậy, nguyên ý của từ "niết-bàn" là chỉ cho sự thành đạo của đức Thế Tôn, nhưng theo thói quen, nó thường được dùng để chỉ sự chết của Ngài (và các vị A-la-hán). Phật chết thì gọi là nhập niết-bàn, nhập diệt, diệt độ, hay viên tịch. Gọi như vậy cũng không có gì mâu thuẫn, vì thật ra, "niết-bàn" có hai loại:*

1) Hữu dư (y) niết-bàn: tức là vô minh phiền não đã hoàn toàn đoạn diệt, chứng nhập đạo quả giải thoát giác ngộ trọn vẹn, nhưng vẫn còn nương vào nhục thể như là một phương tiện cụ thể, cần thiết và hữu hiệu để độ sinh; đó là trường hợp đức Phật trong thời gian từ lúc thành đạo cho đến trước giờ phút nhập diệt.

2) Vô dư (y) niết-bàn: tức là khi cơ duyên hóa độ đã mãn, Phật lìa bỏ nhục thân tứ đại, nhập vào cảnh giới hoàn toàn vắng lặng của pháp thân thường trú, lìa hết mọi tướng sinh, tử, phiền não, bồ đề v.v...; đó là lúc Phật nhập diệt. Trạng thái niết-bàn của các vị thánh tăng cũng vậy.

Điều đó cho thấy, niết-bàn không phải là một cảnh giới tưởng tượng, một cõi vô hình ở một nơi huyền bí xa xăm nào đó, dành cho những người tu hành đắc đạo, sau khi chết sẽ sinh về đó để sống an vui vĩnh viễn. Niết-bàn là cảnh giới có thật, là trạng thái tâm linh của người khi đã đoạn sạch phiền não, dứt hết sinh tử, xa lìa mọi hành tướng, an trú trong thể tánh hoàn toàn thanh tịnh, sáng suốt, vắng lặng. Trong đời sống hằng ngày, nếu một người dứt trừ được tâm tham lam, người đó liền có được cái trạng thái niết-bàn nho nhỏ. Nếu dứt trừ được thêm tâm sân hận, trạng thái niết-bàn liền lớn hơn một tí... Nếu tham sân si vắng mặt được một phút thì hành giả có niết-bàn được một phút... Cứ thế, phiền não càng ít đi thì niết-bàn càng lớn lên; phiền não vắng mặt càng thường xuyên thì niết-bàn có mặt càng thường xuyên; phiền não vắng lặng hoàn toàn và vĩnh viễn thì niết-bàn sẽ trọn vẹn và vĩnh cửu. Trạng

thái niết-bàn ấy ra sao, chỉ có người chứng nhập cảnh giới ấy mới biết được; không thể diễn tả bằng ngôn từ, không thể hình dung bằng suy tưởng, cũng không thể trao truyền hay chia sẻ cho nhau cùng hưởng.

(8) **Ba lần chuyển bánh xe pháp** (tam chuyển pháp luân). *Có hai cách giải thích:*

A. *Chỉ cho đức Thế Tôn nói pháp Tứ Đế lần đầu tiên tại vườn Nai sau khi Ngài thành đạo, để độ cho năm vị sa-môn nhóm Kiều Trần Như. Khi nói pháp Tứ Đế này, đức Phật đã nói đi nói lại ba lần, với ba chủ ý khác nhau, gọi là* ***"tam chuyển pháp luân"****:*

1. Thị chuyển. *Đầu tiên, với chủ ý khai thị cho thấy, đức Phật đã dạy: "Đây là khổ. Đây là nguyên nhân của khổ. Đây là cảnh giới tịch diệt. Đây là các pháp môn tu tập để chứng đạt cảnh giới tịch diệt."*

2. Khuyến chuyển. *Sau đó, với chủ ý khuyên tu tập, đức Phật dạy tiếp: "Đây là khổ, quí vị nên nhận biết. Đây là nguyên nhân của khổ, quí vị nên đoạn trừ. Đây là cảnh giới tịch diệt, quí vị nên chứng đạt. Đây là các pháp môn tu tập để chứng đạt cảnh giới tịch diệt, quí vị nên tu tập."*

3. Chứng chuyển. *Cuối cùng, với chủ ý xác minh để gây tin tưởng, đức Phật dạy tiếp: "Đây là khổ, Như Lai đã thấy rõ. Đây là nguyên nhân của khổ, Như Lai đã đoạn trừ. Đây là cảnh giới tịch diệt, Như Lai đã chứng đạt. Đây là các pháp môn tu tập để chứng đạt cảnh giới tịch diệt, Như Lai đã tu tập."*

B. *Tông Tam Luận (Trung-quốc) đã chia toàn bộ giáo thuyết của đức Phật trong suốt cuộc đời hóa độ 45 năm của Ngài làm ba phần, với 3 chủ ý khác nhau, gọi là* ***"tam chuyển pháp luân"****:*

1. ***Căn bản pháp luân.*** *Trước tiên, ngay sau khi thành đạo, ở cội cây bồ đề, đức Phật đã trực tiếp nói giáo pháp căn bản nhất thừa cho hàng Bồ-tát lớn, trình bày cảnh giới giác ngộ mà Ngài vừa thực chứng; – đó là giáo nghĩa hàm chứa trong kinh Hoa Nghiêm, – gọi là "căn bản pháp luân".*

2. ***Chi mạt pháp luân.*** *Nhưng giáo pháp nhất thừa ấy quá cao sâu mầu nhiệm, con người độn căn phước mỏng không thể nào lĩnh hội được, cho nên, tiếp theo đó, trong suốt thời gian dài gần 40 năm (nếu kể thời gian hóa độ là 45 năm), đức Phật đã phải tùy theo cơ trí của đại chúng mà nói giáo pháp tam thừa (Thanh-văn, Duyên-giác và Bồ-tát),*

tức là Ngài đã phương tiện đem giáo pháp nhất thừa mà chia chẻ ra thành ngành ngọn, gọi là "chi mạt pháp luân".

*3. **Nhiếp mạt qui bản pháp luân.** Nhờ dùng nhiều phương tiện mà đức Phật đã đưa được vô số chúng sinh vào con đường giác ngộ giải thoát; cuối cùng, khi thấy cơ trí của phần đông đại chúng đều đã thăng tiến, thuần thục, có thể thọ nhận giáo pháp vi diệu, Ngài đã dùng những năm còn lại của cuộc đời hóa độ, thu nhiếp hết giáo pháp phương tiện của ba thừa mà qui kết về giáo pháp căn bản nhất thừa; – đó là giáo nghĩa hàm chứa trong các kinh Pháp Hoa, Niết Bàn, – gọi là "nhiếp mạt qui bản pháp luân".*

(9) **Ba ngàn đại thiên thế giới** (tam thiên thế giới – tam thiên đại thiên thế giới). *Nói đến "đại thiên thế giới" thì lấy "tiểu thế giới" làm đơn vị căn bản để tính. Một tiểu thế giới là một hệ thống thế giới gồm có: Ở trung ương là núi Tu-di, xuyên suốt qua biển lớn, đứng sừng sững trên địa luân. Dưới địa luân là kim luân. Dưới nữa là thủy luân. Dưới thủy luân là phong luân. Bên ngoài phong luân thuộc về hư không.*

Núi Tu-di, phần giữa thì nhỏ, phần trên và phần dưới đều lớn; cõi trời Tứ-vương ở bốn mặt sườn núi; cõi trời Đao-lợi ở trên đỉnh núi. Chung quanh chân núi được bao bọc bởi bảy lớp núi vàng và bảy lớp biển nước thơm – cứ một lớp biển thì một lớp núi, xen kẽ nhau. Ngoài lớp núi vàng có biển mặn. Ngoài biển mặn có núi Đại-thiết-vi, vây tròn như lan can, hình trạng gần giống như phần dưới của cái cối xay.

*Tầng hư không ở phía trên các cõi trời Tứ-vương và Đao-lợi, có các cõi trời Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa-lạc và Tha-hóa-tự-tại; đó là sáu cõi trời Dục giới. Trên nữa là mười tám cõi trời Sắc giới và bốn cõi trời Vô-sắc giới. Trên không của biển mặn, ở mỗi phương Đông, Nam, Tây, Bắc, đều có vô số tinh vân, trong đó có vô số thái dương hệ, vô số thế giới. Tinh vân ở trên không phía Đông của biển mặn được gọi là châu Đông Thắng-thân; phía Nam gọi là châu Nam Thiệm-bộ; phía Tây gọi là châu Tây Ngưu-hóa; phía Bắc gọi là châu Bắc Câu-lô. Cả thảy chín núi, tám biển, bốn châu, sáu cõi trời Dục giới như thế, lại thêm ba tầng trời của cõi Sơ-thiền bao trùm ở trên nữa, là **một tiểu thế giới**. Hợp lại 1.000 tiểu thế giới như thế, với 3 tầng trời của cõi Nhị-thiền bao trùm ở trên, là **một tiểu thiên thế giới**. Hợp lại 1.000 tiểu thiên thế giới, với 3 tầng trời*

*của cõi Tam-thiền bao trùm ở trên, là **một trung thiên thế giới**. Hợp lại 1.000 trung thiên thế giới, với 9 tầng trời của cõi Tứ-thiền và bốn cõi trời Không bao trùm ở trên, là **một đại thiên thế giới**.*

*Đại thiên thế giới, trong đó có **ba bội số ngàn**, cho nên cũng được gọi là **"ba ngàn đại thiên thế giới" (tam thiên đại thiên thế giới)**, hay ngắn gọn hơn là **"ba ngàn thế giới" (tam thiên thế giới)**.*

Như vậy, tam thiên thế giới hay tam thiên đại thiên thế giới, không phải gồm có 3.000 thế giới, mà là:

*(1.000 x 1.000 x 1.000 =) **1.000.000.000**, tức **một tỉ** thế giới.*

(10) **Kiếp.** *Thông thường chúng ta hay nói: kiếp trước, kiếp này, kiếp sau, v.v... Chữ "kiếp" đó có nghĩa là một đời người trong khoảng mấy chục hay một trăm năm, kể từ ngày sinh ra đời cho đến ngày chết. Trong kinh điển Phật giáo, chữ "kiếp" được dùng với ý nghĩa khác hẳn, không phải là một trăm năm, và không phải là quá ngắn ngủi như thế.*

***"Kiếp"** là tiếng nói tắt của Phạn ngữ "kiếp-ba" (kalpa); dịch ra Hán ngữ là "thời phần" hay "đại thời", nghĩa là một khoảng thời gian rất dài, không thể nào dùng số ngày, tháng, năm thông thường mà đếm được. Kiếp có đại, trung và tiểu khác nhau. Các kiếp đại, trung hay tiểu này đều y nơi mạng sống tăng và giảm của con người mà tạm tính toán. Theo như luận Đại Trí Độ nói, thọ mạng của con người từ mười tuổi, cứ mỗi một trăm năm tăng một tuổi, tăng cho đến tám vạn bốn ngàn tuổi thì ngưng; rồi lại cứ một trăm năm giảm một tuổi, giảm cho đến còn mười tuổi thì ngưng; một lần tăng và một lần giảm như vậy là một **tiểu kiếp**. Hai mươi tiểu kiếp là một **trung kiếp**. Trải qua bốn trung kiếp Thành, Trụ, Hoại và Không (hoặc tám mươi tiểu kiếp) là một **đại kiếp**. Đó là thời gian của một thế giới từ lúc hình thành cho đến lúc hủy diệt.*

Vậy:

- Một tiểu kiếp = (84000 - 10) x 100 x 2 = 16.798.000 năm.
- Một trung kiếp = 20 tiểu kiếp = 16798000x20 = 335.960.000 năm.
- Một đại kiếp = 4 trung kiếp = 335960000x4= 1.343.840.000 năm.

(11) **Thanh-văn** (Sravaka). *Theo ý nghĩa căn bản, các vị đệ tử xuất gia của đức Phật, được nghe giáo pháp do Phật chỉ dạy, giác ngộ chân lí bốn sự thật, tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo, diệt trừ kiến hoặc và tư*

hoặc, tuần tự chứng đắc bốn quả sa-môn (Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán), khi thời giờ đến thì nhập vô-dư niết-bàn, gọi là "Thanh-văn". Theo nghĩa rộng, các đệ tử Phật, ở bất cứ thời đại nào, xuất gia hay tại gia, dù không được trực tiếp nghe Phật chỉ dạy, nhưng có duyên lành được học tập và nghe giảng giáo pháp, đọc tụng kinh luận, hành trì giới luật, tỏ ngộ chân lí, dứt trừ phiền não, mê lầm, có được an lạc, giải thoát, gọi là "Thanh-văn".

(12) **Bồ-tát** (Bodhisattva): *là tiếng gọi tắt của tiếng Bồ-đề tát-đỏa. "Bồ-đề" nghĩa là giác; "tát-đỏa" nghĩa là hữu tình. Đó là những vị đã giác ngộ, rồi ra sức giáo hóa giúp cho người khác cũng được giác ngộ. Quí vị ấy cũng được gọi là Đại-sĩ, là tên gọi chung cho tất cả các hành giả đại thừa. Rõ ràng hơn, Bồ-tát là người vừa chuyên cần tu tập, phát huy trí tuệ để cầu chứng quả vị Vô-thượng Bồ-đề; vừa vận dụng tâm từ bi để hóa độ chúng sinh. Giác ngộ là* ***tự lợi****, độ sinh là* ***lợi tha****, thành tựu cả* ***tự lợi và lợi tha*** *mới gọi là Bồ-tát. Như vậy, bất cứ vị hành giả nào, dù thuộc Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh-văn hay Duyên-giác thừa, hễ vừa phát tâm cầu đạo Vô-thượng Bồ-đề, vừa phát tâm hóa độ chúng sinh, đều được coi là hành giả Bồ-tát thừa.*

(13) **Thiện Thệ** (Sugata): *là một trong mười danh hiệu của đức Phật. "Thiện" là tốt, "thệ" là đi. Phật tu tập theo con đường chân chánh để rồi vào cõi niết bàn; tức là Ngài đã hướng đến nơi tốt đẹp để đi tới, cho nên có tôn hiệu là "Thiện Thệ."*

(14) **Duyên-giác.** *Tiếng Phạn "Pratyeka-buddha", dịch ra âm Hán-Việt là "Bích-chi-phật"; có hai loại: 1) Những vị sinh nhằm thời Phật tại thế, được nghe Phật nói giáo pháp "mười hai nhân duyên", tu hành đoạn diệt vô minh, giải thoát dòng sinh tử, gọi là* ***Duyên-giác****; 2) Những vị sinh ra đời không gặp lúc có Phật tại thế, nhưng tự mình quán chiếu các cảnh hoa rơi lá rụng mà ngộ được lẽ vô thường, nhân đó mà tu đạo chứng quả, gọi là Độc-giác; cả hai quả vị này đều thuộc về Duyên-giác thừa.*

(15) **Đế Thích** (Sakra Devanam-indra): *cũng gọi là Thiên Đế Thích, Thích Đề Hoàn Nhân, Nhân Đà La, hay Kiều Thi Ca, là vị chúa tể của cõi trời Đao-lợi, ở trên đỉnh núi Tu-di. Cõi trời Đao-lợi là một trong sáu cõi trời Dục-giới.*

(16) **Hộ Thế Thiên Vương:** *tức Hộ Thế Tứ Thiên Vương, là bốn vị thiên vương ở cõi trời Tứ-vương (Tứ-vương thiên - Caturmaharajika-deva). Theo thế giới quan của Phật giáo, ở lưng chừng núi Tu-di lại có một ngọn núi chia làm bốn đầu, xoay ra bốn hướng Đông, Nam, Tây, Bắc. Mỗi đầu do một vị thiên vương cùng toàn bộ thiên chúng thuộc quyền cư trú. Vị thiên vương trấn ở đầu núi phía Đông tên là Trì Quốc (Dhrtarastra); phía Nam tên là Tăng Trưởng (Virudhaka); phía Tây tên là Quảng Mục (Virupaksa); và phía Bắc tên là Đa Văn (Dhanada). Bốn vị thiên vương này có nhiệm vụ bảo hộ bốn châu thiên hạ, nên được gọi là Hộ Thế tứ thiên vương, và ngọn núi bốn đầu ấy được gọi là Tứ-vương thiên, là tầng trời đầu tiên của sáu tầng trời cõi Dục; và cõi trời Đao-lợi ở trên đỉnh núi Tu-di là tầng trời thứ hai.*

(17) **Trời Ma-hê-thủ-la** (Ma-hê-thủ-la thiên - Mahesvara): *tức là trời Đại-tự-tại (Đại-tự-tại thiên), nguyên là thần Thấp Bà trong Bà-la-môn giáo. Những người tín phụng vị thần này đã lập một giáo phái gọi là "Đại-tự-tại thiên ngoại đạo", cho rằng trời Đại Tự Tại là bản thể của thế giới, là chúa tể sinh ra vạn vật trong vũ trụ, tất cả những sự khổ, vui, buồn, mừng v.v... của con người cảm nhận cũng tức là những khổ, vui, buồn, mừng v.v... của trời Đại Tự Tại. Cho nên khi vị trời này vui mừng thì tất cả chúng sinh đều an vui; khi vị trời này giận dữ thì chúng ma xuất hiện, thế giới tao loạn, chúng sinh khổ sở. Khi thế giới bị hủy diệt thì tất cả vạn vật đều trở về cõi trời Đại-tự-tại này. Bên cạnh cái diện mạo độc ác, trời Đại Tự Tại cũng có cái diện mạo cát tường, hay cứu hộ và trị liệu cho chúng sinh. Ban đầu vị trời này được liệt vào bậc dưới đối với trời Phạm Thiên, về sau dần dần được nâng lên trở thành vị thần tối cao, và được Bà-la-môn giáo coi là "bản thể thường trú biến khắp vũ trụ". Sau khi được dẫn nhập vào Phật giáo, vị thần này đã trở thành một vị thần thủ hộ, cũng tên là Đại Tự Tại Thiên, trú tại cõi trời Tứ-thiền của Sắc-giới.*

(18) **Trời Tịnh-cư** (Tịnh-cư thiên - Suddhavasa): *là năm tầng trời nằm ở phần cao tột đỉnh của cõi trời Tứ-thiền (cõi trời cao nhất của Sắc-giới). Cõi trời Tứ-thiền gồm có tám tầng trời, mà năm từng trời Tịnh-cư, là nơi cư trú của các bậc thánh đã chứng quả Bất-hoàn (không còn sinh trở lại cõi Dục nữa). Vì nơi đó không có các tà thuyết ngoại đạo, nên được gọi là "Tịnh-cư". Năm từng trời, từ dưới lên trên gồm có: Vô-phiền (không có hỗn tạp phiền phức), Vô-nhiệt (không sôi nổi náo loạn), Thiện-kiến (thường trông thấy các pháp thù thắng), Thiện-hiện (thường xuất hiện các pháp thù thắng), Sắc-cứu-cánh (cõi cao nhất và thù thắng nhất của Sắc giới).*

(19) **Do-tuần** (yojana): *có nghĩa là hạn lượng, hòa hợp, một lộ trình; là đơn vị đo chiều dài lộ trình của người Ấn-độ. Lại nữa, do ở ngữ căn "yuj", chữ "yojana" (do-tuần) cũng có nghĩa là "mang ách", tức chỉ cho chiều dài của đoạn đường mà con bò mang cái ách đi trong một ngày. Sách Đại Đường Tây Vực Kí (do Phật Quang Đại Từ Điển trích dẫn) thì nói rằng, "do-tuần" là chỉ cho lộ trình một ngày hành quân của vua chúa. Về cách tính toán, có nhiều thuyết không giống nhau, theo đó, một do tuần có thể là 12 dặm, 16 dặm, 17 dặm, 30 dặm, 32 dặm, 42 dặm, 46 dặm; hoặc 7.3 km, 8.5 km, 14.6 km, 17 km, 19.5 km, 22.8 km, v.v... không thống nhất.*

(20) **Bốn chủng tộc.** *Đây là bốn giai cấp trong xã hội Ấn-độ thời cổ đại, gồm có:* 1. Giai cấp Bà-la-môn *(Brahmana - cũng gọi là giai cấp Tăng-lữ). Các giáo sĩ Bà-la-môn bảo rằng, khi Phạm Thiên sinh ra loài người thì dòng giống của họ đã được sinh từ miệng ngài. Chỉ có họ mới có thể tiếp xúc trực tiếp với thần linh; vì vậy, chỉ có họ mới thông hiểu được các kinh Vệ Đà, và cũng chỉ có họ mới có quyền cúng tế, xướng tụng và giảng dạy các kinh điển ấy. Để củng cố địa vị và áp chế các giai cấp khác, họ đã tạo ra bộ luật Mã Nỗ (Manu), tự cho mình là giai cấp trên hết và tôn quí nhất trong xã hội, phải nắm độc quyền về tôn giáo, tư tưởng, học thuật và giáo dục, bắt buộc ba giai cấp dưới phải tuân phục.* 2. Thứ đến là giai cấp Sát-đế-lị *(Ksatriya), đã được sinh ra từ hai tay của Phạm Thiên. Họ là lớp người thuộc các dòng họ vua chúa, quí tộc,*

tướng quân, được nắm các quyền hành về chính trị và quân sự, nói chung là quyền cai trị. Họ có toàn quyền sinh sát đối với nhân dân và xem lãnh thổ cai trị như vật tư hữu của dòng giống họ. 3. Đứng hàng thứ ba là giai cấp Phệ-xá *(Vaisya), đã được sinh ra từ bắp đùi của Phạm Thiên, gồm những thành phần giàu có thuộc lớp thượng lưu và trung lưu trong xã hội. Họ thường được gọi là trưởng giả, là những thương gia, địa chủ, hương chủ, hoặc là chủ nhân các xưởng tiểu công nghệ.* 4. Giai cấp thấp nhất là Thủ-đà-la *(Sudra), đã được sinh ra từ bàn chân của Phạm Thiên. Đây là giai cấp của thợ thuyền, lao động, nông dân, binh lính. Giới này chiếm đại đa số dân chúng, nhưng cũng là giới nghèo khổ nhất trong bốn giai cấp. Họ phải làm mọi công việc nặng nhọc và nguy hiểm mà ba giai cấp trên không bao giờ phải đụng tay tới. Ngoài ra, dưới bốn giai cấp trên còn có giới "ngoại cấp", được gọi là Ba-lị-a (Pariah) hay* Chiên-đà-la *(Candala). Thủ-đà-la đã là giai cấp thấp nhất rồi, nhưng vẫn còn có "cấp"; đàng này, Chiên-đà-la không được thuộc cấp nào cả. Họ gồm những bộ lạc thổ dân đã từng bị thua trận trong các cuộc xâm lăng của giống người Arya thuở trước. Họ là lớp người nghèo hèn nhất, có số phận bi đát nhất, bị áp bức tàn nhẫn nhất. Luật* Mã Nỗ *nói rằng, Chiên-đà-la là loại người sinh ra chỉ để làm nô lệ. Bởi vậy, họ phải làm tất cả mọi công việc cực nhọc, dơ dáy như chăn trâu, nuôi và giết súc vật, thợ cạo, hốt phân, tôi tớ, ăn mày v.v... Cũng theo luật ấy, giới này bị coi là giống ti tiện, ô trược, cho nên họ không được vô tình hay cố ý đụng vào người hoặc nói năng đụng chạm đến những người ở các giai cấp trên, nhất là Bà-la-môn và Sát-đế-lị. Nếu lỡ phạm phải, họ có thể bị đánh đập tàn nhẫn, thậm chí có thể bị giết chết mà không ai bênh vực cả. Tất cả các giai cấp đều có tính cách "cha truyền con nối"; ai sinh ra ở giai cấp nào thì phải chấp nhận và ở yên trong giai cấp đó, không thể thay đổi tình trạng được!*

(21) **Bốn đại:** *tức bốn nguyên tố làm thành vạn vật, danh từ Phật học Hán Việt gọi là* "tứ đại" (mahabhuta). *Chữ* "đại" *có nghĩa là nhiều, rộng lớn, bao quát, cùng khắp. Tất cả những gì gọi là sắc pháp (vật chất) ở trong vũ trụ, hay gần gũi nhất là chính xác thân con người, đều do bốn nguyên tố sau đây tạo thành:*

1. Nguyên tố rắn chắc, hay ***"đất" (địa đại)***

*2. Nguyên tố ẩm ướt, lưu nhuận, hay **"nước" (thủy đại)***

*3. Nguyên tố viêm nhiệt, hay **"lửa" (hỏa đại)***

*4. Nguyên tố chuyển động, hay **"gió" (phong đại)***

*Kinh Anh Lạc phân biệt có hai loại **"tứ đại":** tứ đại có nhận thức (tức là thân thể của các loài có tình thức) và tứ đại không có nhận thức (các loài không có tình thức). Vì vậy, trong các kinh luận thường nói, thân người là do tứ đại hòa hợp mà thành, cho nên chỉ là giả tạm, không thật có.*

*Ngoài bốn nguyên tố trên, có nơi còn thêm một nguyên tố nữa để thành **"ngũ đại"**: đó là nguyên tố **trống rỗng (không đại)**. Tính chất của hư không là không chướng ngại, nên dung chứa tất cả vạn pháp; và cũng vì có hư không nên mới có tất cả vạn pháp. Những khoảng trống trong thân người đều thuộc về không đại.*

*Lại nữa, khi đề cập đến năm uẩn, thì năm nguyên tố trên (địa, thủy, hỏa, phong và không) mới chỉ được bao gồm trong "sắc uẩn"; nhưng bản thân con người, ngoài sắc uẩn (phần sinh lí) ra còn có bốn uẩn khác thuộc về tâm lí, nói chung là **thức**. Vì vậy, trong các kinh điển, ngoài các pháp số về tứ đại, ngũ đại còn có pháp số về **"lục đại"**, gồm có: địa, thủy, hỏa, phong, không và thức. Nhưng, khi nói đến hư không tức là nói đến không gian, mà không gian thì tự nó có **phương hướng**; và đã nói đến không gian thì cũng không thể bỏ sót **thời gian**; do đó, thỉnh thoảng chúng ta còn thấy có pháp số **"bát đại"**, gồm có: địa, thủy, hỏa, phong, không, thời, phương, thức.*

(22) **Năm nẻo đường** (ngũ đạo, ngũ thú): *là năm nơi chốn trong thế gian, các loài hữu tình chúng sinh, tùy theo nghiệp lực đưa dẫn mà thọ sinh qua lại. Năm nơi chốn đó là: 1) Trời, 2) Người, 3) Bàng-sinh, 4) Ngạ-quỉ, 5) Địa-ngục. Lại nữa, phần nhiều trong kinh điển đại thừa, ngoài năm nẻo đường ở trên, còn lập thêm một nẻo đường A-tu-la nữa, thành ra "sáu nẻo đường" (lục đạo, lục thú).*

(23) **Nghiệp.** *"Nghiệp" nghĩa là tạo tác, tức chỉ cho mọi hành vi, động tác, ý chí, nói chung là mọi hoạt động của thân và tâm. Về thể tánh của nghiệp, theo Luận Câu Xá, một cách tổng quát, có hai loại nghiệp: **tư nghiệp** (tức hoạt động tư lự, phân biệt của ý chí trong nội tâm) và **tư dĩ***

nghiệp *(tức những hành động nơi thân và nói năng nơi miệng). Như vậy, tư dĩ nghiệp có thể đem phân tích thành hai loại là thân nghiệp và ngữ nghiệp; rốt cuộc, từ sự phân tích này mà nghiệp có ba loại là* ***ý nghiệp, thân nghiệp*** *và* ***ngữ nghiệp****. Nhưng nếu đi sâu hơn, vẫn theo sự phân tích của Luận Câu Xá, thì thân nghiệp có thể chia thành hai nghiệp: đó là* ***thân biểu nghiệp*** *và* ***thân vô biểu nghiệp****; ngữ nghiệp cũng gồm hai nghiệp: đó là* ***ngữ biểu nghiệp*** *và* ***ngữ vô biểu nghiệp****. Thân biểu nghiệp là những hành động phát ra rõ rệt nơi thân mà ai cũng trông thấy được; thân vô biểu nghiệp là cái năng lực vô hình (không thể trông thấy được) tiềm ẩn bên trong thân, tồn tại liên tục, ứng theo qui luật nhân quả mà thúc đẩy thân hành động hay không hành động. Ngữ biểu nghiệp và ngữ vô biểu nghiệp cũng tương tự như vậy. Như thế, từ căn bản là* ***2 nghiệp*** *(tư nghiệp và tư dĩ nghiệp), phân tích ra thành có* ***5 nghiệp****: ý nghiệp, thân biểu nghiệp, thân vô biểu nghiệp, ngữ biểu nghiệp, và ngữ vô biểu nghiệp; trong đó,* ***ý nghiệp*** *là động cơ căn bản của mọi nghiệp. Ý nghiệp lấy tâm sở* ***tư*** *(suy nghĩ, tính toán, quyết định) làm thể, phát khởi ra hành động và ngôn ngữ gọi là thân biểu nghiệp và ngữ biểu nghiệp. Thân biểu nghiệp lấy* ***hình sắc*** *làm thể, từ đó dẫn khởi ra một năng lực vô hình gọi là thân vô biểu nghiệp; còn ngữ biểu nghiệp thì lấy* ***âm thanh*** *làm thể, từ đó cũng dẫn khởi ra một năng lực vô hình gọi là ngữ vô biểu nghiệp. Hai loại vô biểu nghiệp (thân và ngữ) này đều được phát sinh từ sắc pháp (tức lấy sắc pháp làm thể), nên cũng được gọi là* ***"vô biểu sắc".***

Về ***tính chất****, nghiệp có nghiệp thiện, nghiệp ác và nghiệp vô kí (không thiện không ác). Nghiệp thiện thì chiêu cảm quả báo an vui, nghiệp ác thì chiêu cảm quả báo đau khổ, nghiệp vô kí thì không có sức chiêu cảm quả báo; vì vậy trên thực tế, thiện và ác mới là nghiệp, còn vô kí thì không phải là nghiệp. Trong mối liên hệ nhân quả của nghiệp, nghiệp nhân có thể chiêu cảm nghiệp quả ngay trong cùng một đời; nhưng cũng có thể, nghiệp nhân tạo ra từ đời trước mà sang đời này mới chiêu cảm nghiệp quả, hoặc nghiệp nhân tạo ra ở đời này mà sang đời sau mới chiêu cảm nghiệp quả.*

Như vậy, tất cả mọi hiện tượng cùng sự lưu chuyển sinh tử (quả báo) của các loài hữu tình trong thế gian, đều do nghiệp nhân của chúng sinh mà sinh khởi. Quả báo ấy của hữu tình chúng sinh gồm có hai loại:

chánh báo và y báo. Chánh báo là chính tự thân của hữu tình, có xấu có đẹp, có thông minh có ngu dốt, có khỏe mạnh có bệnh hoạn, có lành lặn có khuyết tật, có sống lâu có chết yểu, v.v... vô vàn sai khác; y báo của hữu tình là hoàn cảnh, môi trường trong đó hữu tình sinh sống, trong đó có đất liền, biển cả, trời trăng, sông núi, cỏ cây hoa lá, v.v... cũng thiên sai vạn biệt. Tất cả những quả báo đó, có khổ có vui, muôn ngàn hình thái, đều do nghiệp lực của chúng sinh chiêu cảm. Với ***ý, thân và ngữ****, chúng sinh đã ngày đêm liên tục tạo nghiệp, nào lành nào dữ, thì chắc chắn phải chiêu cảm quả báo tương ứng, hoặc ngay đời này, hoặc ở đời sau, hình thành vô vàn hiện tượng sai khác trong thế giới này; đó gọi là* ***"nghiệp cảm duyên khởi****".*

(24) **Mười hai nhân duyên.** *Đoạn kinh này đức Phật dạy tóm tắt về giáo pháp "Mười Hai Nhân Duyên", là giáo pháp trọng yếu của hành giả tu tập theo Duyên-giác thừa.*

Mười hai nhân duyên là mười hai điều kiện tương liên, là đạo lí căn bản của đạo Phật dùng để giải thích cái "bí ẩn" của hiện tượng sinh tử luân hồi, tức là sự hiện hữu của chúng sinh – mà trực tiếp là con người. Mười hai điều kiện ấy gồm có:

1. ***Vô minh:*** *là trạng thái vô ý thức, mù quáng, mê lầm, không sáng suốt, không nhận chân được thực tướng của vạn pháp, không thấy rõ được tự tính của chính mình, do đó mà dẫn tới những hành động u tối, sai lầm.*

2. ***Hành:*** *là tác động vô thức của ý chí sinh tồn theo hướng vô minh đã thúc đẩy tạo nghiệp. Nó là khát vọng muốn sống một cách mù quáng. Tất cả những tư tưởng* ***(ý)****, lời nói* ***(ngữ)*** *và việc làm* ***(thân)*** *thiện hay bất thiện đều nằm trong hành.*

3. ***Thức:*** *Tất cả nghiệp nhân đã tạo ra đều được huân tập vào nghiệp chủng thức (hay nghiệp thức, tức là* ***a-lại-da thức****). Thức này đi đầu thai và bắt đầu một sinh mạng mới. Lúc bà mẹ thụ thai, chính đó là lúc nghiệp thức kết hợp với tinh trùng và noãn châu của cha mẹ mà làm nên bào thai. Như vậy, thức chính là yếu tố nối tiếp giữa kiếp quá khứ và kiếp hiện tại, và là giai đoạn đầu tiên của đời sống hiện tại.*

4. ***Danh sắc:*** *Do nghiệp thức phát động mà phát hiện ra các hiện tượng tinh thần* ***(danh)*** *và vật chất* ***(sắc)*** *của bản thân con người. Đây là*

giai đoạn thứ hai của đời sống hiện tại. Bản thân con người là một "hợp thể ngũ uẩn", trong đó, bốn uẩn thọ, tưởng, hành, thức chỉ có tên gọi mà không có hình chất, không thể thấy, nghe, ngửi, nếm và chạm xúc được, nên gọi là ***danh****; còn uẩn sắc tức là phần sinh lí của bản thân, do bốn nguyên tố (****tứ đại:*** *địa, thủy, hỏa, phong) cấu thành, có hình chất, màu sắc, mùi, vị, có thể thấy, nghe, ngửi, nếm, chạm xúc được, nên gọi là* ***sắc****. Trong giây phút đầu tiên khi bà mẹ thụ thai – tức là lúc nghiệp thức kết hợp với tinh trùng và noãn châu của cha mẹ, thì* ***danh*** *chính là nghiệp thức, và* ***sắc*** *chính là tinh trùng và noãn châu. Vậy, nếu hành và thức là hai yếu tố thuộc về hai kiếp quá khứ (hành) và hiện tại (thức) của một chúng sinh, thì thức và danh sắc, trái lại, được xuất hiện cùng lúc trong kiếp hiện tại của chúng sinh đó.*

5. ***Lục nhập:*** *sáu giác quan (lục căn: nhãn, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý) dần dần hiện rõ theo sự phát triển của bào thai, từ chỗ thật giản dị lúc mới được tượng hình, trở thành vô cùng phức tạp khi con người đã trưởng thành toàn diện. Chúng hoạt động một cách hoàn toàn tự nhiên, mầu nhiệm, như một guồng máy tinh diệu. Mỗi giác quan đều có những hoạt động và đối tượng riêng biệt. Sáu giác quan là sáu chỗ để cho sáu đối tượng (lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) phản ảnh vào, gọi chung là "lục nhập".*

6. ***Xúc:*** *Sự tiếp xúc giữa các giác quan và đối tượng của chúng, như mắt tiếp xúc (thấy) với cảnh vật, tai nghe (tiếp xúc) âm thanh, mũi ngửi mùi v.v...*

7. ***Thọ:*** *Cảm giác gây nên do sự tiếp xúc giữa các giác quan và đối tượng. Có loại cảm giác dễ chịu, vui sướng, hạnh phúc, gọi là "lạc thọ"; có loại cảm giác khó chịu, buồn phiền, khổ đau, gọi là "khổ thọ"; có loại cảm giác trung tính, không khó chịu cũng không dễ chịu, gọi là "xả thọ".*

8. ***Ái:*** *"Ái" hay "ái dục" là sự ham muốn, khao khát, luyến ái. Do có cảm giác mà sinh ra* ***ái.*** *Đối trước dục vọng trần cảnh (ngũ dục), con người sinh tâm luyến ái. Nếu nói cho chính xác hơn, "ái" chính là sự luyến ái đối với sự sống. Vì vậy, cái gì làm cho ta vui thích thì ta khao khát, muốn có cho bằng được; còn cái gì làm cho ta buồn khổ thì ta chỉ muốn tránh xa, hoặc ruồng bỏ, hay hủy diệt nó đi; đó là động cơ chính yếu thúc đẩy thân, miệng, ý tạo nghiệp.*

*9. **Thủ:** Khi đã luyến ái thì cố bám giữ lấy đối tượng; hay nói rõ hơn, vì luyến ái sự sống cho nên phải bám giữ lấy sự sống – và từ đó mà phát sinh ra những tư tưởng sai lầm là có "TÔI và những gì THUỘC VỀ TÔI". Mục đích của mọi hành động trong ba lĩnh vực ý, thân và miệng, dù là thiện hay bất thiện, cũng đều để bảo vệ và củng cố cho cái "TÔI và những gì THUỘC VỀ TÔI" ấy.*

*10. **Hữu:** Vì đam mê và cố bám giữ lấy đối tượng cho nên phải vướng mắc vào nghiệp báo do sự sống của chính mình tạo ra. "Hữu" nghĩa là **có** – **có** những nghiệp nhân (thiện hay bất thiện) đã tạo ra ở kiếp này, và dĩ nhiên, **có** những nghiệp quả (vui sướng hay khổ đau, cũng tức là những cảnh giới của các loài chúng sinh khác nhau) sẽ thọ nhận ở kiếp sau.*

*11. **Sinh:** Nghiệp đã tạo (hữu) ấy lại được huân tập vào chủng tử thức (a-lại-da), và chính là dẫn lực đưa tới việc ra đời của sinh mạng mới.*

*12. **Lão tử:** Khi đã có sinh ra thì tất nhiên lại phải có già và chết.*

***Mười hai nhân duyên**, như vừa thấy, đã trình bày một chuỗi nhân quả kéo dài suốt qua ba đời: quá khứ, hiện tại, và vị lai. Do **vô minh** và **hành nghiệp** ở từ quá khứ cho nên đã có đời sống hiện tại. Cuộc sống hiện tại có **thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ,** và những nhân duyên này cũng chính lại là vô minh, làm cho **ái, thủ** lại tiếp tục tạo nghiệp – tức là **hữu**. Chính sức mạnh của hữu (nghiệp) đã tạo ra trong cuộc sống hiện tại ấy sẽ là nguyên nhân đưa đến một đời sống mới **(sinh** và **lão tử)** ở đời vị lai. Cứ thế, quá khứ làm nguyên nhân cho hiện tại, hiện tại làm nguyên nhân cho vị lai; hiện tại lại trở thành quá khứ, vị lai lại trở thành hiện tại để rồi lại đưa đến một vị lai khác..., vòng luân hồi tiếp diễn không ngừng.*

***12 nhân duyên** chính là nội dung của giáo lí "Duyên Khởi", giáo lí căn bản nhất của Phật giáo. Mười hai nhân duyên là mười hai điều kiện cùng nương nhau mà hiện hữu, cùng nối kết mật thiết với nhau, cùng là nhân và là quả của nhau, để tạo thành vòng sinh tử luân hồi. Vòng (hay bánh xe) luân hồi là một vòng tròn không có khởi điểm. Mười hai nhân duyên là mười hai cái khoen của vòng tròn đó, mà không có cái khoen nào là khoen bắt đầu. Bất cứ một nhân duyên nào trong số ấy cũng không thể có một bản chất và sự hiện hữu riêng biệt và độc lập. Vô minh*

chẳng hạn, không phải chỉ là điều kiện sinh ra hành, mà nó còn có mặt trong hành cũng như trong tất cả các điều kiện khác. Lại nữa, vô minh chỉ là một điều kiện như mười một điều kiện còn lại; tuy nó được đặt ở khoen đầu tiên, nhưng đó chỉ là theo thói quen thông thường, chứ không phải vì nó là nguyên nhân đầu tiên để sinh ra các điều kiện khác. Lí do dễ hiểu, vì đã là nguyên nhân đầu tiên rồi thì nó không còn là một nhân duyên nữa. – ***Hai ý niệm "nhân duyên" và "nguyên nhân đầu tiên" hoàn toàn chống trái nhau.*** *Phật giáo không bao giờ chấp nhận có một nguyên nhân đầu tiên. Ta chỉ có thể tạm cho rằng,* ***vô minh*** *là điều kiện bao trùm đối với các điều kiện khác, vì chính thực, có vô minh mới có sinh tử luân hồi, nếu diệt được nó thì sinh tử luân hồi cũng không còn. Hơn nữa, các nhân duyên khác như lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ v.v... cũng chính là vô minh, và cũng chính là chất liệu để tạo ra vòng sinh tử luân hồi; nếu một trong các nhân duyên ấy bị diệt thì cái vòng luân hồi tức khắc đứt tung. Cũng vậy,* ***a-lại-da*** *(tức là* ***thức****) chính là bản thể của vạn hữu, nhưng không vì thế mà bảo nó là nguyên nhân đầu tiên để từ đó sinh ra những cái khác; bởi vì, a-lại-da là bản thể của vạn hữu ở trạng thái vô minh ô nhiễm, nếu nó đã là nguyên nhân đầu tiên thì sẽ chẳng bao giờ có trí tuệ, và do đó, chẳng bao giờ có thể có* ***chân như****; kì thực, chân như (hay đại viên cảnh trí) và a-lại-da thức chỉ là hai trạng thái (thanh tịnh và ô nhiễm, hay mê và ngộ) của bản thân vạn pháp. Cho nên, dù là chân như, dù là thức, hay là gì gì đi nữa, thì cũng không có cái gì gọi là nguyên nhân đầu tiên, không có gì hiện hữu độc lập, mà tất cả đều là nhân duyên của nhau, nương vào nhau mà sinh thành, tồn tại và hủy diệt.*

(25) **Hành.** *Trong Phật học, chữ "hành" mang nhiều ý nghĩa, trong đó, ý nghĩa đặc biệt quan trọng là chỉ cho các pháp hữu vi – như trong thuật ngữ "chư hành vô thường". Chữ* ***"hành"*** *ở đây có nghĩa là trôi chảy và biến đổi. Nó được dùng để chỉ cho tất cả các pháp do nhân duyên mà sinh diệt, luôn luôn chuyển biến và trôi chảy không ngừng. Như vậy, phạm vi của "hành" thật là rộng rãi bao la, bao gồm mọi lãnh vực thuộc tâm, sinh và vật lí. Nói cách khác,* ***"hành"*** *chính là* ***tất cả các pháp hữu vi****. Tất cả năm uẩn đều là hành; sở dĩ chia chẻ ra năm nhóm*

*sắc, thọ, tưởng, **hành**, thức, là cốt để cho dễ nhận thấy từng yếu tố quan trọng mà thôi.*

(26) **Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán.** *Đây là bốn quả vị tu chứng theo thứ bậc của Thanh-văn thừa, cũng gọi là "bốn quả Thanh-văn"* (tứ quả, tứ sa-môn quả)*:*

*1. **Dự-lưu (Tu-đà-hoàn),** là quả vị đầu tiên (Sơ-quả) của bốn quả Thánh. "Dự-lưu" nghĩa là dự vào dòng Thánh; cũng gọi là "Nhập-lưu" (nhập vào dòng Thánh) hay "Nghịch-lưu" (đi ngược dòng thế gian để tiến về nguồn Thánh). Các vị hành giả khi thấy được đạo (kiến đạo), nhận chân được lí Tứ Đế, phát sinh tuệ nhãn thanh tịnh, thấy được tính chất vô thường, vô ngã của vạn pháp, đoạn trừ kiến hoặc trong ba cõi (không còn nghi ngờ đối với chánh pháp, dứt bỏ được những kiến chấp sai lầm như thân kiến, tà kiến v.v...), bắt đầu được dự vào dòng Thánh, không còn mê luyến thế gian, chuyên tu tập pháp vô lậu (tu đạo), và chắc chắn sẽ tiến đến quả Thánh cuối cùng là A-la-hán. Các hành giả đã chứng được quả Dự-lưu này, còn phải trải qua 7 lần sinh lên cõi trời của Dục-giới và 7 lần sinh trở lại cõi người để tiếp tục tu tập, mới chứng được quả Thánh cuối cùng và nhập niết bàn.*

Lại nữa, liên quan đến bậc Tu-đà-hoàn, trong Kinh Đại Bát Niết Bàn*, đức Phật dạy: "Tu-đà-hoàn có hai hạng: một là hạng độn căn; hai là hạng lợi căn. Hạng **độn căn** thì phải qua lại giữa cõi Người và cõi Trời bảy lần mới chứng quả A-la-hán. Hạng độn căn này lại còn có năm hạng nữa: có hạng thì phải qua lại sáu lần; có hạng thì phải qua lại 5 lần; có hạng thì phải qua lại bốn lần; có hạng thì phải qua lại ba lần; có hạng thì chỉ qua lại hai lần, mới chứng quả A-la-hán. Còn hạng **lợi căn** thì chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán ngay trong đời hiện tại."*

*2. **Nhất-lai (Tư-đà-hàm),** là quả vị thứ nhì (Nhị-quả) của bốn quả Thánh. Sau khi đã đoạn trừ hết những kiến hoặc và chứng được quả Dự-lưu, hành giả tiếp tục tu tập để đoạn trừ các tư (tu) hoặc của cõi Dục. Đến khi đoạn trừ được 6 phẩm đầu (thượng thượng, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, trung trung và trung hạ phẩm) trong 9 phẩm tư hoặc (tham, sân, si, mạn) của cõi Dục thì hành giả chứng được quả vị Nhất-lai (một lần trở lại), sinh lên cõi trời của Dục-giới. Sau đó hành*

giả phải sinh trở lại cõi người một lần nữa để tiếp tục tu tập, mới chứng được quả A-la-hán và nhập niết bàn.

*3. **Bất-hoàn (A-na-hàm),** là quả vị thứ ba (Tam-quả) của bốn quả Thánh. Sau khi từ cõi trời sinh trở lại cõi người, hành giả lại tiếp tục tu tập để đoạn trừ nốt 3 phẩm còn lại (hạ thượng, hạ trung và hạ hạ phẩm) trong 9 phẩm tư hoặc của cõi Dục, thì chứng được quả vị Bất-hoàn (không trở lại). Sau khi viên tịch, hành giả sinh lên cõi trời Tịnh-cư, từ đó tiến tu thẳng cho đến khi chứng quả A-la-hán và nhập niết bàn, mà không còn sinh trở lại cõi người lần nào nữa.*

*4. **Bất-sinh (A-la-hán),** là quả vị thứ tư (Tứ-quả) và cũng là quả vị cao nhất của bốn quả Thánh. Sau khi chứng quả Bất-hoàn, hành giả tiếp tục tu tập để đoạn trừ tất cả các kiến tư hoặc trong ba cõi (được gọi là bậc "sát tặc"), vĩnh viễn nhập niết bàn, không còn trở lại trong ba cõi nữa (được gọi là bậc "bất sinh"). Vì đã dứt trừ hết mọi phiền não cho nên bậc thánh A-la-hán chứng được trí tuệ viên dung vô ngại, đầy đủ sáu phép thần thông, xứng đáng nhận sự cúng dường của các cõi trời và người (được gọi là bậc "ứng cúng"). Thời Phật còn tại thế, có rất nhiều các vị tì kheo chỉ cần được Phật khai thị là tâm trí rỗng sáng, dứt hết ái nhiễm, chứng ngay quả vị A-la-hán; chậm lắm thì cũng như tôn giả A Nan, mãi sau khi Phật nhập diệt 100 ngày mới chứng quả, nhưng vẫn là ngay trong một đời và ngay ở cõi người, không phải đợi đến đời sau hay ở cõi trời. Đó là các bậc thượng căn thượng trí. Đối với các hành giả căn trí thấp kém thì sẽ phải tu tập tuần tự để tiến lên từng quả vị một như vừa trình bày trên.*

(27) **Ba bậc Nhẫn** (tam nhẫn)**.** *Chữ "nhẫn" nghĩa là chịu đựng, như nói "nhẫn nhục", tức là chịu đựng đối với một nghịch cảnh mà không sinh tâm sân hận. Người tu tập hạnh nhẫn nhục có thể chịu đựng nghịch cảnh lẫn thuận cảnh bất cứ từ đâu tới: chịu đựng được cả những sức tấn công của ái dục, giàu sang, quyền lợi và địa vị; an nhiên trước những thành quả tốt đẹp trong công việc Phật sự, ngay cả đối với sự thăng tiến tâm linh, không tự mãn, không kiêu căng trên đường tu chứng. Trong Phật pháp, chữ "nhẫn" còn có một ý nghĩa vô cùng quan trọng nữa, là chứng ngộ chân lí và tâm luôn an trụ nơi chân lí đó. Vì vậy, "Nhẫn" còn*

là tên của một địa vị trên nấc thang tu chứng của các hành giả Bồ-tát thừa. Địa vị Nhẫn này có ba bậc:

1. Phục nhẫn. *Các hành giả mới phát tâm, muốn chịu đựng được trước những cảnh thuận hay nghịch, trước hết phải điều phục tâm ý, gọi là "phục nhẫn".*

2. Nhu thuận nhẫn. *Sau một thời gian dài tu tập hạnh nhẫn nhục, tâm ý đã được điều phục, mỗi khi chạm cảnh gặp duyên, sự chịu đựng sẽ phát sinh một cách tự nhiên mà không cần phải ra sức cố gắng; tâm ý hành giả lúc bấy giờ nhu hòa tùy thuận một cách khéo léo, như bụi bay trong ánh sáng, gọi là "nhu thuận nhẫn".*

3. Vô sinh pháp nhẫn. *Thật tướng chân như xa lìa hẳn các tướng sinh diệt, gọi là "vô sinh pháp"; chân trí tuệ an trú nơi lí lẽ này, không xao động, gọi là "vô sinh pháp nhẫn" – gọi tắt là "vô sinh nhẫn". Bồ-tát dùng trí tuệ siêu việt quán chiếu thấy rõ tự tánh của các pháp vốn là không, cho nên các pháp không hề có sinh khởi, bởi vậy, Bồ-tát không hề xao động, gọi là "vô sinh pháp nhẫn".*

(28) **Bốn cách thu phục** (tứ nhiếp pháp)**.** *"Nhiếp" là thu phục người; và "nhiếp pháp" là cách thức tiếp xúc, cư xử với người, làm thế nào cho người ta đến với mình bằng tình thân thiện và lòng tin tưởng. Nếu cuộc sống xã hội được hoàn toàn an lạc thì sự có mặt của hành giả chắc hẳn là không cần thiết. Nhưng cuộc sống lại đầy dẫy thương đau, oan nghiệt, nghi kị, hận thù, giả trá, cho nên sự có mặt của hành giả trong cuộc đời thật là quan trọng với trách nhiệm giúp xoa dịu đau thương, đánh tan nghi kị, điều chỉnh giả trá, hóa giải oan nghiệt, và xóa bỏ hận thù. Đã vậy, muốn cho tiếng nói của mình được hữu hiệu, chương trình của mình được tin nhận, cũng như muốn có được sự cộng tác của mọi người, hành giả trước tiên phải lấy được lòng thân ái và sự tín nhiệm của mọi người đối với mình; làm sao cho sự hiện diện của mình luôn luôn là cánh hoa tươi mát cho toàn thể mọi người. Bốn phương pháp thu phục nhân tâm sau đây sẽ giúp ích rất nhiều cho hành giả trong việc xử thế.*

1. Bố thí. *"Bố thí" là chia sớt, giúp đỡ người bằng tài vật hoặc bằng ý kiến, lời khuyên, thì giờ, khả năng, tâm lực, hay giáo pháp.*

2. Ái ngữ. *"Ái ngữ" là lời nói ôn hòa, thành thật và thân thiết. Lời nói như thế là phải phát xuất từ tình thương và sự hiểu biết; vì có tình*

thương thì lời nói mới êm dịu, thành thật, và có hiểu biết thì lời nói mới thích hợp cho từng người, từng lúc và từng hoàn cảnh.

3. Lợi hành. *"Lợi hành" là làm bất cứ việc gì có thể giúp ích cho người thăng tiến trong đời sống tinh thần và vật chất.*

4. Đồng sự. *"Đồng sự" là quan tâm đến công việc của người và cùng giúp một tay với họ để hoàn tất công việc đó.*

(29) **Bổ xứ.** *Sau khi đức Phật trước đã nhập diệt thì một đức Bồ-tát Đẳng-giác khác sẽ thành Phật để bổ sung vào chỗ khiếm khuyết đó mà kế tục sự nghiệp cứu độ chúng sinh, gọi là "bổ xứ". Trong kinh điển có nói, đức Bồ-tát Đẳng-giác Di Lặc là vị Bồ-tát bổ xứ, Ngài hiện đang cư trú tại cõi trời Đâu-suất, đến khi thọ mạng ở đó hết, Ngài sẽ hạ sinh ở nhân gian và thành Phật để kế tục đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì vị Bồ-tát Đẳng-giác này chỉ còn cách một đời là thành Phật, cho nên cũng được gọi là vị "Bồ-tát nhất sinh bổ xứ".*

(30) **Mẹ của các pháp:** *tức là thể tánh chân thật thường trú của vạn pháp.*

(31) **Ma vương:** *là chúa tể của loài thiên ma, tên là Ba Tuần. Ma vương Ba Tuần cư ngụ tại cung điện riêng ở cõi trời Tha-hóa-tự-tại (cõi trời cao nhất của sáu cõi trời Dục giới), nên cũng được gọi là Thiên ma Ba Tuần. Ma vương tính tình cực ác, thường cùng với quyến thuộc quấy nhiễu, ngăn trở sự tu tập của các đệ tử Phật, phá hoại chánh giáo, hay ganh ghét các bậc hiền thánh, hại người lương thiện, gây ra bao nhiêu sự nhiễu loạn, ngăn trở việc lành, làm cho người tu hành khó thành tựu được đạo nghiệp, con đường giải thoát bị chướng ngại. Tội ác của ma vương đã được trình bày rõ ràng trong phẩm "Thương Chủ" này.*

(32) **Tám nạn** (bát nạn). *Chữ "nạn" ở đây có nghĩa là chướng ngại, ngăn trở chúng sinh không đến được với Phật pháp, do đó mà không có cách nào tu tập để cầu thoát li ba cõi. Không thể gặp được Phật pháp là điều bất hạnh to lớn của chúng sinh, cho nên được coi là tai nạn,*

*chướng nạn, hay gọi tắt là **"nạn"**. Trong kinh điển thường ghi có tám nơi chướng nạn như vậy:*

*1. **Cõi Địa-ngục (Địa-ngục nạn):** Đó là nơi hết sức tối tăm, những chúng sinh ác nghiệp nặng nề mới phải đọa vào đó, phải chịu khổ đau triền miên, cho nên không thể thấy Phật nghe pháp được.*

*2. **Cõi Ngạ-quỉ (Ngạ-quỉ nạn):** Ở đây chỉ cho cảnh giới của loài ngạ quỉ ác nghiệp nặng nề nhất, suốt kiếp đói khát khổ sở, cả đến tiếng "nước uống" cũng không được nghe, huống hồ là được thấy Phật nghe pháp!*

*3. **Cõi Súc-sinh (Súc-sinh nạn):** Những loài cầm thú, côn trùng, nói chung là động vật, tâm ý mê muội, chỉ biết sống theo thú tính tự nhiên, chịu muôn điều khổ sở do con người hành hạ, giết hại, hoặc do chúng nó tự xâu xé, ăn thịt nhau, đâu có điều kiện thấy Phật nghe pháp!*

*4. **Giới người đui điếc câm ngọng (manh lung ám á nạn):** Những loại người này vì nghiệp chướng nặng nề mà phải mang những chứng tật suốt đời đau khổ, khó tiếp nhận Phật pháp.*

*5. **Giới người thông minh thế tục (thế trí biện thông nạn):** Những người thông minh tài giỏi ở thế gian, dù có trí tuệ hơn người, nhưng chỉ biết phục vụ cho những tham vọng và quyền lực cá nhân, hoặc cho những chủ nghĩa tội ác, những âm mưu tranh đoạt, giết chóc, gây đau khổ, tang tóc cho người đời, hoặc tin tưởng mù quáng theo những tà thuyết mê tín, dị đoan, thì không bao giờ thấy được chánh đạo.*

*6. **Những thế hệ người sinh ra trước và sau thời Phật ra đời (Phật tiền Phật hậu nạn):** Do vì không duyên lành, cho nên những hạng người này sinh ra vào những thời kì không có Phật xuất thế, cho đến cả giáo pháp của Phật cũng không còn tồn tại ở thế gian, cho nên không có cách gì thấy Phật nghe pháp.*

*7. **Châu Bắc Câu-lô (Bắc Câu-lô châu nạn):** Người ở châu này sống lâu ngàn tuổi, không chết yểu, suốt đời sung sướng, đắm mê hưởng thụ dục lạc, không có ý niệm tu hành, cho nên không có duyên lành thấy Phật nghe pháp.*

*8. **Cõi trời Vô-tưởng (Vô-tưởng thiên nạn):** Cõi trời này thuộc trong phạm vi cõi trời Tứ-thiền của Sắc giới. Người ở cõi trời này sống lâu năm trăm đại kiếp, hoàn toàn không có bất cứ niệm tưởng nào nảy sinh, như người đông lạnh, cho nên không thể thấy Phật nghe pháp.*

*Thật ra, **tám nạn** ấy chẳng phải ở đâu xa, mà lúc nào cũng có đầy đủ trong thế giới loài người; và cũng chẳng phải chỉ có ở thời đại chúng ta, mà cả ở thời đại Phật tại thế vẫn có đầy đủ. Những người được thấy Phật, hoặc được biết có Phật, nhưng không tin Phật, tính tình kiêu ngạo, phỉ báng Tam Bảo, thì làm sao được gặp Phật, được nghe Phật Pháp! Chúng ta cứ chiêm nghiệm thì tất thấy rõ.*

(33) **Năm dục** (ngũ dục). *Tất cả những gì có sức quyến rũ con người trong cõi Dục này, được giáo lí Phật giáo bao gồm trong 5 thứ. Chúng là đối tượng ham muốn của con người; và cũng vì lòng tham đắm của con người sâu thăm thẳm, rộng không bờ bến, dai dẳng không ngưng nghỉ, bám chặt không buông thả, cho nên con người đã trở nên ích kỉ, mù quáng, ngông cuồng, hiểm ác, dã man, tàn bạo, để từ đó gây ra không biết bao nhiêu cảnh thống khổ, đau thương cho chính đồng loại, và cả đồng bào hoặc đồng tộc của mình. Năm thứ dục vọng ấy là:*

*1. **Tiền của (tài):** chỉ cho tất cả những thứ gì có thể làm thành tài sản vật chất của con người.*

*2. **Sắc dục (sắc):** cũng gọi là ái dục, tức là đời sống tình dục, lạc thú thể xác của con người do sự luyến ái giữa nam nữ đem lại.*

*3. **Danh vị (danh):** danh vọng và địa vị của con người trong xã hội.*

*4. **Ăn uống (thực):** những gì có thể nuôi sống thân mạng con người.*

*5. **Ngủ nghỉ (thụy):** sự ngủ nghỉ và tất cả những gì liên quan đến nó.*

Mặt khác, năm thứ trần cảnh sau đây, luôn luôn làm dấy lên dục vọng của con người, cũng được gọi là "năm dục":

*1. Các thứ **hình sắc** tốt đẹp ở trần gian (**sắc** – đối tượng tham dục của mắt).*

*2. Các thứ **âm thanh** tuyệt diệu (**thanh** – đối tượng tham dục của tai).*

*3. Các loại **mùi hương** thơm quí (**hương** – đối tượng tham dục của mũi).*

*4. Các thức ngon **vị** ngọt (**vị** – đối tượng tham dục của lưỡi).*

*5. Các sự **chạm xúc** êm dịu, đê mê của da thịt (**xúc** – đối tượng tham dục của thân).*

(34) **Kết sử:** *tức là "kết" và "sử", đều là tên gọi khác của phiền não. "Kết" nghĩa là thắt buộc, ràng buộc. Các thứ phiền não trói buộc chúng*

sinh trong vòng sinh tử luân hồi, cho nên được gọi là "kết"; theo đuổi và sai sử chúng sinh tạo nghiệp, cho nên được gọi là "sử".

"Kết" có 9 loại phiền não: ái (tham), nhuế (sân), vô minh (si), kiêu (kiêu mạn), nghi (nghi ngờ), tật (ganh ghét), xan (keo kiệt), kiến (tà kiến), thủ (chấp trước). "Oán kết" là phiền não oán hận cứ đeo dính, đóng cứng trong tâm ý, ảnh hưởng trực tiếp tới tâm ý, cho nên cũng được gọi là "nội kết".

"Sử" có 10 loại phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến.

(35) **Mười lực** (thập lực): *Mười lực cũng gọi là mười thần lực* ***(thập thần lực)*** *hay mười trí lực* ***(thập trí lực)****, là 10 sức trí tuệ mà chỉ đức Phật mới có đầy đủ. Đức Phật đã chứng đắc cái trí thật tướng, thấy rõ, thấu suốt tất cả, không có cái gì có thể hủy hoại được trí đó, không ai có thể hơn được trí đó.* ***Mười lực*** *đó gồm có:*

1. ***Sức trí tuệ biết rõ điều đúng đạo lí hay không đúng đạo lí*** *(tri giác xứ phi xứ trí lực): Đức Phật quán sát sâu xa, thấy rõ một cách chân thật tất cả nhân duyên quả báo, như tạo nghiệp lành thì biết chắc chắn sẽ hưởng được quả báo an vui, gọi là "biết điều đúng đạo lí"; nếu tạo nghiệp xấu mà được hưởng quả báo an vui là không đúng đạo lí, gọi là "biết điều không đúng đạo lí". Tất cả những sự việc như vậy, đức phật đều biết hết.*

2. ***Sức trí tuệ biết rõ nghiệp báo suốt ba đời*** *(tri tam thế nghiệp báo trí lực): Đức Phật biết rõ nơi sinh cùng nghiệp duyên quả báo của tất cả chúng sinh trải suốt ba đời quá khứ, hiện tại và vị lai.*

3. ***Sức trí tuệ biết rõ tiến trình giải thoát bằng thiền định*** *(tri chư thiền giải thoát tam muội trí lực): Đức Phật biết rõ một cách xác thật từng nấc tu tập thiền định của chúng sinh, cạn sâu thứ lớp như thế nào.*

4. ***Sức trí tuệ biết rõ các căn tánh cao thấp*** *(tri chúng sinh tâm tính trí lực): Đức Phật biết rõ một cách xác thật căn tánh của các đệ tử và khắp chúng sinh là hơn kém, cao thấp, quả vị chứng được là lớn hay nhỏ.*

5. ***Sức trí tuệ biết rõ mọi hiểu biết*** *(tri chủng chủng giải trí lực): Đối với mọi sự hiểu biết, ưa thích lành dữ khác nhau của chúng sinh, đức Phật biết rõ tất cả.*

*6. **Sức trí tuệ biết rõ mọi lãnh vực** (tri chủng chủng giới trí lực): Đức Phật biết rõ một cách xác thật mọi lãnh vực khác nhau ở thế gian.*

*7. **Sức trí tuệ biết rõ mọi đường đi chỗ đến** (tri nhất thiết chí sở đạo trí lực): Đức Phật biết rõ một cách xác thật những phần hành hữu lậu của sáu đường đến đâu, và những phần hành vô lậu của niết bàn đến đâu.*

*8. **Sức trí tuệ biết rõ không bị chướng ngại như thiên nhãn** (tri thiên nhãn vô ngại trí lực): Đức phật dùng thiên nhãn biết rõ một cách xác thật lúc sinh lúc tử của chúng sinh, cũng như những cảnh giới lành dữ mà chúng sinh sẽ sinh đến đó, cho đến các nghiệp duyên lành dữ của những chúng sinh xấu, đẹp, nghèo, giàu v.v...*

*9. **Sức trí tuệ biết rõ các kiếp trước xa xôi** (tri túc mạng vô lậu trí lực): Đức Phật biết rõ một cách xác thật mọi sự việc trong đời quá khứ, không những một đời mà đến trăm ngàn vạn đời, không những một kiếp mà đến trăm ngàn vạn kiếp, chúng sinh chết ở cõi này rồi sinh ở cõi khác, chết ở cõi khác rồi sinh ở cõi này, nào là tên họ, ăn uống, khổ vui, mạng sống dài ngắn v.v...*

*10. **Sức trí tuệ biết rõ tất cả các tập khí đều đã dứt tuyệt** (tri vĩnh đoạn tập khí trí lực): Đức Phật biết rõ một cách xác thật tất cả các loại tập khí đều đã vĩnh viễn dứt tuyệt, không bao giờ còn sinh khởi nữa.*

(36) **Bốn điều không sợ sệt** (tứ vô úy, tứ vô sở úy): *tức là 4 đức tự tin, dũng mãnh, không sợ sệt. Nhờ 4 đức tính này mà công việc giáo hóa chúng sinh trở nên dễ dàng, không trở ngại. Có 4 đức vô úy của Phật và 4 đức vô úy của Bồ-tát.*

A. Bốn đức vô úy của Phật:

*1) **Có trí biết rõ tất cả không sợ sệt** (nhất thiết trí vô sở úy): Phật biết rõ tất cả các pháp, luôn luôn trụ nơi chánh kiến, rất tự tin, không gì làm cho khuất phục, không gì làm cho sợ sệt.*

*2) **Dứt tuyệt các phiền não không sợ sệt** (lậu tận vô sở úy): Phật đã hoàn toàn dứt trừ tất cả mọi loại phiền não, không một thứ chướng nạn nào có thể làm cho sợ sệt.*

*3) **Vạch rõ những thứ làm chướng ngại cho đạo không sợ sệt** (thuyết chướng đạo vô sở úy): Phật chỉ rõ các phương pháp tu tập để*

vượt qua những chướng ngại, đối với bất cứ lời cật vấn nào cũng không làm cho sợ sệt.

*4) **Vạch rõ cách diệt khổ không sợ sệt** (thuyết tận khổ đạo vô sở úy): Phật chỉ bày cặn kẽ con đường dứt tuyệt khổ đau mà không gì làm cho sợ sệt.*

B. Bốn đức vô úy của Bồ-tát:

*1) **Nắm giữ tất cả không sợ sệt** (tổng trì vô sở úy): Bồ-tát luôn luôn nhớ đến giáo pháp, thọ trì không xao lãng, cho nên khi thuyết pháp trước đại chúng, lòng rất tự tin về những nghĩa lí nói ra, không có gì làm cho sợ sệt.*

*2) **Biết rõ căn tánh không sợ sệt** (tri căn vô sở úy): Bồ-tát biết rõ căn tánh của chúng sinh, tùy theo sáng suốt hay tối tăm mà hướng dẫn cho thích hợp, cho nên lòng rất tự tin, không gì làm cho sợ sệt.*

*3) **Ứng đáp không sợ sệt** (đáp pháp vô sở úy): Đối với tất cả những câu hỏi của mọi người, Bồ-tát khéo léo giải đáp đúng như chánh pháp, không gì làm cho sợ sệt.*

*4) **Giải tỏa nghi nan không sợ sệt** (quyết nghi vô sở úy): Bồ-tát lắng nghe tất cả những lời vấn nạn của mọi người, rồi theo như chánh pháp mà giảng giải cho từng trường hợp, làm cho mọi nghi nan đều được giải tỏa, sau đó lại thuyết pháp giáo hóa, không gì làm cho sợ sệt.*

(37) **Mười tám pháp không cùng chung** (thập bát bất cộng pháp). *Đây là 18 pháp công đức mà đặc biệt chỉ Phật mới có, chứ các hàng Bồ-tát, Thanh-văn và Duyên-giác đều không có:*

*1. **Thân không lầm lỗi** (thân vô thất): Phật từ vô lượng kiếp đến nay, trì giới thanh tịnh, công đức đầy đủ, phiền não dứt sạch, cho nên ở nơi thân không hề có lầm lỗi.*

*2. **Miệng không lầm lỗi** (khẩu vô thất): Phật có trí tuệ biện tài vô lượng, tùy căn cơ của chúng sinh mà nói pháp thích hợp, làm cho tất cả đều được chứng ngộ.*

*3. **Ý tưởng không lầm lỗi** (niệm vô thất): Phật đã tu các pháp môn thiền định sâu xa, tâm không bao giờ tán loạn, không dính mắc nơi các pháp, tuyệt đối an ổn.*

*4. **Không có ý tưởng phân biệt** (vô dị tưởng): Phật cứu độ khắp tất cả chúng sinh một cách bình đẳng, không phân biệt chọn lựa.*

*5. **Không có tâm bất định** (vô bất định tâm): Trong mỗi lúc đi đứng ngồi nằm, Phật không bao giờ xa rời chánh định sâu xa, luôn luôn nhiếp tâm trụ nơi pháp lành.*

*6. **Không có cái tâm không biết tự mình buông xả** (vô bất tri kỉ xả tâm): Trong từng sát na, đối với những cảm thọ khổ vui, Phật thấy rõ các tướng sinh trụ dị diệt của chúng, cho nên vẫn an trú trong cảnh giới bình đẳng, vắng lặng.*

*7. **Ý chí không tiêu mất** (dục vô diệt): Phật có đầy đủ các đức lành, tâm luôn luôn muốn cứu độ chúng sinh mà không bao giờ cho là đủ hay nhàm chán.*

*8. **Tinh tấn không tiêu mất** (tinh tấn vô diệt): Thân tâm Phật lúc nào cũng tinh tấn, thực hiện mọi phương tiện để cứu độ chúng sinh, không lúc nào ngưng nghỉ.*

*9. **Niệm không tiêu mất** (niệm vô diệt): Tất cả các pháp và trí tuệ của chư Phật trong ba đời đều tương ưng đầy đủ, không có sự thối chuyển.*

*10. **Trí tuệ không tiêu mất** (tuệ vô diệt): Phật có đầy đủ tất cả trí tuệ, suốt cả ba đời không có gì chướng ngại, không khiếm khuyết, không tiêu mất.*

*11. **Giải thoát không tiêu mất** (giải thoát vô diệt): Phật dứt tuyệt mọi sự chấp trước, thoát khỏi cả hai lãnh vực hữu vi và vô vi, tất cả tập khí phiền não đều không còn, cho nên thành quả giải thoát không hề bị khiếm khuyết hay tiêu mất.*

*12. **Giải thoát tri kiến không tiêu mất** (giải thoát tri kiến vô diệt): Phật thấy biết các tướng giải thoát thật rõ ràng, không có gì che lấp được.*

*13. **Tất cả thân nghiệp đều hành động theo trí tuệ** (nhất thiết thân nghiệp tùy trí tuệ hành): Khi thân muốn hành động, trước hết Phật dùng trí tuệ quán sát hậu quả của việc làm, sau đó mới thực hiện, cho nên không gây ra lầm lỗi, chỉ đem lại lợi ích cho chúng sinh mà thôi.*

*14. **Tất cả khẩu nghiệp đều nói năng theo trí tuệ** (nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí tuệ hành): Khi miệng muốn nói năng, trước hết Phật dùng trí tuệ quán sát hậu quả của lời nói, sau đó mới diễn bày, cho nên không gây ra lầm lỗi, chỉ đem lại lợi ích cho chúng sinh mà thôi.*

*15. **Tất cả ý nghiệp đều tư duy theo trí tuệ** (nhất thiết ý nghiệp tùy trí tuệ hành): Khi suy nghĩ, trước hết Phật dùng trí tuệ quán sát hậu quả*

của ý nghĩ, cho nên không gây ra lầm lỗi, chỉ đem lại lợi ích cho chúng sinh mà thôi.

*16. **Trí tuệ thấy biết đời quá khứ không bị chướng ngại** (trí tuệ tri kiến quá khứ thế vô ngại vô chướng): Đối với mọi sự việc của chúng sinh ở đời quá khứ, Phật quán chiếu thấy biết thông suốt, không có gì làm cho chướng ngại.*

*17. **Trí tuệ thấy biết đời vị lai không bị chướng ngại** (trí tuệ tri kiến vị lai thế vô ngại vô chướng): Đối với mọi sự việc của chúng sinh ở đời vị lai, Phật quán chiếu thấy biết thông suốt, không có gì làm cho chướng ngại.*

*18. **Trí tuệ thấy biết đời hiện tại không bị chướng ngại** (trí tuệ tri kiến hiện tại thế vô ngại vô chướng): Đối với mọi sự việc của chúng sinh đời hiện tại, Phật quán chiếu thấy biết thông suốt, không có gì làm cho chướng ngại.*

*Lại nữa, có chỗ cho rằng, 18 pháp không cùng chung của Phật gồm có **mười trí lực, bốn đức vô úy, ba nơi trụ của chánh niệm** (tam niệm trú), và **tâm đại bi**. Ba nơi trụ của chánh niệm gồm có: 1) Đối với những người nghe pháp sinh tâm cung kính, Phật giữ tâm bình đẳng, không vui mừng. 2) Đối với những người nghe pháp sinh tâm bất kính, Phật giữ tâm bình đẳng, không buồn phiền. 3) Đối với những người cung kính lắng nghe và những người không cung kính lắng nghe, Phật giữ tâm bình đẳng, không thích người này, cũng không trách người nọ.*

*Hàng Bồ-tát cũng có **18 pháp công đức** mà Thanh-văn và Duyên-giác không cùng có chung **(Bồ-tát thập bát bất cộng pháp):***

1. Bố thí không cần người khác khuyên bảo.
2. Giữ giới không cần người khác khuyên bảo.
3. Nhẫn nhục không cần người khác khuyên bảo.
4. Siêng năng không cần người khác khuyên bảo.
5. Thiền định không cần người khác nhắc nhở.
6. Trí tuệ không cần người khác dạy bảo.
7. Thực hành những cách thu phục để thu phục giáo hóa chúng sinh.
8. Hiểu rõ sự hồi hướng.
9. Lấy phương tiện thiện xảo làm chính để giúp chúng sinh tu hành.
10. Không thối lui trên con đường đại thừa.

11. Khéo léo thị hiện niết bàn nơi sinh tử, tâm thường an vui, lời nói và âm thanh đều khéo léo thuận theo thế tục.

12. Lấy trí tuệ làm kẻ dẫn đường, tuy có thọ sinh mà không hề thọ sinh, xa lìa mọi lầm lỗi.

13. Đầy đủ mười nghiệp lành nơi thân, miệng và ý.

14. Thường hay chịu đựng đau khổ để thu phục giáo hóa chúng sinh.

15. Có thể hiện bày những thứ mà thế gian yêu thích.

16. Tuy ở trong hàng Thanh-văn và hạng phàm phu nhiều khổ não, nhưng không bao giờ mất trí sáng tỏ.

17. Khi nhận địa vị vua tất cả pháp, dùng lụa cột tóc và dùng nước vẩy đầu.

18. Không bao giờ rời bỏ sự mong cầu hiển bày chánh pháp của chư Phật.

(38) **Kiều Thi Ca** (Kausica): *là tên khác mà cũng là họ của trời Đế Thích. Kinh Tạp A Hàm ghi: "Vị tì-kheo lại bạch Phật rằng: [Bạch đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà ngài Đế Thích lại có tên là Kiều Thi Ca?] Đức Phật đáp: [Ngài Đế Thích ấy, thuở xưa khi còn làm người, có họ là Kiều-thi-ca. Do nhân duyên ấy nên ngài Đế Thích hiện nay còn được gọi tên là Kiều Thi Ca.]"*

(39) **La Hầu La.** *Có người hỏi rằng: Tôn giả La Hầu La đã viên tịch trước đức Thế Tôn, tại sao trong kinh* Đại Bi *này tôn giả vẫn có mặt trong giờ phút đức Thế Tôn sắp nhập niết-bàn?*

Chúng tôi xin thưa: Đây thuộc về vấn đề lịch sử. Các nhà nghiên cứu sử học đều công nhận rằng, người Ấn-độ thời xưa rất ít quan tâm đến vấn đề sử học, cho nên, muốn biết chắc chắn một sự kiện, dù quan trọng hay không, xảy ra đúng vào thời điểm nào, đó là việc vô cùng khó khăn. Trường hợp tôn giả La Hầu La ở đây là một thí dụ điển hình. Tôn giả nhập diệt vào lúc nào? Trong tác phẩm Thập Đại Đệ Tử Truyện, *pháp sư Tinh Vân (Đài-loan) viết: "Trước hết, ngay như về ngày sinh của tôn giả cũng đã có hai thuyết, một cho rằng tôn giả ra đời năm Phật mười chín tuổi; một cho rằng tôn giả ra đời năm Phật hai mươi lăm tuổi. Cho nên về niên đại nhập diệt, hiện cũng có hai thuyết, một bảo*

rằng tôn giả đã nhập diệt trước Phật vài năm; một bảo rằng trong giờ phút Phật nhập niết-bàn, tôn giả vẫn có mặt bên cạnh Phật." (Xin xem sách Mười Vị Đệ Tử Lớn Của Phật*, bản Việt dịch của cư sĩ Hạnh Cơ, có đăng trên các trang mạng Phật giáo:* Pháp Vân, Quảng Đức, Hoa Vô Ưu, Thư Viện Hoa Sen.*)*

(40) **Năm ấm** (ngũ ấm). *Năm ấm tức là năm uẩn* ***(sắc, thọ, tưởng, hành, thức)****. Chữ Hán "ấm" có nghĩa là che khuất, ngày xưa được các nhà "cựu dịch" dùng để dịch chữ Phạn "skandha"; vì quan niệm rằng, năm thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức che lấp chân tính, làm cho chúng sinh trôi lăn trong sinh tử luân hồi, cho nên năm thứ ấy được gọi là* ***"năm ấm"****. Nhưng chữ "skandha" cũng còn có nghĩa là chứa nhóm, và các nhà "tân dịch" quan niệm rằng, năm yếu tố sắc, thọ, tưởng, hành, thức vốn không có tính che lấp, mà chúng chỉ tích tụ lại, hòa hợp lại để làm nên thân tâm con người; vì vậy, chữ Phạn "skandha" đã được dịch lại là* ***"uẩn"*** *(có nghĩa là tích tụ). Quan niệm này rất hợp lí. Xem như đức Phật, thân tâm của Ngài cũng do năm yếu tố sắc, thọ, tưởng, hành, thức hòa hợp tạo nên, nhưng chúng có che lấp chân tính của Ngài đâu! Cho nên, che lấp hay không che lấp, đều do bởi chính con người, không phải do bản chất của năm yếu tố ấy. Dù vậy, do thói quen, ngày nay hai từ "ngũ ấm" và "ngũ uẩn" vẫn được dùng song hành.*

Năm ấm (năm uẩn) gồm có:

1. ***Sắc****, là tất cả các bộ phận sinh lí, nói chung là thân thể của con người.*

2. ***Thọ****, là cảm giác sinh lí sinh ra khi các giác quan của thân thể tiếp xúc với đối tượng của chúng. Cảm giác có thể là dễ chịu (lạc thọ), khó chịu (khổ thọ), hoặc không dễ chịu cũng không khó chịu (xả thọ).*

3. ***Tưởng****, là tri giác, tức là sự nhận biết đối tượng của nhận thức con người. Ví dụ, nhìn tượng Phật thì biết là tượng Phật, nghe tiếng chuông thì biết là tiếng chuông, ngửi mùi nhang thì biết là mùi nhang, v.v...*

4. ***Hành****, là chỉ chung cho tất cả mọi hiện tượng, mọi sự vật được hình thành do nhân và duyên, tức là vạn pháp trong vũ trụ (ở cả ba lĩnh vực: tâm, sinh, và vật lí). Riêng* ***hành uẩn*** *ở đây là chỉ cho "tâm hành", tức là tất cả những hiện tượng tâm lí của con người. Duy Thức Học nói, có cả thảy 51 hiện tượng tâm lí – gọi là 51 tâm sở, trong đó có hai uẩn*

thọ *và* ***tưởng*** *ở trên; nhưng vì phạm vi hoạt động của thọ và tưởng quá quan trọng – gần như suốt ngày, lúc nào ta cũng sống với* ***thọ và tưởng*** *– nên ở đây hai hành này được tách riêng thành ra hai uẩn, và 49 hành còn lại thì được gộp chung trong* ***một uẩn*** *là* ***"hành uẩn".***

5. ***Thức****, là tâm thức, nói tổng quát, đó là* ***căn bản thức*** *(Duy Thức Học gọi là thức a-lại-da), và nói chi tiết thì đó là tám thức: nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý, mạt-na và a-lại-da – Duy Thức Học gọi chúng là* ***tâm vương****, các kinh luận thường gọi một cách tổng quát là* ***tâm, ý*** *hay* ***thức****. Sở dĩ thức được gọi là "tâm vương" là vì ta nhìn thức ở phương diện căn bản, trong khi đó, nếu nhìn thức ở phương diện hành tướng, hiện khởi hay hoạt động thì ta có những hiện tượng tâm lí mà Duy Thức Học gọi là tâm sở – tức là nội dung của tâm vương. Tâm vương cũng giống như đại dương, còn tâm sở cũng giống như những ngọn sóng trên mặt đại dương. Ba uẩn trên kia: thọ, tưởng và hành, là thuộc về "tâm sở".*

Năm yếu tố kết hợp thành bản thân con người như trên chỉ là cách phân chia cho dễ thấy. Trong năm yếu tố đó thì yếu tố đầu (sắc) là vật chất, còn cả bốn yếu tố sau đều là tinh thần; vì vậy mà có chỗ chỉ phân chia con người làm hai phần, là ***danh*** *(tinh thần, gồm cả 4 uẩn: thọ, tưởng, hành và thức) và* ***sắc*** *(thể xác, là sắc uẩn). Hai phần đó, nói theo cách thông thường tức là* ***thân*** *(sắc) và* ***tâm*** *(danh). Lại nữa, theo tinh thần Duy Thức Học thì* ***thức*** *(tức là* ***tàng thức*** *hay* ***a-lại-da thức****) là nơi sinh khởi ra mọi hiện tượng; cho nên rốt cuộc,* ***năm uẩn*** *cũng chỉ là* ***một uẩn duy nhất*** *mà thôi: đó là THỨC.*

Mặt khác, khi ta nói về "bốn nguyên tố" (tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong) cấu thành thân thể con người, thì cả bốn nguyên tố này đều thuộc về ***"sắc uẩn".*** *Khi ta nói đến "sáu nguyên tố" (lục đại) tạo thành bản thân con người thì 5 nguyên tố đầu (địa, thủy, hỏa, phong, không) thuộc về* ***sắc uẩn****, còn nguyên tố thứ sáu (thức) thì bao gồm cả* ***4 uẩn*** *là thọ, tưởng, hành và thức.*

(41) **Ca-tì-la-vệ** (Kapilavastu): *là kinh đô của vương quốc Thích-ca (Sakya), một trong những vương quốc trên bán đảo Ấn-độ thời Phật tại thế. Thuở đó, Thích-ca là một nước nhỏ, đất đai không phì nhiêu lắm, hết phân nửa lãnh thổ về phía Bắc là vùng cao nguyên, toàn đồi núi; phân nửa còn lại ở phía Nam là vùng đồng bằng. Kinh thành Ca-tì-la-*

vệ, quê hương của đức Phật, nằm trong vùng đồng bằng ấy. Vương quốc này ngày nay là địa phận xứ Tilorakot ở vùng Terai, miền Nam nước Nepal, giáp ranh giới phía Bắc của nước Ấn-độ.

(42) **Thích:** *tức là Thích-ca (Sakya), là tên một bộ tộc, có nghĩa là "có năng lực". Bán đảo Ấn-độ thời bấy giờ chia ra rất nhiều vương quốc, mỗi vương quốc do một bộ tộc cai trị. Bộ tộc Thích-ca chiếm cứ vùng đất nằm giữa chân núi Hi-mã-lạp (Himalaya) ở phía Bắc, các vương quốc Câu-lị (Koliya) ở phía Đông, Mạt-la (Malla) ở phía Nam, và Kiều-tát-la (Kosala) ở phía Tây. Theo truyền thuyết, tổ tiên của bộ tộc Thích-ca khởi nguồn từ vua Cam Giá (Iksvaku), ở thành Potala, xứ Ayodhya (nay là vùng Ngũ-hà - Panjab), trên lưu vực sông Ấn (Indus). Vua Cam Giá có người vợ cả, sinh được bốn hoàng tử; sau lấy vợ thứ, sinh được một hoàng tử. Bà vợ thứ muốn con mình sau làm vua, nên xúi vua Cam Giá đuổi bốn hoàng tử con của bà vợ cả ra khỏi nước. Bốn anh em phải ra đi lang thang vô định. Khi đến chân núi phía Nam của dãy Hi-mã-lạp thì họ dừng lại. Tại đây họ đã lập nên sự nghiệp hùng mạnh, làm chủ một bộ tộc, và dựng lập thành Ca-tì-la-vệ. Vua Cam Giá biết được tin này, liền vui mừng khen rằng: Đó quả là những hoàng tử* ***"có năng lực"*** *(tiếng Phạn là* ***"sakya"****). Từ đó, bộ tộc và vương quốc do bốn hoàng tử sáng lập được đặt tên là "Sakya" (Thích-ca). Sau đó, khi ba trong bốn anh em qua đời, người còn lại trở thành vua của vương quốc Thích-ca, kinh đô là thành Ca-tì-la-vệ. Vua Sư Tử Giáp (Simhahanu) là đời thứ tư của dòng Thích-ca (tức đời thứ năm kể từ vua Cam Giá), sinh bốn trai và một gái: đó là các hoàng tử Tịnh Phạn (Suddhodana), Bạch Phạn (Suklodana), Hộc Phạn (Dronodana), Cam Lộ Phạn (Amrto-dana) và công chúa Cam Lộ (Pamita). Tịnh Phạn được nối ngôi vua của vương quốc, và là phụ vương của Phật.*

(43) **Dòng giống Mặt-trời** (Nhật-chủng –Surya-vamsa). *Nhật-chủng là một trong năm họ của đức Phật. Theo truyền thuyết thì ngày xưa có vị vua tên Đại Mâu Thảo, bỏ ngôi vua đi xuất gia, chứng được năm thứ thần thông, xưng là Vương Tiên. Vương Tiên về già suy yếu, không đi đứng được. Các đệ tử của ông, trước khi ra ngoài đi khất thực, đã đặt ông nằm trong một chiếc lồng, rồi treo lên cây để tránh bị thú dữ làm*

hại. Lúc ấy có người thợ săn, trông thấy chiếc lồng, tưởng rằng trong đó có con chim trắng, liền dùng cung bắn. Ông Vương Tiên chết, máu rơi xuống đất. Sau đó, từ chỗ máu ấy đã mọc lên hai cây mía. Do bị nung nóng dưới ánh nắng mặt trời mà hai cây mía ấy sinh ra hai em bé, một nam một nữ. Biết được tin này, các quan đại thần trong nước liền đến rước hai em bé, đem về cung nuôi nấng. Sau đó họ lập bé trai làm vua, và lập bé gái làm vương phi. Nhân nhà vua do từ cây mía sinh ra nên xưng là vua Cam Giá; lại do ánh nắng mặt trời un đúc mà hai cây mía sinh ra cặp đồng nam đồng nữ, nên nhà vua cũng xưng là Nhật Chủng. Đó là thỉ tổ của dòng họ Thích Ca. (Xin xem thêm chú thích số 42 ở trên.)

(44) **Vương-xá** (Rajagrha): *là kinh đô của vương quốc Ma-kiệt-đà (Magadha) thời Phật tại thế (nay là xứ Rajgir, phía Nam thành phố Patna); và vị quốc vương đương thời là Tần Bà Sa La. Trước vua Tần Bà Sa La, kinh đô của nước Ma-kiệt-đà được đặt tại thành Thượng-mao-cung (Kusagra-pura), cũng gọi là thành Cựu-vương-xá. Sau khi lên ngôi, vua Tần Bà Sa La đã chọn khu đất ở phía Bắc thành này, có năm ngọn núi bao bọc chung quanh, kiến tạo nên thành Vương-xá, rồi thiên đô về đây. Con của vua Tần Bà Sa La là thái tử A Xà Thế, sau khi lên ngôi kế vị, vẫn giữ kinh đô là thành Vương-xá; nhưng sau khi thôn tính nước Bạt-kì, đã thiên đô đến thành Hoa-thị (tức Ba-liên-phất - Pataliputra), ở tả ngạn sông Hằng (nay là thành phố Patna). Thành Vương-xá là một trong các trung tâm hóa đạo quan trọng nhất trong thời Phật tại thế, mà Trúc-lâm và Linh-thứu ở ngoại thành là hai đạo tràng trứ danh của đức Phật trong nước Ma-kiệt-đà. Thành này cũng là nơi thánh điển được kết tập lần đầu tiên sau ngày đức Thế Tôn nhập diệt.*

(45) **A Xà Thế** (Ajatasatru): *là thái tử con vua Tần Bà Sa La (Bimbisara) và hoàng hậu Vi Đề Hi (Vaidehi), trị vì vương quốc Ma-kiệt-đà (miền Trung Ấn-độ) thời Phật tại thế. Khi hoàng hậu Vi Đề Hi mang thai ông, có một hôm bà cảm thấy rất thèm nuốt vài giọt máu trong ngón tay của nhà vua. Nhà vua bèn lấy dao cứa một đường trên ngón tay cho bà nút máu. Các nhà chiêm tinh trong triều thấy vậy bèn*

nói rằng, người con này về sau sẽ là kẻ thù của cha. Vì vậy mà đặt tên là A Xà Thế (dịch ra Hán ngữ là "Vị Sinh Oán", nghĩa là kẻ thù từ khi chưa sinh). Khi đã trưởng thành, ông được lập làm thái tử. Ông kết thân và hết lòng ủng hộ đại đức Đề Bà Đạt Đa. Lúc bấy giờ đại đức Đề Bà Đạt Đa đang âm mưu hại Phật để giành quyền lãnh đạo giáo đoàn; còn ông thì âm mưu giết cha để sớm lên ngôi vua. Bởi vậy, đại đức Đề Bà Đạt Đa đã bày mưu kế cho ông giết cha; đáp lại, ông cũng giúp phương tiện cho Đề Bà Đạt Đa để vừa chia rẽ tăng đoàn, vừa hãm hại tính mạng của Phật. Âm mưu giết vua cha của ông bị bại lộ, nhưng nhà vua vẫn thương con, đã không xử phạt, lại nhường ngôi cho, vì biết ông đang rất muốn làm vua. Vậy mà, sau khi lên ngôi, ông liền bắt vua Tần Bà Sa La giam vào ngục, bỏ đói cho đến chết. Do quả báo đó, sau khi lên ngôi, ông bị bệnh nặng, cả Đề Bà Đạt Đa và bao nhiêu đạo sĩ Bà-la-môn đều không giúp gì cho ông được. Sau cùng, với sự tận tình giúp đỡ của y sĩ Kì Bà (Jivaka, người anh cùng cha khác mẹ của ông), ông đã quay về nương tựa Phật. Ông được hóa độ, dần dần khỏi bệnh. Ông hết lòng sám hối tội lỗi. Từ đó ông xa lánh hẳn Đề Bà Đạt Đa, thành tâm tín phụng và tu tập theo Phật, trở thành một vị hộ pháp đắc lực không khác gì vua cha thuở trước. Ông lên ngôi được 8 năm thì đức Phật nhập diệt. Ông cũng được chia xá lợi của đức Phật, đem về xây tháp phụng thờ. Khi tôn giả Đại Ca Diếp tổ chức cuộc kết tập kinh điển lần đầu tiên tại hang Thất-diệp ở ngoại ô thành Vương-xá, ông đã xây dựng hang Thất-diệp thành ngôi tinh xá trang nghiêm để làm đạo tràng kết tập, và phát tâm bảo trợ hoàn toàn cho Phật sự này. Sau khi Phật nhập diệt 3 năm, ông đánh chiếm nước Bạt-kì (Vajji, thủ đô là thành Tì-xá-li), sáp nhập vào nước Ma-kiệt-đà, rồi thiên đô từ thành Vương-xá đến thành Ba-liên-phất (Pataliputra). Ông ở ngôi được 32 năm thì bị con là hoàng tử Udayabhadda giết chết để soán ngôi.

(46) **Xá-vệ** (Sravasti): *là kinh đô của vương quốc Kiều-tát-la (Kosala), ở miền Trung Ấn-độ. Vì ở miền Nam Ấn-độ cũng có một vương quốc tên là Kiều-tát-la, cho nên để phân biệt, nước Kiều-tát-la này được gọi là nước Xá-vệ, hoặc nước Bắc-Kiều-tát-la (Uttara-Kosala); còn nước Kiều-tát-la kia được gọi là nước Nam-Kiều-tát-la (Daksina-Kosala). Cũng như nước Ma-kiệt-đà, nước Kiều-tát-la là một trong số mười sáu nước lớn ở*

Ấn-độ thời Phật tại thế. Trị vì nước Kiều-tát-la lúc bấy giờ là vua Ba Tư Nặc (Prasenajit). Ở ngoại ô thành Xá-vệ có một khu vườn cây của thái tử Kì Đà (Jeta), vừa rộng rãi, vừa xinh đẹp. Trưởng giả Cấp Cô Độc (Anathapindika) đã mua khu vườn này để xây cất ngôi tinh xá Kì-hoàn dâng cúng đức Phật và Tăng đoàn làm đạo tràng hoằng hóa độ sinh.

(47) **Tinh xá Cấp-cô-độc trong vườn cây Kì-đà.** *Thời Phật tại thế, ở kinh thành Xá-vệ của nước Kiều-tát-la, có ông trưởng giả vô cùng giàu có, tên là Tu Đạt (Sudatta). Ông thường hay thương xót giúp đỡ cho những kẻ cô đơn nghèo khó, nên được người đời tặng cho ông biệt danh là Cấp Cô Độc. Một hôm, nhân có việc đi sang thành Vương-xá, ông được gặp Phật, được Phật hóa độ, trở thành một vị ưu-bà-tắc tin Phật thuần thành. Ông thỉnh cầu đức Phật sang thành Xá-vệ, quê hương ông, để truyền bá chánh pháp. Đức Phật hứa khả. Ông vui mừng khôn xiết, bèn lập tức trở về thành Xá-vệ, tìm đất để xây tinh xá cúng dường Phật và Tăng đoàn làm đạo tràng tu tập hoằng pháp. Bấy giờ, thái tử Kì Đà có một khu vườn cây rộng rãi, xinh đẹp và thanh tịnh. Ông rất vừa ý, bèn đem vàng ròng trải khắp mặt đất của khu vườn để mua. Thái tử Kì Đà cũng tùy hỉ lòng tin Phật chí thành của ông, bèn cúng luôn tất cả cây cối trong khu vườn để ông dâng hết lên đức Phật. Tinh xá xây xong, được đức Phật cho đặt tên là tinh xá Cấp-cô-độc trong vườn cây Kì-đà (Kì thọ Cấp Cô Độc viên – Jetavana-anathapindasyarama), gọi tắt là tinh xá Kì-viên hay Kì-hoàn.*

(48) **Tì-xá-li** (Vaisali): *cũng gọi là Tì-da-li, hay Phệ-xá-li, người Trung-quốc dịch là Quảng-nghiêm, là nơi cư trú của bộ tộc Lê-xa (Licchavi), và là thủ đô của nước Bạt-kì (Vrji), miền Trung Ấn-độ thời Phật tại thế. Bạt-kì là một chủng tộc lớn, do tám bộ tộc nhỏ hợp lại làm thành, lấy bộ tộc Lê-xa làm chủ. Vào thời Phật tại thế, Bạt-kì là một trong mười sáu nước lớn ở Ấn-độ. Kinh đô Tì-xá-li là một thành phố thương mại phồn thịnh. Tơ lụa và trầm hương ở đây rất nổi tiếng, được tất cả các vương quốc đương thời ưa chuộng. Tì-xá-li cũng là địa điểm hành đạo quan trọng của đức Phật và giáo đoàn, ngang với các thành Vương-xá (kinh đô nước Ma-kiệt-đà) và Xá-vệ (kinh đô nước Kiều-tát-la). Đó cũng là*

nơi kết tập kinh điển lần thứ hai của bảy trăm vị thánh tăng sau khi Phật diệt độ một trăm năm.

(49) **Li-xa** (Licchavi): *cũng gọi là Lê-xa, hay Lệ-xa, là bộ tộc làm chủ thành Tì-xá-li, kinh đô nước Bạt-kì. (xin xem thêm chú thích số 48 ở trên.)*

(50) **Bố-tát** (posadha, upavasatha), *Hán dịch là trưởng tịnh, tịnh trụ. Theo giới pháp của người xuất gia, cứ mỗi nửa tháng một lần, quí vị tì-kheo vân tập nơi Phật điện, cung thỉnh một vị tôn túc tinh chuyên về giới luật để thuyết giới, khiến cho chư tăng trụ trong tịnh giới, trưởng dưỡng thiện pháp. Lễ bố-tát cũng được áp dụng cho chúng sa-di, nhưng đơn giản hơn. Lễ này cũng được dùng cho chúng cư sĩ, và được gọi là lễ "Tụng giới".*

(51) **Ma-du-la** (Mathura): *cũng gọi là Mạt-thố-la, là một cổ quốc ở miền Trung-Ấn-độ thời Phật tại thế. Trong Kinh Nhân Vương, nó được liệt vào một trong 16 nước lớn vào thời bấy giờ, đức Phật đã nhiều lần quang lâm giáo hóa. Theo Đại Đường Tây Vực Kí của pháp sư Huyền Trang (do Phật Quang Đại Từ Điển trích dẫn), nơi đây có nhiều di tích của các đức Phật đời quá khứ; cũng là nơi chư vị Bồ-tát và A-la-hán cư trú tu tập thiền định. Sau khi đức Phật nhập niết-bàn, có tôn giả Ưu Ba Cúc Đa (đệ tử của tôn giả A Nan, kế thừa làm Tổ thứ tư của dòng Phú-pháp-tạng), cũng ra đời tại nước này. Ngày nay, nó là dải đất nằm phía Tây-Nam sông Junna, phía Nam quận Muttra. Tại đây, người ta còn thấy được ba di tích do vua A Dục xây dựng: chùa Ưu-ba-cúc-đa, tháp Xá-lợi-tử và tháp Tiển-hầu.*

(52) **Yết-ma** (karma): *là nghi thức đặc biệt của Chư Tăng để tuyên cáo thực hiện các Phật sự như thọ giới, sám hối, bố-tát, v.v… Nhờ nghi thức tuyên cáo này mà các Phật sự đó được thành tựu.*

(53) **Ba-li-phất** (Pataliputra): *cũng gọi là Ba-tra-li-phất, Ba-tra-lị-tử, hoặc Ba-liên-phất, tức thành Hoa-thị, kinh đô của vương quốc Ma-kiệt-*

đà từ thời vua A Xà Thế, nằm ở tả ngạn sông Hằng, nay là thành phố Patna. "Pata-liputra" nguyên là tên của một loại cây; nhân vì thành này có rất nhiều loại cây ấy, cho nên được đặt tên như vậy. Vì có mộng thôn tính nước Bạt-kì và bành trướng cương vức nước Ma-kiệt-đà ra khắp vùng Trung-Ấn, vào những năm cuối cùng của cuộc đời đức Phật, vua A Xà Thế (con của vua Tần Bà Sa La, thuộc vương triều Tây-tô-nạp-da) đã cho xây đắp thành Hoa-thị này. Sau khi đức Phật nhập diệt được 3 năm, ông đã đánh chiếm nước Bạt-kì, đem sát nhập vào Ma-kiệt-đà, rồi thiên đô từ thành Vương-xá về thành Hoa-thị. Về sau, vua A Xà Thế đã bị con mình là thái tử Udayabhadda giết chết để soán ngôi. Ông vua mới này lại dời kinh đô đến thành Câu-tô-ma (Kusuma-pura), cách thành Hoa-thị khoảng 3 dặm về phía Tây.

Gần 50 năm sau thì vương triều Tây-tô-nạp-da (Saisu-naga) của vua Tần Bà Sa La bị dân chúng truất bỏ, thay thế bằng vương triều Nan-đà (Nanda), và kinh đô của nước Ma-kiệt-đà lại được dời về thành Hoa-thị như cũ. Đến cuối thế kỉ thứ 4 tr. TL, vua Chiên Đà La Cấp Đa (Candragupta) đã thống nhất toàn vùng Bắc và Trung Ấn-độ, sáng lập vương triều Khổng-tước (Maurya), cũng đặt kinh đô tại thành này, thi hành chế độ trung ương tập quyền lần đầu tiên trong lịch sử Ấn-độ. Vua đời thứ ba của vương triều này là A Dục, đã cho xây cất chùa Kê-viên (Kukkutarama) ở phía Đông-Nam của thành này, rất đông các bậc cao tăng danh đức đã được thỉnh về cư trú tại đây. Nhà vua cũng đã cho xây chùa A-dục-vương (Asokarama) ở phía Tây của thành này, và năm thứ 17 từ ngày tức vị, nhà vua đã cung thỉnh tôn giả Mục Kiền Liên Tử Đế Tu làm thượng thủ, cùng 1.000 vị trưởng lão tụ hội tại chùa này để cử hành đại hội kết tập thánh điển lần thứ ba. Từ đó, thành Hoa-thị không những đã trở thành một trung tâm chính trị, mà còn là một trung tâm Phật giáo quan trọng của Ấn-độ. Ở tất cả các hướng chung quanh thành, vua A Dục đã xây nhiều ngôi tháp lớn, cùng dựng nhiều trụ đá để khắc ghi các pháp sắc của nhà vua. Theo Đại Đường Tây Vực Kí, các vị Bồ-tát luận sư như Mã Minh (Asvaghosa – thế kỉ thứ 2 TL), Long Thọ (Nagarjuna – cuối thế kỉ 2 đầu thế kỉ 3 TL), Đề Bà (Kana-deva, tức Thánh Thiên – thế kỉ 3), v.v... đều từng đặt cơ sở hành đạo tại thành này, và từng khuất phục rất nhiều ngoại đạo. Thế kỉ thứ 7, khi pháp sư Huyền Trang đến đây thì thành này đã bị hoang phế. Năm 750 xẩy ra trận lụt

lớn, nước sông Hằng dâng cao, cuốn trôi hầu hết vết tích của cổ thành này.

(54) **Ba minh** (tam minh). *Các bậc thánh khi chứng đến quả Phật, thì dứt trừ tận tuyệt vô minh si ám,* trí sáng tối thượng *hiển lộ, thấy biết thấu suốt ba sự việc hoàn toàn vô ngại, gọi là* ***"ba minh"****:*

1. ***Túc mạng minh:*** *trí sáng thấy biết thấu suốt tướng trạng của mình và tất cả chúng sinh từ một đời cho đến hàng trăm, ngàn, vạn, ức đời ở thời quá khứ.*

2. ***Thiên nhãn minh:*** *trí sáng thấy biết thấu suốt các tướng trạng sinh tử của tất cả chúng sinh, chết nơi này chuyển sinh nơi kia, chết nơi kia chuyển sinh nơi này; hoặc do nhân duyên xấu ác mà tạo nghiệp xấu ác, sau khi chết phải sinh vào các cảnh giới đau khổ; hoặc do nhân duyên thiện lành mà tạo nghiệp thiện lành, sau khi chết được sinh về các cảnh giới an vui v.v...*

3. ***Lậu tận minh:*** *trí sáng thấy biết rõ ràng mình đã chân thật chứng ngộ chân lí, đã giải thoát hoàn toàn cái tâm lậu hoặc, đã diệt trừ tận gốc rễ tất cả phiền não vô minh.*

(55) **Sáu thần thông** (lục thông). *Chữ "thần" ở đây có nghĩa là năng lực mầu nhiệm, vượt quá sức hiểu biết của con người; chữ "thông" nghĩa là thông suốt, không có gì làm cho chướng ngại.* ***Thần thông*** *là sức tác dụng mầu nhiệm, tự tại vô ngại, siêu việt nhân gian, không thể nghĩ bàn, do công phu tu tập thiền định mà đạt được. Bởi vậy, bản chất của thần thông là trí tuệ, có nghĩa, không tu thiền định, không phát huy được trí tuệ, thì nhất định không thể chứng đắc thần thông. Trong Phật giáo, nói tới thần thông, gồm có sáu thứ:*

1. ***Thần túc thông*** *(hay thân như ý thông): tùy ý muốn đến chỗ nào thì tự khắc đến đó, tùy ý muốn chuyển biến tướng trạng như thế nào thì tức khắc có tướng trạng đó; riêng đức Phật còn có cái năng lực tùy ý cải biến đối cảnh, tự tại vô ngại.*

2. ***Thiên nhãn thông:*** *thấy suốt các tướng khổ vui, sinh tử của chúng sinh trong sáu đường; thấy tất cả mọi loài, mọi vật trong thế gian, bất luận xa gần, lớn nhỏ, có hình sắc hay không có hình sắc, không có gì ngăn cách, chướng ngại.*

*3. **Thiên nhĩ thông:** nghe rõ tất cả âm thanh, ngôn ngữ, những tiếng kêu than đau khổ, những lời mừng vui của mọi loài chúng sinh trong sáu nẻo luân hồi.*

*4. **Tha tâm thông:** thấy rõ tâm ý, những tư tưởng lành dữ của mọi loài chúng sinh trong sáu đường.*

*5. **Túc mạng thông:** thấy rõ đời sống cùng những việc làm của chính mình cũng như của mọi người khác trong nhiều kiếp quá khứ.*

*6. **Lậu tận thông:** Đoạn trừ tất cả phiền não (kiến tư hoặc) trong ba cõi, vĩnh viễn thoát li sinh tử luân hồi.*

*Trong sáu thứ thần thông trên, ngoại trừ **lậu tận thông**, cả năm thứ thần thông kia, bất cứ ai, kể cả ngoại đạo, tu định đạt đến Tứ-thiền, đều chứng được, gọi là **"ngũ thông"** (thần túc thông, thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, và túc mạng thông). Riêng lậu tận thông, chỉ có Phật và A-la-hán mới chứng được. Bởi vậy, trong sáu thứ thần thông trên, chỉ có lậu tận thông là quan trọng nhất đối với người tu học Phật, từng được đức Phật nhấn mạnh và khuyến khích tu tập. Khi đã chứng đạt loại thần thông này rồi thì năm loại kia cũng tự nhiên mà có được, và chỉ được coi là phương tiện dùng để độ sinh trong những trường hợp thật cần thiết mà thôi. Chính đức Phật cũng đã từng lưu ý quí vị A-la-hán không nên sử dụng **năm** thứ thần thông ấy trong những lúc không cần thiết. Lại nữa, trong sáu thứ thần thông trên, không những chỉ Phật và A-la-hán mới chứng được lậu tận thông, mà cả thiên nhãn thông và túc mạng thông của các Ngài cũng thù thắng hơn mọi người khác, cho nên, đối với Phật và A-la-hán, **ba** loại thần thông này (thiên nhãn thông, túc mạng thông và lậu tận thông) được gọi là **"ba minh" (tam minh)**. – Túc mạng thông của A-la-hán có thể thấy rõ đến 500 kiếp quá khứ; túc mạng thông của Phật thì thấy rõ vô lượng kiếp quá khứ; riêng thiên nhãn thông của Phật còn thấy rõ các tình trạng sinh tử của chúng sinh trong vô số kiếp vị lai.*

*Đó là ý nghĩa của "lục thông" rất thường thấy trong kinh luận. Riêng trong Thiền tông, **"lục thông"** được trình bày một cách thiết thực, rất đáng được làm phương châm trong việc tu học. Tổ Lâm Tế Nghĩa Huyền (?-867) nói: "... còn như lục thông của Phật thì không phải như thế: vào thế giới của sắc mà không bị sắc mê hoặc; vào thế giới của thanh mà không bị thanh mê hoặc; vào thế giới của hương mà không bị hương mê*

hoặc; vào thế giới của vị mà không bị vị mê hoặc; vào thế giới của xúc mà không bị xúc mê hoặc; vào thế giới của pháp mà không bị pháp mê hoặc. Cho nên, đã đạt được cái vô tướng của sắc thanh hương vị xúc pháp, thì chúng không thể trói buộc kẻ "đạo-nhân-không-y-cứ" này được. Tuy vẫn là năm uẩn hữu lậu, mà thực sự là địa hành thần thông." (HC trích dịch từ tác phẩm Lâm Tế Ngữ Lục, được in trong sách Đề Xướng Lâm Tế Lục của Bình Điền Tinh Canh [Hirata Seiko], do nhà Hakujusha tại Đông-kinh xuất bản, năm 1984.)

Lời của tổ Lâm Tế trên đây, đại ý nói rằng, người sống trong ngũ dục lục trần mà không bị ngũ dục lục trần chi phối, làm cho ô nhiễm, thì đó là người đã chứng được lục thông.

(56) **Tám bước giải thoát** (bát giải thoát). *"Giải thoát" là cởi bỏ được mọi sự trói buộc. Khi hành giả diệt trừ được mọi phiền não, không còn bị ràng buộc bởi những kiến chấp, chướng ngại, mê muội, thì được giải thoát. Thành quả giải thoát này gồm có tám bước, do công phu tu tập tám phép thiền định mà đạt được. Khi đã đạt được cả tám bước giải thoát ấy rồi thì hành giả liền vượt thoát ra ngoài ba cõi, chấm dứt sinh tử luân hồi.*

*1. **Bước giải thoát đầu tiên:** Trong tự thân đã sẵn có tâm tham ái về chính sắc thân của mình, vì muốn diệt trừ tâm tham ái ấy, hành giả quán chiếu để thấy rõ tính chất bất tịnh, vô thường của thân thể mọi người. Do sự quán chiếu này mà **tâm tham ái tự thân không còn nữa.** Đó là bước giải thoát đầu tiên của hành giả.* **(Nội hữu sắc tưởng, quán ngoại sắc giải thoát.)**

*2. **Bước giải thoát thứ hai:** Tuy tâm tham ái tự thân đã dứt, nhưng tâm tham ái đối với cõi Dục vẫn còn nhiều, cho nên hành giả cần tiếp tục quán chiếu để thấy rõ hơn nữa tính chất vô thường, bất tịnh của vật chất (sắc thân mọi người) ở cõi Dục; **từ đó diệt trừ được tâm tham ái đối với cõi Dục.** Đó là bước giải thoát thứ hai của hành giả.* **(Nội vô sắc tưởng, quán ngoại sắc giải thoát.)**

*3. **Bước giải thoát thứ ba:** Khi tâm tham ái đối với tự thân và vật chất cõi Dục đã không còn khởi động nữa thì cái đẹp hiển hiện. Tâm ý của hành giả bấy giờ trở nên trong sạch, sáng suốt, và tiếp tục quán chiếu để thấy rõ sự nhiệm mầu của thực tại vạn hữu; từ đó niềm an lạc*

phát sinh và tăng trưởng trong khắp tự thân. Hành giả ***hoàn toàn an trú trong cảnh giới an lạc*** *ấy, và đạt được bước giải thoát thứ ba.* **(Tịnh giải thoát, thân tác chứng, cụ túc trú.)**

4. ***Bước giải thoát thứ tư:*** *Với tâm ý trong sáng, không tham đắm, không vướng mắc, hành giả vượt ra khỏi phạm vi hạn hẹp của tự thân để quán chiếu tính chất vô biên của không gian và* ***đồng nhất mình với không gian vô biên*** *đó; đồng thời hành giả cũng* ***thấy rõ tính cách đồng nhất giữa không gian vô biên và các vật thể.*** **(Không vô biên xứ giải thoát.)**

5. ***Bước giải thoát thứ năm:*** *Tiến thêm một bước, hành giả quán chiếu để thấy rõ rằng, cả không gian và thời gian đều dung nhiếp lẫn nhau, nương vào nhau mà tồn tại; cả hai đều không đứng độc lập với nhận thức, mà chính là những biểu tượng của nhận thức. Hành giả* ***an trú trong chánh niệm "tâm thức bao hàm cả không thời gian"****, tức là an trú trong bước giải thoát thứ năm.* **(Thức vô biên xứ giải thoát.)**

6. ***Bước giải thoát thứ sáu:*** *Hằng ngày chúng ta nhìn thực tại bằng các khuôn khổ của tư tưởng – tức là những ý niệm đối đãi về trong - ngoài, có - không, sinh - diệt, cao - thấp, trên - dưới, lớn - nhỏ, v.v... Nhưng tự thân thực tại thì không bao giờ mang lấy những khuôn khổ như vậy. Cho nên, khi tu tập phép thiền định thứ sáu này, hành giả phải quán chiếu để thấy rõ tính chất vô tướng của thực tại vạn hữu. Với phép thiền quán này, hành giả vượt thoát được thế giới khái niệm, vất bỏ được các khuôn khổ của tư tưởng, và* ***thực tại hiển lộ trong thật tướng như như bình đẳng của nó.*** *Đó là bước giải thoát thứ sáu mà hành giả đạt được.* **(Vô sở hữu xứ giải thoát.)**

7. ***Bước giải thoát thứ bảy:*** *Khi hành giả bước sang giai đoạn vất bỏ được sự phân biệt về chủ thể nhận thức và đối tượng nhận thức – tức là* ***không còn thấy có một bên là chủ thể quán chiếu và một bên là đối tượng quán chiếu****, thì đó là lúc hành giả đang ở trong trạng thái thiền định gọi là "không phải tư tưởng cũng không phải là không phải tư tưởng"; tức là bước giải thoát thứ bảy.* **(Phi tưởng phi phi tưởng xứ giải thoát.)**

8. ***Bước giải thoát thứ tám:*** *Đây là bước giải thoát sau cùng, là đỉnh cao nhất của tuệ giác mà hành giả đạt được. Lúc này hành giả thật sự thấu suốt chân tướng của thực tại,* ***giải thoát hoàn toàn khỏi mọi khái***

***niệm (cảm thọ và tư tưởng)**, phá tan được lưới sinh tử, không rơi lọt lại vào vòng luân hồi.* **(Diệt tận giải thoát, hay Diệt thọ tưởng giải thoát.)**

(57) **Ương-già** (Anga): *là một trong 16 nước lớn ở Ấn-độ thời Phật tại thế, nằm giáp ranh giới phía Đông của nước Ma-kiệt-đà, kinh đô là thành Chiêm-bà (Campa); đức Phật cũng thường đến đây hành hóa.*

(58) **Đại hội Vô-già** (Panca-varsika-maha). *"Vô-già" nghĩa là bao dung tất cả mà không ngăn ngại một ai. Đại hội Vô-già là một pháp hội lớn, tổ chức bố thí cả tài và pháp (tài pháp nhị thí), do vua chúa làm thí chủ, tất cả hiền thánh, tăng tục, sang hèn, trên dưới đều được mời tham dự một cách bình đẳng, không phân biệt. Tập tục này được thịnh hành ở Ấn-độ từ thời vua A Dục, cứ mỗi 5 năm được tổ chức một lần, cho nên cũng được gọi là "Ngũ tuế hội". Khi Phật giáo được truyền bá sang các nước vùng Tây-vực, tập tục này cũng đã được thịnh hành tại đây.*

(59) **Càn-đà-la** (Gandhara): *cũng gọi là Kiền-đà-la, là một cổ quốc ở bán đảo Ấn-độ, nay là vùng hạ lưu sông Kabul, phía Bắc lưu vực Ngũ-hà. Từ những thế kỉ trước khi đức Phật ra đời, Càn-đà-la đã là một trong 6 nước lớn (Gandhara, Kamboja, Kuru, Matsya, Pancala, và Surasena) ở vùng Tây-Bắc Ấn-độ, bao gồm miền thượng lưu hai con sông lớn Hằng-hà (Ganga) và Ấn-hà (Sindhu). Cả 6 nước này, và đặc biệt là Càn-đà-la và Cư-lâu (Kuru), đã là căn cứ địa của nền văn minh Bà-la-môn giáo (cũng tức là nền văn minh Ấn-độ) vào thời đó. Từ thế kỉ thứ 7 tr. TL, nền văn minh ấy phát triển dần về vùng lưu vực sông Hằng, hưng khởi thêm nhiều nước lớn khác. Khi đức Phật ra đời thì Ấn-độ có cả thảy 16 nước lớn; và Càn-đà-la vẫn là một trong 16 nước đó. Chính bản thân đức Phật cũng đã có lần đến hóa đạo ở nước này.*

Thế kỉ thứ 4 tr. TL, đại đế Á Lịch Sơn (Alexander) của nước Hi-lạp đem quân đánh chiếm vùng Tây-Ấn, đặt thủ đô của nước này tại thành Bố-sắc-yết-la-phạt-để (Puskaravati – cách thành phố Peshawar của nước Pakistan ngày nay 20 km về hướng Đông Bắc). Thời vua A Dục (thế kỉ thứ 3 tr. TL), tôn giả Mạt Xiển Đề (Majihantika) đã được phái đến Càn-đà-la để truyền bá Phật pháp, giúp cho gần một trăm ngàn người đạt được đạo quả, cả ngàn người phát tâm xuất gia. Về sau, khi

giáo đoàn bị phân rẽ thành hai bộ phái căn bản là Thượng Tọa Bộ và Đại Chúng Bộ, thì nước này, cùng với nước láng giềng Ca-thấp-di-la, đã là căn cứ địa của Thượng Tọa Bộ. Sau đó, khi Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ tách ra khỏi Thượng Tọa Bộ, thì nước này lại trở thành trung tâm của bộ phái mới này. Không những thế, tăng chúng ở Càn-đà-la cũng còn hấp thụ tư tưởng, học phong của Đại Chúng Bộ; rồi tư tưởng Phật giáo đại thừa cũng phát triển tại đây. Theo kinh Đạo Hạnh Bát Nhã và luận Đại Tì Bà Sa, kinh hệ Bát Nhã đã sớm được lưu hành tại nước này.

Vào thế kỉ đầu TL, vương triều Quí-sương hưng khởi ở phương Bắc, chiếm lĩnh cả vùng lưu vực sông Kabul. Dần dần, vua đời thứ ba của vương triều này là Ca Nị Sắc Ca, đã mở rộng đế quốc Kiền-đà-la, và đã chọn thành Bố-lộ-sa của nước này (tức thành phố Peshawar của nước Pakistan ngày nay) để đặt thủ đô của đế quốc Quí-sương (hay đế quốc Nhục-chi); bởi vậy, vào thời đó, nước Càn-đà-la cũng được gọi là nước Đại-nhục-chi. Vua Ca Nị Sắc Ca nhiệt tâm bảo hộ Phật giáo, không khác gì vua A Dục trước kia, cho nên Phật giáo ở đây lại càng sáng rỡ. Từ đây làm địa bàn, Phật giáo đã được truyền bá rộng khắp bốn phương, còn hơn cả dưới thời vua A Dục. Các vị thánh tăng như Hiếp tôn giả, Mã Minh, Pháp Cứu, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân, v.v... đều xuất thân từ địa phương này; và nền Phật giáo đại thừa cũng nhân đó mà hưng thịnh. Trong thời đại này, đế quốc Quí-sương giao lưu mật thiết với các nền văn minh lớn của thế giới phương Tây, như Hi-lạp và La-mã, đã dung hợp tạo thành nền nghệ thuật đặc thù cho vùng Tây-Bắc Ấn-độ, từng được sách sử thế giới gọi đó là nền "nghệ thuật Càn-đà-la" – cũng tức là một ngành trong nền nghệ thuật Phật giáo Ấn-độ. Sự biểu hiện của nền nghệ thuật này, chủ yếu là ở các ngành kiến trúc (cung điện, chùa tháp), điêu khắc (kể cả phù điêu) và hội họa (tượng Phật, Bồ-tát).

Nội dung của nền nghệ thuật này, đa phần lấy các đề tài Phật giáo làm chủ, qua cách thức biểu hiện của hệ thống Hi-lạp, nên cũng được gọi là nền "nghệ thuật Phật giáo Hi-lạp". Về tính lịch sử, nó có giá trị rất lớn, ảnh hưởng to rộng đến khắp miền Ấn-độ, Trung-Á, Miến-điện, Thái-lan, Trung-quốc, Việt-nam, Nhật-bản, Triều-tiên v.v... Vào giữa thế kỉ thứ 5, tộc Áp-đạt (Ephatalites – tức giống Hung-nô trắng) xâm lược Ấn-độ, nền nghệ thuật Càn-đà-la cũng nhân đó mà bị suy hoại. Đến thế

kỉ thứ 10, dưới sự bách hại và tiêu diệt mãnh liệt của Hồi giáo, Phật giáo ở Càn-đà-la đã bị tuyệt tích.

(60) **Chuyển Luân Thánh Vương**: *hay gọi tắt là Chuyển Luân vương, hay Luân vương, là từ dịch ý của tiếng Phạn* "cakra-varti-rajan"*, nghĩa là người chủ của bánh xe báu xoay chuyển. Luân vương có bảy món báu đặc biệt mà tất cả mọi người không ai có: bánh xe báu, voi trắng báu, ngựa xanh báu, thần châu báu, ngọc nữ báu, quản kho báu, và tướng quân báu. Vua có bốn đức lớn, không ai sánh bằng: sống lâu, không tật bệnh, tướng mạo đoan trang, và kho đầy của báu. Quốc độ của vua giàu có, nhân dân khắp nơi đều sống trong cảnh thái bình an lạc. Vua thống quản cả bốn châu lớn chung quanh núi Tu-di, dùng chánh pháp để trị đời. Truyền thuyết về sự xuất hiện của Chuyển luân thánh vương, rất được thịnh hành trong thời Phật tại thế. Nhiều kinh luận đã đề cập tới Chuyển luân thánh vương, và nhiều chỗ còn so sánh vị vua này với đức Phật. Luận Đại Trí Độ nói: Phật chuyển pháp luân cũng giống như Luân vương chuyển bảo luân... Luân vương vận chuyển bánh xe báu đi giữa hư không vô ngại, Phật vận chuyển bánh xe pháp đi giữa thế gian vô ngại. Người thấy được bánh xe báu, các tai nạn, độc hại đều tiêu diệt; người gặp được bánh xe pháp, tất cả phiền não, tà kiến đều tan biến... Luận ấy lại nói: Luân vương chưa dứt sạch mọi phiền não; Phật đã xa lìa vĩnh viễn mọi phiền não... Bánh xe báu là vật giả tạm; bánh xe pháp là chân thật. Bánh xe báu là nơi đầy kiết sử, vui với năm dục; bánh xe pháp là nơi không có kiết sử, vui niềm pháp lạc... Nhiều chỗ còn so sánh các Luân vương với các giai vị của Bồ-tát hạnh, như: Thiết Luân vương tương đương với hàng Thập-tín; Đồng Luân vương tương đương với hàng Thập-trụ; Ngân Luân vương tương đương với hàng Thập-hạnh; Kim Luân vương tương đương với hàng Thập-hồi-hướng. Có chỗ nói Luân vương gồm ba loại: Vua A Dục chẳng hạn, là Quân (quân binh) Luân vương; bốn vị Kim, Ngân, Đồng và Thiết Luân vương là Tài (của cải) Luân vương; và đức Phật là Pháp Luân vương.*

(61) **Sáu pháp qua bờ**. *Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ là sáu pháp tu của hành giả Bồ-tát thừa; thuật ngữ Phật học gọi là "sáu pháp qua bờ"* (lục độ, lục ba-la-mật). *Người Trung-hoa*

phiên âm tiếng Phạn "pàramità" thành "ba-la-mật-đa", hay gọn hơn là "ba-la-mật", và dịch nghĩa là "đáo bỉ ngạn", hay "độ". Nghĩa tiếng Việt của "đáo bỉ ngạn" là đến bờ bên kia, và "độ" là qua, vượt qua, đưa qua. Đạo Phật thường ví vô minh, mê muội như là dòng sông (sông mê), và sinh tử luân hồi như là biển cả (biển sinh tử). Vậy, "qua bờ" là vượt qua sông mê để đến được bờ giác ngộ, vượt qua biển sinh tử để đến được bến giải thoát. Sáu phép qua bờ là sáu hạnh tu tập lớn lao của người phát tâm Bồ-tát. Nhờ thực hành sáu đại hạnh này mà Bồ-tát có thể tự mình đến (tự độ) và đưa bao nhiêu người khác cùng đến (độ tha) bờ giác ngộ.

*1. **Bố thí.** "Bố thí" là san sẻ, giúp đỡ người khác bằng những gì mình có. Hành giả có thể bố thí bằng những phương tiện vật chất như tiền của, cơm áo, thuốc men v.v... Hành giả có thể bố thí bằng sự dạy dỗ, giảng thuyết giáo pháp nhằm nâng cao trình độ hiểu biết, khai mở trí tuệ, làm cho người ta thấy được điều hay lẽ thật và quay về nếp sống cao thượng. Hành giả có thể bố thí bằng những lời khuyên giải, trấn an, khuyến khích, hoặc bằng các hành động dũng cảm, tin cậy để đưa người ra khỏi những tình trạng bế tắc, nghi nan, bối rối, khủng hoảng, lo âu, sợ hãi. Hóa giải được những hận thù giữa hai người, hai nhóm, hai chủng tộc, hai quốc gia v.v... để đưa họ trở về sống trong hòa bình, thương yêu và tin cậy là một hành động bố thí thật lớn lao và có ý nghĩa của hành giả. Tóm lại, trong tất cả mọi trường hợp, hành giả biết đem khả năng, thì giờ và tâm lực để phục vụ giúp đời, đều là những hành động bố thí chính đáng của người thực hiện hạnh Bồ-tát.*

*2. **Trì giới.** "Trì giới" là giữ gìn giới hạnh để ngăn ngừa tội lỗi, tạo cho mình cái phong cách đoan trang, hành vi chính đáng. Giới có khả năng giúp cho hành giả thường xuyên sống trong chánh niệm, tăng trưởng định lực và phát huy trí tuệ.*

*3. **Nhẫn nhục.** "Nhẫn nhục" là nhịn nhục, chịu đựng. Tục ngữ Việt-nam có câu: "Một câu **nhịn** chín câu lành." Chữ "nhịn" ấy là nói lên đức tính nhẫn nhục của con người đức độ. Với đức tính này, hành giả có thể chịu đựng được mọi nghịch cảnh bất cứ từ đâu tới.*

Mặt khác, người tu hạnh nhẫn nhục không những chỉ chịu đựng được nghịch cảnh mà còn chịu đựng được cả những sức tấn công của ái dục, giàu sang, danh lợi và địa vị, bởi vì thực chất của những thứ này vẫn chỉ

là những nọc độc làm hại huệ mạng của hành giả. Không những thế, khi đạt được những thành quả tốt đẹp trong các công tác Phật sự, ngay cả khi chứng đắc những pháp môn đang tu tập, mà hành giả vẫn an nhiên, không kiêu căng, không tự mãn, không thấy mình có chứng đắc, đó là hành giả đang thực hành hạnh nhẫn nhục ở mức độ cao tột. Tóm lại, người có đức nhẫn nhục là người luôn luôn có thái độ hòa nhã, an nhiên, tự tại trong mọi trường hợp, nghịch cảnh cũng như thuận cảnh, thất bại cũng như thành công, chưa chứng đắc cũng như đã chứng đắc.

*4. **Tinh tấn.** Sống giữa hoàn cảnh xấu xa mà không bị ô nhiễm, gọi là "tinh"; tâm niệm lúc nào cũng hướng về các việc chân chính, gọi là "tấn". Vậy chữ "tinh tấn" nói lên cái ý chí kiên trì, dũng mãnh của hành giả luôn luôn thăng tiến trong sự nghiệp giác ngộ, như sẽ được trình bày trong chú thích số 63, "Bốn chánh cần" ở sau.*

*5. **Thiền định.** "Thiền định" là trạng thái tĩnh lặng của tâm ý, khi mọi loạn tưởng, vọng động đã hoàn toàn lắng đọng.*

*6. **Trí tuệ.** "Trí tuệ" là tuệ giác sáng tỏ sau khi đã diệt trừ mọi phiền não, kiến chấp, vô minh. Kinh Di Giáo dạy: "Trí tuệ chân thật là chiếc thuyền chắc chắn có thể chở ta qua khỏi biển già, biển bệnh, biển chết; là ngọn đèn rất sáng tỏ có thể soi sáng tận cùng chỗ tối tăm u ám; là thang thuốc mầu nhiệm chữa lành mọi chứng bệnh; và là cây búa lớn chặt đứt cả vô minh."*

*Đối với **sáu phép qua bờ** này, trong khi quán chiếu cũng như thực hành, người tu học phải thấy được mối liên quan mật thiết của chúng. Chúng theo nhau như bóng với hình. Chúng bổ túc cho nhau và đồng thời làm nền tảng cho nhau. Trong bố thí đồng thời cũng có mặt của trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ; và trong nhẫn nhục, trí tuệ v.v... cũng vậy. Cứ thiếu đi một pháp môn thì năm pháp môn kia sẽ trở nên yếu ớt, què quặt. **Sáu phép qua bờ** là cả một toàn bộ đại hạnh của Bồ-tát.*

(62) **Bốn lãnh vực quán niệm** (tứ niệm xứ, tứ niệm trú). *Danh từ Phật học Hán Việt gọi lĩnh vực quán niệm là "niệm xứ" hay "niệm trú". **Niệm** là có ý thức, để tâm tới, thuật ngữ thiền học gọi là quán niệm. **Xứ** là chỗ, nơi, lĩnh vực, đối tượng; **niệm xứ** là đối tượng hay lĩnh vực quán niệm – tức là nơi mà hành giả để tâm tới, đặt ý thức lên đó. **Trú** nghĩa là*

*ở, như trong từ ngữ "cư trú", "an trú"; **niệm trú** là duy trì ý thức trên đối tượng quán niệm – tức là **quán chiếu đối tượng trên ngay đối tượng đó.***

Tu tập phép quán niệm này, muốn được thành công mĩ mãn, phải trải qua hai giai đoạn: giai đoạn căn bản, quán chiếu tướng riêng của từng lĩnh vực (biệt tướng niệm trú); và giai đoạn dung thông, cùng lúc quán chiếu tướng chung của cả bốn lĩnh vực (tổng tướng niệm trú).

A. Giai đoạn căn bản:

*1. Quán niệm rằng **thân thể là không trong sạch (quán thân bất tịnh).** Hành giả hãy quán niệm rằng, thân thể là xác thịt do cha mẹ sinh ra. Tất cả những gì làm nên và chứa đựng trong thân thể (như da, thịt, máu, mủ, phân, nước tiểu v.v...) đều dơ bẩn, hôi hám, không có thứ gì là trong sạch.*

*2. Quán niệm rằng **mọi cảm thọ đều là đau khổ (quán thọ thị khổ).** Hành giả hãy quán niệm rằng, dù cảm thọ có vui có khổ, nhưng ở thế gian không bao giờ có cái vui chân thật, còn cái khổ thì đầy dẫy. Nếu có cái vui thì cũng chỉ là tạm bợ, và chỉ là cái khổ trá hình; rốt cuộc, cái vui lại là nguyên nhân của cái khổ. Bởi vậy, tất cả mọi cảm thọ đều chỉ là đau khổ. Có chỗ cũng giải thích "thọ thị khổ" là có nhận lãnh là có đau khổ. Trước tiên là nhận lãnh cái thân này, cái tâm này; sau đó là nhận lãnh các thứ cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc thang, mọi thứ vật dụng, rồi nào là sắc, thanh, hương, vị, xúc, v.v..., tất cả những gì ta thọ nhận trong đời sống đều là nguồn gốc sinh ra đau khổ.*

*3. Quán niệm rằng **tâm ý là vô thường (quán tâm vô thường).** Hành giả hãy quán niệm rằng, tâm ý luôn luôn thay đổi, từng phút từng giây, không bao giờ ngưng nghỉ. Không có một ý nghĩ, một trạng thái tâm lí nào là bền vững, chắc chắn.*

*4. Quán niệm rằng **vạn pháp là vô ngã (quán pháp vô ngã).** Hành giả hãy quán niệm rằng, vạn pháp ở thế gian đều do nhân duyên hòa hợp mà làm nên, không vật gì có bản tính độc lập, chân thật.*

Mục đích của phương pháp quán niệm như trên là để hành giả tự cảnh giác trên đường tu tập. Khi đã thấy rõ thân thể là dơ nhớp thì hành giả sẽ nhàm chán nhục dục, sẽ diệt được những ham muốn thể xác, không để mình bị lôi cuốn bởi những quyến rũ của ái dục. Khi đã thấy rõ được tất cả mọi cảm thọ, mọi cái thọ nhận đều là đau khổ thì hành

giả không còn để cho mình bị tham đắm vào những thú vui thường tục, những nghiện ngập trác táng, những nhu cầu quá độ hay vô ích chỉ nhằm thỏa mãn lòng tham. Khi đã thấy rõ tâm ý là vô thường thì hành giả có thể tùy từng trường hợp, từng hoàn cảnh mà đối trị với những vọng tưởng, những tà niệm của chính mình; hoặc có thể giữ được tâm bình thản trước những oan nghịch, những phản trắc của tình đời. Khi đã thấy rõ các pháp là vô ngã thì hành giả đã mở được con mắt tuệ cho chính mình, một niệm tham cũng không còn, tâm chấp trước cũng tiêu mất.

B. Giai đoạn dung thông:

Khi đã tu tập thành công giai đoạn quán niệm căn bản như trên, hành giả nên tiến sang giai đoạn kế tiếp, cao sâu hơn, viên dung hơn, đó là, khi quán niệm về một lĩnh vực, thì đồng thời cũng quán niệm để thấy rõ, trong một lĩnh vực đã có hàm chứa cả bốn lĩnh vực. Khi quán niệm về thân thể thì thấy thân thể là bất tịnh, mà đồng thời cũng là đau khổ, vô thường, vô ngã; cảm thọ, tâm ý và vạn pháp cũng vậy. Khi quán niệm Tâm ý là vô thường, thì thân thể, cảm thọ và vạn pháp cũng đều là vô thường.

Mặt khác, công phu quán chiếu – và quán chiếu càng sâu sắc – sẽ đem lại cho hành giả những cái thấy sáng tỏ hơn nhiều về thực tại; như quán chiếu về thân thể chẳng hạn, hành giả sẽ thấy được những sự bất tịnh của thân thể mà đồng thời cũng thấy được cả những mầu nhiệm của thân thể; đối với cảm thọ, tâm ý v.v... cũng vậy. Cuộc sống có mặt tiêu cực nhưng cũng có mặt tích cực; có khổ đau nhưng cũng có hạnh phúc; có những thọ nhận vô ích, tội lỗi, nhưng cũng có những thọ nhận hữu ích, tốt đẹp.

Đây là phương pháp quán niệm theo tinh thần kinh Bốn Lĩnh Vực Quán Niệm (Niệm Xứ Kinh). Phương pháp của kinh này là quán chiếu thân thể, cảm thọ, tâm thức và đối tượng của tâm thức (tức là "pháp") với tinh thần không chán ghét mà cũng không ham thích, không xa lánh cũng không vồ vập, không đè nén cũng không buông trôi. Cứ quán sát mà đừng đặt sẵn một định kiến nào, đừng tỏ một thái độ nào. Hãy cứ quán chiếu, và quán chiếu thật sâu sắc thì tự tính của vạn pháp tự nhiên sẽ hiển bày, và hành giả sẽ đạt được những cái thấy thật là mầu nhiệm về sự sống.

*1. **Quán niệm thân thể nơi thân thể.***

Quán niệm thân thể nơi thân thể là quán sát để có ý thức rõ rệt về mọi tư thế, trạng thái và hành động của chính thân thể mình. Hành giả luôn luôn có ý thức rõ rệt về hơi thở ra, hơi thở vào, hơi thở dài và hơi thở ngắn của mình. Hành giả biết rõ là mình đang đi, đang đứng, đang ngồi hay đang nằm. Hành giả biết rõ là mình đang ở đâu, làm gì, lúc nào. Những hành động của mình là có mục đích hay không có mục đích. Đặc biệt lúc thiền tọa, hành giả có thể quán chiếu để thấy rõ những yếu tố cấu tạo nên thân thể mình: yếu tố rắn chắc (thịt, xương v.v...); yếu tố lưu nhuận (nước, máu v.v...); yếu tố viêm nhiệt (sức nóng); và yếu tố chuyển động (hơi thở). Hành giả cũng quán chiếu để thấy rõ từng bộ phận và các chất chứa đựng trong thân thể mình, như da, thịt, xương, đầu, tóc, tay, chân, tim, phổi, máu, phân, nước tiểu, v.v... Hành giả cũng quán sát để thấy được quá trình sinh khởi, tồn tại và hủy diệt của từng tế bào trong cơ thể cũng như của toàn vẹn thân thể mình. Hành giả lại quán tưởng đến thân thể mình sau khi chết, máu khô thịt rữa, còn lại bộ xương trắng trong lòng đất lạnh. Hoặc giả bộ xương ấy cũng có thể nằm trơ vơ trên mặt đất, còn nguyên vẹn hay rã rời nằm rải rác đó đây, từ lúc còn rắn chắc cho đến khi hoàn toàn mục nát trộn lẫn với đất đá cỏ cây. Hành giả cũng lại quán niệm để thấy được rằng da thịt này, bộ xương này, thân thể này chính thật là ta, nhưng cũng không phải là ta. Thân thể ta là hình hài này nhưng cũng không phải chỉ giới hạn, cục bộ và đơn độc trong hình hài này, mà ở đâu đâu cũng có thân thể ta: nơi ngọn cỏ, cành cây, rừng núi, sông hồ, chim muông, tinh tú...; ngược lại, tất cả những thứ ấy cũng hiện diện đầy đủ trong thân thể ta. – Ta chính là sự sống vĩnh cửu của vũ trụ, mà thân thể này chỉ là một phần rất nhỏ của ta.

*2. **Quán niệm cảm thọ nơi cảm thọ.***

Cảm thọ là những cảm giác phát sinh khi sáu giác quan tiếp xúc với đối tượng của chúng. Quán niệm cảm thọ nơi cảm thọ là thường trực nhận diện mọi cảm giác phát sinh trong ta. Một cảnh tượng đẹp làm cho ta cảm thấy thích thú; một cảnh tượng bạo ác làm cho ta sợ hãi; một âm thanh êm dịu hay chát chúa; một giọng nói ngọt ngào hay khó chịu; một mùi thơm của hoa; một vị ngọt của thức ăn; sự nóng bức hay giá lạnh của thời tiết; sự ngứa ngáy do muỗi đốt; sự đau nhức của vết thương;

một ý kiến hay làm cho ta khoan khoái; một tư tưởng xấu làm cho ta hổ thẹn v.v... Tất cả những cảm thọ ấy, dù vui hay buồn, khoái lạc hay đau khổ, về vật chất hay tinh thần, khi chúng vừa phát sinh thì hành giả biết rõ là chúng vừa phát sinh; chúng đang còn đó thì biết rõ là chúng đang còn đó; khi chúng đã tiêu mất thì biết rõ là chúng đã tiêu mất; ngay cả khi không có một cảm thọ nào có mặt thì hành giả cũng biết rõ là không có một cảm thọ nào đang có mặt trong ta. Trong khi thiền tọa, hành giả có thể quán niệm để thấy rõ nỗi đau khổ, buồn phiền mà mọi người chung quanh ta đang chịu đựng. Những nỗi khổ đau ấy hoặc là về vật chất, hoặc là về tinh thần, và gây ra do bệnh tật, đói khát, bất an, tham lam, thù hận, chiến tranh, ngu muội v.v... Hành giả cũng có thể quán tưởng đến một xã hội an lạc, trong đó mọi người được sống thanh bình, vì ai cũng hiểu biết, thương yêu và hòa thuận. Hành giả cũng có thể quán chiếu để thấy rõ tất cả những cảm thọ như vậy ở cả trong đời sống của muôn loài: gia súc, cầm thú, cá tôm, rong rêu, hoa cỏ, núi rừng v.v...

3. ***Quán niệm tâm thức nơi tâm thức.***

Tâm thức là tiếng dùng để chỉ chung cho các hoạt động phi sinh lí, phi vật chất, là các hiện tượng tâm lí như ý tưởng, suy nghĩ, tưởng tượng, phân biệt, hồi ức v.v... Quán niệm tâm thức nơi tâm thức là thường trực quán sát để nhận diện mọi hiện tượng tâm lí phát sinh trong ta. Khi một ý nghĩ hoặc tốt hoặc xấu vừa phát sinh, hành giả nhận biết ngay rằng nó vừa phát sinh. Khi trong tâm có ý niệm tham dục thì hành giả biết rõ rằng mình đang có ý niệm tham dục. Khi trong tâm có ý niệm sân hận, oán thù hay bực bội thì hành giả biết rõ rằng mình đang có ý niệm sân hận, oán thù hay bực bội. Khi trong tâm không có các ý niệm tham dục, sân hận, oán thù hay bực bội thì hành giả cũng biết rõ ràng như vậy. Khi lòng mình đang mê loạn, không tỉnh táo thì hành giả biết rõ rằng lòng mình đang mê loạn, không tỉnh táo. Khi tâm mình đang định tĩnh, sáng suốt, hành giả biết rõ ràng là tâm mình đang định tĩnh, sáng suốt. Khi có tâm khoan dung, từ ái, hòa thuận, hành giả biết rõ tâm mình đang như vậy. Khi có tâm kiêu mạn, nghi ngờ, ganh ghét, hổ thẹn, hối hận v.v..., hành giả đều biết rõ ràng là tâm mình đang như vậy. Khi tâm được an nhiên, thư thái, giải thoát thì hành giả có ý thức rõ rệt về tâm mình như vậy. Hành giả thường xuyên quán sát để thấy rõ quá trình

sinh khởi, tồn tại, chuyển biến và hủy diệt của các trạng thái tâm lí ấy trong tâm thức mình. Khi chúng vừa phát sinh thì biết là chúng vừa phát sinh; còn đang tồn tại thì biết là còn đang tồn tại; có biến chuyển thì biết là có biến chuyển; đã tiêu mất thì biết là đã tiêu mất. Trong lúc thiền quán, hành giả có thể quán chiếu để thấy được tâm lí của người khác, một kẻ xấu mà ta đang để tâm thù ghét chẳng hạn. Ta có chịu khó quán sát thì mới hiểu được rõ ràng con người mà ta thù ghét, và nhờ đó mà ta có thể hóa giải mọi thù ghét một cách dễ dàng.

*4. **Quán niệm đối tượng của tâm thức nơi đối tượng của tâm thức.***

Đối tượng của tâm thức, thường được gọi là "pháp". Trong đạo Phật, "pháp" là tiếng dùng để chỉ cho mọi hiện tượng trong vũ trụ. Duy Thức Học chia mọi hiện tượng này thành 100 pháp, gồm trong năm loại là sắc pháp (gồm mọi hiện tượng vật và sinh lí), tâm pháp (gồm các hiện tượng tâm lí đứng về phương diện nhận thức), tâm sở pháp (gồm các hiện tượng tâm lí vốn là thuộc tính của nhận thức), tâm bất tương ưng hành pháp (gồm các hiện tượng không thuộc tâm, sinh hay vật lí), và vô vi pháp (gồm các hiện tượng không lệ thuộc vào nhân duyên). Điều này cho ta thấy, chẳng những các hiện tượng sinh vật lí là đối tượng của tâm thức, mà ngay cả các hiện tượng tâm lí, các hiện tượng phi-tâm-sinh-vật-lí, và các hiện tượng đứng ngoài nhân duyên cũng đều là đối tượng của tâm thức. Mặt khác, Duy Thức Học nói rõ rằng: nhận thức luôn luôn là nhận thức một cái gì, như thế cũng có nghĩa là, tâm thức và đối tượng của tâm thức chỉ là một, không có đối tượng thì chủ thể (tâm thức) cũng không có, và ngược lại, không có chủ thể thì cũng không có đối tượng. Rốt cuộc, tâm thức và đối tượng của tâm thức (trong đó có tâm thức) cũng đều là tâm thức, và "tâm quán tâm" là phương pháp mầu nhiệm để đạt tới tuệ giác. Đây không phải là điều nghiên cứu để hiểu, suy tưởng để thấy như người ta học một môn triết học, mà phải là nếp sống thường trực của người tu học. Khi tâm được định tĩnh, hành giả có thể quán niệm về nhân duyên, vô thường, vô ngã và từ bi, cho đến khi nào đạt được trình độ phá chấp, vô úy và đại bi của các vị Bồ-tát. Hành giả có thể lấy ngay bản thân mình để quán sát về hợp thể ngũ uẩn, về tính chất duyên sinh, vô thường, vô ngã v.v... của hợp thể ngũ uẩn ấy. Từ bản thân mình, hành giả quán chiếu hợp thể ngũ uẩn ấy trong vũ trụ, cho đến khi thấy rõ được sự tương quan và đồng nhất giữa mình và vũ

trụ. Ta thấy ta trong ngòi bút, cuốn sách, cái bàn, cây xương rồng, ngọn xà lách, và ngược lại. Quán niệm để thấy rõ niềm vui của ta là của người, nỗi khổ của người là của ta. Nói tóm lại, tất cả "pháp môn" đều phải là đối tượng của tâm thức mà người tu học thường xuyên quán chiếu để đem tâm thức thể nhập vào trong đối tượng của tâm thức – ***tâm thức và đối tượng của tâm thức là một.***

(63) **Bốn chánh cần** (tứ chánh cần): *tức là bốn sự cần mẫn chính đáng. Thức a-lại-da có khả năng chứa đựng tất cả hạt giống (chủng tử) tốt và xấu. Nếu nó cứ thường xuyên tiếp nhận được các hạt giống tốt thì dần dần các hạt giống xấu sẽ bị lấn át, chuyển hóa, hoặc tiêu diệt. Khi nào trong nó chỉ còn thuần các hạt giống tốt – nghĩa là các hạt giống xấu đã hoàn toàn bị tiêu diệt, thì tự thân nó cũng sẽ được chuyển đổi để trở thành đại viên cảnh trí, một trong bốn trí tuệ của bậc giác ngộ. Nhưng, muốn cho thức a-lại-da thường xuyên được huân tập các chủng tử tốt như vậy, hành giả phải luôn luôn siêng năng thực hành bốn điều sau đây:*

1. ***Phải chấm dứt triệt để các hành động xấu*** *(kể cả về thân, ngữ và ý)* ***đã làm*** *(trừ đoạn dĩ sinh chi ác). Đừng tái phạm, cũng không làm cho các lỗi lầm ấy to lớn thêm.*

2. Phải thấy trước và kịp thời ***ngăn ngừa, chận đứng các hành động tội lỗi có thể, nhưng chưa xảy ra*** *(sử vị sinh chi ác bất sinh).*

3. Phải thấy được và quyết tâm ***thực hiện các hành động tốt đáng thực hiện, nhưng chưa được thực hiện*** *(sử vị sinh chi thiện năng sinh).*

4. Phải tiếp tục ***đẩy mạnh và hoàn tất các việc tốt đang được thực hiện*** *(sử dĩ sinh chi thiện năng cánh tăng trưởng).*

Đối với bốn điều trên đây, hành giả lúc nào cũng siêng năng và chăm chú thi hành, đừng để cho những giây phút lười biếng, xao lãng xen vào; và như thế tức là hành giả đang sống nếp sống tỉnh thức thường trực. Siêng năng như thế thì gọi là siêng năng chánh đáng ***(chánh cần)****; nếu siêng năng làm những điều xấu xa, tội lỗi thì gọi là siêng năng bất chánh, chỉ đem lại đau khổ mà thôi.*

(64) **Bốn thần túc** (tứ thần túc): *cũng gọi là "bốn phép như ý" (tứ như ý túc). "Như ý túc" là thành tựu như ý mong muốn. Đây là bốn phép tu*

tập thiền định để đạt được chánh định cùng các khả năng mầu nhiệm (thần thông), là những trợ lực giúp hành giả hoàn thành đạo quả giác ngộ.

*1. **Lòng mong muốn** đạt được đạo quả giác ngộ **(Dục như ý túc)**.*

*2. **Tâm chuyên chú** vào đạo quả giác ngộ **(Niệm, Tâm,** hay **Định như ý túc)**.*

*3. **Chí kiên trì** tiến tới đạo quả giác ngộ **(Tinh tấn như ý túc)**.*

*4. **Tham cứu, suy tư, quán chiếu** về thực tại để đạt được đạo quả giác ngộ **(Tư duy,** hay **Quán như ý túc)**.*

(65) **Năm khả năng** (ngũ căn). *"Căn" là gốc rễ (như trong từ "căn bản"), là điểm tựa (như trong từ "căn cứ"). **"Ngũ căn"** là năm nền tảng, năm điểm tựa, từ đó các pháp lành được phát sinh; hay nói cách khác, đó là năm khả năng phát sinh và nuôi lớn các thiện pháp. Năm khả năng đó là:*

*1. **Lòng tin tưởng** sâu đậm vào Ba Ngôi Báu **(tín căn).***

*2. **Chí kiên trì** tu học và hành đạo **(tinh tấn căn).***

*3. Thường trực sống trong **tỉnh thức (niệm căn).***

*4. Tâm ý **tập trung, tĩnh lặng (định căn).***

*5. Quán chiếu để **thấy rõ** chân lí **(tuệ căn).***

(66) **Năm sức mạnh** (ngũ lực). *Khi "năm khả năng" **(ngũ căn)** trở nên lớn mạnh thì chúng sẽ là **"năm sức mạnh" (ngũ lực)** có thể đánh tan mọi phiền não, chướng ngại. Vì vậy, năm khả năng và năm sức mạnh bao giờ cũng liên quan mật thiết với nhau. **Có được năm khả năng là có được năm sức mạnh:***

*1. Khi **lòng tin tưởng** vào Ba Ngôi Báu **trở nên lớn mạnh (tín lực)** thì có thể đánh tan được mọi tin tưởng sai lầm.*

*2. Khi **chí kiên trì** tu học và hành đạo **trở nên lớn mạnh (tinh tấn lực)** thì có thể đánh tan tính lười biếng, buông lung, hôn trầm của bản thân.*

*3. Khi **nếp sống tỉnh thức** đã **trở nên lớn mạnh (niệm lực)** thì không còn những tư tưởng sai quấy, không nghĩ đến những điều vô ích.*

*4. Khi **sự tập trung của tâm ý trở nên lớn mạnh (định lực)** thì mọi loạn tưởng sẽ tan biến hết.*

*5. Khi **trí tuệ quán chiếu trở nên lớn mạnh (tuệ lực)** thì mọi phiền não, kiến chấp, vô minh đều bị bật hết gốc rễ.*

Do tính chất đó, năm khả năng và năm sức mạnh đã trở thành những trợ lực quan trọng cho hành giả trên tiến trình giác ngộ.

(67) **Bảy yếu tố giác ngộ** (thất giác chi - thất giác ý - thất giác phần - thất bồ đề phần). *Đây là bảy yếu tố tạo nên quả vị giác ngộ, gồm có:*

*1. **Chánh niệm (niệm giác phần):** thường xuyên an trú trong chánh niệm.*

*2. **Chọn lựa pháp môn (trạch pháp giác phần - phân biệt giác phần):** Chữ "trạch" ở đây có nghĩa là tư duy và khảo sát. Mọi sự việc ở đời đều có những sự việc thiện và những sự việc bất thiện, trong nội tâm cũng có những tư tưởng thiện và những tư tưởng bất thiện. Có dùng trí năng để tư duy và khảo sát thì mới thấy rõ được cái gì là thiện nên tu tập và cái gì là bất thiện cần phải được chuyển hóa.*

*3. **Kiên trì (tinh tấn giác phần):** bền chí tu tập, không biếng nhác, không gián đoạn.*

*4. **Vui vẻ (hỉ giác phần):** tâm ý vui vẻ, lời nói ôn hòa, thái độ nhã nhặn.*

*5. **Thư nhẹ (khinh an giác phần):** tâm thư thái, nhẹ nhàng, mọi phiền não, kiến chấp đều rũ bỏ.*

*6. **Tĩnh lặng (định giác phần):** tâm ý hoàn toàn tĩnh lặng, không còn tán loạn, không còn vọng tưởng.*

*7. **Buông bỏ (xả giác phần):** rũ bỏ hết mọi "sở tri", mọi kiến chấp về ngã và pháp, tâm hoàn toàn trong sáng, bình đẳng. Vì "sở tri" (hay kiến chấp) thuộc về tư tưởng, tức là "hành uẩn" trong năm uẩn, cho nên "xả giác phần" ở đây cũng còn được gọi là **"hành xả giác phần".***

*Khi công phu tu tập bảy yếu tố này đạt đến chỗ thuần thục thì tuệ giác bừng sáng, cho nên chúng được gọi là **"bảy yếu tố giác ngộ".***

(68) **Tám nguyên tắc hành động chân chánh** (bát chánh đạo - bát thánh đạo). *Tám nguyên tắc hành động chân chính là một trong những đạo lí căn bản nhất của đạo Phật. Về mặt nhân bản, đó là nền đạo đức học thực nghiệm của Phật giáo dùng để rèn luyện con người có được một nhân cách đẹp đẽ, cao thượng, trọn vẹn; về mặt tôn giáo thì đó là*

những con đường đưa đến sự chấm dứt khổ đau, đạt được an lạc, giải thoát khỏi ba cõi, giác ngộ viên mãn, và chứng nhập niết-bàn. Tám nguyên tắc này thuộc về sự thật thứ tư ***(đạo đế)*** *của giáo lí nền tảng "Bốn Sự Thật". Giáo lí Bát Chánh Đạo này quan trọng đến nỗi, nó đã được Phật dạy ngay trong bài pháp đầu tiên (tại vườn Lộc-uyển, cho năm vị sa môn nhóm Kiều Trần Như) sau ngày thành đạo, rồi dạy đi dạy lại trong suốt 45 năm hóa đạo, và trong những giờ phút cuối đời trước khi nhập diệt (tại rừng Câu-thi-na), Ngài vẫn còn dạy lần chót cho vị đệ tử xuất gia sau cùng là Tu Bạt Đà La.*

1. ***Thấy biết chân chính (chánh kiến).*** *Thấy biết chân chính là thấy biết vạn pháp (trong đó gồm cả bản thân mình) đúng với tự tính chân thật của chúng. Một cách cụ thể, khi ta nhìn cuộc sống đúng theo cái nhìn của đạo lí "Bốn Sự Thật"* ***(tứ đế)****, đó là ta có "chánh kiến"; khi ta nhìn vạn sự vạn vật và ta thấy rõ những tính cách vô thường, vô ngã, duyên sinh của chúng, đó là "chánh kiến". Vậy, chánh kiến là thấy biết đúng với SỰ THẬT, nghĩa là cái thấy không còn bị che phủ bởi vô minh, thành kiến, cố chấp, dục vọng; hay cũng có thể nói,* ***chánh kiến chính là tuệ giác của bậc giác ngộ.***

2. ***Suy nghĩ chân chính (chánh tư duy).*** *Suy nghĩ chân chính là sự suy nghĩ đặt trên căn bản của sự thật, suy nghĩ đúng với bản tính chân thật của vạn pháp. Ta vận dụng tâm trí để suy nghiệm về vạn pháp đúng với bản chất vô thường, vô ngã, duyên sinh của chúng, đó là "chánh tư duy". Sự suy tư chân chính sẽ đem lại cho ta những tư tưởng chân chính. Nếu những tư tưởng xấu xa, sai lầm đã làm cho ta trở nên con người thấp hèn, thô lỗ, thì ngược lại, những tư tưởng chân chính, đúng đắn sẽ nâng cao phẩm cách của ta trở thành người trong sạch, cao thượng. Người có tư duy chân chính sẽ thấy rằng vô minh là đầu mối của mọi lỗi lầm và gây ra muôn vàn đau khổ, do đó, họ diệt trừ được tâm tham dục, luyến ái, ích kỉ, sân hận, oán thù, hung bạo, ganh ghét, và thay vào đó, họ sẽ phát triển những tư tưởng vị tha, thiện chí, ôn hòa, thương yêu, giúp đỡ...*

3. ***Nói năng chân chính (chánh ngữ).*** *Nói năng chân chính là nói năng đúng với sự thật. Không nói dối chỉ là một khía cạnh của "chánh ngữ", chứ chưa phải là "chánh ngữ". Nhiều khi chúng ta không nói dối nhưng vẫn sai với sự thật: chúng ta thấy biết làm sao thì nói làm vậy,*

nhưng vì cái thấy biết ấy đã bị sai lạc, lầm lẫn, cho nên chúng ta đã nói không đúng với sự thật. Vậy, lời nói chân chính là lời nói không dối trá, không độc ác, không đâm thọc, không thêu dệt và siểm nịnh. Đó là những lời nói không xuất phát từ lòng tham dục, ích kỉ, hận thù, giận dữ, ngu dốt, ganh tị. Nói năng chân chính là không nói những lời nhằm lừa gạt, nịnh hót, phỉ báng, chửi mắng, sỉ nhục, vu oan, chia rẽ, nghĩa là tất cả những lời nói với dã tâm hại người. Lời nói chân chính là những lời nói từ ái, hòa nhã, dịu dàng, đoàn kết, xây dựng, đem lại an vui, lợi ích và tin tưởng cho mọi người. Chánh ngữ còn là những lời nói thận trọng, khéo léo nhằm hướng dẫn người đi vào nẻo thiện, giúp cho người khai mở trí tuệ, có được cái thấy sáng suốt, cái nhìn chính xác, nếp suy tưởng đúng đắn, phù hợp với thực tại. Vì vậy, nếu giảng pháp mà làm cho người ta hiểu sai Phật pháp, cố chấp lí thuyết, hoặc càng nghe càng thấy tối tăm, nghi ngờ, thì đó là tà ngữ, không phải là chánh ngữ.

*4. **Hành động chân chính (chánh nghiệp).** Có ba loại hành động (tam nghiệp): hành động của ý (ý nghiệp), hành động của miệng (khẩu nghiệp), và hành động của thân (thân nghiệp). Trong pháp số "Bát Chánh Đạo" này, yếu tố chánh nghiệp ở đây chỉ nhằm nói đến **thân nghiệp** mà thôi, còn ý nghiệp và khẩu nghiệp thì đã được bao hàm trong các yếu tố khác. Tất cả mọi hành động hằng ngày của thân thể đều là thân nghiệp – ngay cả sự ăn uống, tuy là hành động của miệng, nhưng vẫn thuộc thân nghiệp, còn khẩu nghiệp chỉ là sự nói năng mà thôi; vì vậy, khẩu nghiệp cũng được gọi là "ngữ nghiệp". Hành động chân chính là những hành động không phát xuất từ tham lam, vị kỉ, sân hận, oán thù, ngu si, ganh tị..., bởi vậy, chúng không gây ra đau khổ cho người khác, không phá hoại hạnh phúc của mọi người, không tàn hại người, vật và thiên nhiên. Hành động chân chính là những hành động được soi sáng bởi chánh kiến, chánh tư duy..., được thúc đẩy bởi tình thương, sự hiểu biết, lòng cởi mở, tính vị tha, và chắc chắn sẽ đem lại an vui, hạnh phúc, thanh bình cho xã hội, đem lại tươi mát cho mọi loài và thiên nhiên. Đi đứng nằm ngồi theo chánh pháp, ăn uống ngủ nghỉ theo chánh pháp, làm việc theo chánh pháp, tu học theo chánh pháp..., đều là những hành động chân chính.*

*5. **Mưu sinh chân chính (chánh mạng).** Mọi người đều phải làm việc để nuôi sống cho chính mình và cho thân nhân mình, đó là điều*

hiển nhiên. Nhưng trong những công việc mưu sinh cũng có những việc tốt và những việc xấu. Người tu học không nên chọn những công việc có thể gây khổ đau cho người khác, làm tăng thêm sự bất công xã hội, hoặc tàn hại thiên nhiên và tiêu diệt sự sống của mọi loài. Người tu học khi có ý thức mưu sinh chân chính thì sẽ tìm những nghề nghiệp lương thiện, trong sạch, tâm niệm không gian tham, không lươn lẹo, không lường gạt, không bóc lột sức người, không lạm dụng sức vật, không làm giàu trên mồ hôi nước mắt người khác. Những công việc như chế tạo và buôn bán các loại vũ khí, các loại hóa chất, độc dược để tàn phá đời sống con người, loài vật và thiên nhiên; môi giới hoặc buôn bán người (con gái, trẻ em) cho những tổ chức bất lương, vô nhân đạo; nuôi và buôn bán súc vật cho người ta ăn thịt; săn thú hoặc lưới cá bán cho người tiêu thụ; làm thịt súc vật trong lò sát sinh; chế tạo và buôn bán rượu cùng các chất ma túy v.v..., đều là những phương tiện mưu sinh bất chính, có tính chất phá hoại và gây đau khổ, người tu học nên tránh xa.

6. ***Siêng năng chân chính (chánh tinh tấn).*** *"Siêng năng" ở đây không phải là dồn hết mọi nỗ lực để làm một công việc gì đó cho xong, rồi thôi; nhưng đó là sự cố gắng liên tục, bền bỉ, dẻo dai trong sự tu tập cho đến khi đạt được mục tiêu cuối cùng là đạo quả giải thoát. Nói rõ hơn, "chánh tinh tấn" là sự siêng năng liên tục trong việc kiểm soát thân miệng ý, làm cho tiêu trừ mọi tật xấu và phát triển các hạnh lành. Có thể nói, "siêng năng chân chính" ở đây không có gì khác hơn là "bốn sự cần mẫn" (tứ chánh cần) đã trình bày trong chú thích số 63 ở trên. Nếu sự siêng năng của mình là để nhằm phục vụ cho những ý đồ đen tối, làm tăng trưởng dục vọng, gây đau khổ cho mọi người, thì đó là "tà tinh tấn"; người tu học không nên "tinh tấn" theo cách đó.*

7. ***Nhớ nghĩ chân chính (chánh niệm).*** *Khi ta nhớ đến điều gì tức là ta đem điều ấy đặt trên ý thức ta ở giây phút hiện tại. Vậy "niệm" hay "quán niệm" là sống với giờ phút hiện tại. Khi mình đang làm việc gì thì mình để hết tâm ý lên trên việc đó, khi nghe điều gì thì để hết tâm ý vào điều đang nghe, đang nói chuyện gì thì để hết tâm ý vào chuyện đang nói, đang suy nghĩ vấn đề gì thì để hết tâm ý vào vấn đề đang suy nghĩ, đó là sống có chánh niệm. Một cách cụ thể, nếu thực tập pháp môn "bốn lĩnh vực quán niệm" như đã đề cập trong chú thích số 62 ở trên, tức là thực tập chánh niệm. Có chánh niệm thì cũng có thất niệm. Khi ta nói*

mà không biết đang nói gì, khi làm mà không biết đang làm gì, khi suy nghĩ mà không biết đang suy nghĩ gì, tức là ta không sống trong chánh niệm mà là đang sống trong lãng quên, trong thất niệm; mà lãng quên, thất niệm cũng đồng nghĩa với mê muội, vô minh, vô ý thức. Người tu học nên cố gắng, đừng để cho nếp sống thất niệm ấy xâm chiếm đời sống của mình. Mặt khác, chánh niệm cũng có nghĩa là những điều nhớ nghĩ chính đáng, và trái lại thì gọi là tà niệm. Nếu những điều ta nhớ nghĩ đến mà làm cho thân tâm ta an lạc, khuyến khích và giúp đỡ ta tiến bộ trên đường tu tập đạo giải thoát, thì đó là những nhớ nghĩ chính đáng (chánh niệm); ngược lại, những điều hễ nhớ nghĩ đến là ta thấy bất an, buồn phiền, oán hận, chán nản, hoặc ham muốn, thèm khát, say mê điên cuồng, mê muội tâm trí..., thì đó là những nhớ nghĩ bất chánh, tội lỗi (tà niệm). Nếu ta nghĩ rằng có đức Phật A Di Đà luôn luôn sẵn sàng đợi ta nhớ nghĩ đến Ngài là Ngài tiếp dẫn ta về sống ở thế giới Cực-lạc hoàn toàn an vui, sung sướng, muốn ăn tức khắc có món cao lương mĩ vị, muốn mặc tức khắc có áo quần sang trọng, trang sức lộng lẫy, khỏi phải lo toan gì..., rồi ta không thèm tu tập, không bỏ ác làm lành gì cả, cứ ngồi "niệm Phật" để chờ vãng sanh, thì đó cũng là tà niệm.

*8. **Thiền định chân chính (chánh định).** Hành "thiền" để đạt được tâm "định" thì gọi là "thiền định". "Định" là giữ tâm ý an trụ vào một điểm hay một đề mục quán chiếu, và "thiền" chính là phương pháp thực tập để giữ cho tâm ý được an trụ. Khi tâm ý đã được tập trung thì trí tuệ phát sinh. Do trí tuệ đó mà hành giả thấy rõ được chân tướng của thực tại vạn hữu (chánh kiến), và giải thoát được những sợi dây ràng buộc của vô minh, của thành kiến cố chấp, của tham dục ích kỉ, của ngã chấp và pháp chấp. Đó là chánh định. Sở dĩ **"chánh định"** đã được kể là một yếu tố quan trọng trong "Bát Chánh Đạo" là vì thời Phật tại thế đã có rất nhiều thứ tà định của ngoại đạo. Ngoại đạo tu tập những loại định này cốt để trốn tránh đời sống khổ đau. Có những vị như A La Lam hay Uất Đầu Lam Phất chẳng hạn, có định lực lớn, chứng đắc các cõi thiền rất cao, nhưng cũng chỉ là để trốn tránh cái thực tế khổ đau của kiếp người. Chính đức Phật trước khi thành đạo cũng đã từng theo học với quí vị ấy về những loại định này, và cũng đã chứng đắc như họ, nhưng Ngài thấy điều đó vẫn là vô ích, chưa phải là mục đích tìm cầu của Ngài. Mục đích của Ngài là giải thoát khổ đau, giải thoát sinh tử. Giải*

thoát khổ đau và trốn tránh khổ đau là hai hành động hoàn toàn khác nhau. Bởi vậy, tà định là để trốn tránh, còn chánh định mới là giải thoát.

*Tám yếu tố trên đây, nếu phân tích theo "Ba Môn Học Giải Thoát" (tam vô lậu học), thì chánh ngữ, chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về **GIỚI**; chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc về **ĐỊNH**; chánh tư duy và chánh kiến thuộc về **TUỆ**. Nếu phân tích theo "Ba Nghiệp" thì chánh nghiệp và chánh mạng thuộc về **THÂN NGHIỆP**; chánh ngữ thuộc về **KHẨU NGHIỆP**; chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định thuộc về **Ý NGHIỆP**. Bất cứ một trong tám yếu tố nào trên đây cũng bao gồm hai phần NHÂN và QUẢ của chính nó – nghĩa là, tự thân nó làm nhân cho nó, và cũng tự thân nó là quả của nó. Muốn đạt được chánh kiến (quả) thì ta phải thực tập chánh kiến (nhân); hay nói cách khác, nếu ta tu tập chánh kiến (nhân) thì nhất định ta sẽ có được chánh kiến (quả). Cả bảy yếu tố kia cũng vậy. Lại nữa, trong tám yếu tố trên, bất cứ một yếu tố nào cũng có thể là NHÂN, và cũng đồng thời là QUẢ của bảy yếu tố kia. Do ta có chánh kiến cho nên ta sẽ đạt được chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh định v.v...; hay có thể nói ngược lại, sở dĩ ta có chánh kiến là vì ta đã đạt được chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh định v.v... Bởi vậy, có thể nói, bất cứ một yếu tố nào trên đây cũng bao gồm cả bảy yếu tố kia của bát chánh đạo. Tất cả tám yếu tố đó đều tương quan tương liên và trợ giúp, nâng đỡ lẫn nhau để đưa hành giả đến thành quả giác ngộ.*

*Đối lại với 8 nguyên tắc hành động chân chánh (bát chánh đạo) ở trên, là **8 HÀNH ĐỘNG BẤT CHÁNH (bát tà hạnh)**, gồm có:*

*1. **Thấy biết bất chánh (tà kiến):** Thấy biết sai lầm, không đúng với sự thật, không tin nhân quả nghiệp báo, không thấy được sự thực khổ đau của thế gian, không biết có sự thực an lạc giải thoát, v.v...*

*2. **Suy nghĩ bất chánh (tà tư duy):** Không suy nghĩ những điều chính đáng, đúng với đạo lí, chỉ suy nghĩ đến tham dục, những mưu mô hại người, những điều lừa dối người, những cách thức cướp đoạt tài sản của người, v.v...*

*3. **Nói năng bất chánh (tà ngữ):** Không nói những lời chính đáng, thật thà, hòa nhã, chỉ nói những lời dối trá, thêu dệt, dua nịnh, đâm thọc gây chia rẽ, mắng chửi, trù ẻo, v.v...*

*4. **Hành động bất chánh (tà nghiệp):** Những hành động xấu ác như giết hại, trộm cướp, tà dâm, v.v...*

*5. **Sinh sống bất chánh (tà mạng):** Sinh sống bằng những nghề không chính đáng, độc ác, có hại cho người, động vật và thiên nhiên.*

*6. **Tinh tấn bất chánh (tà tinh tấn):** Siêng năng, hăm hở làm các việc ác nhằm hại người, hại các loài vật và cả thiên nhiên.*

*7. **Niệm tưởng bất chánh (tà niệm):** Nhớ nghĩ những điều vô ích, những đối tượng có thể khơi dậy tâm tham dục, sân hận, đau buồn, v.v...*

*8. **Thiền định bất chánh (tà định):** Những loại thiền định bất chánh, không đưa người tu tập giải thoát ba cõi, nhưng đi vào các thế giới ma quái, quỉ mị.*

(69) **Các pháp trợ đạo:** *là những yếu tố làm trợ lực lớn cho hành giả trên đường tu tập cho đến khi đạt được đạo quả giác ngộ. Hay nói chính xác hơn, đây chính là 37 pháp môn tu tập căn bản của đạo Phật, mà thuật ngữ Phật học gọi là "37 phẩm trợ đạo"* (tam thập thất trợ đạo phẩm). *Ba tháng trước ngày nhập niết bàn, chính đức Thế Tôn đã tuyên bố: "Các vị tì kheo! Những giáo pháp mà Như Lai đã truyền đạt lại tuy nhiều, nhưng có thể được tóm tắt trong các pháp môn như Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, và Bát chánh đạo. Các vị phải khéo léo học hỏi, tu tập, thực chứng, và truyền đạt lại những pháp môn ấy." Chúng cũng chính là nội dung của **Sự Thật Thứ Tư** (đạo đế) của giáo lí Bốn Sự Thật (tứ đế). 37 pháp môn này gồm trong 7 pháp số sau đây:*

*- 4 lĩnh vực quán niệm **(tứ niệm xứ)**;*

*- 4 sự cần mẫn **(tứ chánh cần)**;*

*- 4 phép như ý **(tứ như ý túc)**;*

*- 5 khả năng **(ngũ căn)**;*

*- 5 sức mạnh **(ngũ lực)**;*

*- 7 yếu tố giác ngộ **(thất giác chi)**;*

*- 8 nguyên tắc hành động chân chính **(bát chánh đạo)**.*

Bảy pháp số này đều đã được trình bày ở trên, theo đó chúng ta thấy, tất cả 37 yếu tố đều tương liên và làm trợ duyên cho nhau, trong đó các yếu tố tinh tấn, niệm, định và tuệ được coi là quan trọng nhất, là những pháp môn quyết định để cho cây giác ngộ nở hoa.

(70) **Na-do-tha** (nayuta): *là danh từ chỉ cho số một ức, nhưng "một ức" của Ấn-độ, khi thì chỉ mười vạn, khi thì một trăm vạn, khi thì một nghìn vạn, khi thì một vạn vạn; cho nên "na-do-tha" là một con số không nhất định, chỉ nên hiểu là rất nhiều.*

(71) **Vua A Du Ca** (Asoka)**:** *tức vua **A Dục**, cũng gọi là Thiên Ái Hỉ Kiến (Devanampriya priyadrasi), là vua của nước Ma-kiệt-đà, đời thứ ba của vương triều Khổng-tước (Maurya – khoảng 317-180 tr. TL). Hồi thời Phật tại thế, vua A Xà Thế của nước Ma-kiệt-đà thuộc vương triều Tây-tô-nạp-gia (Saisunaga). Sau vương triều này là vương triều Nan-đà (Nanda), và kế đó là vương triều Khổng-tước. Vua đầu của vương triều Khổng-tước, tức ông nội của vua A Dục, là Chiên Đà La Cấp Đa (Candragupta); vua kế tiếp, tức cha của vua A Dục, là Tân Đầu Sa La (Bindhusara). Hoàng tử A Dục, tính tình đã rất bạo ác từ thuở nhỏ, cho nên không được vua cha cưng quí; mà các anh em cũng không ưa. Khi lớn lên, gặp lúc nước Đức-xoa-thi-la (Taksasila, một thuộc địa ở miền Bắc-Ấn của nước Ma-kiệt-đà) phản loạn, vua cha sai ông đem quân đi chinh phạt. Ý của vua là muốn cho ông bị chết trận; nhưng ông lại thắng trận vẻ vang, dẹp yên giặc loạn, uy thế chấn động triều đình. Đây cũng lại là lí do tốt để vua Tân Đầu Sa La đẩy ông đi ra xa triều đình, bèn bổ nhiệm ông làm thái thú cai trị xứ Đức-xoa-thi-la. Sau khi vua Tân Đầu Sa La băng, các hoàng tử tranh giành nhau làm vua, cuối cùng, A Dục đã giết hết các anh em chống đối ông (chỉ những ai thuận theo ông mới được sống sót), tự lên ngôi vua, trở thành vị vua đời thứ ba của vương triều Khổng-tước.*

Lúc vua A Dục lên ngôi thì nước Ma-kiệt-đà đã thống nhất các vùng Trung, Tây, Đông và Bắc Ấn-độ, kinh đô của chính quyền trung ương đặt tại thành Ba-liên-phất (Pataliputra - tức nay là thành phố Patna).

Khi đã lên ngôi, tính tình ông vẫn hung bạo, hiếu chiến, hiếu sát; cho nên người ta đã gọi ông là Chiên Đà A Dục vương (Candasoka - tức là vua A Dục bạo ác). Ông vẫn nuôi mộng thống nhất toàn vẹn lãnh thổ Ấn-độ, cho nên, năm thứ 9 sau ngày lên ngôi, ông đã cử đại binh tiến về phương Nam, chinh phục nước Yết-lăng-già (Kalinga), một đại cường quốc của miền Nam-Ấn. Nhà vua đại thắng, và thống nhất toàn thể xứ

Ấn-độ, – gồm luôn cả hai nước Pakistan (Tây-Hồi) và Bangladesh (Đông-Hồi) ngày nay – trở thành một vị vua hùng mạnh nhất chưa từng có trước đó trong lịch sử Ấn-độ. Nhưng vì Yết-lăng-già là một đại cường quốc, binh hùng tướng mạnh rất nhiều, làm cho cuộc chinh phạt của vua A Dục rất khó khăn, vất vả; cho nên, sau khi cuộc chiến kết liễu, kiểm điểm lại, số tử vong của cả hai bên, kể cả thường dân vô tội, không biết bao nhiêu mà kể! Nhà vua bỗng thấy xúc động về những nỗi bi thảm ấy, và ân hận vô cùng! Để sám hối tội lỗi cuồng sát của mình từ bao năm qua, nhà vua quyết chí tín phụng Phật pháp. Thực ra, từ năm thứ 3 sau khi lên ngôi, nhà vua đã qui y theo Phật giáo, nhưng hồi đó lòng vẫn còn hờ hững, đức tin chưa được thâm sâu. Giờ đây, nhờ duyên lành gặp được các vị cao tăng như tì kheo Hải (Samudra) và Ni Cù Đà (Nigrodha) giáo hóa, nhà vua tỉnh ngộ và thành khẩn phát nguyện hộ trì Phật pháp. Trong một sắc lệnh ban bố cho toàn dân, nhà vua có nói rõ tâm thành của mình: "Vua Thiên Ái Hỉ Kiến, năm thứ 9 sau ngày lên ngôi, đã chinh phạt nước Yết-lăng-già, bắt sống mười lăm vạn người, giết hại mười vạn người, và số người chết về tật dịch, đói khát nhiều gấp bội. Nay hồi tưởng lại những sự giết hại, bắt bớ ở Yết-lăng-già, Thiên Ái rất đau lòng và hối hận. Thiên Ái nguyện nhiệt tâm hộ trì Phật pháp để truyền bá khắp nơi."

Lòng tin Phật của nhà vua ngày càng kiên cố. Ông thấy rõ, sự chiến thắng bằng binh đao chỉ đem lại tang tóc và đau khổ; còn chiến thắng bằng Phật pháp mới đem lại an vui, hạnh phúc cho muôn dân. Bởi vậy, hoàn toàn trái ngược với trước kia, nhà vua giờ đây chán ghét chiến tranh, từ bỏ binh đao, sửa lại cách cai trị, lấy tình thương và hiểu biết thay cho quyền uy trấn áp bạo ngược. Từ năm thứ 12 trở đi, ông đã ban hành nhiều sắc lệnh chấn hưng Phật giáo, đem tinh thần Phật giáo áp dụng vào đời sống chính trị, văn hóa, đạo đức, giáo dục, v.v...; Phật giáo trở thành quốc giáo của đế quốc Ấn-độ thời bấy giờ.

Tất cả những sắc lệnh do nhà vua ban hành đều thấm nhuần tinh thần từ bi, trí tuệ, bình đẳng, tinh tấn, v.v... của Phật pháp, cho nên từ đó ông lại được người ta đổi tên gọi lại là Chánh Pháp A Dục vương (Dharmasoka); và các nhà Phật học đã gọi những sắc lệnh đó là "pháp sắc" (dharma-dipi). Những pháp sắc này đã được nhà vua cho khắc lên những phiến đá (gọi là "ma nhai pháp sắc"), hoặc những trụ đá (gọi là

"thạch trụ pháp sắc"), đem đặt khắp nơi, từ các trung tâm thành thị cho đến các vùng biên địa hẻo lánh; mục đích là đem tín ngưỡng Phật giáo thuần hóa nhân dân. Nội dung của những pháp sắc này cho thấy, chính nhà vua đã ban hành lệnh đặc xá tù nhân đến 26 lần; cùng các lệnh về cấm sát sinh, thực hành bố thí, trồng cây và đào giếng dọc hai bên đường, lập bệnh xá và trồng cây dược thảo để chữa bệnh cho nhân dân, lập dưỡng đường để nuôi người tàn tật, già yếu. Nhà vua cũng ban lệnh rằng, cứ năm năm một lần, quan và dân phải tụ tập để cử hành đại hội "vô già" để hưng long Phật pháp; làm các điều lợi lạc, an hòa, hạnh phúc cho nhân dân; phải cúng dường các sa môn, bà la môn. Nhà vua cũng khuyến khích tôn trọng tự do tín ngưỡng, tín đồ các tôn giáo tôn trọng lẫn nhau, tránh các cuộc tranh chấp về tôn giáo; cấm chỉ các hình thức nghi lễ mang tính chất hư ngụy, dối gạt người, trái với đạo đức; tôn kính cha mẹ, các bậc sư trưởng, các bậc kì lão, hòa mục với họ hàng, bè bạn; thương yêu người tàn tật, đối xử tử tế với nô lệ, tôi tớ; tôn trọng mạng sống các loài vật; tránh tất cả những việc xa hoa, bạo ác, phóng đãng; mọi người phải khuyến khích nhau làm điều thiện.

Nhà vua thường cung thỉnh các bậc cao tăng đại đức vào cung để được cúng dường, nghe pháp và hỏi đạo. Ông đã phế bỏ mọi cuộc yến tiệc phù phiếm ở cung đình, tự mình dứt bỏ thú vui săn bắn – là cái tập quán vui chơi của các vua chúa đời trước; thay vào đó, ông đã đi khắp nơi để chiêm bái Phật tích, như thành Ca-tì-la-vệ, vườn Lâm-tì-ni, thôn Ưu-lâu-tần-loa, Bồ-đề đạo tràng, vườn Nai, tinh xá Kì-viên, rừng Ta-la-song-thọ v.v..., nơi nào cũng xây tháp cúng dường và dựng bia đá ghi dấu. Ông cũng đã cho xây dựng chùa tháp khắp nơi – sử sách ghi chép có đến 8 vạn 4 ngàn ngôi.

Ngoài ra, Phật giáo Nam-truyền còn ghi lại một Phật sự vô cùng quan trọng của vua A Dục đối với việc bảo tồn chánh pháp, đó là ***cuộc kết tập kinh điển kì ba****, do tôn giả Mục Kiền Liên Tử Đế Tu chủ trì, được cử hành tại kinh đô Hoa-thị (tức thành Ba-liên-phất – Pataliputra), vào năm thứ 17 sau ngày nhà vua tức vị. Nội dung cuộc kết tập này gồm đủ ba tạng Kinh, Luật và Luận, đã hoàn tất sau 9 tháng. Sau đó nhà vua cũng đã ủy thác cho tôn giả Mục Kiền Liên Tử Đế Tu, phái các vị tì kheo cao đức thạc học, chia ra đi khắp bốn phương để truyền bá giáo pháp, không những tới những vùng biên địa của lãnh thổ*

Ấn-độ, mà còn đến các quốc gia xa xôi như A-phú-hãn, Syria, Hi-lạp, Ai-cập, Macedonia v.v... trong vùng Trung-Á và Địa-trung-hải; Nepal, Aparantaka và các nước ở phía Bắc dọc Tuyết-sơn; Miến-điện ở phía Đông; và đảo quốc Tích-lan ở phía Nam. Đặc biệt, vị cao tăng đi Tích-lan là Ma Thẩn Đà (Mahinda), chính là hoàng tử con của nhà vua, cùng với em gái là ni sư công chúa Tăng Già Mật Đa (Samghamitta), đã có nhiều công lao xây dựng nền móng vững chắc cho Phật giáo Nam-truyền ở Tích-lan.

Khi tuổi về già, nhà vua chỉ chuyên việc tu trì, giao phó tất cả công việc triều chính cho hoàng tộc và các quan đại thần lo liệu. Nhưng cũng có việc bi thảm xảy ra cho nhà vua ở cuối đời: Theo sách A Dục Vương Truyện, hoàng hậu của vua là bà Đế Sa La Xoa (Tassarakkha), muốn tư thông với hoàng tử Câu Na La (Kunala), bị hoàng tử cự tuyệt, bà bèn cho người móc mắt hoàng tử. Nhà vua biết được, quá tức giận, đã xử phạt bà bằng cách thiêu sống. Nhà vua tại vị 42 năm (268-226 tr. TL). – Theo Phật giáo Nam-truyền thì nhà vua tại vị 37 năm.

(72) **Sáu tầng trời cõi Dục** (lục Dục thiên). *Tất cả các loài chúng sinh còn có tâm ham muốn các đối tượng như hình tướng, âm thanh, chạm xúc, ăn uống, tiền của, danh lợi, sắc dục, v.v... đều sống trong phạm vi cõi Dục. Trong ba cõi (Dục, Sắc và Vô-sắc) thì toàn thể chúng sinh ở trong hai cõi Sắc và Vô-sắc đều là loài trời (chư thiên); riêng ở cõi Dục thì chúng sinh gồm đủ 6 loài, từ thấp lên cao, gồm có: Địa-ngục, Ngạ-quỉ, Bàng-sinh, A-tu-la, Người và Trời. Loài Trời ở cõi Dục cũng là loài người, nhưng do có tu mười nghiệp lành ở các kiếp trước nên được hưởng phước báo cao hơn loài người ở cõi Người. Trú xứ của họ là 6 cõi Trời – được gọi là "Trời cõi Dục" (Dục giới thiên - lục Dục thiên), gồm có: Tứ-vương, Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa-lạc, và Tha-hóa-tự-tại.*

1) Tứ-vương thiên *(Caturmaharajika-deva):* Xin xem lại chú thích số 16 ở trước.

2) Đao-lợi thiên *(Trayastrimsa-deva): cũng gọi là Tam-thập-tam thiên (cõi trời 33). Cõi trời này tọa lạc ngay trên đỉnh núi Tu-di, chia làm 33 cung, là tầng trời thứ nhì của sáu tầng trời cõi Dục. Chúa của cõi trời này là trời Đế Thích (hoặc: Thiên Đế Thích, Thích Đề Hoàn*

Nhân, Nhân Đà La, Kiều Thi Ca, v.v... – Sakra Devanam-indra), ngự tại cung trung ương. Ở bốn phương chung quanh, mỗi phương có tám cung, cộng cả thảy là 33 cung; vì vậy mà cõi trời này có tên là cõi trời Ba-mươi-ba.

***3) Dạ-ma thiên** (Yama-deva): Đây là tầng trời thứ ba trong sáu tầng trời cõi Dục; và cũng là cõi trời đầu tiên tọa lạc ở trong hư không, phía trên trời Đao-lợi. Cõi trời này lúc nào cũng sáng rỡ, không có ngày và đêm. Chúa của cõi này là trời Tu Dạ Ma (Suyama-devaraja).*

***4) Đâu-suất thiên** (Tusita-deva): cũng gọi là Đâu-suất-đà thiên. Đây là tầng trời thứ tư trong sáu tầng trời cõi Dục, nằm phía trên trời Dạ-ma. Chúa của cõi trời này là thiên vương San Đâu Suất Đà (Samtusita-devaraja). Cõi trời này chia thành hai viện: nội viện và ngoại viện. Nội viện là nơi cư trú của các vị Bồ-tát một đời thành Phật (bổ xứ) – như trước đây là đức Thích Ca, hiện nay là đức Di Lặc. Thiên chúng ở nội viện thường được đức Di Lặc thuyết pháp hóa độ, thường tu tập tám con đường chân chánh. – Phật giáo Trung-quốc, từ thời Đông-Tấn (317-419) trở đi, tín ngưỡng về cõi tịnh độ Đâu-suất rất thịnh hành. Rất nhiều vị cao tăng các đời từng phát nguyện vãng sinh về Đâu-suất nội viện của đức Di Lặc. – Ngoại viện là nơi thiên chúng cư trú, phần nhiều chỉ hưởng khoái lạc, ít được nghe Phật pháp.*

***5) Hóa-lạc thiên** (Nirmanarati-deva): cũng gọi là Hóa-tự-tại thiên. Đây là tầng trời thứ năm trong sáu tầng trời cõi Dục. Chúa của cõi này là thiên vương Thiện Hóa (Sunirmita-devaraja). Người ở cõi trời này tự hóa ra các trần cảnh để hưởng thụ, thân tướng thường có ánh sáng.*

***6) Tha-hóa-tự-tại thiên** (Paranirmita-vasa-vartin): là tầng trời thứ sáu, cao nhất trong 6 tầng trời cõi Dục (lục Dục thiên). Người ở tầng trời thứ năm là Hóa-lạc thiên, kế ngay dưới, tự mình biến hóa ra năm trần cảnh để hưởng thụ; rồi người ở tầng trời thứ sáu này lại lấy năm trần cảnh ở tầng trời Hóa-lạc thiên kia để hưởng thụ một cách tự tại, như Luận Đại Trí Độ nói: Cõi này chiếm lấy sự biến hóa của người khác để làm vui cho mình, cho nên gọi là "Tha-hóa-tự-tại". Cõi trời này làm chủ của cả 6 cõi trời Dục giới. Đối với 5 cõi ở dưới thì thiên chúng ở cõi trời này sống lâu hơn, đoan chính hơn và sung sướng hơn rất nhiều. Cõi trời này cũng có duyên với Phật pháp, chính đức Thế Tôn đã từng nói một hội Kinh Hoa Nghiêm và một hội Kinh Bát Nhã ở cung trời*

này. Nhưng ở cõi trời này cũng có một cung điện vô cùng rộng lớn, đẹp đẽ, là chỗ ở của ma vương Ba Tuần, chuyên để tâm phá hoại Phật pháp, mà Luận Đại Trí Độ gọi đó là "Tha-hóa-tự-tại thiên tử ma".

Trong sáu cõi trời Dục giới trên, hai cõi Tứ-vương thiên và Đao-lợi thiên đều tọa lạc trên núi Tu-di, cho nên được gọi là "địa cư thiên"; bốn cõi còn lại đều tọa lạc trên hư không, cho nên được gọi là "không cư thiên".

(73) **Kiếp tăng-kì.** *"Tăng-kì", nói đủ là "a-tăng-kì"(asamkhya), là số đếm của người Ấn-độ, dịch ra Hán ngữ là vô số, hay vô ương số, có nghĩa là con số rất nhiều, rất lớn, không thể đếm xuể. Nếu lấy một vạn vạn tính làm một ức, một vạn ức tính làm một triệu, thì một a-tăng-kì bằng một ngàn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn vạn triệu. Vậy, "kiếp a-tăng-kì" có nghĩa là kiếp nhiều đếm không xuể, hay vô lượng kiếp, vô số kiếp.*

(74) **Năm vị tì-kheo** (ngũ tì-kheo): *chỉ cho năm vị đệ tử xuất gia đầu tiên của đức Phật, và cũng là năm vị thánh tăng chứng quả A-la-hán đầu tiên của giáo đoàn đức Phật; đó là các vị tì-kheo A Nhã Kiều Trần Như (Ajnata Kaundinya), Bạt Đề (Bhadrika), Bà Sư Ba (Vaspa), Ma Ha Nam (Mahanama), và A Thuyết Thị (Asvajit).*

(75) **Hữu học.** *Đối lại với bậc Vô-học là bậc Hữu-học. Đệ tử Phật, tuy đã hiểu biết Phật pháp, nhưng phiền não chưa trừ, cho nên còn phải gắng công tu học các pháp giới, định, tuệ, v.v... để đoạn trừ phiền não, chứng quả lậu tận. Vì còn có pháp môn để tu học và còn phải nỗ lực tu học, cho nên gọi là "hữu học". Các hành giả chứng nhập bốn quả của Thanh-văn thừa đều đã là thánh nhân, nhưng ở ba quả đầu vẫn còn là bậc Hữu-học; chỉ có quả A-la-hán mới là bậc Vô-học.*

(76) **Vô học.** *"Vô học" là đối lại với "hữu học". Hành giả đã thông đạt cùng cực chân lí, không còn pháp nào để học nữa, cũng không còn thứ mê hoặc nào để đoạn trừ nữa, gọi là bậc **Vô-học**; đó tức là quả vị **A-la-***

hán *của Thanh-văn thừa, hay quả vị* ***Độc-giác*** *(Bích-chi Phật) của Duyên-giác thừa, hoặc quả vị* ***Diệu-giác*** *(Phật) của Bồ-tát thừa.*

(77) **Bảy thứ pháp tài** (thất pháp tài - thất thánh tài). *"Pháp tài" là sự giàu có về tâm linh (khác với sự giàu có về vật chất), là của cải, vốn liếng tinh thần mà hành giả luôn luôn dùng làm hành trang trên suốt con đường tu học và phụng sự chúng sinh, cho đến khi đạt được quả vị giác ngộ. Có bảy thứ pháp tài:*

1. ***Đức tin (tín tài).*** *Đức tin là loại của cải căn bản và cần thiết trước nhất mà hành giả phải có. Nó chính là lương thực để nuôi sống hành giả. Đức tin ở đây không phải là thứ tín ngưỡng mù quáng, mà là niềm tin tưởng có được do sự quán sát, phán đoán, nhận định và thực nghiệm; cho nên đã có đức tin thì sẽ có quyết định hành động, không có đức tin thì sẽ không có gì cả.*

2. ***Chí kiên trì (tinh tấn tài).*** *Ngọn lửa nung hoài thì hạt bắp trong nồi sẽ bung ra; ánh sáng mặt trời chiếu rọi hoài thì cái hoa phải nở. Chí kiên trì (hay đức tinh tấn) đối với người tu học cũng giống như ngọn lửa đối với nồi bắp hay ánh sáng mặt trời đối với bông hoa, là năng lượng chính yếu mà nếu được nung nấu một cách bền bỉ, liên tục thì bông hoa giác ngộ nơi hành giả, một ngày nào đó cũng sẽ nở ra rạng rỡ.*

3. ***Giới luật (giới tài).*** *Nếu đức tin là lương thực thì giới luật vừa là sư trưởng, vừa là thiện tri thức, và cũng vừa là y phục quí báu nhất của người tu học. Nó ngăn ngừa mọi lỗi lầm về cả thân, khẩu và ý; và do đó, nó còn là chiếc chìa khóa để cho hành giả dùng mở cánh cửa giác ngộ.*

4. ***Tâm hổ thẹn (tàm quí tài).*** *Biết hổ thẹn đối với những lỗi lầm của chính mình* ***(tàm)****, và biết hổ thẹn khi thấy mình không siêng năng, trong sạch, tỉnh thức bằng người khác* ***(quí)****, đó là hai món đồ trang sức đẹp đẽ nhất của người tu học. Trong khi tính tự mãn, kiêu ngạo sẽ đưa hành giả xa rời dần quả vị giác ngộ, thì tâm biết hổ thẹn sẽ đưa hành giả ngày càng đến gần với quả vị giác ngộ. Kinh Di Giáo dạy: "Tâm biết hổ thẹn là món đồ trang sức đẹp nhất trong các món đồ trang sức. Cũng như cái móc sắt, tâm biết hổ thẹn có thể chế ngự tất cả mọi lầm lỗi của con người. Bởi vậy, người tu học lúc nào cũng nên biết hổ thẹn."*

5. ***Lắng nghe (văn tài). Lắng nghe*** *là nghe trong tỉnh thức. Lắng nghe* ***(văn)****, rồi suy gẫm, quán chiếu* ***(tư)*** *về điều mình nghe, và đem áp*

dụng những điều ấy vào nếp sinh hoạt hằng ngày ***(tu)****, đó là ba phương pháp tu học có năng lực làm phát sinh trí tuệ* ***(tam tuệ học)****. "Lắng nghe" ở đây phải được coi là giác quan của người tu học. Hành giả sử dụng các giác quan của mình một cách tinh thục trong đời sống thì sẽ đem lại hạnh phúc, an lạc cho chính mình và mọi người, mọi loài. Vì vậy, biết lắng nghe cũng là một trong những hành trang cần thiết của hành giả trên đường đi đến giác ngộ.*

6. ***Buông bỏ (xả tài).*** *Buông bỏ là tiếng dùng để diễn tả đức độ của người khi đạt được tâm bình đẳng, nghĩa là đã dứt bỏ được những "sở tri", những thành kiến, cố chấp, phân biệt tốt xấu, bạn thù, thương ghét v.v.... Có đức* ***xả*** *thì tâm từ bi trở nên vô cùng rộng lớn; do đó, sự thực hành bố thí của hành giả sẽ vô cùng lợi lạc và không biên giới. Vì vậy, "xả" chính là thứ phương tiện chuyên chở tốt nhất để đưa hành giả đi khắp các nẻo đường phụng sự xã hội, và cuối cùng là đến quả vị giác ngộ.*

7. ***Định và Tuệ (định tuệ tài).*** *Làm cho sự lãng quên, tâm loạn động dừng lại* ***(chỉ)*** *thì định lực* ***(định)*** *phát sinh. Quán chiếu để thấy rõ* ***(quán)*** *chân tướng thực tại thì trí tuệ* ***(tuệ)*** *phát sinh. Nói cách khác,* ***"định tuệ"*** *là kết quả có được từ* ***"chỉ quán"****; cho nên chỉ quán và định tuệ lúc nào cũng không rời nhau, và trở nên các thành phần chủ yếu của giác ngộ. Hay có thể nói một cách chính xác hơn,* ***định tuệ chính là bản thân của giác ngộ.*** *Hành giả có thể tu tập hết mọi phương pháp, nhưng nếu không có định tuệ thì quả vị giác ngộ vẫn là một cái gì hết sức xa vời, không làm sao với tới được. Vậy, định tuệ phải được coi chính là hơi thở của hành giả. Hành giả nắm giữ định tuệ như nắm giữ hơi thở của mình.*

Bảy thứ pháp tài *trên đây cũng được coi là* ***bảy thứ thánh tài****, tức là bảy thứ của cải của các thánh nhân.*

(78) **Bốn chúng** (tứ chúng): *chỉ cho bốn chúng đệ tử của Phật: Tì-kheo, tì-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.*

(79) **Pháp khí.** *Những người có thể tu hành đạo Phật, trở thành những người hữu dụng cho Phật pháp, gọi là "pháp khí". Thuật ngữ này cũng*

được dùng để chỉ cho những nhạc cụ, khí cụ đặc biệt của chư tăng dùng trong các nghi lễ, như chuông, mõ, tang, linh, khánh, trống, v.v…

(80) **Mười hai bộ kinh** (thập nhị bộ kinh). *Khế-kinh, Trùng-tụng, Cô-khởi, Thí-dụ, Nhân-duyên, Tự-thuyết, Bản-sinh, Bản-sự, Vị-tằng-hữu, Phương-quảng, Luận-nghị, và Kí-biệt, là 12 thể loại của toàn bộ kinh điển Phật dạy, thuật ngữ Phật học gọi là "mười hai bộ kinh":*

*1. **Khế kinh (sutra - tu-đa-la, trường hàng):** những lời dạy của đức Phật bằng văn xuôi, thường được gọi tổng quát là "kinh".*

*2. **Ứng tụng (geya - kì-dạ, trùng tụng):** những bài kệ tụng (hình thức thơ cổ) dùng để tóm tắt ý nghĩa của khế kinh, cho nên thường đặt ở sau và luôn luôn tương ứng với phần khế kinh.*

*3. **Phúng tụng (gatha - già-đà, cô khởi):** một bài kinh Phật dạy toàn dùng kệ tụng để diễn đạt, nhưng không phải là những bài kệ tụng tóm tắt kinh văn "trường hàng" như thể loại "trùng tụng" (số 2 ở trên).*

*4. **Thí dụ (avadana - a-ba-đà-na):** những ví dụ Phật đưa ra trong lúc giảng thuyết để giúp thính chúng hiểu ý kinh dễ dàng hơn.*

*5. **Nhân duyên (nidana - ni-đà-na):** nêu lên cái nhân duyên đưa đến trường hợp thuyết giáo của Phật – thường là phẩm "tựa" ở đầu mỗi bộ kinh.*

*6. **Tự thuyết (udana - ưu-đà-na):** Phật tự mở lời khai thị mà không đợi có người thỉnh cầu chỉ dạy.*

*7. **Bản sinh (jataka - xà-đà-già):** các kiếp tu hành đời trước của Phật do chính Ngài thuật lại.*

*8. **Bản sự (itivrttaka - y-đế-viết-đa-già):** những hành vi cùng phẩm hạnh của các vị Bồ-tát và thánh chúng đệ tử trong các kiếp trước do chính đức Phật thuật lại.*

*9. **Vị tằng hữu (adbhuta-dharma - a-phù-đà-đạt-ma, hi-pháp):** những sự việc ít có của Phật và chư vị đệ tử được ghi chép trong kinh.*

*10. **Phương quảng (vaipulya - tì-phật-lược):** kinh điển Phật nói có văn từ phong phú, giáo nghĩa sâu xa rộng lớn; đặc biệt chỉ cho toàn thể kinh điển đại thừa.*

*11. **Luận nghị (upadesa - ưu-ba-đề-xá):** những lời nghị luận rành mạch, rõ ràng của đức Phật nhằm giúp thính chúng hiểu rõ về thể tánh của vạn pháp.*

*12. **Kí biệt (vyakarana - hòa-già-la-na, thọ kí):** lời Phật thọ kí cho chúng đệ tử sẽ chứng quả vào đời vị lai.*

(81) **Pháp nhãn**, hay **chánh pháp nhãn**, *là con mắt trí tuệ thấy rõ thật tướng của tất cả các pháp. Trong phẩm kinh này, từ "pháp nhãn" còn dùng để chỉ cho kinh điển do Phật nói.*

(82) **Chỉ quán.** *Hợp hai từ tiếng Phạn "xa-ma-tha" và "tì-bát-xá-na" lại mà dịch thành ra là "chỉ quán". **Chỉ** thuộc về định, **quán** thuộc về tuệ; đó là ý nghĩa của pháp môn "định tuệ song tu". Nếu nói về phương pháp, làm cho mọi vọng niệm dừng lại, gọi là **chỉ**; sau đó, quán niệm hoặc về tính không của các pháp, hoặc về tính giả của các pháp, hoặc giả tức không và không tức giả, hoặc về bốn lĩnh vực quán niệm, hoặc duyên thẳng vào chân như, hoặc giữ tâm ở chỗ vô trụ, v.v... đều gọi là **quán.***

MỘT VÀI CẢM TƯỞNG CỦA NGƯỜI ĐỌC KINH ĐẠI BI

1.

Thưa cư sĩ,

Em chỉ là một học sinh bình thường ở Việt Nam. Thường xuyên theo dõi các bài viết trên thuvienhoasen.org. Gần đây em đọc được các bài viết Kinh Đại Bi của cư sĩ đăng trên trang web, trong lòng chợt nảy lên lòng cảm kích sâu sắc, không có cách nào tả xiết. Thật là một bản kinh có ý nghĩa thâm sâu khó hiểu, nhưng chứa đựng chân lý không thể nghĩ bàn. Người đã thấu hiểu được đến bản kinh này thì cảnh giới niết bàn, theo em nghĩ, không còn quá xa xôi. Em chỉ là một tiểu sinh kém cỏi, lười nhác đọc tụng kinh điển, tự cho là đã đọc đến chỗ không có gì để đọc nữa, nhưng khi xem đến bản kinh này, cảm thấy sự cảm ứng sâu sắc với nội tâm, khởi nên lòng biết ơn sâu sắc.

Xin gửi lời chúc sức khỏe đến cư sĩ và người thân.

VĂN HIẾN

2.

CÁM ƠN PHẬT

Nam Mô Chư Phật Thường Trụ
Nam Mô Sakya-muni Buddha
Cung kính lạy đức Thế Tôn Như Lai Đại Bi

Kính bạch đức Thế Tôn!

Xin cho con được giãi bày tâm tư con, được kính dâng lên Ngài về kinh ĐẠI BI mà con vừa đọc.

Trong mấy chục năm qui y theo Thế Tôn, những kinh điển do Ngài dạy con đã được học, những khi ngồi yên lặng suy tư, tâm con tưởng chừng như vốn của con đã đủ để đi trọn con đường về Nhà – con đường giải thoát. Nhưng hôm nay thật may mắn cho con được đọc kinh ĐẠI BI này, con mới thấy, đây đích thực là chất cam lồ quí báu, và đường đi về Nhà không còn xa nữa!

Thế Tôn đã mở cho con một chân trời mới, rộng thênh thang cho con đi, đó là kinh ĐẠI BI.

Con không biết dùng lời gì để xưng tán cúng dường Thế Tôn, để nói lên vô vàn niềm biết ơn sâu xa trân quí dâng lên Ngài.

Kính lạy Thế Tôn! Ngài thương xót chúng sinh chúng con biết là dường nào! Chúng con ngu si tăm tối, nên Ngài đã dạy dỗ thật kĩ càng, thật tỉ mỉ, thật chi tiết, và dùng mọi tỉ dụ để dạy dỗ chúng con. Ngài đã nhắc đi nhắc lại, dặn dò đi dặn dò lại, để lấy đó mà tu trì. Con

tưởng chừng như Thế Tôn muốn nắm chặt tay chúng con cho khỏi tuột, để lôi chúng con ra khỏi chốn si mê tối tăm ngu muội để tới niết bàn an lạc. Lòng đại bi của Thế Tôn, con không thể lấy gì để so sánh, không thể lấy gì để ví dụ cho được!

Hôm nay đây, ở rừng Ta-la này, hoa Ta-la đã từ từ nở và từ từ rơi xuống mặt đất. Thì ra đức Thế Tôn đã tới rừng Ta-la này để nhập niết bàn. Tôn giả A Nan trải ngọa cụ cho Thế Tôn nằm. Ngài nằm nghiêng về hông bên hữu, đầu hướng về phương Bắc. Hoa nở để cúng dường đức Như Lai. Hoa đã rơi liên tiếp, rải lên người đức Thế Tôn, và phủ trắng xóa cả khu rừng Ta-la này. Tôn giả A Nan cố nén nỗi đau đớn xót xa vì sắp phải xa lìa Thế Tôn, nhưng không nén được nỗi cảm xúc, tôn giả đã òa khóc! Tì-kheo, tì-kheo-ni, các vua chúa, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, các hàng trời, người, sa-môn, bà-la-môn lần lượt đi vào rừng, tiến về chỗ đức Thế Tôn quì lạy, rồi đứng yên lặng trang nghiêm, chiêm ngưỡng Thế Tôn. Có những tiếng nức nở, tiếng khóc, rồi lại trang nghiêm yên lặng. Người người sững sờ, sửng sốt, đau đớn trước giờ phút sắp phải biệt li đức Thế Tôn. Có những người ngã xỉu. Tôn giả A Nan đã khóc nhiều lần, ngất xỉu nhiều lần. Trái đất rung động, rung chuyển nhiều lần. Cây cối núi rừng đều rung chuyển. Trời mây u ám.

Trước giờ phút Thế Tôn nhập niết bàn, các hàng trời, người ai cũng đau buồn than khóc; tôn giả A Nan đã ngất xỉu nhiều lần, đã đau khổ than khóc thảm thiết, nhiều lần tôn giả đã xin đức Như Lai ở lại, xin Ngài trụ thế dài lâu,

hoặc là một kiếp, hoặc là ít hơn một kiếp, xin Thế Tôn đừng vội nhập niết bàn để tiếp tục dạy dỗ cứu vớt chúng sinh.

Bạch đức Như Lai đại bi! Con hình dung giờ phút Ngài nhập niết bàn và tôn giả A Nan đã đau buồn như thế ấy. Con hình dung giờ phút Ngài nhập niết bàn, tôn giả A Nan và các hàng trời, người đã đau đớn, hụt hẫng, thế gian tối tăm mất mát to lớn như thế ấy. Con đã hình dung giờ phút thiêng liêng ấy thật rõ ràng.

Các chư thiên đều phát tâm qui y theo Thế Tôn, phát tâm không hưởng ngũ dục, không trang sức, không mặc áo lụa là gấm vóc, chỉ mặc áo vải thô; và xin hứa giữ gìn Chánh Đạo của Ngài. Thần cây, thần núi còn xúc động, còn ngả nghiêng, nằm xuống. Trái đất còn xúc động, còn rung chuyển nhiều lần như thế ấy. Như vậy làm sao mà con bình tâm cho được! Làm sao mà con không đau buồn, làm sao mà con không khóc cho được! Con đã nghẹn ngào ứa nước mắt, con đã khóc!

Không gian tĩnh lặng, con ngồi một mình với kinh ĐẠI BI. Hình bóng Ngài như đâu đây bên cạnh con (thiên bách ức hóa thân…).

Con đọc đi đọc lại bản kinh ĐẠI BI nhiều lần mà vẫn chưa cho là đủ!

Con nguyện sớm có được đầy đủ tâm kính tín.

Con nguyện sớm có được đầy đủ tâm chánh trực.

Con nguyện tâm ý lúc nào cũng suy nghĩ đến điều lành.

Con luôn nhớ thế gian là khổ, các pháp là không, là vô thường, là vô ngã; phải mong cầu giải thoát, phải tinh tấn, không buông lung.

Thế Tôn là ngọn đèn, là mặt trời, là ánh sáng soi đường cho chúng con đi. Xin Ngài che chở, cứu vớt chúng con.

Cung kính lạy Chư Phật Thường Trụ
Cung kính lạy đức Thích Ca Như Lai Đại Bi.
Cung kính lạy tôn giả A Nan Đà Khải Giáo.

Đệ tử NHƯ TỪ VIÊN

Cho con xin được chân thành cám ơn cư sĩ, người dịch bản kinh Đại Bi này.